



NGUYỄN THỊ THU THỦY – ĐÀO THỊ HỒNG – ĐẶNG TIÊN DUNG

KẾ HOẠCH BÀI DẠY

MÔN

LỊCH SỬ VÀ ĐỊA LÍ LỚP 5

● (HỖ TRỢ GIÁO VIÊN THIẾT KẾ KẾ HOẠCH BÀI DẠY
THEO SÁCH GIÁO KHOA LỊCH SỬ VÀ ĐỊA LÍ 5 –
BỘ SÁCH KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG)



NHÀ XUẤT BẢN GIÁO DỤC VIỆT NAM

MỤC LỤC

CHỦ ĐỀ 1. ĐẤT NƯỚC VÀ CON NGƯỜI VIỆT NAM	3
Bài 1: Vị trí địa lí, lãnh thổ, đơn vị hành chính, Quốc kì, Quốc huy, Quốc ca	3
Bài 2: Thiên nhiên Việt Nam	9
Bài 3: Biển, đảo Việt Nam	18
Bài 4: Dân cư và dân tộc ở Việt Nam	26
CHỦ ĐỀ 2. NHỮNG QUỐC GIA ĐẦU TIÊN TRÊN LÃNH THỔ VIỆT NAM	32
Bài 5: Nhà nước Văn Lang, Nhà nước Âu Lạc	32
Bài 6: Vương quốc Phù Nam	40
Bài 7: Vương quốc Chăm-pa	45
CHỦ ĐỀ 3. XÂY DỰNG VÀ BẢO VỆ ĐẤT NƯỚC VIỆT NAM	52
Bài 8: Đấu tranh giành độc lập thời kì Bắc thuộc	52
Bài 9: Triều Lý và việc định đô ở Thăng Long	59
Bài 10: Triều Trần xây dựng đất nước và kháng chiến chống quân Mông – Nguyên xâm lược	67
Bài 11: Ôn tập	75
Bài 12: Khởi nghĩa Lam Sơn và Triều Hậu Lê	81
Bài 13: Triều Nguyễn	92
Bài 14: Cách mạng tháng Tám năm 1945	100
Bài 15: Chiến dịch Điện Biên Phủ năm 1954	106
Bài 16: Chiến dịch Hồ Chí Minh năm 1975	112
Bài 17: Đất nước Đổi mới	118
CHỦ ĐỀ 4. CÁC NƯỚC LÁNG GIỀNG	124
Bài 18: Nước Cộng hoà Nhân dân Trung Hoa	124
Bài 19: Cộng hoà Dân chủ Nhân dân Lào	132
Bài 20: Vương quốc Cam-pu-chia	139
Bài 21: Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á	146
CHỦ ĐỀ 5. TÌM HIỂU THẾ GIỚI	153
Bài 22: Các châu lục và đại dương trên thế giới	153
Bài 23: Dân số và các chủng tộc trên thế giới	162
Bài 24: Văn minh Ai Cập	168
Bài 25: Văn minh Hy Lạp	173
CHỦ ĐỀ 6. CHÚNG TAY XÂY DỰNG THẾ GIỚI	178
Bài 26: Xây dựng thế giới xanh – sạch – đẹp	178
Bài 27: Xây dựng thế giới hoà bình	184
Bài 28: Ôn tập	190

CHỦ ĐỀ 1. ĐẤT NƯỚC VÀ CON NGƯỜI VIỆT NAM

Bài 1 VỊ TRÍ ĐỊA LÍ, LÃNH THỔ, ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH, QUỐC KÌ, QUỐC HUY, QUỐC CA (2 TIẾT)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

1. Kiến thức

- Xác định được vị trí địa lí của Việt Nam trên bản đồ hoặc lược đồ.
- Trình bày được ảnh hưởng của vị trí địa lí đối với tự nhiên và hoạt động sản xuất.
- Mô tả được hình dạng lãnh thổ phần đất liền của Việt Nam.
- Nêu được số lượng đơn vị hành chính của Việt Nam, kể được tên một số tỉnh, thành phố của Việt Nam.
- Nêu được ý nghĩa của Quốc kì, Quốc huy, Quốc ca của Việt Nam.

2. Năng lực

- Về năng lực chung:
 - + Năng lực tự chủ và tự học: tự lực làm những nhiệm vụ học tập được giao trên lớp và ở nhà.
 - + Năng lực giao tiếp và hợp tác: hợp tác và giao tiếp với các bạn trong các nhiệm vụ học tập.
 - + Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: phát hiện được vấn đề từ các nhiệm vụ học tập và tìm cách giải quyết chúng.
- Về năng lực đặc thù:
 - + Năng lực nhận thức khoa học Địa lí: xác định được vị trí địa lí của Việt Nam trên bản đồ; nêu được sự ảnh hưởng của vị trí địa lí đối với tự nhiên và hoạt động sản xuất ở nước ta. Dựa vào bản đồ hoặc lược đồ mô tả được hình dạng lãnh thổ phần đất liền của Việt Nam. Nêu được ý nghĩa của Quốc kì, Quốc huy, Quốc ca của Việt Nam.
 - + Năng lực tìm hiểu Địa lí: Khai thác lược đồ, hình ảnh và thông tin để tìm hiểu về vị trí địa lí, lãnh thổ, đơn vị hành chính, Quốc kì, Quốc huy, Quốc ca của Việt Nam.
 - + Năng lực vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học: Vận dụng kiến thức, kĩ năng đã tìm hiểu về việc sử dụng Quốc kì, Quốc huy và Quốc ca ở trong trường học và trong đời sống.

3. Phẩm chất

Thông qua bài học, HS phát triển được phẩm chất chăm chỉ (thường xuyên hoàn thành các nhiệm vụ học tập, ham học hỏi, đọc sách mở rộng hiểu biết) và trách nhiệm (có trách nhiệm với các nhiệm vụ, vai trò được giao trong bài học).

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- Bản đồ hành chính Việt Nam năm 2021 treo tường.
- Hình ảnh, video thể hiện lãnh thổ, vị trí địa lí, Quốc kì, Quốc huy, Quốc ca của Việt Nam.
- Bảng kiểm tự đánh giá và đánh giá lẫn nhau về kĩ năng đọc lược đồ.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

1. Hoạt động khởi động

a) Mục tiêu

Gây hứng thú cho HS, kết nối vào bài học.

b) Tổ chức thực hiện

♦ *Phương pháp – kĩ thuật dạy học:* phương pháp sử dụng phương tiện trực quan – kĩ thuật đặt câu hỏi.

♦ *Thời gian:* 7 phút.

♦ *Các bước tiến hành:*

– Bước 1: GV yêu cầu HS dựa vào kiến thức của bản thân và quan sát hình ảnh 1, 2 trang 5 trong SGK và thực hiện các nhiệm vụ dưới đây trong thời gian 3 phút:

+ Cho biết tên hai địa điểm ở hình 1, 2.

+ Chia sẻ hiểu biết của em về hai địa điểm này.

– Bước 2: HS quan sát hình ảnh và sử dụng hiểu biết của bản thân để trả lời câu hỏi trong SGK bằng cách ghi ra giấy nháp, sau đó trao đổi với bạn bên cạnh trong thời gian 3 phút.

– Bước 3: GV gọi 2 – 3 HS lần lượt đưa ra câu trả lời, các HS khác lắng nghe, nhận xét và bổ sung thêm thông tin (nếu có).

– Bước 4: GV nhận xét câu trả lời của HS, chuẩn kiến thức:

Hình 1 là chụp Cột cờ Lũng Cú ở tỉnh Hà Giang, đây là địa điểm ở cực Bắc của Tổ quốc.

Hình 2 là chụp mũi Cà Mau, phần lãnh thổ cuối cùng về phía Nam của đất nước.

GV sử dụng những hiểu biết của HS về sự kiện này để dẫn dắt vào bài học.

2. Hoạt động khám phá

2.1. Hoạt động 1: Tìm hiểu về vị trí địa lí của Việt Nam

a) Mục tiêu

– Xác định được vị trí địa lí của Việt Nam trên bản đồ hoặc lược đồ.

– Trình bày được ảnh hưởng của vị trí địa lí đối với tự nhiên và hoạt động sản xuất

b) Tổ chức thực hiện

♦ *Phương pháp – kĩ thuật dạy học – phương tiện dạy học:* phương pháp sử dụng phương tiện trực quan – kĩ thuật đặt câu hỏi – bản đồ hành chính Việt Nam treo tường.

♦ *Thời gian:* 20 phút.

♦ *Các bước tiến hành:*

– Bước 1: GV yêu cầu HS đọc thông tin trong mục kết hợp quan sát hình 3. Bản đồ hành chính Việt Nam năm 2021, làm việc với bản đồ và sơ đồ theo nhóm (4 – 6 HS mỗi nhóm) thực hiện các nhiệm vụ sau:

+ Xác định vị trí địa lí của Việt Nam trên bản đồ hình 3.

+ Trình bày một số ảnh hưởng của vị trí địa lí đối với thiên nhiên, nông nghiệp, giao thông vận tải và đời sống ở nước ta.

– Bước 2: HS làm việc theo nhóm, quan sát, thao tác với bản đồ, sơ đồ hình 3, 4 trong SGK trong thời gian 5 phút.

– Bước 3: GV tổ chức cho các nhóm báo cáo kết quả làm việc.

+ GV gọi 1 – 2 nhóm báo cáo kết quả, hướng dẫn đại diện nhóm xác định vị trí địa lí của Việt Nam trên bản đồ treo tường, các nhóm khác nhận xét và bổ sung (nếu có).

+ GV gợi mở cho HS ảnh hưởng của vị trí địa lí đến tự nhiên, hoạt động kinh tế và đời sống của người dân để HS thảo luận.

+ GV gọi 3 – 4 HS đưa ra ý kiến, mỗi HS đưa ra 1 ảnh hưởng để cùng thảo luận.

Bước 4: GV nhận xét, đánh giá về hoạt động học của cả lớp và chuẩn kiến thức:

+ Việt Nam nằm ở khu vực Đông Nam Á, thuộc châu Á.

+ Trên đất liền, nước ta có chung đường biên giới với Trung Quốc, Lào, Cam-pu-chia và tiếp giáp với vùng biển.

+ Vùng biển nước ta thuộc Biển Đông, giáp với vùng biển của nhiều quốc gia.

+ Ảnh hưởng của vị trí địa lí đến đặc điểm tự nhiên nước ta là quy định thiên nhiên mang tính chất nhiệt đới ẩm gió mùa.

+ Ảnh hưởng của vị trí địa lí đến hoạt động sản xuất và đời sống: thích hợp phát triển cây trồng, vật nuôi của vùng nhiệt đới; thuận lợi phát triển giao thông vận tải biển, hoạt động xuất khẩu – nhập khẩu; nước ta cũng chịu nhiều ảnh hưởng của thiên tai, đặc biệt là bão.

– Bước 5 (mở rộng): GV mở rộng về ảnh hưởng của vị trí địa lí Việt Nam đối với các yếu tố tự nhiên, hoạt động kinh tế khác, dựa trên trình độ nhận thức của HS. Ví dụ: Việt Nam giáp biển lại có khí hậu nhiệt đới, nên nghề làm muối của nước ta có điều kiện phát triển; Việt Nam giáp biển, nhiều ánh nắng thuận lợi phát triển du lịch biển,...

2.2. Hoạt động 2. Tìm hiểu về lãnh thổ và đơn vị hành chính

a) Mục tiêu

- Mô tả được hình dạng lãnh thổ phần đất liền của Việt Nam.
- Nêu được số lượng đơn vị hành chính của Việt Nam, kể được tên một số tỉnh, thành phố của Việt Nam.

b) Tổ chức thực hiện

♦ *Phương pháp – kĩ thuật dạy học – phương tiện dạy học:* sử dụng phương tiện trực quan, đàm thoại gợi mở – kĩ thuật đặt câu hỏi – bản đồ hành chính Việt Nam treo tường.

♦ *Thời gian:* 15 phút.

♦ *Các bước tiến hành:*

– Bước 1: GV yêu cầu HS đọc thông tin trong mục kết hợp quan sát hình 3. Bản đồ hành chính Việt Nam năm 2021, thực hiện các nhiệm vụ sau:

+ Lãnh thổ phần đất liền nước ta có hình dạng như thế nào?

+ Việt Nam hiện nay có bao nhiêu đơn vị hành chính cấp tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương?

+ Kể tên một số tỉnh, thành phố Trực thuộc Trung ương ở nước ta mà em biết.

– Bước 2: HS làm việc cá nhân, quan sát, thao tác với bản đồ, sơ đồ hình 3, 4 trong SGK trong thời gian 2 phút.

– Bước 3: GV tổ chức học tập theo cả lớp:

+ GV gọi HS lần lượt trình bày kết quả từng nhiệm vụ học tập.

+ GV hướng dẫn HS khai thác bản đồ, nhận biết được hình dạng lãnh thổ phần đất liền và kể tên các tỉnh, thành phố.

– Bước 4: GV nhận xét, đánh giá về hoạt động học của cả lớp và chuẩn kiến thức:

+ Phần đất liền của nước ta có dạng hình chữ S, hẹp ngang và trải dài theo chiều Bắc – Nam.

+ Hiện nay, nước ta có 63 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương. Trong đó, 5 thành phố trực thuộc Trung ương là Hà Nội, Hải Phòng, Đà Nẵng, Thành phố Hồ Chí Minh và Cần Thơ.

– Bước 5 (mở rộng): GV có thể đặt thêm những câu hỏi gợi mở, hoặc tổ chức trò chơi nhỏ giải đố về các tỉnh, thành phố ở Việt Nam. Ví dụ một số câu hỏi gợi mở:

+ Kể tên các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương bắt đầu bằng chữ “Hà”.

+ Tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương em đang sinh sống tiếp giáp những tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương nào?

2.3. Hoạt động 3. Tìm hiểu về Quốc kì, Quốc huy, Quốc ca nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam

a) Mục tiêu

Nêu được ý nghĩa của Quốc kì, Quốc huy, Quốc ca của Việt Nam.

b) Tổ chức thực hiện

◆ *Thời gian:* 20 phút.

◆ *Phương pháp – kĩ thuật dạy học:* phương pháp làm việc nhóm, đàm thoại gợi mở – kĩ thuật đặt câu hỏi.

◆ *Các bước tiến hành:*

– Bước 1: GV chia lớp thành các nhóm 4 HS, giao nhiệm vụ cho HS hoặc HS bốc thăm nội dung cần tìm hiểu, đảm bảo các nhóm sẽ nghiên cứu đủ 3 nội dung:

+ Ý nghĩa của Quốc kì.

+ Ý nghĩa của Quốc huy.

+ Ý nghĩa của Quốc ca.

– Bước 2: HS làm việc cá nhân trong 3 phút, đọc thông tin, ghi lại những từ khoá thể hiện ý nghĩa của Quốc kì, Quốc huy, Quốc ca. Sau đó, HS làm việc nhóm trong 5 phút, tổng kết lại kết quả chung của nhóm ra giấy.

– Bước 3: GV tổ chức cho các nhóm trình bày sản phẩm học tập, các nhóm có chung nhiệm vụ sẽ nhận xét, bổ sung nếu có; các nhóm khác nhiệm vụ sẽ quan sát và có thể đặt câu hỏi cho nhóm bạn để tìm hiểu kĩ hơn về ý nghĩa của Quốc kì, Quốc huy, Quốc ca.

– Bước 4: GV nhận xét, đánh giá về hoạt động học của cả lớp và chuẩn kiến thức:

+ Ý nghĩa của Quốc kì: Nền đỏ tượng trưng cho cách mạng, màu vàng tượng trưng cho dân tộc Việt Nam. Năm cánh sao tượng trưng cho năm tầng lớp: trí thức, nông dân, công nhân, thương nhân, binh sĩ, thể hiện sự đoàn kết trong đại gia đình các dân tộc Việt Nam.

+ Ý nghĩa của Quốc huy: Hình ảnh bông lúa vàng bao quanh tượng trưng cho nông nghiệp; bánh xe tượng trưng cho công nghiệp; Quốc huy thể hiện khát vọng về một nền hoà bình, độc lập, tự do và về một nước Việt Nam phát triển thịnh vượng, sánh vai cùng các quốc gia trên thế giới.

+ Ý nghĩa của Quốc ca: thể hiện sự hi sinh to lớn, chiến thắng vinh quang của thế hệ đi trước; đồng thời cũng thể hiện khát vọng độc lập, tự do và phát triển của Việt Nam.

– Bước 5 (mở rộng): GV hướng dẫn HS mô tả hình ảnh Quốc kì, Quốc huy, giải thích ý nghĩa từng hình ảnh trong đó; GV cũng có thể mở bài Quốc ca để cả lớp nghe.

3. Hoạt động luyện tập

a) Mục tiêu

Hệ thống lại kiến thức và luyện tập.

b) Tổ chức thực hiện

♦ *Phương pháp – kĩ thuật dạy học:* phương pháp sử dụng phương tiện trực quan – kĩ thuật đặt câu hỏi.

♦ *Thời gian:* 10 phút.

♦ *Các bước tiến hành:*

– Bước 1: GV yêu cầu HS làm việc cá nhân và thực hiện các nhiệm vụ:

+ Xác định trên bản đồ hành chính Việt Nam 5 thành phố trực thuộc Trung ương

+ Xác định trên bản đồ hành chính Việt Nam quần đảo Hoàng Sa và quần đảo Trường Sa.

– Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ bằng cách khai thác bản đồ hình 3 trang 6, có thể trao đổi với bạn cùng bàn để hoàn thành nhiệm vụ.

– Bước 3: GV gọi một số HS lên bảng chỉ trên bản đồ treo tường.

– Bước 4: GV nhận xét và đánh giá kĩ năng đọc bản đồ, tổng kết nhiệm vụ tự đánh giá và đánh giá lẫn nhau của HS.

4. Hoạt động vận dụng

a) Mục tiêu

Vận dụng được kiến thức đã học để thực hiện tìm hiểu và mở rộng kiến thức.

b) Tổ chức thực hiện

♦ *Phương pháp – kĩ thuật dạy học:* phương pháp giải quyết vấn đề.

♦ *Thời gian:* HS làm việc ở nhà, thời gian linh hoạt.

♦ *Các bước tiến hành:*

– Bước 1: GV yêu cầu HS làm việc cá nhân ở nhà, thực hiện nhiệm vụ: *Tìm hiểu về việc sử dụng Quốc kì, Quốc huy và Quốc ca trong trường học hoặc tại nơi em sống.*

– Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ ở nhà (có thể trình bày vào vở), sau đó lên lớp trao đổi với GV và các bạn vào buổi học tiếp theo.

– Bước 3: GV gọi một số HS chia sẻ về kết quả học tập.

– Bước 4: GV nhận xét và đánh giá phần tìm hiểu thông tin của cả lớp.

Bài 2 THIÊN NHIÊN VIỆT NAM (4 TIẾT)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

1. Kiến thức

- Trình bày được một số đặc điểm của một trong những thành phần của thiên nhiên Việt Nam (ví dụ: địa hình, khí hậu, sông ngòi, đất, rừng,...).
- Kể được tên và xác định được trên lược đồ hoặc bản đồ một số khoáng sản chính.
- Nêu được vai trò của tài nguyên thiên nhiên đối với sự phát triển kinh tế.
- Trình bày được một số khó khăn của môi trường thiên nhiên đối với sản xuất và đời sống.
- Đưa ra được một số biện pháp bảo vệ tài nguyên thiên nhiên và phòng chống thiên tai.

2. Năng lực

- Về năng lực chung:
 - + Năng lực tự chủ và tự học: tự lực làm những nhiệm vụ học tập được giao trên lớp và ở nhà.
 - + Năng lực giao tiếp và hợp tác: hợp tác và giao tiếp với các bạn trong các nhiệm vụ học tập.
 - + Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: phát hiện được vấn đề từ các nhiệm vụ học tập và tìm cách giải quyết chúng.
- Về năng lực đặc thù:
 - + Năng lực nhận thức khoa học Địa lí: trình bày được đặc điểm của một trong những thành phần thiên nhiên Việt Nam; nêu được vai trò của tài nguyên thiên nhiên đối với sự phát triển kinh tế; trình bày được một số khó khăn của môi trường thiên nhiên đối với sản xuất và đời sống.
 - + Năng lực tìm hiểu Địa lí: khai thác lược đồ, hình ảnh và thông tin để tìm hiểu về các thành phần tự nhiên; xác định được trên lược đồ một số đối tượng địa lí như địa hình, sông, khoáng sản,...
 - + Năng lực vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học: vận dụng kiến thức, kĩ năng đã tìm hiểu để đưa ra một số biện pháp bảo vệ tài nguyên thiên nhiên và phòng, chống thiên tai.

3. Phẩm chất

Thông qua bài học, HS phát triển được phẩm chất chăm chỉ (thường xuyên hoàn thành các nhiệm vụ học tập, ham học hỏi, đọc sách mở rộng hiểu biết) và trách nhiệm (có trách nhiệm với các nhiệm vụ, vai trò được giao trong bài học).

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- Lược đồ tự nhiên Việt Nam treo tường.
- Bảng số liệu nhiệt độ trung bình năm, tháng 1, 7 của một số địa điểm trên cả nước.
- Hình ảnh, video về thiên nhiên, tài nguyên thiên nhiên, ô nhiễm môi trường, thiên tai ở Việt Nam.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

1. Hoạt động khởi động

a) Mục tiêu

Gây hứng thú cho HS, kết nối vào bài học.

b) Tổ chức thực hiện

♦ *Phương pháp – kĩ thuật dạy học – phương tiện dạy học:* phương pháp sử dụng phương tiện trực quan – kĩ thuật đặt câu hỏi – video hoặc audio bài hát Việt Nam quê hương tôi.

♦ *Thời gian:* 7 phút.

♦ *Các bước tiến hành:*

– Bước 1: GV mở cho HS nghe bài hát “Việt Nam quê hương tôi” của nhạc sĩ Đỗ Nhuận, yêu cầu HS lắng nghe và kể lại những điều HS nghe được nói về thiên nhiên Việt Nam.

– Bước 2: HS nghe bài hát, trao đổi với bạn bên cạnh những từ thể hiện thiên nhiên Việt Nam.

– Bước 3: GV gọi 4 – 5 HS lần lượt đưa ra ý kiến, các HS khác lắng nghe, nhận xét và bổ sung thêm thông tin (nếu có).

– Bước 4: GV nhận xét câu trả lời của HS, chuẩn kiến thức:

Trong bài hát “Việt Nam quê hương tôi” của nhạc sĩ Đỗ Nhuận có nhiều từ ngữ thể hiện thiên nhiên của Việt Nam như: mặt biển xanh xa tít chân trời, phi lao gió thổi trên bờ, đồng xanh lúa thẳng cánh cò bay, suối đổ về sông,...

GV có thể gợi mở, hỏi thêm HS những hiểu biết của mình về thiên nhiên Việt Nam để dẫn dắt vào bài học

2. Hoạt động khám phá

2.1. Hoạt động 1. Tìm hiểu về địa hình và khoáng sản

2.1.1. Nhiệm vụ 1: Tìm hiểu về địa hình Việt Nam

a) Mục tiêu

– Trình bày được một số đặc điểm của địa hình Việt Nam.

– Trình bày được một số thuận lợi và khó khăn của địa hình đối với sản xuất và đời sống.

b) Tổ chức thực hiện

♦ *Phương pháp – kĩ thuật dạy học:* phương pháp sử dụng phương tiện trực quan và phương pháp đàm thoại gợi mở – kĩ thuật đặt câu hỏi.

♦ *Thời gian:* 14 phút.

♦ *Các bước tiến hành:*

– Bước 1: GV yêu cầu HS đọc thông tin trong mục kết hợp quan sát hình 1. Lược đồ tự nhiên Việt Nam, làm việc với lược đồ, thực hiện các nhiệm vụ sau:

+ Chỉ trên lược đồ các khu vực đồi núi và các khu vực đồng bằng ở nước ta.

+ Cho biết dạng địa hình nào chiếm phần lớn diện tích.

+ Khu vực miền núi tập trung ở những đâu?

+ Các dãy núi có hướng như thế nào?

+ Kể tên những đồng bằng lớn.

+ Kể tên một số dãy núi.

+ Hoàn thành phiếu học tập theo cặp đôi:

Dạng địa hình	Địa hình đồi núi	Địa hình đồng bằng
Thuận lợi		
Khó khăn		

– Bước 2: HS làm việc cá nhân, quan sát, thao tác với lược đồ trong SGK trong thời gian 4 phút.

– Bước 3: GV yêu cầu HS thực hiện lần lượt các nhiệm vụ cá nhân đã giao:

+ GV gọi HS thực hiện từng nhiệm vụ.

+ HS trả lời, các HS khác lắng nghe, nhận xét và bổ sung theo gợi mở của GV (nếu có).

+ GV hướng dẫn HS kĩ năng khai thác lược đồ tự nhiên và gọi 2 – 3 HS lên thao tác với lược đồ treo tường để xác định vị trí khu vực đồi núi, đồng bằng, tên đồng bằng, dãy núi,...

– Bước 4: GV nhận xét, đánh giá về hoạt động học của cả lớp và chuẩn kiến thức:

+ Trên phần đất liền của nước ta, đồi núi chiếm $\frac{3}{4}$ diện tích lãnh thổ, chủ yếu là đồi núi thấp.

+ Các dãy núi có hai hướng chính là tây bắc – đông nam và vòng cung.

+ Đồng bằng chiếm $\frac{1}{4}$ diện tích lãnh thổ, địa hình thấp và tương đối bằng phẳng.

– Bước 5: Tổ chức nhiệm vụ cặp đôi để tìm hiểu về thuận lợi và khó khăn của dạng địa hình đồi núi và dạng địa hình đồng bằng.

+ Các cặp sẽ làm việc trong 3 – 5 phút để hoàn thành phiếu học tập mà GV phát, GV gọi một cặp đôi trình bày kết quả, các cặp đôi khác nhận xét và bổ sung.

+ GV nhận xét hoạt động học tập của HS và chuẩn hoá kiến thức.

Dạng địa hình	Địa hình đồi núi	Địa hình đồng bằng
Thuận lợi	Thuận lợi phát triển khai thác khoáng sản, thủy điện, chăn nuôi gia súc lớn (trâu, bò), trồng cây công nghiệp,...	Thuận lợi phát triển nhiều ngành kinh tế, dân cư đông đúc
Khó khăn	Địa hình hiểm trở nên giao thông khó khăn, dân cư thưa thớt	Chịu ảnh hưởng của một số thiên tai như bão, ngập lụt, xâm nhập mặn,...

2.1.2. Nhiệm vụ 2: Tìm hiểu về khoáng sản Việt Nam

a) Mục tiêu

- Kể được tên và xác định được trên lược đồ hoặc bản đồ một số khoáng sản chính.
- Nêu được vai trò của tài nguyên khoáng sản đối với sự phát triển kinh tế.

b) Tổ chức thực hiện

♦ *Phương pháp – kĩ thuật dạy học:* phương pháp sử dụng phương tiện trực quan và phương pháp đàm thoại gợi mở – kĩ thuật đặt câu hỏi.

♦ *Thời gian:* 6 phút.

♦ *Các bước tiến hành:*

– Bước 1: GV yêu cầu cho HS đọc thông tin trong SGK và quan sát hình 1, thực hiện các nhiệm vụ sau:

+ Kể tên và xác định trên lược đồ hình 1 một số khoáng sản ở nước ta.

+ Nêu vai trò của tài nguyên khoáng sản đối với sự phát triển kinh tế đất nước.

– Bước 2: HS làm việc cá nhân, đọc thông tin và thao tác với lược đồ để hoàn thành nhiệm vụ.

– Bước 3: GV gọi một số HS lên bảng thao tác với lược đồ treo tường, các HS khác quan sát và nhận xét. GV có thể đưa ra một số câu hỏi gợi mở để HS trả lời được vai trò của tài nguyên đối với sự phát triển kinh tế. Ví dụ:

+ Quặng than, dầu khí ở nước ta được sử dụng vào những mục đích gì?

+ Quặng sắt phục vụ cho ngành sản xuất nào?

– Bước 4: GV nhận xét câu trả lời của HS, chuẩn kiến thức:

+ Việt Nam có nguồn khoáng sản phong phú với nhiều loại. Một số loại khoáng sản có trữ lượng đáng kể ở nước ta là: than, dầu mỏ, khí tự nhiên, sắt, bô-xít,...

+ Khoáng sản được khai thác làm nguyên liệu, nhiên liệu cho nhiều ngành công nghiệp như than, dầu mỏ, khí tự nhiên phục vụ sản xuất nhiệt điện, hoá dầu, sản xuất hoá chất, phân đạm; quặng sắt, bô-xít được khai thác để sản xuất kim loại;... Một phần khoáng sản khai thác để xuất khẩu.

2.2. Hoạt động 2. Tìm hiểu về khí hậu và sông, hồ

2.2.1. Nhiệm vụ 1: Tìm hiểu về khí hậu Việt Nam

a) Mục tiêu:

- Trình bày được một số đặc điểm của khí hậu Việt Nam.
- Trình bày được một số thuận lợi và khó khăn của khí hậu đối với sản xuất và đời sống.
- Sử dụng được bảng số liệu để nhận biết đặc điểm của khí hậu.

b) Tổ chức thực hiện

♦ *Phương pháp – kĩ thuật dạy học:* phương pháp sử dụng phương tiện trực quan và phương pháp đàm thoại gợi mở – kĩ thuật đặt câu hỏi.

♦ *Thời gian:* 13 phút.

♦ *Các bước tiến hành:*

– Bước 1: GV yêu cầu HS đọc thông tin trong mục, bảng nhiệt độ trung bình của Hà Nội và Thành phố Hồ Chí Minh, quan sát hình 3, 4, thực hiện các nhiệm vụ sau:

+ Trình bày đặc điểm chính của khí hậu nước ta.

+ Nêu những thuận lợi và khó khăn của khí hậu nước ta đối với đời sống và hoạt động sản xuất của người dân.

+ Cho biết địa phương em có khí hậu như thế nào.

– Bước 2: HS làm việc cặp đôi, đọc thông tin và ghi lại ra giấy các ý thể hiện đặc điểm chính của khí hậu và những thuận lợi khó khăn của khí hậu nước ta đối với đời sống và sản xuất.

– Bước 3: GV tổ chức học tập theo lớp:

+ GV gọi HS lần lượt trình bày kết quả từng nhiệm vụ học tập.

+ Các cặp đôi lắng nghe phần trình bày của bạn, nhận xét và bổ sung ý kiến.

– Bước 4: GV nhận xét, đánh giá về hoạt động học của cả lớp và chuẩn kiến thức:

+ Việt Nam có khí hậu nhiệt đới ẩm gió mùa.

Nhiệt độ trung bình năm trên cả nước đều lớn hơn 20°C (trừ vùng núi cao).

Lượng mưa lớn, trung bình năm từ 1 500 đến 2 000 mm.

Một năm có hai mùa gió chính: gió mùa mùa đông chủ yếu có hướng đông bắc và gió mùa mùa hạ chủ yếu có hướng tây nam, đông nam.

Khí hậu giữa miền Bắc và miền Nam (ranh giới là dãy núi Bạch Mã) có sự khác nhau: miền Bắc có một mùa hạ nóng, mưa nhiều và một mùa đông lạnh mưa ít hơn; miền Nam nóng quanh năm có hai mùa mưa – khô rõ rệt.

+ Khí hậu thuận lợi có cây trồng phát triển quanh năm cho năng suất cao, có sản phẩm nông nghiệp đa dạng.

Nước ta cũng chịu ảnh hưởng của nhiều thiên tai như bão, lũ lụt, hạn hán,... gây khó khăn cho đời sống và hoạt động sản xuất.

2.2.2. Nhiệm vụ 2: Tìm hiểu về đặc điểm sông, hồ

a) Mục tiêu

- Trình bày được một số đặc điểm của sông, hồ Việt Nam.
- Trình bày được một số thuận lợi và khó khăn của sông, hồ đối với sản xuất và đời sống.
- Sử dụng được lược đồ để nhận biết đặc điểm của sông, hồ.
- Xác định được trên lược đồ vị trí địa lí của một số sông lớn ở nước ta.

b) Tổ chức thực hiện

♦ *Phương pháp – kĩ thuật dạy học:* phương pháp sử dụng phương tiện trực quan và phương pháp đàm thoại gợi mở – kĩ thuật đặt câu hỏi.

♦ *Thời gian:* 7 phút.

♦ *Các bước tiến hành:*

– Bước 1: GV yêu cầu HS đọc thông tin trong mục, quan sát lược đồ hình 1 (trang 10 SGK), để thực hiện nhiệm vụ sau:

+ Trình bày đặc điểm chính của sông, hồ nước ta.

+ Xác định trên lược đồ hình 1 (trang 10 SGK) một số sông, hồ lớn ở 3 miền của nước ta

+ Nêu vai trò của sông, hồ đối với đời sống và hoạt động sản xuất.

– Bước 2: HS làm việc cá nhân, đọc thông tin, xác định trên lược đồ.

– Bước 3: GV tổ chức học tập theo lớp:

+ GV gọi một số HS trình bày đặc điểm sông, hồ của nước ta, cả lớp lắng nghe, các HS khác phát biểu nhận xét và bổ sung phần trình bày của bạn.

+ GV gọi 2 HS lên bảng, xác định một số tên sông, hồ ở nước ta.

+ GV đặt một số câu hỏi gợi mở để HS cả lớp thảo luận về vai trò của sông, hồ đối với đời sống và sản xuất.

Ví dụ: Sông, hồ có vai trò gì đối với sinh hoạt?

Trong sản xuất nông nghiệp sông, hồ có vai trò gì?

Sông, hồ có vai trò gì đối với thủy điện?...

+ HS thảo luận theo lớp, mỗi HS đưa ra một quan điểm, vai trò.

– Bước 4: GV nhận xét, đánh giá về hoạt động học của cả lớp và chuẩn kiến thức:

+ Việt Nam có nhiều sông, chủ yếu là sông nhỏ.

+ Một số sông lớn là sông Hồng, sông Cửu Long, sông Mã,...

+ Lượng nước sông thay đổi theo mùa: mùa lũ mực nước sông dâng cao; mùa cạn mực nước sông hạ thấp.

+ Nước ta có nhiều hồ, gồm hồ tự nhiên và hồ nhân tạo; một số hồ lớn như: hồ Ba Bể (Bắc Kạn), hồ Dầu Tiếng (Tây Ninh),...

+ Sông, hồ cung cấp nước cho sản xuất và sinh hoạt, tạo điều kiện phát triển đánh bắt và nuôi trồng thủy sản, du lịch, giao thông đường thủy, thủy điện,...

– Bước 5: GV có thể mở rộng, cho HS quan sát một số hình ảnh hoặc video về một số sông, hồ lớn ở nước ta và vai trò của sông, hồ đối với đời sống, sản xuất.

2.3. Hoạt động 3. Tìm hiểu về đất và rừng

a) Mục tiêu

– Trình bày được một số đặc điểm của đất và rừng của nước ta.

– Nêu được vai trò của đất và rừng đối với đời sống và hoạt động sản xuất.

b) Tổ chức thực hiện

♦ *Phương pháp – kĩ thuật dạy học:* phương pháp làm việc nhóm, đàm thoại gợi mở – kĩ thuật đặt câu hỏi.

♦ *Thời gian:* 20 phút.

♦ *Các bước tiến hành:*

– Bước 1: GV chia lớp thành các nhóm 4 HS, giao nhiệm vụ cho HS hoặc HS bốc thăm nội dung cần tìm hiểu, đảm bảo các nhóm sẽ nghiên cứu đủ 2 nội dung:

+ Trình bày đặc điểm của các nhóm đất chính ở nước ta. Nêu vai trò của đất đối với sản xuất nông nghiệp.

+ Trình bày đặc điểm của rừng ở nước ta. Nêu vai trò của rừng đối với đời sống và hoạt động sản xuất.

– Bước 2: HS làm việc cá nhân trong 3 phút, đọc thông tin, ghi lại những từ khoá thể hiện đặc điểm của đất và rừng, vai trò của đất và rừng đối với đời sống và sản xuất. Sau đó, HS làm việc nhóm trong 5 phút, tổng kết lại kết quả chung của nhóm ra giấy.

– Bước 3: GV tổ chức cho các nhóm trình bày sản phẩm học tập, các nhóm có chung nhiệm vụ sẽ nhận xét, bổ sung (nếu có); các nhóm khác nhiệm vụ sẽ quan sát và có thể đặt câu hỏi cho nhóm bạn để tìm hiểu kĩ hơn về vai trò của đất và rừng ở nước ta.

– Bước 4: GV nhận xét, đánh giá về hoạt động học của cả lớp và chuẩn kiến thức:

Đất: + Nước ta có hai nhóm đất chính là nhóm đất feralit và nhóm đất phù sa.

+ Nhóm đất feralit phân bố ở vùng đồi núi, có đặc điểm chua và nghèo mùn; thích hợp cho phát triển rừng, cây công nghiệp, cây ăn quả và cây dược liệu.

+ Nhóm đất phù sa phân bố chủ yếu ở vùng đồng bằng, nhìn chung tơi xốp, màu mỡ, thuận lợi trồng cây lương thực (đặc biệt là lúa nước), rau đậu, cây ăn quả,...

Rừng: + Rừng nhiệt đới và rừng ngập mặn chiếm diện tích lớn nhất.

+ Diện tích rừng tăng lên do có nhiều rừng trồng mới.

+ Rừng có vai trò quan trọng đối với đời sống và sản xuất: cung cấp gỗ và nhiều sản vật từ rừng; hạn chế xói mòn đất, lũ lụt,...

– Bước 5: GV cho HS quan sát thêm hình ảnh về đất và rừng ở Việt Nam, các loại đất feralit khác nhau ở các vùng miền và những cây trồng đặc trưng của vùng miền đó.

2.4. Hoạt động 4. Tìm hiểu về một số biện pháp bảo vệ tài nguyên thiên nhiên và phòng, chống thiên tai

a) Mục tiêu

- Trình bày được một số khó khăn của môi trường thiên nhiên đối với sản xuất và đời sống.
- Đưa ra được một số biện pháp bảo vệ tài nguyên thiên nhiên và phòng, chống thiên tai.

b) Tổ chức thực hiện

♦ *Phương pháp – kĩ thuật dạy học:* phương pháp sử dụng phương tiện trực quan – kĩ thuật đặt câu hỏi.

♦ *Thời gian:* 15 phút.

♦ *Các bước tiến hành:*

– Bước 1: GV cho HS quan sát hình ảnh hoặc video về một số thiên tai thường xảy ra, hiện tượng suy giảm tài nguyên thiên nhiên ở nước ta. GV yêu cầu HS trao đổi theo cặp, thảo luận các nội dung sau:

+ Liệt kê một số thiên tai ảnh hưởng đến đời sống và sản xuất ở nước ta.

+ Vì sao các loại tài nguyên đang bị suy giảm?

+ Nêu một số biện pháp để bảo vệ tài nguyên thiên nhiên và phòng chống thiên tai ở nước ta.

– Bước 2: HS quan sát hình ảnh hoặc video, đọc thông tin trong mục, trao đổi theo cặp trong 5 phút, ghi ra giấy những ý trả lời.

– Bước 3: GV gọi 2 – 3 cặp HS trình bày kết quả, các cặp khác lắng nghe, nhận xét và bổ sung.

– Bước 4: GV nhận xét, đánh giá về hoạt động học của cả lớp và chuẩn kiến thức:

+ Tài nguyên thiên nhiên nước ta đa dạng và có vai trò quan trọng đối với sự phát triển kinh tế – xã hội. Tuy nhiên, các loại tài nguyên đang bị suy giảm do khai thác chưa hợp lí.

+ Nước ta chịu ảnh hưởng của một số thiên tai như bão, lũ lụt, hạn hán,... gây khó khăn cho hoạt động sản xuất và đời sống.

+ Một số biện pháp bảo vệ tài nguyên thiên nhiên và phòng chống thiên tai:

Khai thác hợp lí, sử dụng tiết kiệm và hiệu quả tài nguyên.

Trồng rừng và bảo vệ rừng.

Sử dụng các nguồn năng lượng tái tạo (năng lượng mặt trời, gió,...).

Xây dựng, tu bổ các công trình thủy lợi (kênh mương, hồ chứa để điều hoà tưới tiêu giữa 2 mùa).

Giáo dục ý thức bảo vệ tài nguyên thiên nhiên và phòng chống thiên tai.

Rèn luyện các kĩ năng phòng chống thiên tai: học bơi, sơ tán,...

Dự báo và cảnh báo sớm thiên tai.

– Bước 5: GV có thể mở rộng hoạt động học tập bằng cách đặt câu hỏi gợi mở để cả lớp thảo luận về một số biện pháp cụ thể sử dụng tiết kiệm tài nguyên nước, tài nguyên khoáng sản; sử dụng hợp lí tài nguyên đất, rừng.

3. Hoạt động luyện tập

a) Mục tiêu

Hệ thống lại kiến thức và luyện tập.

b) Tổ chức thực hiện

♦ *Phương pháp – kĩ thuật dạy học*: phương pháp đàm thoại gợi mở – kĩ thuật sơ đồ tư duy.

♦ *Thời gian*: 10 phút.

♦ *Các bước tiến hành*:

– Bước 1: GV yêu cầu HS làm việc cá nhân và thực hiện nhiệm vụ: *Vẽ sơ đồ tư duy thể hiện vai trò của các thành phần tự nhiên: địa hình và khoáng sản, khí hậu, sông và hồ, đất và rừng.*

– Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ vào vở hoặc ra giấy.

– Bước 3: GV tổ chức cho HS trao đổi sơ đồ và đánh giá, chấm điểm lẫn nhau dựa trên các tiêu chí nội dung và hình thức dưới đây.

TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ SẢN PHẨM SƠ ĐỒ TƯ DUY CỦA HỌC SINH

STT	Tiêu chí		Điểm
1	Nội dung	Nội dung thông tin đầy đủ, chính xác	3
		Bố cục mạch lạc, logic	2
2	Hình thức	Trình bày sản phẩm sạch sẽ, dễ nhìn	3
		Có sử dụng màu sắc, hình ảnh để minh họa cho thông tin	2

– Bước 4: GV nhận xét, đánh giá phần đánh giá lẫn nhau của HS và rút kinh nghiệm (nếu có). Sau đó, GV chuẩn hoá kiến thức.

4. Hoạt động vận dụng

a) Mục tiêu

Vận dụng kiến thức đã học để thực hiện việc tìm hiểu và mở rộng kiến thức.

b) Tổ chức thực hiện

♦ *Phương pháp dạy học*: phương pháp giải quyết vấn đề.

♦ *Thời gian*: HS thực hiện ở nhà, thời gian linh hoạt.

♦ *Các bước tiến hành*:

– Bước 1: GV yêu cầu HS làm việc cá nhân ở nhà, thực hiện nhiệm vụ: *Tìm hiểu và chia sẻ với bạn về đặc điểm của một thành phần thiên nhiên tại địa phương nơi em đang sống.*

– Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ ở nhà (có thể trình bày vào vở), sau đó mang lên lớp để trao đổi với cô và các bạn vào buổi học tiếp theo.

– Bước 3: GV gọi một số HS chia sẻ về kết quả học tập.

– Bước 4: GV nhận xét và đánh giá phần tìm hiểu thông tin của cả lớp.

Bài 3 BIỂN, ĐẢO VIỆT NAM (2 TIẾT)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

1. Kiến thức

- Xác định được vị trí địa lí của vùng biển, một số đảo, quần đảo lớn của Việt Nam trên bản đồ hoặc lược đồ.
- Trình bày được công cuộc bảo vệ chủ quyền, các quyền và lợi ích hợp pháp của Việt Nam ở Biển Đông trong lịch sử, có sử dụng một số tư liệu, tranh ảnh, câu chuyện liên quan (đội Hoàng Sa, lễ Khao lề thế lính Hoàng Sa,...).
- Sưu tầm, đọc và kể lại được một số câu chuyện, bài thơ về biển, đảo Việt Nam.

2. Năng lực

- Năng lực chung:
 - + Tự chủ và tự học thông qua các hoạt động học tập mang tính cá nhân, tự lực làm những nhiệm vụ học tập được giao trên lớp và ở nhà.
 - + Giao tiếp và hợp tác thông qua hoạt động nhóm, hợp tác và giao tiếp với các bạn trong các nhiệm vụ học tập.
- Năng lực đặc thù:
 - + Năng lực tìm hiểu lịch sử và địa lí thông qua đọc sơ đồ, lược đồ để xác định vị trí địa lí của vùng biển, một số đảo lớn của Việt Nam.
 - + Năng lực nhận thức và tư duy lịch sử và địa lí thông qua việc trình bày được công cuộc bảo vệ chủ quyền, các quyền và lợi ích hợp pháp của Việt Nam ở Biển Đông trong lịch sử, có sử dụng một số tư liệu, tranh ảnh, câu chuyện liên quan (đội Hoàng Sa, lễ Khao lề thế lính Hoàng Sa,...).
 - + Năng lực vận dụng kiến thức, kĩ năng thông qua việc sưu tầm tư liệu và sử dụng tư liệu, tranh ảnh, câu chuyện lịch sử để giới thiệu về biển, đảo và công cuộc bảo vệ chủ quyền biển đảo của Việt Nam trong lịch sử và hiện tại.

3. Phẩm chất

- Yêu nước thông qua việc bày tỏ sự trân trọng những việc làm của các thế hệ trong việc bảo vệ chủ quyền, các quyền và lợi ích hợp pháp của Việt Nam ở Biển Đông.
- Trách nhiệm: nâng cao ý thức cá nhân trong việc bảo vệ chủ quyền, các quyền và lợi ích hợp pháp ở Biển Đông và tuyên truyền để mọi người cùng thực hiện.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- Lược đồ hoặc bản đồ Việt Nam trong khu vực Đông Nam Á.

- Tranh ảnh, tư liệu về biển, đảo và công cuộc bảo vệ chủ quyền, các quyền và lợi ích hợp pháp của Việt Nam ở Biển Đông.
- Câu chuyện, bài thơ sưu tầm được về biển, đảo.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

1. Hoạt động mở đầu

a) Mục tiêu

Kết nối những điều HS đã biết với những điều HS chưa biết, tạo tâm thế hứng khởi, kích thích sự tò mò của HS để dẫn dắt vào bài mới.

b) Tổ chức thực hiện

- ♦ Phương pháp – kĩ thuật dạy học: phương pháp đàm thoại gợi mở – kĩ thuật đặt câu hỏi.
- ♦ Thời gian: 5 phút.
- ♦ Các bước tiến hành:

* Phương án 1:

– Bước 1: GV có thể gắn lên bảng hoặc chiếu trên màn hình hình ảnh đảo Trường Sa Lớn (thuộc quần đảo Trường Sa, tỉnh Khánh Hòa) hoặc hình ảnh khác về biển, đảo Việt Nam và giới thiệu: Đây là hình ảnh về một hòn đảo thuộc vùng biển nước ta. GV đưa ra yêu cầu cho HS: *Hãy kể tên một số đảo, quần đảo của Việt Nam mà em biết.*

– Bước 2: HS sử dụng hiểu biết của bản thân, trao đổi với bạn bên cạnh.

– Bước 3: GV gọi 2 – 3 HS trả lời, các HS khác lắng nghe, nhận xét và bổ sung ý kiến (nếu có).

– Bước 4: GV nhận xét câu trả lời của HS, đồng thời, sử dụng những câu trả lời đó để dẫn dắt vào bài học mới.

* Phương án 2: GV có thể yêu cầu HS hát, kể tên hoặc đọc một đoạn thơ,... về biển, đảo mà các em đã biết hoặc đưa ra một số câu đố liên quan đến biển, đảo, sau đó dẫn dắt vào bài học.

+ Gợi ý bài hát: *Yêu lắm Trường Sa* (sáng tác: Đinh Hoàng Vũ), *Em yêu biển đảo quê em* (sáng tác: Xuân Hoà).

...

+ Gợi ý một số câu đố GV có thể sử dụng:

*Có cửa mà không có nhà
Đưa mắt nhìn ra chỉ toàn thấy nước.
(Cửa biển)*

*Rõ ràng chẳng phải nổi canh
Thế mà vị mặn nước xanh cá nhiều.
(Biển)*

*Đường gì tàu chạy sóng xô
Mênh mông xa tím không bờ bạn ơi?*

(Đường biển)

Lưu ý: GV cũng có thể tổ chức hoạt động mở đầu theo cách phù hợp, miễn sao đạt được mục tiêu là tạo tâm lí hứng khởi, định hướng nhận thức cho HS trước khi tìm hiểu bài học mới.

2. Hoạt động hình thành kiến thức mới

2.1. Hoạt động 1. Tìm hiểu về vị trí địa lí của vùng biển, một số quần đảo và đảo

a) Mục tiêu

Xác định được vị trí địa lí của vùng biển, một số quần đảo, đảo lớn của Việt Nam trên bản đồ hoặc lược đồ.

b) Tổ chức thực hiện

◆ *Phương pháp – kĩ thuật dạy học:* phương pháp sử dụng phương tiện trực quan – kĩ thuật đặt câu hỏi.

◆ *Thời gian:* 15 phút.

◆ *Các bước tiến hành:*

* Phương án 1:

– Bước 1: GV treo bản đồ Việt Nam hoặc bản đồ khu vực Đông Nam Á ngày nay phóng to lên bảng, tổ chức hoạt động cá nhân toàn lớp, yêu cầu HS quan sát kết hợp với đọc thông tin trong SGK để thực hiện nhiệm vụ: *Xác định vị trí địa lí của vùng biển, một số đảo, quần đảo lớn của Việt Nam.*

– Bước 2: HS làm việc cá nhân, thực hiện nhiệm vụ của mình, GV quan sát và hỗ trợ hoạt động của HS.

– Bước 3:

+ GV mời một số HS lên chỉ trên bản đồ vị trí địa lí của vùng biển, một số đảo, quần đảo lớn.

+ HS khác theo dõi, nhận xét, bổ sung cho phần trình bày của bạn (nếu có).

+ GV có thể mở rộng câu hỏi bằng cách yêu cầu HS kể tên các đảo, quần đảo lớn trên Biển Đông hoặc các tỉnh giáp biển của nước ta.

– Bước 4: GV nhận xét, đánh giá hoạt động của HS và chuẩn kiến thức cho HS.

+ GV xác định lại chính xác vị trí địa lí vùng biển, một số đảo, quần đảo trên bản đồ, có thể kết hợp trình chiếu hoặc lựa chọn gắn lên bảng một số hình ảnh về vịnh Hạ Long, vịnh Cam Ranh; đảo Cồn Cỏ, đảo Lý Sơn, đảo Phú Quốc; quần đảo Hoàng Sa,

quần đảo Trường Sa,...

+ GV chốt lại nội dung: Vùng biển Việt Nam là một phần của Biển Đông. Đường bờ biển của Việt Nam kéo dài từ Móng Cái (tỉnh Quảng Ninh) đến mũi Cà Mau (tỉnh Cà Mau). Trong vùng biển có hàng nghìn đảo, nhiều đảo tập hợp thành quần đảo, trong đó lớn nhất là quần đảo Hoàng Sa và quần đảo Trường Sa.

* Phương án 2:

– Bước 1: GV chuẩn bị một số thẻ chữ: *Biển Đông*, tên một số đảo, quần đảo lớn của Việt Nam (*quần đảo Hoàng Sa, quần đảo Trường Sa,...*) và lược đồ hoặc bản đồ hành chính Việt Nam đã xử lý ẩn đi tên của các đảo, quần đảo. GV chia lớp thành các nhóm (4 – 6 HS mỗi nhóm) và phát cho mỗi nhóm thẻ chữ đã chuẩn bị và giao nhiệm vụ cho HS:

+ Quan sát lược đồ hình 3 (trang 6, SGK), thảo luận về vị trí của vùng biển, một số quần đảo, đảo lớn của Việt Nam trên lược đồ.

+ Chơi trò chơi: *Ai nhanh, ai đúng*, dùng các thẻ chữ gắn lên đúng vị trí của các đảo, quần đảo trên lược đồ Việt Nam.

– Bước 2: HS làm việc nhóm, thực hiện lần lượt nhiệm vụ được giao.

– Bước 3:

+ GV gọi đại diện 1 nhóm trình bày nhiệm vụ thứ nhất và gọi 1 – 2 nhóm HS khác nhận xét, bổ sung cho câu trả lời của nhóm bạn.

+ GV tổ chức chơi trò chơi: GV hỗ trợ bấm giờ, lần lượt từng nhóm lên gắn thẻ chữ, nhóm nào gắn đúng và nhanh nhất sẽ được điểm cao nhất.

– Bước 4: GV nhận xét, đánh giá và chuẩn kiến thức cho HS như bước 4 của phương án 1.

2.2. Hoạt động 2. Tìm hiểu về công cuộc bảo vệ chủ quyền, các quyền và lợi ích hợp pháp của Việt Nam ở Biển Đông

a) Mục tiêu

– Trình bày được những nét chính về công cuộc bảo vệ chủ quyền, các quyền và lợi ích hợp pháp của Việt Nam ở Biển Đông.

– Kể lại được một câu chuyện hoặc đọc được một bài thơ về biển, đảo Việt Nam.

b) Tổ chức thực hiện

♦ *Phương pháp – kĩ thuật dạy học*: Phương pháp làm việc nhóm – kĩ thuật mảnh ghép và kĩ thuật đặt câu hỏi.

♦ *Thời gian*: 25 phút.

♦ *Các bước tiến hành*:

* Phương án 1:

– Bước 1: GV tổ chức hoạt động nhóm theo kĩ thuật mảnh ghép. GV có thể chia lớp thành 4 nhóm và yêu cầu mỗi nhóm tìm hiểu về một giai đoạn lịch sử theo gợi ý dưới đây:

+ Nhóm 1: *Tìm hiểu nét chính về công cuộc bảo vệ chủ quyền, các quyền và lợi ích hợp pháp của Việt Nam ở Biển Đông thời các chúa Nguyễn.*

+ Nhóm 2: *Tìm hiểu nét chính về công cuộc bảo vệ chủ quyền, các quyền và lợi ích hợp pháp của Việt Nam ở Biển Đông dưới Triều Nguyễn.*

+ Nhóm 3: *Tìm hiểu nét chính về công cuộc bảo vệ chủ quyền, các quyền và lợi ích hợp pháp của Việt Nam ở Biển Đông thời Pháp thuộc.*

+ Nhóm 4: *Tìm hiểu nét chính về công cuộc bảo vệ chủ quyền, các quyền và lợi ích hợp pháp của Việt Nam ở Biển Đông thời kì Nhà nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam.*

Các nhóm dựa vào thông tin SGK, thảo luận để thống nhất nội dung trình bày. GV theo dõi quá trình làm việc của các nhóm và hỗ trợ khi cần thiết, khuyến khích các nhóm có thể tự sáng tạo hình thức phù hợp miễn là đảm bảo yêu cầu cần đạt.

– Bước 2: Từ 4 nhóm cũ, GV tổ chức thành 4 nhóm mới sao cho mỗi nhóm đều có thành viên của 4 nhóm cũ. Mỗi thành viên trình bày nội dung theo nhiệm vụ nhóm mình đã tìm hiểu để thực hiện yêu cầu: *Trình bày những nét chính về công cuộc bảo vệ chủ quyền, các quyền và lợi ích hợp pháp của Việt Nam ở Biển Đông.*

Đối với vòng 2 này, GV có thể yêu cầu HS báo cáo sản phẩm bằng sơ đồ tư duy hoặc đường thời gian về các biện pháp bảo vệ chủ quyền, các quyền và lợi ích hợp pháp của Việt Nam ở Biển Đông. GV khuyến khích sự sáng tạo của các nhóm HS trong khi thực hiện sản phẩm của mình.

– Bước 3: GV mời đại diện các nhóm lên bảng báo cáo kết quả làm việc của nhóm mình, thành viên các nhóm khác lắng nghe, bổ sung ý kiến cho câu trả lời của nhóm bạn (nếu có). Trong khi HS trình bày sản phẩm, GV có thể đặt thêm các nhiệm vụ mở rộng để khai thác triệt để các thông tin có trong SGK:

+ *Chia sẻ điều em biết về đội Hoàng Sa hoặc kể lại câu chuyện về đội Hoàng Sa.*

+ *Nêu việc làm của Triều Nguyễn trong việc thực thi chủ quyền đối với quần đảo Trường Sa thông qua đoạn tư liệu trong SGK.*

– Bước 4: GV nhận xét, đánh giá hoạt động và sản phẩm của các nhóm sau đó chuẩn kiến thức cho HS:

+ Thời chúa Nguyễn, từ thế kỉ XVII, các chúa Nguyễn đã cho lập đội Hoàng Sa và sau đó là đội Bắc Hải để thu lượm sản vật, đánh bắt hải sản,...

+ Triều Nguyễn tiếp tục xác lập chủ quyền bằng cách cắm cờ, dựng cột mốc,... trên quần đảo Hoàng Sa, cho vẽ *Đại Nam nhất thống toàn đồ*, trong đó thể hiện rõ quần đảo Hoàng Sa và quần đảo Trường Sa là của Việt Nam.

+ Thời Pháp thuộc, chính quyền Pháp đại diện cho Việt Nam để thực hiện việc bảo vệ chủ quyền, các quyền và lợi ích hợp pháp của Việt Nam ở Biển Đông. Người Pháp cho dựng bia chủ quyền, lập đơn vị hành chính ở quần đảo Hoàng Sa và quần đảo Trường Sa,...

+ Nhà nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam tiếp tục có nhiều hoạt động bảo vệ chủ quyền, các quyền và lợi ích hợp pháp của Việt Nam ở Biển Đông như: thành lập các đơn vị hành chính ở quần đảo Trường Sa và quần đảo Hoàng Sa; ban hành các văn bản pháp luật khẳng định chủ quyền biển, đảo; tham gia Công ước của Liên hợp quốc về Luật Biển năm 1982;... đồng thời thực hiện phát triển kinh tế biển gắn với tăng cường tiềm lực quốc phòng, góp phần bảo vệ biển, đảo quê hương.

– Bước 5: Để giúp HS biết đánh giá về quá trình xác lập, thực thi chủ quyền biển, đảo của Việt Nam qua các thời kì lịch sử, GV có thể phân tích, nhấn mạnh thêm: từ xưa đến nay, các thế hệ người Việt Nam đã dành nhiều công sức khai phá, xác lập và bảo vệ chủ quyền biển, đảo bằng những việc làm cụ thể, đã từng bước xác lập, thực thi, bảo vệ chủ quyền đối với quần đảo Hoàng Sa, quần đảo Trường Sa từ khi hai quần đảo còn chưa có người khai thác, quá trình đó diễn ra liên tục, hoà bình. Trong suốt quá trình đó, Nhà nước Việt Nam luôn có hành động quyết liệt và tích cực để bảo vệ chủ quyền, các quyền và lợi ích hợp pháp của quốc gia trên biển và hải đảo.

* Phương án 2:

– Bước 1: GV tổ chức hoạt động nhóm yêu cầu HS: *Vẽ sơ đồ tư duy về công cuộc bảo vệ chủ quyền, các quyền và lợi ích hợp pháp của Việt Nam ở Biển Đông qua các thời kì: Chúa Nguyễn, Triều Nguyễn, Pháp thuộc và Nhà nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam hiện nay.*

– Bước 2: Các nhóm dựa vào thông tin trong SGK, thảo luận để thống nhất nội dung trình bày. GV theo dõi quá trình làm việc của các nhóm và hỗ trợ khi cần thiết, khuyến khích các nhóm có thể tự sáng tạo hình thức phù hợp miễn là đảm bảo yêu cầu cần đạt.

– Bước 3: GV mời đại diện các nhóm lên bảng báo cáo kết quả làm việc, các nhóm khác lắng nghe, nhận xét và bổ sung cho câu trả lời của bạn (nếu có).

Trong khi HS trình bày sản phẩm, GV nêu thêm các nhiệm vụ mở rộng để khai thác triệt để các thông tin có trong SGK:

- + Chia sẻ điều em biết về đội Hoàng Sa hoặc kể lại câu chuyện về đội Hoàng Sa.
- + Nêu việc làm của Triều Nguyễn trong việc thực thi chủ quyền đối với quần đảo Trường Sa thông qua đoạn tư liệu trong SGK.
- Bước 4:
- + GV nhận xét hoạt động, sản phẩm và nội dung trình bày của các nhóm học sinh.
- + GV chuẩn kiến thức cho HS như trong nội dung bước 5 của phương án 1.

3. Hoạt động luyện tập

a) Mục tiêu

- Củng cố lại nội dung bài học.
- Kiểm tra lại mục tiêu bài học xem HS đã đạt được chưa.

b) Tổ chức thực hiện

- ◆ *Phương pháp – kĩ thuật dạy học*: phương pháp đàm thoại gợi mở – kĩ thuật đặt câu hỏi.
- ◆ *Thời gian*: 10 phút.
- ◆ *Các bước tiến hành*:
 - Bước 1: GV yêu cầu HS làm việc cá nhân, làm câu 1 phần luyện tập: *Hoàn thành bảng về những hoạt động chính trong công cuộc bảo vệ chủ quyền, các quyền và lợi ích hợp pháp của Việt Nam ở Biển Đông.*
 - Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ theo gợi ý trong SGK vào vở.
 - Bước 3:
 - + GV tổ chức cho HS trình bày sản phẩm đã hoàn thành ngay tại lớp. Các bạn HS khác lắng nghe, nhận xét và bổ sung (nếu có).
 - + GV tổ chức cho HS trao đổi bảng và đánh giá, chấm điểm chéo dựa trên các tiêu chí nội dung và hình thức theo gợi ý dưới đây:

TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ SẢN PHẨM BẢNG CỦA HỌC SINH

STT	Tiêu chí		Điểm
1	Nội dung	Nội dung thông tin đầy đủ, chính xác.	4
		Bố cục mạch lạc, lô gíc.	3
2	Hình thức	Trình bày sản phẩm sạch sẽ, dễ nhìn.	3

- Bước 4: GV nhận xét, đánh giá phần đánh giá lẫn nhau của HS và rút kinh nghiệm.

Gợi ý bảng hoàn thành:

Thời kì	Hoạt động
Các chúa Nguyễn	– Lập đội Hoàng Sa, đội Bắc Hải để thu lượm sản vật, đánh bắt hải sản. – Thực thi chủ quyền trên quần đảo Hoàng Sa, quần đảo Trường Sa.
Triều Nguyễn	– Cắm cờ trên quần đảo Hoàng Sa. – Dựng cột mốc trên quần đảo Hoàng Sa. – Vẽ <i>Đại Nam nhất thống toàn đồ</i>.
Thời Pháp thuộc	– Dựng bia chủ quyền ở quần đảo Hoàng Sa và quần đảo Trường Sa. – Lập đơn vị hành chính ở quần đảo Hoàng Sa và quần đảo Trường Sa.
Nhà nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam	– Thành lập các đơn vị hành chính ở quần đảo Trường Sa và quần đảo Hoàng Sa. – Ban hành các văn bản pháp luật khẳng định chủ quyền biển đảo. – Tham gia Công ước của Liên hợp quốc về Luật Biển năm 1982. – Thực hiện phát triển kinh tế biển gắn với tăng cường tiềm lực quốc phòng, góp phần bảo vệ biển, đảo quê hương.

Câu 2. GV hướng dẫn HS về nhà sưu tầm bài hát, bài thơ hoặc câu chuyện về biển, đảo và trình bày trước lớp ở buổi học sau. GV có thể gợi ý cho HS một số bài hát, bài thơ về biển, đảo mà HS biết hoặc đã được học trong các môn học khác.

4. Hoạt động vận dụng

a) Mục tiêu

HS vận dụng được các kiến thức, kĩ năng đã học vào để giải quyết các nhiệm vụ trong học tập và trong thực tiễn cuộc sống.

b) Tổ chức thực hiện

- ◆ *Phương pháp dạy học:* phương pháp giải quyết vấn đề.
- ◆ *Thời gian:* HS thực hiện ở nhà, thời gian linh hoạt.
- ◆ *Các bước tiến hành:*
 - Bước 1: GV hướng dẫn HS làm việc nhóm, tìm hiểu thông tin từ sách, báo, internet,...
 - hoặc hỏi người thân để thực hiện nhiệm vụ.
 - Bước 2: HS thảo luận ngoài giờ học để thực hiện nhiệm vụ.
 - Bước 3: GV tổ chức cho các nhóm báo cáo kết quả.
 - Bước 4: GV nhận xét và đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ ở nhà của HS.

Bài 4 DÂN CƯ VÀ DÂN TỘC Ở VIỆT NAM (4 TIẾT)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

1. Kiến thức

- Nêu được số dân và so sánh được quy mô dân số Việt Nam với một số nước trong khu vực Đông Nam Á.
- Nhận xét được sự gia tăng dân số ở Việt Nam và một số hậu quả do gia tăng dân số nhanh và phân bố dân cư chưa hợp lí ở Việt Nam, có sử dụng tranh ảnh, biểu đồ hoặc bảng số liệu.
- Kể được tên một số dân tộc ở Việt Nam và kể lại được một số câu chuyện về tình đoàn kết của cộng đồng các dân tộc Việt Nam.
- Bày tỏ được thái độ tôn trọng đối với sự đa dạng văn hoá của các dân tộc Việt Nam.

2. Năng lực

- Về năng lực chung:
 - + Năng lực tự chủ và tự học: tự lực làm những nhiệm vụ học tập được giao trên lớp và ở nhà.
 - + Năng lực giao tiếp và hợp tác: hợp tác và giao tiếp với các bạn trong các nhiệm vụ học tập.
 - + Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: phát hiện được vấn đề từ các nhiệm vụ học tập và tìm cách giải quyết chúng.
- Về năng lực đặc thù:
 - + Năng lực nhận thức khoa học Địa lí: so sánh được quy mô dân số Việt Nam với một số nước trong khu vực Đông Nam Á; nhận xét sự gia tăng dân số ở Việt Nam; nhận xét và sự phân bố dân cư; kể tên một số dân tộc ở Việt Nam.
 - + Năng lực tìm hiểu Địa lí: Khai thác bảng số liệu, biểu đồ, tranh ảnh về dân số, dân tộc; đọc được lược đồ phân bố dân cư Việt Nam.
 - + Năng lực vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học: Vận dụng kiến thức, kĩ năng đã tìm hiểu để kể lại một số câu chuyện về tình đoàn kết của cộng đồng các dân tộc Việt Nam

3. Phẩm chất

Thông qua bài học, HS phát triển được phẩm chất chăm chỉ (thường xuyên hoàn thành các nhiệm vụ học tập, ham học hỏi, đọc sách mở rộng hiểu biết) và tôn trọng (tôn trọng sự đa dạng văn hoá của các dân tộc).

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- Bảng số liệu số dân các nước Đông Nam Á năm 2021.
- Biểu đồ số dân của Việt Nam giai đoạn 1991 – 2021.
- Lược đồ phân bố dân cư Việt Nam năm 2021.
- Hình ảnh, video về dân cư, dân tộc Việt Nam.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

1. Hoạt động khởi động

a) Mục tiêu

Gây hứng thú cho HS, kết nối vào bài học.

b) Tổ chức thực hiện

♦ *Phương pháp – kĩ thuật dạy học:* phương pháp đàm thoại gợi mở – kĩ thuật đặt câu hỏi.

♦ *Thời gian:* 7 phút.

♦ *Các bước tiến hành:*

– Bước 1: GV yêu cầu HS đọc thông tin trong phần khởi động hoặc trích một đoạn bài báo/đoạn video tin tức thời sự về sự kiện đó; yêu cầu HS ghi lại những suy nghĩ, nhận xét của HS.

– Bước 2: HS đọc thông tin, trao đổi với bạn bên cạnh về ý nghĩa thể hiện qua những thông tin đó.

– Bước 3: GV gọi 4 – 5 HS lần lượt đưa ra ý kiến, các HS khác lắng nghe, nhận xét và bổ sung thêm thông tin (nếu có).

– Bước 4: GV nhận xét câu trả lời của HS, chuẩn kiến thức:

Thông tin cho biết về số dân của Việt Nam vượt mức 100 triệu, là nước đông dân xếp thứ 8 ở châu Á và thứ 15 trên thế giới.

GV có thể gợi mở, hỏi thêm những hiểu biết của HS về dân cư Việt Nam để dẫn dắt vào bài học.

2. Hoạt động hình thành kiến thức mới

2.1. Hoạt động 1. Tìm hiểu về quy mô dân số

a) Mục tiêu

Nêu được số dân và so sánh được quy mô dân số Việt Nam với một số nước trong khu vực Đông Nam Á.

b) Tổ chức thực hiện

♦ *Phương pháp – kĩ thuật dạy học:* phương pháp sử dụng phương tiện trực quan, đàm thoại gợi mở – kĩ thuật đặt câu hỏi.

♦ *Thời gian:* 10 phút.

♦ *Các bước tiến hành:*

– Bước 1: GV yêu cầu HS đọc thông tin trong mục kết hợp với bảng số dân các nước Đông Nam Á năm 2021, thực hiện các nhiệm vụ sau:

+ Cho biết số dân của nước ta năm 2021.

+ So sánh số dân của nước ta năm 2021 với các quốc gia trong khu vực.

– Bước 2: HS làm việc cá nhân, quan sát bảng số liệu để thực hiện nhiệm vụ.

– Bước 3: Sau thời gian làm việc cá nhân từ 2 – 3 phút, GV gọi HS trả lời từng nhiệm vụ.

- + HS trả lời, các HS khác lắng nghe, nhận xét và bổ sung theo gợi mở của GV (nếu có)
- + GV hướng dẫn HS kĩ năng khai thác bảng số liệu, có thể đặt một số câu hỏi gợi mở để HS khai thác bảng số liệu, so sánh dân số dễ hơn:

Nước nào có số dân đông nhất Đông Nam Á?

Việt Nam có số dân đứng thứ mấy ở Đông Nam Á?

Số dân Việt Nam nhiều hơn nước có số dân ít nhất Đông Nam Á bao nhiêu lần?

- Bước 4: GV nhận xét, đánh giá về hoạt động học của cả lớp và chuẩn kiến thức:
- + Dân số Việt Nam năm 2021 là 98 504 nghìn người (98,5 triệu người).
- + Việt Nam có dân số đông thứ 3 Đông Nam Á sau In-đô-nê-xi-a và Phi-líp-pin.

2.2. Hoạt động 2. Tìm hiểu về gia tăng dân số

a) Mục tiêu

- Nhận xét được sự gia tăng dân số ở Việt Nam.
- Nêu được một số hậu quả do gia tăng dân số nhanh ở Việt Nam.

b) Tổ chức thực hiện

◆ *Phương pháp – kĩ thuật dạy học:* phương pháp sử dụng phương tiện trực quan – kĩ thuật đặt câu hỏi.

◆ *Thời gian:* 10 phút.

◆ *Các bước tiến hành:*

– Bước 1: GV yêu cầu HS đọc thông tin trong mục, biểu đồ hình 1 về số dân Việt Nam giai đoạn 1991 – 2021, thực hiện các nhiệm vụ sau:

- + Nhận xét về sự gia tăng dân số Việt Nam giai đoạn 1991 – 2021.
- + Nêu một số hậu quả do gia tăng dân số nhanh ở Việt Nam.

– Bước 2: HS làm việc cá nhân, quan sát hình biểu đồ, viết ra giấy các ý trả lời.

– Bước 3: GV tổ chức học tập theo lớp.

+ GV hướng dẫn HS cách nhận xét biểu đồ để rút ra kết luận về sự gia tăng dân số ở Việt Nam: quan sát các cột thể hiện số dân có chiều hướng cao lên liên tục hay thấp đi; dựa vào con số ở trên cột để tính được số lượng tăng lên từ năm 1991 – 2021 (30 năm), tính trung bình mỗi năm tăng lên bao nhiêu nghìn người.

+ GV gọi một số HS trả lời các câu hỏi gợi mở để nhận xét sự gia tăng dân số, các HS khác nhận xét và bổ sung ý kiến.

+ GV đặt câu hỏi gợi mở: Dân số tăng nhanh có tác động gì đến kinh tế – xã hội và môi trường ở nước ta?

+ HS thảo luận, đưa ra ý kiến, GV dẫn dắt cuộc thảo luận, đưa thêm gợi mở để định hướng ý kiến đúng.

– Bước 4: GV nhận xét, đánh giá về hoạt động học của cả lớp và chuẩn kiến thức:

+ Số dân nước ta tăng khá nhanh, bình quân mỗi năm tăng thêm khoảng một triệu người. Trong thời gian gần đây, tốc độ gia tăng dân số có xu hướng giảm.

+ Dân số đông và tăng lên hằng năm tạo cho nước ta nguồn lao động dồi dào, thị trường tiêu thụ rộng lớn. Tuy nhiên, dân số đông cũng gây ra một số khó khăn trong giải quyết việc làm, nhà ở, y tế, giáo dục,...; đồng thời dẫn đến nguy cơ suy thoái tài nguyên thiên nhiên và ô nhiễm môi trường.

2.3. Hoạt động 3. Tìm hiểu về đặc điểm phân bố dân cư

a) Mục tiêu

- Nhận xét được sự phân bố dân cư ở Việt Nam.
- Nêu được hậu quả của phân bố dân cư chưa hợp lí ở Việt Nam.

b) Tổ chức thực hiện

♦ *Phương pháp – kĩ thuật dạy học – phương tiện dạy học:* phương pháp sử dụng phương tiện trực quan – kĩ thuật đặt câu hỏi – lược đồ phân bố dân cư Việt Nam treo tường.

♦ *Thời gian:* 25 phút.

♦ *Các bước tiến hành:*

– Bước 1: GV yêu cầu các cặp đôi quan sát lược đồ phân bố dân cư Việt Nam năm 2021, thực hiện các nhiệm vụ sau:

+ Đọc bảng chú giải, cho biết có mấy mức chia mật độ dân số. Màu càng đậm thể hiện mật độ dân số như thế nào?

+ Xác định trên lược đồ những khu vực có mật độ dân số cao, các khu vực có mật độ dân số thấp.

+ Phân bố dân cư nước ta có đặc điểm như thế nào?

+ Nêu những hậu quả của việc phân bố dân cư chưa hợp lí.

– Bước 2: HS trao đổi theo cặp đôi, đọc lược đồ phân bố dân cư để thực hiện nhiệm vụ.

– Bước 3: GV tổ chức cho các cặp đôi trình bày kết quả, gọi HS lên bảng để xác định trên lược đồ treo tường. Các cặp đôi khác quan sát, nhận xét và bổ sung

– Bước 4: GV nhận xét, đánh giá về hoạt động học của cả lớp và chuẩn kiến thức:

+ Nước ta có mật độ dân số khá cao. Dân cư phân bố không đều giữa đồng bằng và miền núi, giữa thành thị và nông thôn.

+ Dân cư phân bố không đồng đều dẫn đến nơi thừa, nơi thiếu lao động; gây khó khăn cho việc khai thác tài nguyên và sử dụng hợp lí nguồn lao động.

– Bước 5: GV cho HS quan sát thêm hình ảnh về các điểm dân cư ở đồng bằng, miền núi, thành thị, nông thôn để HS thêm cái nhìn trực quan về sự phân bố dân cư không đồng đều giữa các khu vực ở nước ta.

2.4. Hoạt động 4: Tìm hiểu về dân tộc

2.4.1. Nhiệm vụ 1: Tìm hiểu về tên các dân tộc sinh sống ở nước ta

a) Mục tiêu

Kể được tên một số dân tộc ở Việt Nam.

b) Tổ chức thực hiện

♦ *Phương pháp – kĩ thuật dạy học:* phương pháp làm việc nhóm – kĩ thuật tia chớp.

♦ *Thời gian:* 7 phút.

♦ *Các bước tiến hành:*

– Bước 1: GV tổ chức trò chơi kể tên các dân tộc ở Việt Nam, có thể chia đội hoặc theo cách “điền tiếp”, “kể tiếp” không trùng lặp tên dân tộc.

Trước khi tổ chức trò chơi, GV giới thiệu cho HS biết: *Việt Nam có 54 dân tộc cùng sinh sống, trong đó, dân tộc Kinh có số dân đông nhất.* GV phổ biến luật chơi và điều khiển quá trình diễn ra trò chơi của cả lớp.

– Bước 2: HS tham gia trò chơi, GV cố gắng để tất cả HS đều tham gia vào hoạt động.

– Bước 3: GV nhận xét và chuẩn hoá lại tên các dân tộc, đồng thời có thể giới thiệu một số hình ảnh đặc trưng về trang phục, nhà ở, lễ hội của các dân tộc ở Việt Nam.

2.4.2. Nhiệm vụ 2: Kể lại một số câu chuyện về tình đoàn kết của cộng đồng các dân tộc Việt Nam.

a) Mục tiêu

– Kể lại được một số câu chuyện về tình đoàn kết của cộng đồng các dân tộc ở Việt Nam.

– Bày tỏ được thái độ tôn trọng đối với sự đa dạng văn hoá của các dân tộc ở Việt Nam.

b) Tổ chức thực hiện

♦ *Phương pháp – kĩ thuật dạy học:* phương pháp kể chuyện – kĩ thuật đặt câu hỏi.

♦ *Thời gian:* 18 phút.

♦ *Các bước tiến hành:*

– Bước 1: GV chia HS thành các nhóm 4 – 6 HS, hướng dẫn HS đọc câu chuyện *Đoàn kết dân tộc trong phong trào Cần Vương và Tình cảm yêu thương của đồng bào dân tộc ở tân trào đối với Bác Hồ*, kết hợp với tranh ảnh, tư liệu sưu tầm được, kể với bạn trong nhóm câu chuyện thể hiện tình đoàn kết của cộng đồng các dân tộc Việt Nam.

– Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ theo quy trình như sau:

+ Chọn câu chuyện dự định kể.

+ Kể câu chuyện cho các bạn trong nhóm.

– Bước 3: GV gọi 2 nhóm HS kể chuyện. Các nhóm HS khác quan sát và nhận xét.

– Bước 4: GV nhận xét phần kể chuyện của các nhóm theo các tiêu chí dưới đây, tổng kết ý nghĩa của việc đoàn kết các dân tộc ở Việt Nam trong thời kì dựng nước, giữ nước và phát triển kinh tế. Ở hoạt động này, GV rèn cho HS kĩ năng kể một câu chuyện lịch sử. Vì vậy, trong quá trình HS báo cáo nhiệm vụ, GV hướng dẫn HS đứng trình bày, giọng kể và biểu cảm thế nào cho hấp dẫn.

TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ HOẠT ĐỘNG CHUYỆN CỦA HỌC SINH

STT	Tiêu chí	Mức độ 1	Mức độ 2	Mức độ 3
1	Bố cục	Trình bày thông tin mạch lạc, lô gic	Trình bày thông tin còn nhầm lẫn giữa các nội dung	Không có bố cục cho sản phẩm
		2 điểm	1 điểm	0,5 điểm

	Gọng nói, Biểu cảm	– Giọng kể chuyện to, rõ ràng – Ngữ điệu có lên giọng, xuống giọng ở những chỗ cần thiết – Thể hiện được cảm xúc qua cử chỉ, nét mặt, điệu bộ	Không đạt 1 trong ba tiêu chí về hình thức sản phẩm	Không đạt cả ba tiêu chí về hình thức sản phẩm
		3 điểm	2 điểm	1 điểm
2	Nội dung	– Đầy đủ nội dung – Sắp xếp các nội dung đúng theo lô gic.	– Còn thiếu một số nội dung – Sắp xếp một số nội dung chưa đúng lô gic	– Thiếu nhiều nội dung – Sắp xếp lộn xộn, chưa đúng thứ tự
		5 điểm	3 điểm	1 điểm

3. Hoạt động luyện tập

a) Mục tiêu

Hệ thống lại kiến thức và luyện tập.

b) Tổ chức thực hiện

♦ *Phương pháp – kĩ thuật dạy học:* phương pháp sử dụng phương tiện trực quan – kĩ thuật đặt câu hỏi.

♦ *Thời gian:* 10 phút.

♦ *Các bước tiến hành:*

– Bước 1: GV yêu cầu HS làm việc cá nhân và thực hiện nhiệm vụ: *Đọc lược đồ phân bố dân cư Việt Nam năm 2021, hãy kể tên 3 tỉnh, thành phố có mật độ dân số cao nhất và 3 tỉnh, thành phố có mật độ dân số thấp nhất.*

– Bước 2: HS quan sát lược đồ và thực hiện nhiệm vụ, viết kết quả ra giấy.

– Bước 3: GV gọi một số HS lên bảng xác định vị trí của các địa phương đó trên bản đồ và chuẩn hoá kiến thức.

4. Hoạt động vận dụng

a) Mục tiêu

Vận dụng kiến thức đã học để thực hiện việc tìm hiểu và mở rộng kiến thức.

b) Tổ chức thực hiện

♦ *Phương pháp dạy học:* phương pháp giải quyết vấn đề.

♦ *Thời gian:* HS thực hiện ở nhà, thời gian linh hoạt.

♦ *Các bước tiến hành:*

– Bước 1: GV yêu cầu HS làm việc cá nhân ở nhà, thực hiện nhiệm vụ: *Tìm hiểu và viết đoạn văn ngắn (5 – 7 câu) về một dân tộc ở nước ta (tên, nơi sinh sống, trang phục, lễ hội,...) và chia sẻ với các bạn.*

– Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ ở nhà (có thể trình bày vào vở), sau đó trao đổi với GV và các bạn vào buổi học tiếp theo.

– Bước 3: GV gọi một số HS chia sẻ về kết quả học tập.

– Bước 4: GV nhận xét và đánh giá phần tìm hiểu thông tin của cả lớp.

CHỦ ĐỀ 2. NHỮNG QUỐC GIA ĐẦU TIÊN TRÊN LÃNH THỔ VIỆT NAM

Bài 5 NHÀ NƯỚC VĂN LANG, NHÀ NƯỚC ÂU LẠC (3 TIẾT)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

1. Kiến thức

- Trình bày được sự ra đời của nước Văn Lang, Âu Lạc thông qua tìm hiểu một số truyền thuyết và bằng chứng khảo cổ học.
- Sử dụng kiến thức lịch sử và một số truyền thuyết lịch sử (*Sơn Tinh, Thuỷ Tinh; Thánh Gióng; Sự tích nỏ thần;...*), mô tả được đời sống kinh tế và công cuộc đấu tranh bảo vệ Nhà nước Văn Lang, Âu Lạc.

2. Năng lực

- Năng lực chung:
 - + Tự chủ và tự học thông qua các hoạt động học tập mang tính cá nhân, tự lực làm những nhiệm vụ học tập được giao trên lớp và ở nhà.
 - + Giao tiếp và hợp tác thông qua hoạt động nhóm, hợp tác và giao tiếp với các bạn trong các nhiệm vụ học tập.
 - + Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: phát hiện được vấn đề từ các nhiệm vụ học tập và tìm cách giải vấn đề.
- Năng lực đặc thù:
 - + Năng lực tìm hiểu lịch sử thông qua việc mô tả được đời sống kinh tế và công cuộc đấu tranh bảo vệ Nhà nước Văn Lang, Âu Lạc.
 - + Năng lực nhận thức và tư duy lịch sử thông qua việc trình bày được sự ra đời của nước Văn Lang, Âu Lạc thông qua tìm hiểu một số truyền thuyết và bằng chứng khảo cổ học.

3. Phẩm chất

- Yêu nước thông qua việc biết ghi nhớ công ơn dựng nước của tổ tiên thông qua tìm hiểu cội nguồn của dân tộc từ thời Nhà nước Văn Lang, Nhà nước Âu Lạc.
- Trách nhiệm thông qua việc biết trân trọng và giữ gìn, phát huy những di tích lịch sử, truyền thống, phong tục, tập quán từ thời Văn Lang, Âu Lạc.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- Tranh ảnh, tư liệu liên quan đến Nhà nước Văn Lang, Nhà nước Âu Lạc.
- Một số truyền thuyết khác như: *Thánh Gióng; Sự tích trâu cau; Bánh chưng, bánh giầy;...*

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

1. Hoạt động mở đầu

a) Mục tiêu

Kết nối những điều HS đã biết với những điều HS chưa biết, tạo tâm thế hứng khởi, kích thích sự tò mò của HS để dẫn dắt vào bài mới.

b) Tổ chức thực hiện

♦ *Phương pháp – kĩ thuật dạy học:* phương pháp đàm thoại gợi mở – kĩ thuật đặt câu hỏi.

♦ *Thời gian:* 5 phút.

♦ *Các bước tiến hành:*

* Phương án 1:

– Bước 1: GV dẫn câu nói của Bác Hồ trong lần về thăm Đền Hùng năm 1954 để khởi động như hướng dẫn trong SGK và đưa ra yêu cầu cho HS: *Hãy chia sẻ với bạn những điều em biết về Nhà nước Văn Lang.*

– Bước 2: HS sử dụng hiểu biết của bản thân, trao đổi với bạn bên cạnh.

– Bước 3: GV gọi 2 – 3 HS trả lời, các HS khác lắng nghe, nhận xét và bổ sung thêm ý kiến (nếu có).

– Bước 4: GV nhận xét câu trả lời của HS, đồng thời, sử dụng những câu trả lời đó để dẫn dắt vào bài học mới.

* Phương án 2:

– Bước 1: GV có thể sử dụng một trong các nội dung liên quan về Nhà nước Văn Lang và Nhà nước Âu Lạc, tổ chức tương tự để kết nối, dẫn dắt vào bài học.

– Các bước 2, 3, 4. GV thực hiện tương tự như ở phương án 1.

Lưu ý: GV cũng có thể tổ chức hoạt động mở đầu theo cách khác, miễn sao phù hợp với đối tượng HS và đạt được mục tiêu của hoạt động này.

2. Hoạt động hình thành kiến thức mới

2.1. Hoạt động 1. Tìm hiểu sự ra đời Nhà nước Văn Lang, Nhà nước Âu Lạc

a) Mục tiêu

Trình bày được sự ra đời của nước Văn Lang, Âu Lạc thông qua tìm hiểu một số truyền thuyết và bằng chứng khảo cổ học.

b) Tổ chức thực hiện

* Phương án 1:

GV có thể chia nhỏ hoạt động tương ứng với hai mục a, b trong SGK.

Nhiệm vụ 1: Tìm hiểu về Nhà nước Văn Lang

♦ *Phương pháp – kĩ thuật dạy học:* phương pháp làm việc nhóm – kĩ thuật đặt câu hỏi, kĩ thuật vẽ sơ đồ tư duy.

♦ *Thời gian:* 10 phút.

♦ *Các bước tiến hành:*

– Bước 1: GV tổ chức cho HS hoạt động cặp đôi, đọc nội dung mục a trong SGK để thực hiện yêu cầu: *Trình bày sự ra đời của Nhà nước Văn Lang.*

– Bước 2: HS hoạt động theo hình thức cặp đôi bằng cách như sau: trước hết, mỗi HS sẽ làm việc cá nhân để nghiên cứu thông tin trong SGK, sau đó trao đổi với bạn để thống nhất đáp án trả lời.

– Bước 3: GV mời đại diện một số nhóm báo cáo kết quả thảo luận trước lớp, các nhóm khác theo dõi, nhận xét và bổ sung ý kiến (nếu có). GV có thể khuyến khích HS kể lại truyền thuyết *Con Rồng cháu Tiên* đã được học ở lớp 4 và nêu câu hỏi gợi mở thêm: *Truyền thuyết Con Rồng cháu Tiên cho em biết điều gì về sự ra đời của Nhà nước Văn Lang?*

– Bước 4: GV nhận xét câu trả lời của các nhóm và chuẩn kiến thức về sự ra đời của Nhà nước Văn Lang:

+ Thời gian: khoảng thế kỉ VII TCN.

+ Đứng đầu nhà nước: Hùng Vương, tương truyền trải qua 18 đời.

+ Kinh đô: Phong Châu (Phú Thọ).

Nhiệm vụ 2: Tìm hiểu Nhà nước Âu Lạc

♦ *Phương pháp – kĩ thuật dạy học:* phương pháp đàm thoại gợi mở – kĩ thuật đặt câu hỏi.

♦ *Thời gian:* 7 phút.

♦ *Các bước tiến hành:*

– Bước 1: GV tổ chức cho HS hoạt động cá nhân, toàn lớp đọc nội dung mục b và thực hiện yêu cầu: *Trình bày sự ra đời của Nhà nước Âu Lạc.*

– Bước 2: HS làm việc cá nhân, thực hiện yêu cầu của GV.

– Bước 3: GV mời 2 – 3 HS trình bày trước lớp, các HS khác theo dõi, nhận xét và bổ sung ý kiến (nếu có).

– GV nhận xét câu trả lời của HS và chốt lại nội dung về sự ra đời Nhà nước Âu Lạc:

+ Thời gian: khoảng năm 208 TCN.

+ Đứng đầu nhà nước: Thục Phán – An Dương Vương.

+ Kinh đô: Cổ Loa (Đông Anh, Hà Nội).

* Phương án 2: GV cũng có thể sử dụng cả hai mục a, b để tổ chức một hoạt động.

– Bước 1: GV chuẩn bị một Phiếu học tập về sự ra đời của Nhà nước Văn Lang và Nhà nước Âu Lạc, tổ chức cho HS hoạt động theo cặp đôi hoặc theo nhóm để: *Hoàn thành Phiếu học tập về sự ra đời của Nhà nước Văn Lang, Nhà nước Âu Lạc.*

PHIẾU HỌC TẬP		
Nội dung	Nhà nước Văn Lang	Nhà nước Âu Lạc
Thời gian ra đời	?	?
Địa bàn	?	?
Người đứng đầu	?	?
Kinh đô	?	?

– Bước 2: Các nhóm HS hoàn thành Phiếu học tập theo yêu cầu, GV hỗ trợ hoạt động của HS.

– Bước 3: GV mời đại diện nhóm HS lên báo cáo sản phẩm của nhóm mình. Trong quá trình HS báo cáo kết quả sản phẩm, GV có thể sử dụng các hình 1, hình 2 trong SGK để minh họa, làm rõ hơn những bằng chứng về sự ra đời của Nhà nước Văn Lang và Nhà nước Âu Lạc. GV cũng có thể sử dụng một số yêu cầu nhằm mở rộng, làm rõ hơn sự thành lập Nhà nước Văn Lang, Nhà nước Âu Lạc. Gợi ý:

+ *Kể lại truyền thuyết Con Rồng cháu Tiên. Truyền thuyết đó cho em biết gì về sự thành lập Nhà nước Văn Lang?*

+ *So sánh Nhà nước Văn Lang và Nhà nước Âu Lạc.*

– Bước 4: GV nhận xét sản phẩm và báo cáo của các nhóm HS, chuẩn kiến thức cho HS.

PHIẾU HỌC TẬP		
Nội dung	Nhà nước Văn Lang	Nhà nước Âu Lạc
Thời gian ra đời	Khoảng thế kỉ VII TCN	208 TCN
Người đứng đầu	Hùng Vương	An Dương Vương
Kinh đô	Phong Châu	Cổ Loa

– Bước 5: GV có thể chốt lại một số nội dung ngoài Phiếu học tập: Cách đây gần 3 000 năm, trên lãnh thổ Việt Nam đã xuất hiện những nhà nước đầu tiên, đó là Nhà nước Văn Lang và Nhà nước Âu Lạc. Sự ra đời của hai nhà nước này đã mở đầu thời kì dựng nước và giữ nước của dân tộc, mở đầu cho nền văn minh sông Hồng. Điều đó chứng tỏ, nước Việt Nam có lịch sử dựng nước lâu đời. Ngày nay, chúng ta có ngày giỗ Tổ lập nước đó là Hùng Vương vào ngày 10 – 3 âm lịch hằng năm.

2.2. Hoạt động 2. Tìm hiểu về đời sống kinh tế của cư dân Văn Lang, Âu Lạc

a) Mục tiêu

Sử dụng kiến thức lịch sử và một số truyền thuyết lịch sử (*Sơn Tinh, Thủy Tinh; Thánh Gióng; Sự tích nỏ thần;...*) mô tả được đời sống kinh tế của Nhà nước Văn Lang, Âu Lạc.

b) Tổ chức thực hiện

♦ *Phương pháp – kĩ thuật dạy học:* phương pháp đàm thoại gợi mở – kĩ thuật đặt câu hỏi.

♦ *Thời gian:* 15 phút.

♦ *Các bước tiến hành:*

– Bước 1: GV tổ chức cho HS hoạt động cặp đôi, quan sát hình ảnh trong SGK và thực hiện nhiệm vụ: *Mô tả những nét chính về đời sống kinh tế của cư dân Văn Lang, Âu Lạc.*

– Bước 2: HS làm việc theo hình thức cặp đôi bằng cách, mỗi HS đọc thông tin trong SGK tìm câu trả lời, sau đó thảo luận và thống nhất với bạn.

– Bước 3: GV mời đại diện nhóm báo cáo kết quả thảo luận trước lớp, các nhóm khác theo dõi, nhận xét và bổ sung ý kiến (nếu có).

– Bước 4: GV nhận xét, đánh giá kết quả của HS, chuẩn kiến thức: Cư dân Văn Lang, Âu Lạc có một đời sống kinh tế rất phong phú và đa dạng:

+ Nghề chính của cư dân Văn Lang, Âu Lạc là làm ruộng. Họ trồng lúa, khoai, đỗ, cây ăn quả,... Ngoài ra, họ còn biết trồng dâu, nuôi tằm, ươm tơ, dệt vải,...

+ Cư dân Văn Lang, Âu Lạc biết đúc đồng để làm công cụ lao động, vũ khí và đồ trang sức. Họ cũng biết làm đồ gốm, đan lát, đóng thuyền,...

– Bước 5: GV dẫn dắt để mở rộng cho HS: Đời sống kinh tế của cư dân Văn Lang – Âu Lạc còn được phản ánh sinh động thông qua các câu chuyện liên quan đến thời kì này, như chuyện *Sơn Tinh, Thủy Tinh*. Sau đó, GV đưa ra yêu cầu liên quan đến câu chuyện để HS làm việc: *Kể lại chuyện Sơn Tinh, Thủy Tinh. Câu chuyện này cho em biết gì về đời sống kinh tế của cư dân Văn Lang, Âu Lạc?*

+ HS hoạt động cá nhân để trả lời hai yêu cầu trên.

+ GV mời 1 – 2 HS kể lại câu chuyện *Sơn Tinh, Thủy Tinh* và trả lời câu hỏi. Sau đó, GV nhận xét và chuẩn kiến thức cho HS: Câu chuyện *Sơn Tinh, Thủy Tinh* cho thấy những sản phẩm phong phú của nền kinh tế nông nghiệp: cơm nếp, bánh chưng, voi chín ngà, gà chín cựa, ngựa chín hồng mao,... Đồng thời, câu chuyện này cũng cho thấy, cư dân Văn Lang, Âu Lạc cũng phải thường xuyên phải đối phó với lũ lụt để bảo vệ sản xuất nông nghiệp.

2.3. Hoạt động 3. Tìm hiểu về công cuộc đấu tranh chống ngoại xâm của Nhà nước Văn Lang và Nhà nước Âu Lạc

a) Mục tiêu

HS sử dụng kiến thức lịch sử và một số truyền thuyết lịch sử (*Sơn Tinh, Thủy Tinh; Thánh Gióng; Sự tích nỏ thần;...*), mô tả được công cuộc đấu tranh bảo vệ Nhà nước Văn Lang, Âu Lạc.

b) Tổ chức thực hiện

♦ *Phương pháp – kĩ thuật dạy học:* phương pháp đàm thoại gợi mở – kĩ thuật đặt câu hỏi.

♦ *Thời gian:* 15 phút.

♦ *Các bước tiến hành:*

Nhiệm vụ 1: Tìm hiểu các cuộc đấu tranh chống ngoại xâm của Nhà nước Văn Lang và Nhà nước Âu Lạc

– Bước 1: GV tổ chức cho HS hoạt động cá nhân tìm hiểu về công cuộc đấu tranh chống ngoại xâm bảo vệ Nhà nước Văn Lang, Âu Lạc, sau đó thực hiện yêu cầu: *Hãy kể tên những cuộc đấu tranh chống ngoại xâm của Nhà nước Văn Lang và Nhà nước Âu Lạc mà em biết.*

– Bước 2: HS hoạt động cá nhân, tìm hiểu thông tin trong SGK và dựa vào hiểu biết để thực hiện yêu cầu.

– Bước 3: GV mời HS trả lời, các HS khác bổ sung và hoàn thiện câu trả lời.

– Bước 4: GV nhận xét phần trả lời của HS và chuẩn kiến thức: Từ rất sớm, cư dân Văn Lang, Âu Lạc đã phải đấu tranh chống giặc ngoại xâm. Trong đó:

+ Nhà nước Văn Lang đã phải tiến hành cuộc kháng chiến chống quân Tần, chống giặc Man (phản ánh trong truyền thuyết *Thánh Gióng*) và đều giành thắng lợi, bảo vệ vững chắc nền độc lập dân tộc.

+ Nhà nước Âu Lạc cũng phải tiến hành cuộc kháng chiến chống quân Triệu nhưng bị thất bại (phản ánh trong *Sự tích nỏ thần*). Từ đây, đất nước rơi vào ách đô hộ của các triều đại phong kiến phương Bắc trong hơn một nghìn năm.

Nhiệm vụ 2: Kể chuyện chống giặc ngoại xâm của Nhà nước Văn Lang và Nhà nước Âu Lạc

– Bước 1: GV tổ chức cho HS làm việc cặp đôi hoặc nhóm, thực hiện nhiệm vụ:

+ *Kể tên những câu chuyện chống giặc ngoại xâm của Nhà nước Văn Lang và Nhà nước Âu Lạc.*

+ *Chọn và kể lại một câu chuyện chống giặc ngoại xâm của Nhà nước Văn Lang và Nhà nước Âu Lạc.*

– Bước 2: HS kể tên một số câu chuyện và chọn một trong số những câu chuyện đó để kể lại. Gợi ý có thể kể *Sự tích nỏ thần* hoặc truyền thuyết *Thánh Gióng*.

– Bước 3: GV tổ chức cho HS kể chuyện. Sau khi kể chuyện xong, GV có thể đặt thêm các câu hỏi mở rộng: *Câu chuyện đó để lại cho chúng ta bài học gì?*, hoặc: *Bày tỏ cảm nghĩ của em về câu chuyện vừa kể.*

– Bước 4: GV nhận xét việc kể chuyện của HS và chốt lại nội dung: Nhà nước Văn Lang, Nhà nước Âu Lạc đã tiến hành nhiều cuộc đấu tranh chống ngoại xâm giành thắng lợi. Tuy nhiên, cuộc kháng chiến chống Triệu Đà của An Dương Vương thất bại. Từ đây, đất nước rơi vào ách đô hộ của các triều đại phong kiến phương Bắc kéo dài hơn một nghìn năm. Câu chuyện *Sự tích nỏ thần* để lại cho chúng ta bài học về sự cảnh giác đối với kẻ thù, không được chủ quan, lơ là trước kẻ địch.

3. Hoạt động luyện tập

a) Mục tiêu

- Củng cố lại nội dung bài học.
- Kiểm tra lại mục tiêu bài học xem HS đã đạt được chưa.

b) Tổ chức thực hiện

- ◆ *Phương pháp – kĩ thuật dạy học*: phương pháp đàm thoại – kĩ thuật đặt câu hỏi.
- ◆ *Thời gian*: 10 phút.
- ◆ *Các bước tiến hành*:

Câu 1. GV hướng dẫn HS lập bảng theo các gợi ý về Nhà nước Văn Lang, Nhà nước Âu Lạc. Nhiệm vụ này có thể thực hiện ở trên lớp. Nếu ở hoạt động 1, GV đã sử dụng Phiếu học tập thì nội dung này không cần thực hiện ở phần luyện tập nữa mà có thể thay thế bằng dạng câu hỏi khác.

Dự kiến bảng hoàn thành:

Nội dung	Nhà nước Văn Lang	Nhà nước Âu Lạc
Thời gian ra đời	Thế kỉ VII TCN	208 TCN
Người đứng đầu	Hùng Vương	An Dương Vương
Kinh đô	Phong Châu	Cổ Loa

Câu 2.

– Bước 1: GV yêu cầu HS làm việc nhóm, thảo luận và thực hiện nhiệm vụ: *Kể lại một truyền thuyết khác liên quan đến Nhà nước Văn Lang hoặc Nhà nước Âu Lạc.*

GV có thể gợi ý cho HS một số câu chuyện khác như: *Bánh chưng, bánh giầy; Sự tích trầu cau*;... Nhiệm vụ này có thể được thực hiện ở tiết học sau.

- Bước 2: HS lựa chọn câu chuyện và kể lại với các bạn trong nhóm.
- Bước 3: GV tổ chức cho HS kể chuyện trước lớp.
- Bước 4: GV nhận xét, đánh giá phần hoạt động của HS và rút kinh nghiệm (nếu có).

4. Hoạt động vận dụng

a) Mục tiêu

HS vận dụng được các kiến thức, kĩ năng đã học để giải quyết các nhiệm vụ trong học tập và thực tiễn cuộc sống.

b) Tổ chức thực hiện

- ◆ *Phương pháp dạy học*: phương pháp giải quyết vấn đề.
- ◆ *Thời gian*: HS thực hiện ở nhà, thời gian linh hoạt.
- ◆ *Các bước tiến hành*:
 - Bước 1: GV giao nhiệm vụ cho HS về nhà để hoàn thành một trong hai nhiệm vụ:
 - + GV hướng dẫn HS sưu tầm một số di tích lịch sử liên quan đến thời Văn Lang – Âu Lạc. *Gợi ý*: Đền Hùng, thành Cổ Loa, đền thờ An Dương Vương ở Diên Châu, Nghệ An,...
 - + GV hướng dẫn HS sưu tầm một số hoạt động kinh tế có từ thời Văn Lang – Âu Lạc còn đến ngày nay, như: trồng lúa nước, đúc đồng, làm gốm,...
 - Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ ở nhà (có thể trình bày vào vở và tạo ra một sản phẩm riêng), sau đó mang lên lớp để trao đổi với cô và các bạn vào buổi học tiếp theo.
 - Bước 3: GV tổ chức cho HS trao đổi sản phẩm, nhận xét và đánh giá lẫn nhau. Sau đó, GV chọn 2 – 3 sản phẩm được bạn đánh giá tốt để chia sẻ với cả lớp.
 - Bước 4: GV nhận xét và đánh giá hoạt động vận dụng của cả lớp.

Bài 6 **VƯƠNG QUỐC PHÙ NAM (1 TIẾT)**

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức

- Trình bày được sự thành lập của nước Phù Nam qua truyền thuyết lập nước và một số bằng chứng khảo cổ học.
- Mô tả được một số hiện vật khảo cổ học của Phù Nam.

2. Năng lực

- Năng lực chung:
 - + Tự chủ và tự học thông qua các hoạt động học tập mang tính cá nhân, tự làm những nhiệm vụ học tập được giao trên lớp và ở nhà.
 - + Giao tiếp và hợp tác thông qua hoạt động nhóm, hợp tác và giao tiếp với các bạn trong các nhiệm vụ học tập.
- Năng lực đặc thù:
 - + Năng lực tìm hiểu lịch sử thông qua việc mô tả được một số hiện vật khảo cổ học của Phù Nam.
 - + Năng lực nhận thức và tư duy lịch sử thông qua việc trình bày được sự thành lập nước Phù Nam qua truyền thuyết lập nước và các hiện vật khảo cổ học.

3. Phẩm chất

- Yêu nước: bồi dưỡng tình yêu quê hương, đất nước, trân trọng giá trị văn hoá của Vương quốc Phù Nam để lại.
- Trách nhiệm:
 - + Nâng cao nhận thức về chủ quyền lãnh thổ trên vùng đất Nam Bộ của Việt Nam hiện nay.
 - + Có ý thức tuyên truyền, giới thiệu những giá trị văn hoá của dân tộc.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- Tranh ảnh về một số hiện vật khảo cổ học và di tích khảo cổ của Phù Nam.
- Thông tin, tư liệu về một số hiện vật khảo cổ học.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

1. Hoạt động mở đầu

a) Mục tiêu

Kết nối những điều HS đã biết với những điều HS chưa biết, tạo tâm thế hứng khởi, kích thích sự tò mò của HS để dẫn dắt vào bài mới.

b) Tổ chức thực hiện

♦ *Phương pháp – kĩ thuật dạy học:* phương pháp đàm thoại gợi mở – kĩ thuật đặt câu hỏi.

♦ *Thời gian:* 5 phút.

♦ *Các bước tiến hành:*

* Phương án 1:

– Bước 1: GV gắn lên bảng hoặc chiếu trên màn hình hình ảnh bình gốm Nhơn Thành và giới thiệu: Bình gốm Nhơn Thành được phát hiện năm 1994 tại khu vực Đá Nổi, xã Nhơn Nghĩa, huyện Phong Điền, thành phố Cần Thơ. Đây không chỉ là một hiện vật tiêu biểu, quý hiếm của nền văn hoá Óc Eo mà còn là một sản phẩm vật chất quan trọng, minh chứng cho giai đoạn lịch sử phát triển rực rỡ của Vương quốc Phù Nam. Sau đó, nêu yêu cầu: *Hãy chia sẻ những điều em biết về vương quốc này.*

– Bước 2: HS dựa vào những hiểu biết của mình để chia sẻ thông tin về Vương quốc Phù Nam.

– Bước 3: GV gọi 2 – 3 HS trả lời, các HS khác lắng nghe, nhận xét và bổ sung thêm ý kiến (nếu có).

– Bước 4: GV nhận xét câu trả lời của HS, đồng thời, sử dụng những câu trả lời đó để dẫn dắt vào bài học mới.

* Phương án 2:

GV có thể cho HS quan sát hình ảnh một hiện vật khác của Vương quốc Phù Nam và nêu yêu cầu theo gợi ý trong SGK, tổ chức theo các bước tương tự rồi dẫn dắt vào bài mới.

2. Hoạt động hình thành kiến thức mới

2.1. Hoạt động 1. Tìm hiểu về sự thành lập Vương quốc Phù Nam

a) Mục tiêu

Trình bày được sự thành lập của nước Phù Nam qua truyền thuyết lập nước và một số bằng chứng khảo cổ học.

b) Tổ chức thực hiện

♦ *Phương pháp – kĩ thuật dạy học:* phương pháp đàm thoại gợi mở, kể chuyện – kĩ thuật đặt câu hỏi.

♦ *Thời gian:* 15 phút.

♦ *Các bước tiến hành:*

– Bước 1: GV nêu nhiệm vụ: Đọc thông tin trong mục (trang 29 – 30, SGK), em hãy:

+ *Cho biết:* thời gian, địa điểm thành lập Vương quốc Phù Nam.

+ *Kể lại truyền thuyết về Hồn Điên – Liễu Diệp.*

– Bước 2: HS làm việc cá nhân để thực hiện yêu cầu.

– Bước 3:

+ GV gọi 2 – 3 HS trả lời câu hỏi về sự thành lập Vương quốc Phù Nam, các HS khác nhận xét, bổ sung ý kiến (nếu có).

+ GV tổ chức cho HS kể lại truyền thuyết về Hồn Điên – Liễu Diệp. Các HS khác theo dõi, bổ sung phần trả lời của bạn (nếu có). GV nhận xét phần trình bày của HS và nêu câu hỏi: *Truyền thuyết cho biết điều gì về Vương quốc Phù Nam?*

– Bước 4: GV nhận xét câu trả lời của HS và chuẩn kiến thức: Vương quốc Phù Nam ra đời vào khoảng thế kỉ I. Sự ra đời và phát triển của Vương quốc này gắn với truyền thuyết về Hồn Điên – Liễu Diệp. Địa bàn cư trú của cư dân Phù Nam chủ yếu ở khu vực Nam Bộ Việt Nam hiện nay.

– Bước 5: GV mở rộng: Cùng với truyền thuyết về Hồn Điên – Liễu Diệp thì những bằng chứng khảo cổ học được tìm thấy như nền móng kiến trúc, đồ gốm, bếp đun, tiền kim loại,... góp phần quan trọng chứng minh sự tồn tại của Vương quốc Phù Nam.

Để khắc sâu kiến thức cho HS về sự thành lập Vương quốc Phù Nam, GV cho HS thảo luận chung cả lớp để trả lời câu hỏi: *Những bằng chứng nào chứng tỏ sự tồn tại của Vương quốc Phù Nam?* Trên cơ sở phần trả lời của HS, GV dẫn dắt sang hoạt động 2.

2.2. Hoạt động 2. Tìm hiểu một số hiện vật khảo cổ học của Vương quốc Phù Nam

a) Mục tiêu

HS mô tả được một số hiện vật khảo cổ học của Phù Nam.

b) Tổ chức thực hiện

◆ *Phương pháp – kĩ thuật dạy học:* phương pháp làm việc nhóm, sử dụng phương tiện trực quan – kĩ thuật đặt câu hỏi.

◆ *Thời gian:* 15 phút.

◆ *Các bước tiến hành:*

– Bước 1: GV yêu cầu HS đọc thông tin và quan sát các hình từ 4 đến 7, thảo luận nhóm để thực hiện các nhiệm vụ:

+ *Kể tên những hiện vật của cư dân Phù Nam được các nhà khảo cổ đã phát hiện.*

+ *Những hiện vật đó phản ánh điều gì?*

+ *Lựa chọn và mô tả một hiện vật của Vương quốc Phù Nam.*

– Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ nhóm bằng cách mỗi HS tự quan sát và mô tả các hình, sau đó thảo luận và thống nhất với các bạn trong nhóm.

– Bước 3: GV gọi đại diện một số nhóm lên báo cáo kết quả thảo luận trước lớp. Các nhóm khác theo dõi, nhận xét, bổ sung ý kiến (nếu có). GV khuyến khích HS sưu tầm thêm hình ảnh minh họa để phần trình bày thêm sinh động.

– Bước 4: GV nhận xét, đánh giá hoạt động và sản phẩm của HS, chuẩn kiến thức cho HS: Nhiều dấu tích, hiện vật khác nhau của Vương quốc Phù Nam được tìm thấy, như: nền móng kiến trúc, bếp đun, đồ gốm, tiền kim loại, đồ trang sức, tượng thần, tượng Phật,... Những hiện vật đó chứng tỏ cư dân Phù Nam có đời sống kinh tế, vật chất, cũng như đời sống tinh thần khá phát triển.

3. Hoạt động luyện tập

a) Mục tiêu

- Củng cố lại nội dung bài học.
- Kiểm tra lại mục tiêu bài học xem HS đã đạt được chưa.

b) Tổ chức thực hiện

- ♦ *Phương pháp – kĩ thuật dạy học*: phương pháp đàm thoại – kĩ thuật đặt câu hỏi.
- ♦ *Thời gian*: 20 phút (mỗi nhiệm vụ 10 phút).
- ♦ *Các bước tiến hành*:

Câu 1. GV hướng dẫn HS trả lời câu hỏi theo các nội dung đã học.

Gợi ý: Vương quốc Phù Nam ra đời gắn với truyền thuyết lập nước và những bằng chứng khảo cổ học.

Câu 2. Đây là câu hỏi yêu cầu HS biết hệ thống lại kiến thức đã học, HS dựa vào kiến thức đã được tìm hiểu trong bài học để hoàn thành bảng theo gợi ý trong SGK vào vở.

- Bước 1: GV yêu cầu HS làm việc cá nhân, làm câu 2 phần Luyện tập vào vở.
- Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ vào vở trong thời gian 10 phút.
- Bước 3: GV tổ chức cho HS trình bày sản phẩm đã hoàn thành ngay tại lớp. Các HS khác lắng nghe, nhận xét và bổ sung thông tin (nếu có).
- Bước 4: GV nhận xét, đánh giá phần hoạt động của HS và rút kinh nghiệm (nếu có).

4. Hoạt động vận dụng

a) Mục tiêu

HS vận dụng được các kiến thức, kĩ năng đã học vào để giải quyết các nhiệm vụ trong học tập và trong thực tiễn cuộc sống.

b) Tổ chức thực hiện

- ♦ *Phương pháp dạy học*: phương pháp giải quyết vấn đề.
- ♦ *Thời gian*: HS thực hiện ở nhà, thời gian linh hoạt.

♦ *Các bước tiến hành:*

- Bước 1: GV yêu cầu HS chọn một hiện vật khảo cổ của Vương quốc Phù Nam mà HS ấn tượng, thông qua quan sát hình ảnh để vẽ và trang trí.
- Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ ở nhà (có thể trình bày vào vở và tạo ra một sản phẩm riêng), sau đó mang lên lớp để trao đổi với cô và các bạn vào buổi học tiếp theo.
- Bước 3: GV tổ chức cho HS trao đổi bức tranh, nhận xét và đánh giá chéo dựa trên các tiêu chí nội dung và hình thức theo gợi ý dưới đây. GV có thể cho HS trưng bày sản phẩm vào đầu tiết học sau hoặc yêu cầu HS chia sẻ với các bạn trong lớp.

TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ SẢN PHẨM CỦA HỌC SINH

STT	Tiêu chí		Điểm
1	Nội dung	– Nội dung thông tin đầy đủ, chính xác.	4
		– Bố cục mạch lạc, lô gíc.	3
2	Hình thức	– Trình bày sản phẩm sạch sẽ, dễ nhìn. – Hình thức đẹp, sáng tạo.	3

- Bước 4: GV nhận xét và đánh giá kết quả hoạt động vận dụng của cả lớp.

Gợi ý bảng hoàn thành:

Lĩnh vực	Hiện vật
Đời sống vật chất	– Nền móng kiến trúc – Bếp đun – Đồ gốm – Tiền kim loại
Đời sống tinh thần	– Đồ trang sức – Tượng thần – Tượng Phật

Bài 7 VƯƠNG QUỐC CHĂM-PA (2 TIẾT)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

1. Kiến thức

- HS kể được tên và xác định được trên bản đồ hoặc lược đồ một số đền tháp Chăm-pa còn lại cho đến ngày nay.
- Sưu tầm một số tư liệu (tranh ảnh, câu chuyện lịch sử,...) mô tả được một đền tháp Chăm-pa.
- Tìm hiểu và kể lại được một số câu chuyện về đền tháp Chăm-pa.

2. Năng lực

- Năng lực chung:
 - + Năng lực tự chủ và tự học: tự lực làm những nhiệm vụ học tập được giao trên lớp và ở nhà.
 - + Năng lực giao tiếp và hợp tác: hợp tác và giao tiếp với các bạn trong các nhiệm vụ học tập.
 - + Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: phát hiện được vấn đề từ các nhiệm vụ học tập và tìm cách giải quyết vấn đề đó.
- Năng lực đặc thù:
 - + Năng lực tìm hiểu lịch sử thông qua việc kể được tên và xác định được trên bản đồ hoặc lược đồ một số đền tháp Chăm-pa còn lại cho đến ngày nay; kể lại được một số câu chuyện về đền tháp Chăm-pa; mô tả được một số đền tháp Chăm-pa có sử dụng tư liệu tranh ảnh, câu chuyện lịch sử,...
 - + Năng lực vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học thông qua việc sưu tầm được một số tư liệu (tranh ảnh, câu chuyện lịch sử,...) về đền tháp Chăm-pa.

3. Phẩm chất

Thông qua bài học, HS có tinh thần, trách nhiệm giữ gìn, phát huy những di sản văn hoá Chăm-pa còn tồn tại cho đến ngày nay.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- Tranh ảnh và câu chuyện về đền tháp Chăm-pa.
- Video về điệu múa Chăm-pa hoặc lễ hội của Chăm-pa.
- Lược đồ phân bố một số đền tháp Chăm ở Việt Nam hiện nay.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

1. Hoạt động khởi động

a) Mục tiêu

Tạo hứng thú cho HS, kết nối kiến thức, kĩ năng đã biết vào bài học.

b) Tổ chức thực hiện

♦ *Phương pháp – kĩ thuật dạy học:* phương pháp đàm thoại gợi mở – kĩ thuật đặt câu hỏi.

♦ *Thời gian:* 5 phút.

♦ *Các bước tiến hành:*

* Phương án 1:

– Bước 1: GV có thể gắn lên bảng hoặc chiếu trên màn hình hình ảnh Tháp Nhạn (Phú Yên) hoặc một hình ảnh khác về đền tháp Chăm-pa và giới thiệu: Đây là một trong những tháp Chăm tiêu biểu của Vương quốc Chăm-pa còn tồn tại cho đến ngày nay. Sau đó, GV nêu yêu cầu: *Kể tên các đền tháp Chăm khác mà em biết. Hãy chia sẻ điều em biết về các đền tháp Chăm.*

– Bước 2: HS sử dụng hiểu biết của bản thân để thực hiện yêu cầu của GV.

– Bước 3: GV gọi 2 – 3 HS lên trình bày, các HS khác lắng nghe, nhận xét và bổ sung thêm ý kiến (nếu có).

– Bước 4: GV nhận xét phần trình bày của HS, đồng thời sử dụng câu trả lời của HS để dẫn dắt vào bài học.

* Phương án 2:

– Bước 1: GV cho HS xem video về một lễ hội của người Chăm hoặc một điệu múa của người Chăm và đặt câu hỏi: *Em có biết lễ hội hoặc điệu múa trên của dân tộc nào không? Chia sẻ điều em biết về dân tộc đó.*

– Bước 2: HS sử dụng hiểu biết của bản thân để trả lời câu hỏi của GV.

+ Bước 3: GV gọi 2 – 3 HS lên trả lời, các HS khác lắng nghe, nhận xét và bổ sung thêm ý kiến (nếu có).

– Bước 4: GV nhận xét câu trả lời của HS, đồng thời sử dụng những câu trả lời của HS để dẫn dắt vào bài học.

Lưu ý: GV cũng có thể tổ chức khởi động theo cách sáng tạo của mình và phù hợp với đối tượng HS.

2. Hoạt động khám phá

2.1. Hoạt động 1. Tìm hiểu về đền tháp Chăm-pa

a) Mục tiêu

– HS kể được tên và xác định được trên bản đồ hoặc lược đồ một số đền tháp Chăm-pa còn lại cho đến ngày nay.

– Sưu tầm một số tư liệu (tranh ảnh, câu chuyện lịch sử,...) mô tả được một đền tháp Chăm-pa.

b) Tổ chức thực hiện

Nhiệm vụ 1: Tìm hiểu về một số đền tháp Chăm-pa

♦ *Phương pháp – kĩ thuật dạy học:* phương pháp sử dụng phương tiện trực quan – kĩ thuật đặt câu hỏi.

♦ *Thời gian:* 15 phút.

♦ *Các bước tiến hành:*

– Bước 1: GV cho HS hoạt động cá nhân, quan sát hình 2 và thực hiện yêu cầu: *Kể tên và xác định vị trí của một số đền tháp Chăm trên lược đồ.*

– Bước 2: HS làm việc cá nhân sử dụng lược đồ trong SGK trong thời gian 2 phút, sau đó trao đổi với bạn bên cạnh.

– Bước 3: GV gọi lần lượt một số HS, mỗi HS kể được tên một số đền tháp Chăm và chỉ trên lược đồ (phóng to) vị trí của đền tháp Chăm đó. Các bạn khác quan sát, lắng nghe và nhận xét, bổ sung (nếu có).

– Bước 4: GV nhận xét, đánh giá về tinh thần làm việc của cả lớp và chuẩn kiến thức: Đền tháp là di sản văn hoá tiêu biểu nhất của Vương quốc Chăm-pa. Hiện nay, nước ta còn nhiều di tích đền tháp Chăm như: Mỹ Khánh, Mỹ Sơn, Khương Mỹ, Dương Long, Cánh Tiên, Bánh Ít, Tháp Nhạn, Pô Na-ga, Pô Klong Ga-rai,... phân bố ở các tỉnh: Thừa Thiên Huế, Quảng Nam, Bình Định, Phú Yên, Khánh Hoà, Ninh Thuận, Bình Thuận. Ngoài ra, tháp Chăm còn có ở một tỉnh Tây Nguyên là Đắk Lắk.

Nhiệm vụ 2: Mô tả đền tháp Chăm

– Bước 1: GV yêu cầu HS thảo luận nhóm hoặc cặp đôi và thực hiện nhiệm vụ: *Mô tả nét chính của một đền tháp Chăm.*

– Bước 2: HS lựa chọn Thánh địa Mỹ Sơn (Quảng Nam) hoặc tháp Bánh Ít (Bình Định) để mô tả, thực hiện theo quy trình như sau:

+ HS làm việc cá nhân bằng cách đọc thông tin trong SGK về đền tháp Chăm mình lựa chọn, ghi lại thông tin ra giấy trong thời gian 3 phút, sau đó HS trao đổi với bạn cùng cặp hoặc trong nhóm và thống nhất ý kiến.

– Bước 3: GV mời đại diện nhóm báo cáo kết quả thảo luận trước lớp, các nhóm khác theo dõi, nhận xét và bổ sung ý kiến (nếu có).

– Bước 4: GV nhận xét câu trả lời của các nhóm và chốt lại nội dung theo SGK về các đền tháp Chăm trong khu Thánh địa Mỹ Sơn hoặc tháp Bánh Ít (Bình Định). Ngoài ra, nếu ở những địa phương có đền tháp Chăm, GV có thể linh hoạt giới thiệu thêm cho HS đền tháp Chăm tại địa phương của mình.

– Bước 5: GV mở rộng: Thánh địa Mỹ Sơn được phát hiện vào năm 1885 và được UNESCO công nhận là Di sản Văn hoá thế giới năm 1995.

2.2. Hoạt động 2. Kể chuyện về đền tháp Chăm

a) Mục tiêu

HS tìm hiểu và kể lại được một số câu chuyện về đền tháp Chăm-pa.

b) Tổ chức thực hiện

♦ *Phương pháp – kĩ thuật dạy học:* phương pháp kể chuyện – kĩ thuật đặt câu hỏi.

♦ *Thời gian:* 25 phút.

♦ *Các bước tiến hành:*

– Bước 1: GV tổ chức cho HS hoạt động cặp đôi hoặc nhóm, đọc nội dung các câu chuyện trong SGK và thực hiện yêu cầu: *Kể lại một câu chuyện theo cách của em.*

– Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ theo quy trình như sau:

+ Chọn câu chuyện dự định kể.

+ Đọc câu chuyện và kể câu chuyện cho các bạn trong lớp.

– Bước 3: GV tổ chức cho các cặp đôi hoặc nhóm báo cáo nhiệm vụ. Các nhóm HS khác quan sát và nhận xét. Trong quá trình HS báo cáo, GV có thể cho HS xem một đoạn video liên quan đến tháp Pô Klong Ga-rai hoặc tháp Bà Pô Na-ga,....

– Bước 4: GV nhận xét phần kể chuyện của HS hoặc nhóm và chuẩn kiến thức. Ở hoạt động này, GV rèn cho HS kĩ năng kể chuyện. Vì vậy, trong quá trình HS báo cáo nhiệm vụ, GV hướng dẫn HS kĩ năng trình bày và các biểu cảm sao cho sinh động, hấp dẫn.

PHIẾU ĐÁNH GIÁ KỂ CHUYỆN CỦA HỌC SINH

Tiêu chí	Mức độ 1	Mức độ 2	Mức độ 3
Bố cục	– Trình bày thông tin mạch lạc, lô gic.	Trình bày thông tin còn nhầm lẫn giữa các nội dung.	Không có bố cục cho sản phẩm.
	2 điểm	1 điểm	0.5 điểm
Giọng nói, Biểu cảm	– Giọng kể chuyện to, rõ ràng. – Ngữ điệu có lên giọng, xuống giọng ở những chỗ cần thiết. – Thể hiện được cảm xúc qua cử chỉ, nét mặt, điệu bộ.	Không đạt 1 trong ba tiêu chí về hình thức sản phẩm.	Không đạt cả ba tiêu chí về hình thức sản phẩm.
	3 điểm	2 điểm	1 điểm
Nội dung	– Đầy đủ nội dung. – Sắp xếp các nội dung đúng theo lô gic.	– Còn thiếu một số nội dung. – Sắp xếp một số nội dung chưa đúng lô gic.	– Thiếu nhiều nội dung. – Sắp xếp lộn xộn, chưa đúng thứ tự.
	5 điểm	3 điểm	1 điểm

- Bước 5: GV có thể mở rộng kiến thức cho HS về thông tin của hình 5 và hình 6 trong SGK.

3. Hoạt động luyện tập

a) Mục tiêu

- củng cố lại nội dung bài học.
- Kiểm tra lại mục tiêu bài học xem HS đã đạt được chưa.

b) Tổ chức thực hiện

- Bước 1: GV yêu cầu HS làm việc cá nhân thực hiện câu 1, 2 phần Luyện tập.
- + Hoàn thành bảng theo các gợi ý về các đền tháp Chăm ở Việt Nam.
- + Làm thẻ ghi nhớ giới thiệu về một đền tháp Chăm theo gợi ý: tên gọi, địa điểm, nét chính về kiến trúc,...
- Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ vào vở trong thời gian 10 phút.
- Bước 3:
- + GV tổ chức cho HS trình bày sản phẩm đã hoàn thành ngay tại lớp. Các HS khác lắng nghe, nhận xét và bổ sung (nếu có).
- + GV tổ chức cho HS trao đổi bảng, thẻ ghi nhớ và đánh giá, chấm điểm lẫn nhau dựa trên các tiêu chí nội dung và hình thức dưới đây.

TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ SẢN PHẨM BẢNG, THẺ GHI NHỚ CỦA HỌC SINH

STT	Tiêu chí		Điểm
1	Nội dung	– Nội dung thông tin đầy đủ, chính xác.	4
		– Bố cục mạch lạc, lô gic.	3
2	Hình thức	Trình bày sản phẩm sạch sẽ, đẹp, dễ nhìn.	3

- Bước 4: GV nhận xét, đánh giá phần nhận xét chéo của HS và rút kinh nghiệm (nếu có), Sau đó, GV chuẩn lại kiến thức:

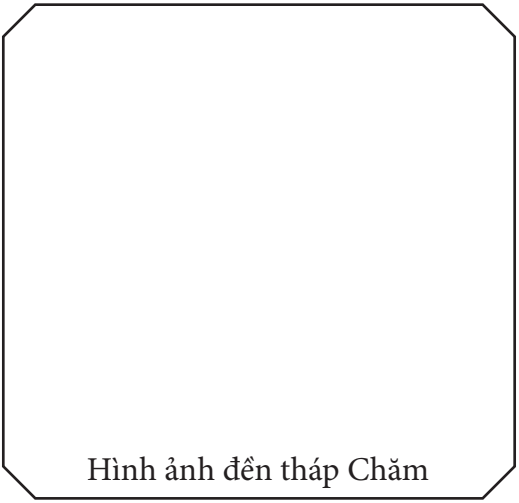
Gợi ý sản phẩm:

- + Bảng về một số đền tháp Chăm

STT	Tên đền tháp	Địa điểm (tỉnh hoặc thành phố)
1	Thánh Địa Mỹ Sơn	Quảng Nam
2	Tháp Bánh Ít	Bình Định
3	Tháp Pô Klong Ga-ra	Ninh Thuận
4	Tháp Bà Pô Na-ga	Khánh Hoà

- + Thẻ ghi nhớ

+ Bảng vẽ các đền tháp Chăm ở Việt Nam

Tên đền tháp:	
.....	
Địa điểm:	
.....	
Nét chính về kiến trúc:	
.....	
.....	
.....	
.....	
.....	

+ Thẻ nhớ về đền tháp nêu được: tên đền tháp, địa điểm, đặc điểm nổi bật.

4. Hoạt động vận dụng

a) Mục tiêu

HS vận dụng được các kiến thức, kĩ năng đã học vào để giải quyết các nhiệm vụ trong học tập và trong thực tiễn cuộc sống.

b) Tổ chức thực hiện

◆ *Phương pháp – kĩ thuật dạy học:* phương pháp sử dụng phương tiện trực quan – kĩ thuật đặt câu hỏi.

◆ *Thời gian:* HS làm việc tại nhà, thời gian linh hoạt.

◆ *Các bước tiến hành:*

– Bước 1: GV yêu cầu HS làm việc cá nhân ở nhà, thực hiện nhiệm vụ phần vận dụng: *Sưu tầm tranh ảnh về một đền tháp Chăm ở Việt Nam và giới thiệu với bạn, người thân.*

GV hướng dẫn HS sưu tầm tranh ảnh về tháp Dương Long và tháp Nhạn để giới thiệu theo gợi ý như sau: Địa điểm (tỉnh hoặc thành phố), thời gian xây dựng, đặc điểm nổi bật.

– Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ ở nhà (có thể trình bày vào vở và tạo ra một sản phẩm riêng), sau đó mang lên lớp để trao đổi với cô và các bạn vào buổi học tiếp theo.

– Bước 3: GV gọi 2 – 3 HS lên chia sẻ sản phẩm đã hoàn thành về một đền tháp Chăm ở Việt Nam.

– Bước 4: GV nhận xét và đánh giá phần tìm hiểu thông tin của cả lớp.

Gợi ý:

- Tháp Dương Long (Bình Định)

Tháp Dương Long thuộc huyện Tây Sơn, tỉnh Bình Định, được xây dựng vào cuối thế kỉ XII. Cụm tháp này gồm ba tháp: Tháp giữa cao 39 m, hai tháp bên cao 32 m. Phần thân của các tháp xây bằng gạch, các góc được ghép bởi những tảng đá lớn chạm trổ công phu. Tính quy mô của tháp Dương Long được thể hiện không chỉ ở chiều cao của tháp (cao nhất trong các tháp Chăm còn lại ở Việt Nam) mà còn ở lối kiến trúc độc đáo, đặc biệt là các hoa văn, hoạ tiết được khắc tạc trực tiếp trên những tảng đá đồ sộ đặt ngay trên đỉnh tháp.

Tháp Dương Long được đánh giá là một trong những tháp Chăm đẹp nhất Việt Nam, được xếp hạng là Di tích kiến trúc – nghệ thuật năm 1980 và Di tích quốc gia đặc biệt năm 2015.

- Tháp Nhạn (Phú Yên)

Tháp Nhạn trong tiếng Ê Đê và Gia Rai gọi là Yang Kơ Hmeng thuộc thành phố Tuy Hoà, tỉnh Phú Yên. Tháp được xây dựng vào khoảng thế kỉ XII có hình tứ giác với 4 tầng, càng lên cao càng thu nhỏ lại so với tầng dưới, nhưng vẫn theo phong cách tầng dưới. Tháp cao khoảng 25 m với đế tháp hình vuông, thân tháp được xây to ở phần chân và thu nhỏ dần về phía đỉnh. Trên đỉnh tháp là tượng Lin-ga bằng đá – biểu tượng tâm linh của người dân Chăm-pa. Trong mỗi công trình đền tháp của người Chăm đều có Lin-ga và Yo-ni tượng trưng cho tín ngưỡng phồn thực cầu mong vạn vật được nảy nở sinh sôi. Tháp Nhạn được xây dựng hoàn toàn bằng gạch nung xếp khít nhau mà rất vững chắc. Theo nghiên cứu, loại gạch này có khối lượng nhẹ hơn một viên gạch thông thường khoảng 1,3 lần. Kể cả độ bền chịu nén, chịu va đập cũng hơn gạch thường rất nhiều. Các viên gạch được sử dụng kĩ thuật mài chập, nghĩa là sau khi phết keo lên, họ mài các viên gạch với nhau cho đến khi bề mặt tiếp xúc hoàn toàn khít không lộ ra một chút kẽ hở nào.

Tháp Nhạn được công nhận là Di tích kiến trúc – nghệ thuật cấp quốc gia năm 1988.

CHỦ ĐỀ 3. XÂY DỰNG VÀ BẢO VỆ ĐẤT NƯỚC VIỆT NAM

Bài 8 ĐẤU TRANH GIÀNH ĐỘC LẬP THỜI KÌ BẮC THUỘC (3 TIẾT)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

1. Kiến thức

- Kể được tên và vẽ được đường thời gian thể hiện một số cuộc khởi nghĩa tiêu biểu trong thời kì Bắc thuộc (ví dụ: 179 TCN, 40, 248, 542, 938,...).
- Sưu tầm và kể lại được một số câu chuyện về Hai Bà Trưng, Bà Triệu, Lý Bí, Phùng Hưng, Ngô Quyền,...

2. Năng lực

- Năng lực chung:
 - + Tự chủ và tự học thông qua các hoạt động học tập mang tính cá nhân, tự lực làm những nhiệm vụ học tập được giao trên lớp và ở nhà.
 - + Giao tiếp và hợp tác thông qua hoạt động nhóm để hoàn thành các nhiệm vụ học tập.
 - + Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: phát hiện được vấn đề từ các nhiệm vụ học tập và tìm cách giải quyết chúng; sưu tầm các câu chuyện về Hai Bà Trưng, Bà Triệu, Lý Bí, Phùng Hưng, Ngô Quyền,...
- Năng lực đặc thù:
 - + Năng lực tìm hiểu lịch sử thông qua việc kể được tên một số cuộc khởi nghĩa tiêu biểu trong thời kì Bắc thuộc; kể lại được một số câu chuyện về Hai Bà Trưng, Bà Triệu, Lý Bí, Phùng Hưng, Ngô Quyền,...
 - + Năng lực vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học thông qua việc vẽ được đường thời gian thể hiện một số cuộc khởi nghĩa tiêu biểu trong thời kì Bắc thuộc.

3. Phẩm chất

Bài học góp phần hình thành phẩm chất yêu nước để thể hiện lòng kính phục, ngưỡng mộ, trân trọng đối với những anh hùng trong cuộc đấu tranh chống Bắc thuộc.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- Tranh ảnh, tư liệu về các cuộc khởi nghĩa của Hai Bà Trưng, Bà Triệu, Lý Bí, Phùng Hưng, Ngô Quyền.
- Câu chuyện về một số nhân vật tiêu biểu trong cuộc đấu tranh chống Bắc thuộc.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

1. Hoạt động mở đầu

a) Mục tiêu

Kết nối những điều HS đã biết với những điều HS chưa biết, tạo tâm thế hứng khởi, kích thích sự tò mò của HS để dẫn dắt vào bài mới.

b) Tổ chức thực hiện

♦ *Phương pháp – kĩ thuật dạy học:* phương pháp đàm thoại gợi mở – kĩ thuật đặt câu hỏi.

♦ *Thời gian:* 5 phút.

♦ *Các bước tiến hành:*

* Phương án 1:

– Bước 1: GV dẫn câu thơ của Hồ Chí Minh trong bài thơ *Lịch sử nước ta* và đặt câu hỏi: *Những câu thơ nhắc đến sự kiện và nhân vật lịch sử nào?*

– Bước 2: HS đọc hai câu thơ và sử dụng hiểu biết của bản thân để trả lời câu hỏi.

– Bước 3: GV gọi 2 – 3 HS lần lượt đưa ra câu trả lời, các HS khác lắng nghe, nhận xét và bổ sung thêm thông tin (nếu có).

– Bước 4: GV nhận xét câu trả lời của HS và chốt lại nội dung: Những câu thơ trên nhắc đến Hai Bà Trưng và cuộc khởi nghĩa do Hai Bà lãnh đạo. Đây là một trong những cuộc khởi nghĩa mở đầu phong trào đấu tranh vũ trang chống ách đô hộ của phương Bắc. Cuộc khởi nghĩa đã cổ vũ mạnh mẽ tinh thần đấu tranh giành độc lập của nhân dân ta. Nhiều cuộc khởi nghĩa đã bùng nổ sau đó và đưa đến kết quả to lớn là giành được nền độc lập của nước nhà. Sau đó, GV nêu câu hỏi: *Vậy công cuộc đấu tranh giành độc lập thời kì Bắc thuộc diễn ra như thế nào?*

* Phương án 2:

GV có thể sử dụng hình ảnh hoặc câu chuyện lịch sử hoặc một số di tích liên quan đến các nhân vật tiêu biểu của thời kì này như Bà Triệu, Lý Bí, Phùng Hưng, Ngô Quyền,... để giới thiệu và dẫn dắt HS vào bài học.

Lưu ý: GV cũng có thể tổ chức khởi động theo cách sáng tạo của mình và phù hợp với đối tượng HS.

2. Hoạt động khám phá

2.1. Hoạt động 1. Tìm hiểu một số cuộc đấu tranh tiêu biểu trong thời kì Bắc thuộc

a) Mục tiêu

HS kể được tên và vẽ được trục thời gian thể hiện một số cuộc khởi nghĩa tiêu biểu trong thời kì Bắc thuộc (ví dụ: 40, 248, 542, 938,...).

b) Tổ chức thực hiện

- ◆ *Phương pháp – kĩ thuật dạy học:* phương pháp đàm thoại – kĩ thuật đặt câu hỏi.
- ◆ *Thời gian:* 10 phút.
- ◆ *Các bước tiến hành:*

Nhiệm vụ 1: Tìm hiểu nguyên nhân bùng nổ các cuộc đấu tranh giành độc lập thời kì Bắc thuộc

– Bước 1: GV dẫn dắt: Sau khi Triệu Đà thôn tính nước Âu Lạc (năm 179 TCN), các triều đại phong kiến phương Bắc nối tiếp nhau đô hộ nước ta trong hơn 1 000 năm. Dưới ách thống trị của phong kiến phương Bắc, nhân dân ta liên tục đứng lên đấu tranh giành độc lập. Sau đó, GV đặt câu hỏi toàn lớp: *Vậy các em có biết tại sao nhân dân ta phải đứng lên đấu tranh giành độc lập không?*

– Bước 2: HS đọc thông tin trong SGK, ghi vào giấy những thông tin quan trọng trong vòng 2 phút.

– Bước 3: GV tổ chức thảo luận cả lớp: GV gọi 1 – 2 HS nêu nguyên nhân dẫn tới bùng nổ các cuộc đấu tranh chống Bắc thuộc giành độc lập. Các bạn khác nhận xét, bổ sung.

– Bước 4: GV nhận xét, đánh giá về hoạt động học của cả lớp và chốt lại nội dung: Sau khi chiếm được nước ta, chính quyền đô hộ phong kiến phương Bắc sáp nhập nước ta vào lãnh thổ Trung Quốc, chia thành các đơn vị hành chính như: châu – quận, huyện. Chúng bắt nhân dân ta phải cống nạp sản vật quý (ngà voi, tê giác, ngọc trai, đồi mồi,...), phải theo phong tục của người Hán, học chữ Hán,... Những chính sách đó làm cho đời sống của nhân dân vô cùng cực khổ. Không cam chịu ách thống trị của phương Bắc, nhân dân ta đã đứng lên đấu tranh giành độc lập.

Nhiệm vụ 2: Tìm hiểu các cuộc đấu tranh tiêu biểu trong thời kì Bắc thuộc

– Bước 1: GV tổ chức cho HS hoạt động theo hình thức cá nhân, đọc nội dung mục 1 sau đó *nói với bạn tên một số cuộc đấu tranh tiêu biểu trong thời kì Bắc thuộc*. GV cũng có thể tổ chức hoạt động nhóm bằng một trong 2 hình thức dưới đây:

+ Chuẩn bị một bảng với hai cột (theo gợi ý dưới đây). Sau đó yêu cầu HS thảo luận và nối các mốc thời gian tương ứng với tên các cuộc khởi nghĩa. GV gọi HS trình bày kết quả thực hiện nhiệm vụ và có thể nêu thêm yêu cầu: *Kể tên một số cuộc đấu tranh tiêu biểu mà em nhớ được.*

Thời gian diễn ra	Tên các cuộc đấu tranh
40 – 43	Khởi nghĩa Bà Triệu
248	Khởi nghĩa Lý Bí – Triệu Quang Phục
542 – 602	Khởi nghĩa Phùng Hưng
713 – 722	Khởi nghĩa Hai Bà Trưng

766 – 779	Khởi nghĩa Khúc Thừa Dụ
905	Khởi nghĩa Ngô Quyền
938	Khởi nghĩa Mai Thúc Loan

+ Chuẩn bị một đường thời gian với các mốc thời gian chính và các tấm thẻ là tên các cuộc đấu tranh tiêu biểu, cho HS thảo luận nhóm và gắn tên các cuộc đấu tranh với các mốc thời gian tương ứng.

– Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ trong vòng 3 phút.

– Bước 3: GV gọi một số HS lên thực hiện nhiệm vụ, các HS khác nhận xét, hoàn thiện câu trả lời. GV có thể hỏi thêm: *Việc nhân dân ta liên tục đứng lên đấu tranh giành độc lập thể hiện điều gì?*

– Bước 4: GV nhận xét và chốt lại nội dung về các cuộc đấu tranh tiêu biểu chống Bắc thuộc (tên cuộc khởi nghĩa, thời gian diễn ra). GV nhấn mạnh: Các cuộc đấu tranh chống Bắc thuộc thể hiện tinh thần yêu nước, chống giặc ngoại xâm, ý chí tự chủ và tinh thần dân tộc của nhân dân ta.

2.2. Hoạt động 2. Kể chuyện về một số nhân vật tiêu biểu trong cuộc đấu tranh chống Bắc thuộc

a) Mục tiêu

HS sưu tầm và kể lại được một số câu chuyện về Hai Bà Trưng, Bà Triệu, Lý Bí, Phùng Hưng, Ngô Quyền,...

b) Tổ chức thực hiện

♦ *Phương pháp – kĩ thuật dạy học:* phương pháp kể chuyện – kĩ thuật đặt câu hỏi.

♦ *Thời gian:* 25 phút.

♦ *Các bước tiến hành:*

– Bước 1: GV tổ chức cho HS hoạt động theo nhóm, giao nhiệm vụ cho từng nhóm, đọc nội dung mục 2 và thực hiện các yêu cầu:

+ *Kể câu chuyện về một nhân vật lịch sử tiêu biểu trong cuộc đấu tranh chống Bắc thuộc.*

+ *Chia sẻ điều em biết được qua câu chuyện đó.*

– Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ theo quy trình như sau:

+ Chọn câu chuyện dự định kể.

+ Đọc câu chuyện và kể lại câu chuyện trước lớp.

+ Thảo luận để trả lời câu hỏi liên quan đến câu chuyện.

– Bước 3: GV gọi đại diện một số nhóm lên kể câu chuyện của nhóm mình, các nhóm khác nhận xét. Ở hoạt động này, GV rèn cho HS kĩ năng đọc và phân tích thông tin để kể lại câu chuyện theo cách của mình. Để HS có thể kể chuyện theo cách của mình, GV có thể đặt một số câu hỏi nhỏ liên quan đến câu chuyện như:

- + Câu chuyện nhắc đến nhân vật lịch sử nào?
- + Nêu những việc làm của nhân vật lịch sử đó.
- + Bày tỏ cảm nghĩ của em về nhân vật lịch sử đó.
- Bước 4: GV nhận xét phần làm việc của cá nhân và các nhóm, sau đó chuẩn kiến thức cho HS. *Lưu ý*, sau khi HS kể được câu chuyện về các nhân vật, GV chốt lại nội dung về ý nghĩa của các câu chuyện đó.
- + Cuộc khởi nghĩa Hai Bà Trưng đã chứng tỏ tinh thần đấu tranh bất khuất của nhân dân ta, tạo tiền đề cho việc khôi phục nền độc lập, tự chủ của nước nhà sau này.
- + Cuộc khởi nghĩa Lý Bí thể hiện lòng yêu nước, khẳng định sự trưởng thành về ý thức đấu tranh giành độc lập của nhân dân ta.
- + Chiến thắng Bạch Đằng của Ngô Quyền đã chấm dứt hoàn toàn ách đô hộ của phong kiến phương Bắc, mở ra thời kì độc lập, tự chủ lâu dài cho dân tộc.

3. Hoạt động luyện tập

a) Mục tiêu

- củng cố lại nội dung bài học.
- Kiểm tra lại mục tiêu bài học xem HS đã đạt được yêu cầu chưa.

b) Tổ chức thực hiện

Câu 1. GV hướng dẫn HS hoàn thiện trực thời gian theo gợi ý vào vở.

- Bước 1: GV yêu cầu HS làm việc cá nhân, làm câu 1 phần Luyện tập: *Hoàn thiện trực thời gian thể hiện một số cuộc đấu tranh tiêu biểu trong thời kì Bắc thuộc.*
- Bước 2: HS hoàn thiện trực thời gian theo gợi ý SGK vào vở trong thời gian 10 phút.
- Bước 3:
 - + GV tổ chức cho HS trình bày sản phẩm đã hoàn thành ngay tại lớp. Các bạn HS khác lắng nghe, nhận xét và bổ sung (nếu có).
 - + GV tổ chức cho HS trao đổi sơ đồ và đánh giá, chuẩn kiến thức cho HS.
- Bước 4: GV nhận xét trực thời gian và chốt lại một số cuộc đấu tranh tiêu biểu trong thời kì Bắc thuộc.

Câu 2. Nhiệm vụ này có thể thực hiện ở nhà dưới sự giúp đỡ của người thân và báo cáo nhiệm vụ vào buổi học kế tiếp.

- Bước 1: GV yêu cầu HS sưu tầm tư liệu và kể lại câu chuyện về một nhân vật tiêu biểu trong cuộc đấu tranh chống Bắc thuộc.
- Bước 2: HS làm việc cá nhân lựa chọn và chuẩn bị nội dung về nhân vật mình sưu tầm.
- Bước 3: GV tổ chức cho HS kể chuyện trước lớp.

– Bước 4: GV nhận xét, đánh giá về hoạt động kể chuyện của HS theo bảng đánh giá tiêu chí.

PHIẾU ĐÁNH GIÁ KỂ CHUYỆN CỦA HỌC SINH

Tiêu chí	Mức độ 1	Mức độ 2	Mức độ 3
Bố cục	Trình bày thông tin mạch lạc, lô gic.	Trình bày thông tin còn nhầm lẫn giữa các nội dung.	Không có bố cục cho sản phẩm.
	2 điểm	1 điểm	0.5 điểm
Giọng nói, Biểu cảm	– Giọng kể chuyện to, rõ ràng. – Ngữ điệu có lên giọng, xuống giọng ở những chỗ cần thiết. – Thể hiện được cảm xúc qua cử chỉ, nét mặt, điệu bộ.	Không đạt 1 trong ba tiêu chí về hình thức sản phẩm.	Không đạt cả ba tiêu chí về hình thức sản phẩm.
	3 điểm	2 điểm	1 điểm
Nội dung	– Đầy đủ nội dung. – Sắp xếp các nội dung đúng theo lô gic.	– Còn thiếu một số nội dung. – Sắp xếp một số nội dung chưa đúng lô gic.	– Thiếu nhiều nội dung. – Sắp xếp lộn xộn, chưa đúng thứ tự.
	5 điểm	3 điểm	1 điểm

Gợi ý: Tư liệu về một số nhân vật tiêu biểu trong cuộc đấu tranh chống Bắc thuộc.

• Bà Triệu

Bà Triệu (Triệu Ẩu, Triệu Thị Trinh) quê ở Yên Định (Thanh Hoá), là người rất giỏi võ nghệ và có chí lớn. Năm 248, bà cùng anh là Triệu Quốc Đạt dựng cờ khởi nghĩa chống giặc Ngô tại núi Nưa (Nông Cống, Thanh Hoá). Dân gian thường truyền tụng câu nói của bà: “Tôi muốn cưỡi cơn gió mạnh, đạp luồng sóng dữ, chém cá kình ở Biển Đông, đánh đuổi quân Ngô giành lại giang sơn, cởi ách nô lệ, chứ không chịu khom lưng làm tì thiếp cho người ta”.

Bà thường mặc áo giáp vàng, cưỡi voi xuất trận, đánh đầu thắng đó. Trong dân gian lưu truyền câu: “Vung tay đánh cọp xem còn dễ/Đối diện Bà Vương mới khó sao”. Kẻ thù đã phải dùng biện pháp hèn hạ để sát hại bà. Bà Triệu anh dũng hi sinh trên núi Tùng (huyện Hậu Lộc, tỉnh Thanh Hoá).

(Theo Đinh Xuân Lâm, Trương Hữu Quýnh (Chủ biên),
Từ điển nhân vật lịch sử Việt Nam, NXB Giáo dục, tr. 542 – 543)

• Mai Thúc Loan

Mai Thúc Loan quê ở Hà Tĩnh, sinh ra và lớn lên ở huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An. Tương truyền, Mai Thúc Loan là một cậu bé hiếu động, nhanh nhẹn, có sức khoẻ hơn người. Bất bình trước chính sách đô hộ của nhà Đường, năm 722, Mai Thúc Loan đã phát động nhân dân đấu tranh. Nghĩa quân nhanh chóng chiếm Hoan Châu. Nhân dân Ái Châu, Diễn Châu nổi dậy hưởng ứng. Mai Thúc Loan chọn vùng Sa Nam (Nam Đàn) để xây dựng căn cứ. Quân khởi nghĩa tiến quân ra Bắc, đánh đuổi chính quyền đô hộ,

làm chủ thành Tống Bình. Mai Thúc Loan xưng đế, nhân dân thường gọi ông là Mai Hắc Đế (vua Đen). Về sau cuộc khởi nghĩa bị nhà Đường dập tắt.

- **Phùng Hưng**

Phùng Hưng là hào trưởng đất Đường Lâm (Hà Nội). Ông xuất thân trong gia đình giàu có, uy tín lớn đối với nhân dân trong vùng. Ông có sức khoẻ phi thường, sức có thể xô ngã trâu, đánh được hổ. Cuối thế kỉ VIII, chính quyền đô hộ nhà Đường ngày càng ra sức vơ vét, bóc lột của cải của nhân dân ta. Không cam chịu, Phùng Hưng đã lãnh đạo nhân dân nổi dậy khởi nghĩa. Nghĩa quân đã làm chủ được vùng đất Đường Lâm (Sơn Tây, Hà Nội); sau đó tiếp tục kéo xuống bao vây và chiếm thành Tống Bình; tự sắp đặt việc cai trị trong vòng 9 năm thì bị quân Đường đàn áp và chiếm lại.

Cuộc khởi nghĩa Phùng Hưng tiếp tục khẳng định quyết tâm giành lại độc lập, tự chủ của người Việt, mở đường cho những thắng lợi to lớn về sau.

(Theo Phan Huy Lê (Chủ biên), *Lịch sử Việt Nam*, Tập I, Sđd, tr. 445 – 446)

4. Hoạt động vận dụng

a) Mục tiêu

HS vận dụng được các kiến thức, kĩ năng đã học vào để giải quyết các nhiệm vụ trong học tập và trong thực tiễn cuộc sống.

b) Tổ chức thực hiện

- ◆ *Phương pháp dạy học:* phương pháp giải quyết vấn đề.

- ◆ *Thời gian:* HS làm việc tại nhà, thời gian linh hoạt.

- ◆ *Các bước tiến hành:*

- Bước 1: GV yêu cầu HS làm việc cá nhân ở nhà, thực hiện nhiệm vụ phần vận dụng: *Tìm hiểu và kể tên một số di tích lịch sử, đường phố, trường học,... liên quan đến những nhân vật tiêu biểu trong cuộc đấu tranh chống Bắc thuộc.*

- Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ ở nhà (có thể trình bày vào vở và tạo ra một sản phẩm riêng), sau đó mang lên lớp để trao đổi với cô và các bạn vào buổi học tiếp theo.

- Bước 3: GV tổ chức chia nhóm các bạn HS theo nhóm quốc gia HS chọn tìm hiểu ở nhà, sau đó gọi đại diện các nhóm HS lên kể tên một số di tích lịch sử, đường phố, trường học,... liên quan đến những nhân vật tiêu biểu trong cuộc đấu tranh chống Bắc thuộc.

- Bước 4: GV nhận xét và đánh giá phần tìm hiểu thông tin của cả lớp.

Bài 9 TRIỀU LÝ VÀ VIỆC ĐỊNH ĐÔ Ở THĂNG LONG (3 TIẾT)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

1. Kiến thức

- Sưu tầm và giới thiệu được một số tư liệu lịch sử (câu chuyện, văn bản, tranh ảnh,...) liên quan đến Triều Lý.
- Trình bày được một số nét chính về lịch sử Việt Nam thời nhà Lý thông qua các câu chuyện về một số nhân vật lịch sử, như: Lý Công Uẩn, Lý Thường Kiệt, Nguyên phi Ỗ Lan, Từ Đạo Hạnh,...
- Đọc và nêu nhận xét về nội dung và ý nghĩa của *Chiếu dời đô*.

2. Năng lực

- Bài học góp phần hình thành và phát triển các năng lực chủ yếu:
- + Năng lực tìm hiểu lịch sử thông qua việc trình bày được một số nét chính về lịch sử Việt Nam thời Lý; nhận xét về nội dung và ý nghĩa của *Chiếu dời đô*, đánh giá đóng góp của nhân vật lịch sử của Triều Lý đối với lịch sử dân tộc,...
- + Năng lực vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học qua việc sưu tầm và giới thiệu được một số tư liệu lịch sử (câu chuyện, văn bản, tranh ảnh,...) liên quan đến Triều Lý.

3. Phẩm chất

Bài học góp phần bồi dưỡng tinh thần yêu nước, lòng tự hào về truyền thống lịch sử dân tộc; có trách nhiệm thông qua việc giữ gìn, phát huy những di sản của thời Lý.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- Tranh ảnh, câu chuyện và tư liệu liên quan đến các nhân vật thời nhà Lý: Lý Công Uẩn, Lý Thường Kiệt, Nguyên phi Ỗ Lan, Từ Đạo Hạnh,....
- Văn bản, tác phẩm *Chiếu dời đô*.
- Câu chuyện liên quan liên quan đến các nhân vật thời nhà Lý: Lý Công Uẩn, Lý Thường Kiệt, Nguyên phi Ỗ Lan, Từ Đạo Hạnh,....

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

1. Hoạt động khởi động

a) Mục tiêu

Kết nối những điều HS đã biết với những điều HS chưa biết, tạo tâm thế hứng khởi, kích thích sự tò mò của HS để dẫn dắt vào bài mới.

b) Tổ chức thực hiện

♦ *Phương pháp – kĩ thuật dạy học:* phương pháp trực quan – kĩ thuật đặt câu hỏi.

♦ *Thời gian:* 5 phút.

♦ *Các bước tiến hành:*

– Bước 1: GV cho HS quan sát hình ảnh Chùa Một Cột (Hà Nội) và đặt câu hỏi: *Đây là công trình kiến trúc nào? Công trình này có gì đặc biệt? Nó được xây dựng vào thời nào?*

– Bước 2: HS quan sát hình ảnh và sử dụng hiểu biết của bản thân để trả lời các câu hỏi bằng cách ghi ra giấy nháp, sau đó trao đổi với bạn bên cạnh trong thời gian 3 phút.

– Bước 3: GV gọi 2 – 3 HS lần lượt đưa ra câu trả lời, các HS khác lắng nghe, nhận xét và bổ sung thông tin (nếu có).

– Bước 4: GV nhận xét câu trả lời của HS, chuẩn kiến thức: Chùa Một Cột là công trình kiến trúc tiêu biểu và độc đáo được xây dựng dưới thời Lý. Đây là di sản văn hoá tiêu biểu của triều đại này còn được lưu giữ đến ngày nay. Triều Lý cũng là triều đại để lại nhiều dấu ấn sâu đậm trong tiến trình lịch sử dân tộc. Bài học hôm nay chúng mình cùng tìm hiểu về triều đại này.

Lưu ý: GV cũng có thể tổ chức khởi động theo cách sáng tạo của mình và phù hợp với đối tượng HS.

2. Hoạt động khám phá

2.1. Hoạt động 1. Tìm hiểu việc định đô ở Thăng Long của Triều Lý

2.1.1. Nhiệm vụ 1: Tìm hiểu Triều Lý và Lý Công Uẩn

a) Mục tiêu

HS được sự thành lập của Triều Lý thông qua câu chuyện về vua Lý Công Uẩn.

b) Tổ chức thực hiện

♦ *Phương pháp – kĩ thuật dạy học:* phương pháp làm việc cặp đôi – kĩ thuật đặt câu hỏi.

♦ *Thời gian:* 10 phút.

♦ *Các bước tiến hành:*

*** Tìm hiểu về Triều Lý**

– Bước 1: GV yêu cầu HS đọc các thông tin trong SGK và cho biết: *Triều Lý được thành lập vào năm nào? Ai là người sáng lập?*

– Bước 2: HS đọc thông tin trong SGK trong vòng 1 phút.

– Bước 3: GV gọi 1 – 2 HS trả lời câu hỏi, các HS khác nhận xét, bổ sung (nếu có).

– Bước 4: GV nhận xét và chốt lại kiến thức: Triều Lý được thành lập năm 1009, người sáng lập ra Triều Lý là Lý Công Uẩn.

*** Tìm hiểu về Lý Công Uẩn**

- Bước 1: GV giới thiệu: Lý Công Uẩn sau khi lên ngôi được gọi là vua Lý Thái Tổ. Để giúp các con hiểu rõ hơn về vị vua sáng lập ra Triều Lý, cô mời các con đọc nội dung câu chuyện lịch sử *Vị vua sáng lập Triều Lý* trong SGK trang 41 sau đó thảo luận với bạn bên cạnh trong thời gian 2 phút và chia sẻ một số thông tin về người sáng lập ra Triều Lý (quê quán, khi nhỏ, lúc trưởng thành,...).
- Bước 2: HS làm việc theo quy trình như sau: HS hoạt động cá nhân đọc thông tin về Lý Công Uẩn, ghi ra giấy; sau đó, thảo luận và thống nhất với bạn thông tin về Lý Công Uẩn.
- Bước 3: GV tổ chức cho HS báo cáo kết quả, các nhóm HS khác nhận xét, bổ sung (nếu có).
- Bước 4: GV nhận xét và chốt lại nội dung: Với sự thông minh, tài giỏi hơn người nên sau khi vua Lê Long Đinh mất mà không có con nối dõi, các quan trong Triều Tiên Lê đã tôn ông lên làm vua (tức vua Lý Thái Tổ) và lập ra Triều Lý vào năm 1009. Một trong những việc làm đầu tiên và rất quan trọng của vua Lý Công Uẩn sau khi lên ngôi là dời đô. Vậy việc dời đô diễn ra như thế nào, chúng ta sẽ cùng nhau tìm hiểu nhé.

2.1.2. Nhiệm vụ 2: Tìm hiểu việc định đô của Triều Lý.

a) Mục tiêu

HS nêu được mục đích, lí do và ý nghĩa của việc dời đô từ Hoa Lư ra Đại La.

b) Tổ chức thực hiện

♦ *Phương pháp – kĩ thuật dạy học*: phương pháp làm việc nhóm – kĩ thuật khăn trải bàn.

♦ *Thời gian*: 15 phút.

♦ *Các bước tiến hành*:

– Bước 1: GV tổ chức cho HS hoạt động nhóm đọc nội dung của *Chiếu dời đô* và thực hiện yêu cầu:

1. *Mục đích của việc dời đô là gì?*

2. *Vì sao dời đô ra thành Đại La?*

3. *Nêu ý nghĩa của Chiếu dời đô.*

– Bước 2: GV tổ chức cho HS làm việc theo nhóm, theo quy trình sau:

+ HS làm việc cá nhân, đọc thông tin và quan sát các hình ảnh để trả lời câu hỏi bằng cách ghi ra giấy trong 4 phút.

+ HS làm việc theo nhóm, chia sẻ câu trả lời của mỗi người, sau đó HS thống nhất câu trả lời của cả nhóm trong thời gian 4 phút.

– Bước 3: GV mời đại diện nhóm báo cáo kết quả thảo luận trước lớp, các nhóm khác theo dõi, nhận xét và bổ sung ý kiến (nếu có). GV có thể khuyến khích HS kể lại câu

chuyện về vị vua sáng lập Triều Lý và nêu đóng góp của ông đối với dân tộc.

– Bước 4: GV nhận xét câu trả lời của các nhóm và chốt lại lí do, mục đích của việc dời đô từ Hoa Lư (Ninh Bình) ra thành Đại La (Hà Nội); điều kiện tự nhiên của thành Đại La để thấy đó thực sự là nơi “thượng đô kinh sư mãi muôn đời”.

+ Về mục đích dời đô: mưu nghiệp lớn, làm kế cho con cháu muôn vạn đời, để vận nước lâu dài, phong tục giàu thịnh.

+ Về lí do dời đô: Đại La có vị thế thuận lợi cho sự phát triển lâu dài của đất nước: ở giữa khu vực trời đất, thế rồng cuộn hổ ngồi, chính giữa nam bắc đông tây, tiện nghi núi sông sau trước, đất rộng mà bằng phẳng, thế đất cao mà sáng sủa, dân cư không khổ thấp trũng tối tăm, muôn vật hết sức tươi tốt phồn thịnh.

+ Về ý nghĩa của việc dời đô: thể hiện tầm nhìn sáng suốt của vua Lý Thái Tổ, đồng thời mở ra thời kì phát triển mới của đất nước.

Lý Thái Tổ mong muốn cho vận nước được lâu dài, đất nước giàu thịnh nên ông đã dời đô từ Hoa Lư ra một nơi có rất nhiều điều kiện thuận lợi cho việc phát triển kinh đô mới đó là thành Đại La. Ông nhận thấy khắp nước Việt đó là nơi thắng địa, thực là chỗ hội tụ quan yếu của bốn phương, đúng là nơi thượng đô kinh sư mãi muôn đời.

– Bước 5: GV đặt câu hỏi mở rộng: Sau khi dời đô ra thành Đại La, vua Lý Thái Tổ đã đổi tên thành Thăng Long. *Em có biết tên gọi Thăng Long có ý nghĩa như thế nào không?*

GV chốt lại nội dung: Việc chọn Thăng Long (Hà Nội) làm kinh đô thể hiện tầm nhìn sáng suốt của vua Lý Thái Tổ, đồng thời mở ra thời kì phát triển mới. Từ đây, Thăng Long (Hà Nội) trở thành kinh đô của nhiều triều đại của đất nước trong nhiều thời kì lịch sử. Ngày nay, Thăng Long (Hà Nội) đã tồn tại hơn 1 000 năm, vẫn là thủ đô của nước Việt Nam, trở thành trung tâm về chính trị, kinh tế, văn hoá, xã hội lớn nhất cả nước.

2.2. Hoạt động 2. Tìm hiểu công cuộc xây dựng và bảo vệ đất nước của Triều Lý

a) Mục tiêu

– Trình bày được một số nét chính về lịch sử Việt Nam thời nhà Lý thông qua các câu chuyện về một số nhân vật lịch sử, như: Lý Công Uẩn, Lý Thường Kiệt, Nguyên phi Ỗ Lan, Từ Đạo Hạnh,...

– Sưu tầm và giới thiệu được một số tư liệu lịch sử (câu chuyện, văn bản, tranh ảnh,...) liên quan đến Triều Lý.

b) Tổ chức thực hiện

2.1.1. Nhiệm vụ 1: Tìm hiểu về công cuộc xây dựng và bảo vệ đất nước của Triều Lý

a) Mục tiêu

HS nêu được một số việc làm của Triều Lý để xây dựng và bảo vệ đất nước.

b) Tổ chức thực hiện

♦ *Phương pháp – kĩ thuật dạy học:* phương pháp thảo luận – kĩ thuật suy nghĩ – chia sẻ cặp đôi – chia sẻ cả lớp (think–pair–share).

♦ *Thời gian:* 25 phút.

♦ *Các bước tiến hành:*

– Bước 1: GV yêu cầu HS đọc thông tin mục 2, thảo luận cặp đôi về một số việc làm của Triều Lý nhằm xây dựng và bảo vệ đất nước.

– Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ theo quy trình như sau: HS làm việc cá nhân bằng cách đọc thông tin trong SGK, ghi lại thông tin ra giấy trong thời gian 5 phút; sau đó HS trao đổi với bạn cùng cặp và thống nhất ý kiến.

– Bước 3: GV tổ chức cho các cặp chia sẻ và cả lớp thảo luận, các cặp đôi khác lắng nghe và nhận xét bổ sung (nếu có).

– Bước 4: GV nhận xét, đánh giá phần trình bày của các cặp và phần thảo luận của cả lớp, sau đó chuẩn kĩ năng, kiến thức cho HS về một số việc làm của Triều Lý để xây dựng và bảo vệ đất nước:

+ Hoàn thiện bộ máy nhà nước từ trung ương đến địa phương.

+ Chú trọng phát triển kinh tế, khuyến khích sản xuất nông nghiệp, nhờ đó mùa màng bội thu.

+ Phật giáo phát triển.

+ Lãnh đạo nhân dân kháng chiến chống Tống giành thắng lợi.

2.2.1. Nhiệm vụ 2: Kể chuyện về một số nhân vật tiêu biểu thời Lý

a) Mục tiêu

HS kể được câu chuyện về một số nhân vật tiêu biểu thời Lý.

b) Tổ chức thực hiện

♦ *Phương pháp – kĩ thuật dạy học:* phương pháp kể chuyện – kĩ thuật đặt câu hỏi.

♦ *Thời gian:* 15 phút.

♦ *Các bước tiến hành:*

– Bước 1: GV yêu cầu HS hoạt động cặp đôi kể chuyện về Nguyên phi Ỗ Lan hoặc Lý Thường Kiệt và nêu công lao của họ đối với đất nước.

– Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ theo quy trình như sau:

+ HS lựa chọn câu chuyện dự định kể.

+ HS làm việc cá nhân bằng cách đọc câu chuyện dự định kể, ghi lại thông tin ra giấy trong thời gian 3 phút; sau đó HS trao đổi với bạn cùng cặp và thống nhất ý kiến.

– Bước 3: GV gọi đại diện một số cặp đôi kể chuyện về Lý Thường Kiệt và Nguyên phi

Ỗ Lan, các HS khác lắng nghe và nhận xét.

– Bước 4: GV nhận xét, đánh giá phần kể chuyện của các cặp và việc thảo luận của cả lớp, sau đó chuẩn kĩ năng, kiến thức cho HS:

+ Công lao của Nguyên phi Ỗ Lan: giúp vua Lý Thánh Tông, vua Lý Nhân Tông trị nước.

+ Công lao của Lý Thường Kiệt là lãnh đạo nhân dân kháng chiến chống Tống giành thắng lợi.

3. Hoạt động luyện tập

a) Mục tiêu

- Củng cố lại nội dung bài học.
- Kiểm tra lại mục tiêu bài học xem HS đã đạt được chưa.

b) Tổ chức thực hiện

Câu 1. GV hướng dẫn HS vẽ sơ đồ tư duy thể hiện những nét chính của lịch sử Việt Nam dưới Triều Lý.

♦ *Phương pháp – kĩ thuật dạy học:* phương pháp sử dụng phương tiện trực quan – kĩ thuật vẽ sơ đồ tư duy.

♦ *Thời gian:* 25 phút.

♦ *Các bước tiến hành:*

– Bước 1: GV yêu cầu HS sử dụng kiến thức đã học để: *Vẽ sơ đồ tư duy thể hiện những nét chính của lịch sử Việt Nam dưới Triều Lý.*

– Bước 2: HS làm việc cá nhân, vẽ sơ đồ vào vở hoặc ra giấy.

– Bước 3: GV tổ chức cho HS đánh giá sản phẩm lẫn nhau theo tiêu chí dưới đây.

PHIẾU ĐÁNH GIÁ SƠ ĐỒ TƯ DUY CỦA HỌC SINH

Tiêu chí		Mức độ 1	Mức độ 2	Mức độ 3
Hình thức	Bố cục	Trình bày thông tin mạch lạc, lô gic.	Trình bày thông tin còn nhầm lẫn giữa các nội dung.	Không có bố cục cho sản phẩm.
		2 điểm	1 điểm	0.5 điểm
	Hình thức sản phẩm	– Vẽ đúng hình thức của sơ đồ tư duy. – Có hình ảnh minh họa. – Có màu sắc khác nhau để phân loại thông tin.	Không đạt 1 trong ba tiêu chí về hình thức sản phẩm.	Không đạt cả ba tiêu chí về hình thức sản phẩm.
		3 điểm	2 điểm	1 điểm

Nội dung 5 điểm	– Đầy đủ nội dung: đời đô từ Hoa Lư ra Đại La, hoàn thiện bộ máy nhà nước, khuyến khích sản xuất nông nghiệp phát triển, Phật giáo phát triển, lãnh đạo nhân dân kháng chiến chống Tống giành thắng lợi. – Sắp xếp các nội dung đúng theo thứ tự đã được học.	– Còn thiếu một số nội dung. – Sắp xếp một số nội dung chưa đúng.	– Thiếu nhiều nội dung. – Sắp xếp lộn xộn, chưa đúng thứ tự.
	3 điểm	1 điểm	1 điểm

– Bước 4: GV nhận xét, đánh giá về hoạt động học của cá nhân và đánh giá lẫn nhau của cả lớp và chuẩn kiến thức:

Câu 2. GV hướng dẫn HS thảo luận và thực hiện nhiệm vụ: *Kể chuyện về một nhân vật lịch sử thời Lý mà em yêu thích.*

– Bước 1: GV yêu cầu HS chọn và kể lại câu chuyện về một nhân vật tiêu biểu trong cuộc đấu tranh chống Bắc thuộc.

– Bước 2: HS làm việc cá nhân lựa chọn và chuẩn bị nội dung về nhân vật mình lựa chọn.

– Bước 3: GV tổ chức cho HS kể chuyện trước lớp.

– Bước 4: GV nhận xét, đánh giá về hoạt động kể chuyện của HS theo bảng đánh giá tiêu chí.

PHIẾU ĐÁNH GIÁ KỂ CHUYỆN CỦA HỌC SINH

Tiêu chí	Mức độ 1	Mức độ 2	Mức độ 3
Bố cục	Trình bày thông tin mạch lạc, lô gic.	Trình bày thông tin còn nhầm lẫn giữa các nội dung.	Không có bố cục cho sản phẩm.
	2 điểm	1 điểm	0.5 điểm
Giọng nói, Biểu cảm	– Giọng kể chuyện to, rõ ràng. – Ngữ điệu có lên giọng, xuống giọng ở những chỗ cần thiết. – Thể hiện được cảm xúc qua cử chỉ, nét mặt, điệu bộ.	Không đạt 1 trong ba tiêu chí về hình thức sản phẩm.	Không đạt cả ba tiêu chí về hình thức sản phẩm.
	3 điểm	2 điểm	1 điểm
Nội dung	– Đầy đủ nội dung. – Sắp xếp các nội dung đúng theo lô gic.	– Còn thiếu một số nội dung. – Sắp xếp một số nội dung chưa đúng lô gic.	– Thiếu nhiều nội dung. – Sắp xếp lộn xộn, chưa đúng thứ tự.
	5 điểm	3 điểm	1 điểm

4. Hoạt động vận dụng

a) Mục tiêu

HS vận dụng được các kiến thức, kĩ năng đã học để giải quyết các nhiệm vụ trong học tập và thực tiễn cuộc sống.

b) Tổ chức thực hiện

♦ *Phương pháp dạy học:* phương pháp giải quyết vấn đề.

♦ *Thời gian:* HS thực hiện ở nhà, thời gian linh hoạt.

♦ *Các bước tiến hành:*

– Bước 1: GV giao nhiệm vụ cho HS về nhà sưu tầm tư liệu (tranh ảnh, câu chuyện,...) về một di tích hoặc nhân vật lịch sử thời nhà Lý và chia sẻ với bạn. Gợi ý: Một số di tích thời Lý như: Chùa Một Cột, đền Đô (Bắc Ninh), đền thờ Nguyễn phi Ý Lan, đền thờ Lý Thường Kiệt.

– Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ ở nhà (có thể trình bày vào vở và tạo ra một sản phẩm riêng), sau đó mang lên lớp để trao đổi với cô và các bạn vào buổi học tiếp theo.

– Bước 3: GV tổ chức cho HS trao đổi sản phẩm, nhận xét và đánh giá chéo. Sau đó, GV chọn 2 – 3 sản phẩm được HS đánh giá tốt để chia sẻ với cả lớp.

– Bước 4: GV nhận xét và đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ ở nhà của cả lớp.

Gợi ý: Chùa Một Cột

Chùa Một Cột ngày nay thuộc quận Ba Đình, Hà Nội. Chùa có tên ban đầu là Liên Hoa Đài (tức là Đài Hoa Sen) với lối kiến trúc độc đáo: một điện thờ đặt trên một cột trụ duy nhất. Chùa được xây dựng từ thời vua Lý Thái Tông, còn được biết đến với nhiều tên gọi khác nhau như Chùa Mật, Liên Hoa Đài hay Diên Hựu Tự.

Sự ra đời của Chùa Một Cột gắn liền với giấc mộng của vua Lý Thái Tông vào năm 1049. Nhà vua mộng thấy Phật Bà Quan Âm ban cho ông một đoá sen toả sáng. Sau khi thức dậy, ngài đã thuật lại giấc mộng kì bí trên cho quần thần cùng nghe. Thiển tăng Thuyền Lã khuyên vua nên dựng một ngôi chùa để tưởng nhớ ân đức của Quan Âm. Năm 1049, chùa được khởi công xây dựng. Đến đời vua Lý Nhân Tông thì được cải tạo, xây hồ Linh Chiểu và trang trí thêm một toà sen mạ vàng ở đỉnh cột. Ẩn trong toà sen là một ngôi đền sơn tím, điêu khắc hình chim thần trên mái nhà, phía trong có tượng Quan Thế Âm mạ vàng.

Chùa Một Cột đã trải qua nhiều lần trùng tu, phục dựng vào các Triều Trần, Hậu Lê và Triều Nguyễn. Năm 1954, quân Pháp đã đặt thuốc nổ phá chùa trước khi rút quân khỏi Hà Nội. Năm 1955, Nhà nước cho tái dựng chùa theo thiết kế của kiến trúc sư Nguyễn Bá Lăng.

Bài 10 TRIỀU TRẦN XÂY DỰNG ĐẤT NƯỚC VÀ KHÁNG CHIẾN CHỐNG QUÂN MÔNG – NGUYÊN XÂM LƯỢC (4 TIẾT)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

1. Kiến thức

- Sưu tầm và giới thiệu được một số tư liệu lịch sử (câu chuyện, văn bản, tranh ảnh,...) liên quan đến Triều Trần và cuộc kháng chiến chống quân Mông – Nguyên.
- Trình bày được những nét chính về lịch sử Việt Nam thời nhà Trần thông qua các câu chuyện về một số nhân vật lịch sử (ví dụ: Trần nhân Tông, Trần Quốc Tuấn, Phạm Ngũ Lão, Trần Quốc Toản, Yết Kiêu, Dã Tượng, Nguyễn Hiền, Mạc Đĩnh Chi, Chu Văn An,...).
- Kể lại được chiến thắng Bạch Đằng có sử dụng tư liệu lịch sử (lược đồ, tranh ảnh, câu chuyện về Trần Quốc Tuấn đánh giặc trên sông Bạch Đằng,...).

2. Năng lực

- Năng lực chung:
 - + Năng lực tự chủ và tự học thông qua các hoạt động cá nhân để hoàn thành những nhiệm vụ học tập được giao trên lớp và ở nhà.
 - + Năng lực giao tiếp và hợp tác thông qua hoạt động nhóm, toàn lớp để hoàn thành các nhiệm vụ học tập.
 - + Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: phát hiện được vấn đề từ các nhiệm vụ học tập và tìm cách giải quyết chúng.
- Năng lực đặc thù:
 - + Năng lực tìm hiểu lịch sử thông qua việc sử dụng tư liệu lịch sử (lược đồ, tranh ảnh, câu chuyện về Trần Quốc Tuấn đánh giặc trên sông Bạch Đằng,...) để kể lại chiến thắng Bạch Đằng có.
 - + Năng lực nhận thức và tư duy lịch sử thông qua trình bày nét chính về lịch sử Việt Nam thời nhà Trần, thông qua câu chuyện về các nhân vật lịch sử.
 - + Năng lực vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học thông qua việc sưu tầm và giới thiệu được một số tư liệu lịch sử (câu chuyện, văn bản, tranh ảnh,...) liên quan đến Triều Trần và cuộc kháng chiến chống quân Mông – Nguyên.

3. Phẩm chất

- Khâm phục tinh thần đấu tranh bất khuất, đoàn kết của quân dân nhà Trần trong cuộc kháng chiến chống quân xâm lược Mông – Nguyên.
- Bồi dưỡng lòng yêu nước, tự hào về truyền thống dân tộc trong công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- Các câu chuyện khác về một số nhân vật lịch sử dưới Triều Trần.
- Lược đồ chiến thắng Bạch Đằng năm 1288.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

1. Hoạt động khởi động

a) Mục tiêu

Tạo hứng thú cho HS, kết nối kiến thức, kĩ năng đã biết vào bài học.

b) Tổ chức thực hiện

- ◆ *Phương pháp – kĩ thuật dạy học:* phương pháp đàm thoại gợi mở – kĩ thuật đặt câu hỏi.
- ◆ *Thời gian:* 5 phút.
- ◆ *Các bước tiến hành:*

* Phương án 1:

- Bước 1: GV cho HS đọc câu thơ Bác Hồ viết về Triều Trần trong SGK và trả lời câu hỏi: *Các câu thơ nói đến những đóng góp nào của Triều Trần?*
- Bước 2: HS sử dụng hiểu biết của bản thân để trả lời câu hỏi của GV.
- Bước 3: GV gọi 2 – 3 HS lên trả lời, các HS khác lắng nghe, nhận xét và bổ sung thêm ý kiến.
- Bước 4: GV nhận xét câu trả lời của HS, đồng thời, GV sử dụng phần trả lời của HS để dẫn dắt vào bài học.

* Phương án 2:

- Bước 1: GV có thể gắn lên bảng hình ảnh một số công trình kiến trúc thời Trần đã sừng sững trước (đền Trần ở Nam Định, khu di tích Bạch Đằng ở Hải Phòng) hoặc hình ảnh một số nhân vật lịch sử thời nhà Trần (Trần Quốc Tuấn, Nguyễn Hiền, Chu Văn An),... yêu cầu HS quan sát để thực hiện nhiệm vụ: *Cho biết hình ảnh đó liên quan đến triều đại nào trong lịch sử Việt Nam? Hãy chia sẻ điều em biết về triều đại đó.*
- Bước 2: HS quan sát hình ảnh, sử dụng hiểu biết của bản thân để trả lời câu hỏi của GV.
- Bước 3: GV gọi 2 – 3 HS lên trả lời, các HS khác lắng nghe, nhận xét và bổ sung thêm ý kiến (nếu có).
- Bước 4: GV nhận xét câu trả lời của HS, đồng thời sử dụng phần trả lời của HS để dẫn dắt vào bài học.

Lưu ý: GV cũng có thể tổ chức khởi động theo phương án của mình và phù hợp với đối tượng HS.

2. Hoạt động khám phá

2.1. Hoạt động 1. Tìm hiểu về Triều Trần và công cuộc xây dựng đất nước

2.1.1. Nhiệm vụ 1: Tìm hiểu về Triều Trần

a) Mục tiêu

HS trình bày được sự thành lập của Triều Trần.

b) Tổ chức thực hiện

◆ *Phương pháp – kĩ thuật dạy học:* phương pháp quan sát – kĩ thuật đặt câu hỏi.

◆ *Thời gian:* 10 phút.

◆ *Các bước tiến hành:*

– Bước 1: GV tổ chức cho HS đọc thông tin trong SGK và trả lời câu hỏi: *Nhà Trần được thành lập như thế nào? Vị vua đầu tiên là ai?*

– Bước 2: HS làm việc cá nhân, đọc thông tin trong SGK, ghi vào giấy những thông tin quan trọng trong vòng 2 phút.

– Bước 3: GV gọi 1 – 2 HS trả lời câu hỏi, các bạn trong lớp nhận xét, bổ sung (nếu có).

– Bước 4: GV nhận xét, đánh giá về hoạt động học của cả lớp và chốt lại nội dung: Cuối thế kỉ XII, nhà Lý suy yếu, phải dựa vào họ Trần để dẹp các thế lực chống đối. Nhờ đó, họ Trần đã từng bước thâm tóm được quyền lực. Đầu năm 1226, Lý Chiêu Hoàng – vị vua cuối cùng của nhà Lý phải nhường ngôi cho chồng là Trần Cảnh, nhà Trần được thành lập. Trần Cảnh là vua đầu tiên của Triều Trần.

2.1.2. Nhiệm vụ 2: Tìm hiểu về công cuộc xây dựng đất nước thời Trần

a) Mục tiêu

HS trình bày được công cuộc xây dựng đất nước thời Trần về tổ chức chính quyền, quân đội, giáo dục khoa cử thông qua câu chuyện về một số nhân vật lịch sử như: vua Trần Nhân Tông, Trần Quốc Tuấn, Nguyễn Hiền, Chu Văn An,...

b) Tổ chức thực hiện

◆ *Phương pháp – kĩ thuật dạy học:* phương pháp quan sát; kể chuyện, đàm thoại – kĩ thuật đặt câu hỏi.

◆ *Thời gian:* 25 phút.

◆ *Các bước tiến hành:*

*** Tìm hiểu về tổ chức chính quyền thời Trần**

– Bước 1: GV yêu cầu HS đọc đoạn thông tin “Thời nhà Trần,... đất nước” trong SGK, thảo luận nhóm thực hiện các nhiệm vụ: *Nêu nhận xét của em về tổ chức chính quyền thời Trần; Việc các vua nhường ngôi sớm cho con và xưng làm Thái Thượng Hoàng, cùng vua quản lí đất nước nhằm mục đích gì?*

– Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ theo quy trình như sau: HS làm việc cá nhân bằng cách đọc thông tin trong SGK, ghi lại thông tin ra giấy trong thời gian 5 phút; sau đó HS trao đổi với bạn cùng cặp và thống nhất ý kiến.

– Bước 3: GV gọi đại diện các nhóm chia sẻ và cả lớp thảo luận.

– Bước 4: GV nhận xét câu trả lời của các nhóm, sau đó chốt kiến thức: Thời nhà Trần, bộ máy nhà nước được tổ chức chặt chẽ để quản lí và xây dựng đất nước. Các vua Trần nhường ngôi sớm cho con và xưng là Thái Thượng hoàng, cùng vua quản lí đất nước nhằm mục đích rèn luyện cho vua trẻ cách xử lí công việc triều chính, tăng hiệu quả trong giải quyết công việc.

- Bước 5: GV hướng dẫn HS đọc câu chuyện *Thượng Hoàng Trần Nhân Tông dạy vua*, sau đó thực hiện yêu cầu: *Kể lại câu chuyện và cho biết câu chuyện đó muốn nói lên điều gì?*
- Bước 6: HS thực hiện nhiệm vụ.
- Bước 7: GV mời một số HS đại diện nhóm kể chuyện và trả lời câu hỏi trước lớp, các nhóm khác lắng nghe và bổ sung.
- Bước 8: GV nhận xét, đánh giá về hoạt động kể chuyện của HS theo bảng đánh giá tiêu chí sau:

PHIẾU ĐÁNH GIÁ KỂ CHUYỆN CỦA HỌC SINH

Tiêu chí	Mức độ 1	Mức độ 2	Mức độ 3
Bố cục	Trình bày thông tin mạch lạc, lô gic.	Trình bày thông tin còn nhầm lẫn giữa các nội dung.	Không có bố cục cho sản phẩm.
	2 điểm	1 điểm	0.5 điểm
Giọng nói, Biểu cảm	– Giọng kể chuyện to, rõ ràng. – Ngữ điệu có lên giọng, xuống giọng ở những chỗ cần thiết. – Thể hiện được cảm xúc qua cử chỉ, nét mặt, điệu bộ.	Không đạt 1 trong ba tiêu chí về hình thức sản phẩm.	Không đạt cả ba tiêu chí về hình thức sản phẩm.
	3 điểm	2 điểm	1 điểm
Nội dung	– Đầy đủ nội dung. – Sắp xếp các nội dung đúng theo lô gic.	– Còn thiếu một số nội dung. – Sắp xếp một số nội dung chưa đúng lô gic.	– Thiếu nhiều nội dung. – Sắp xếp lộn xộn, chưa đúng thứ tự.
	5 điểm	3 điểm	1 điểm

GV chốt lại nội dung: Câu chuyện chứng tỏ Thái Thượng Hoàng rất nghiêm khắc trong việc rèn dạy để nhà vua tu dưỡng, rèn luyện trở thành vị vua mẫu mực.

* Tìm hiểu về quân đội thời Trần

- Bước 1: GV hướng dẫn HS quan sát hình 1, đọc đoạn thông tin “Quân đội thời Trần ... ngoại xâm”, mục *Em có biết* để trả lời câu hỏi/thực hiện yêu cầu: *Hình ảnh chiến binh luyện tập võ nghệ trên thạp gốm phản ánh điều gì? Kể tên những vị tướng giỏi có công lớn trong kháng chiến chống ngoại xâm.*
- Bước 2: HS làm việc nhóm để thực hiện nhiệm vụ.
- Bước 3: GV mời đại diện các nhóm HS trả lời câu hỏi, các nhóm khác lắng nghe và đặt câu hỏi (nếu có).
- Bước 4: GV nhận xét câu trả lời của các nhóm, sau đó giải thích thuật ngữ “*Ngụ binh ư nông*” và có thể dựa vào tư liệu sưu tầm được kể câu chuyện về nhân vật Yết Kiêu hoặc Dã Tượng để HS thấy được quân đội nhà Trần có rất nhiều người tài giỏi, họ không chỉ là những vị tướng xuất thân từ tầng lớp quý tộc mà ngay cả những gia nô

như Yết Kiêu, Dã Tượng cũng là những tướng tài và có nhiều đóng góp trong cuộc kháng chiến chống ngoại xâm.

*** Tìm hiểu về giáo dục khoa cử thời Trần**

– Bước 1: GV hướng dẫn HS đọc đoạn thông tin về giáo dục và khoa cử, đọc hai câu chuyện: *Trạng nguyên nhỏ tuổi nhất Việt Nam* và *Người thầy lưu danh muôn đời*, thảo luận nhóm để thực hiện yêu cầu: *Nêu những nét chính về tình hình giáo dục và khoa cử dưới thời Trần.*

– Bước 2: HS thảo luận thực hiện yêu cầu.

– Bước 3: GV mời đại diện một số nhóm trình bày kết quả thảo luận, các nhóm khác lắng nghe và bổ sung.

– Bước 4: GV nhận xét và chốt lại nội dung: Giáo dục, khoa cử thời nhà Trần được chú trọng. Triều đình mở trường học ở các địa phương, tổ chức kì thi Thái học sinh để chọn người tài, đặt danh hiệu Tam khôi nhằm tôn vinh ba người xuất sắc nhất,...), nhờ vậy đã đào tạo được nhiều nhân tài cho đất nước (Nguyễn Hiền, Chu Văn An, Mạc Đĩnh Chi,...).

– Bước 5: GV mở rộng kiến thức, yêu cầu một số HS kể lại câu chuyện về Nguyễn Hiền, Chu Văn An và đánh giá đóng góp của họ. Để HS rút ra được bài học cho bản thân, GV đặt câu hỏi mở rộng: *Em học được gì từ nhân vật đó?*

+ GV có thể kể thêm cho HS câu chuyện về một số nhân tài khác dưới thời Trần như Mạc Đĩnh Chi – người được mệnh danh là Lưỡng quốc Trạng nguyên hoặc Phạm Sư Mạnh – nhà văn hoá lớn.

2.2. Hoạt động 2. Tìm hiểu về cuộc kháng chiến chống quân xâm lược Mông – Nguyên

2.2.1. Nhiệm vụ 1: Tìm hiểu về quyết tâm chống giặc của quân dân nhà Trần

a) Mục tiêu

HS nêu được quyết tâm chống giặc của quân dân nhà Trần thông qua câu chuyện về người thiếu niên nhỏ tuổi Trần Quốc Toản và hình ảnh các cô lão trong hội nghị Diên Hồng.

b) Tổ chức thực hiện

♦ *Phương pháp – kĩ thuật dạy học:* phương pháp đàm thoại – kĩ thuật đặt câu hỏi.

♦ *Thời gian:* 10 phút.

♦ *Các bước tiến hành:*

– Bước 1: GV giới thiệu vắn tắt khát vọng của quân Mông – Nguyên: Thời Trần quân Mông – Nguyên ba lần xâm lược nước ta vào các năm 1258, 1285, 1287 – 1288. Triều đình cùng quân dân nhà Trần đã quyết tâm đánh giặc và tích cực chuẩn bị cho kháng chiến. GV yêu cầu HS đọc thông tin, câu chuyện *Lá cờ thêu sáu chữ vàng*, *Em có biết*, kết hợp quan sát hình 3, thảo luận cặp đôi để thực hiện vụ: *Nêu những chi tiết thể hiện quyết tâm chống giặc của nhà Trần.*

– Bước 2: HS khai thác thông tin, ghi lại thông tin ra giấy trong thời gian 5 phút; sau đó HS trao đổi với bạn cùng cặp và thống nhất ý kiến.

– Bước 3: GV gọi đại diện 2 – 3 cặp đôi trình bày kết quả thảo luận. Các cặp khác lắng nghe, bổ sung hoặc đặt câu hỏi (nếu có).

– Bước 4: GV nhận xét, đánh giá kết quả làm việc của HS và chốt lại nội dung: Khi quân Mông Cổ xâm lược Đại Việt, tất cả người dân, từ già đến trẻ, từ vua quan đến dân thường đều đồng lòng quyết tâm đánh giặc như: người thiếu niên Trần Quốc Toản tuy còn nhỏ tuổi nhưng đã xin vua được dự hội nghị Bình Than để bàn kế sách đánh giặc, các bô lão trong cả nước tại Hội nghị Diên Hồng năm 1285 đã đồng thanh hô “đánh” thể hiện ý chí quyết tâm bảo vệ đất nước. Đó là ý chí chung của toàn thể dân tộc kết thành hào khí non sông, giúp quân dân nhà Trần đánh thắng giặc, viết nên trang sử vẻ vang của toàn dân tộc.

2.2.2. Nhiệm vụ 2: Tìm hiểu về chiến thắng Bạch Đằng năm 1288

a) Mục tiêu

HS sử dụng tư liệu lịch sử để kể lại được chiến thắng Bạch Đằng năm 1288.

b) Tổ chức thực hiện

♦ *Phương pháp – kĩ thuật dạy học*: phương pháp sử dụng phương tiện trực quan – kĩ thuật đặt câu hỏi.

♦ *Thời gian*: 15 phút.

♦ *Các bước tiến hành*:

– Bước 1: GV tổ chức cho HS hoạt động nhóm, đọc câu chuyện *trận thủy chiến trên sông Bạch Đằng năm 1288*, quan sát lược đồ hình 5, kể tóm tắt về chiến thắng Bạch Đằng năm 1288.

– Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ theo quy trình như sau: HS làm việc cá nhân bằng cách đọc câu chuyện, quan sát lược đồ trong thời gian 2 phút; sau đó trao đổi với bạn trong nhóm, thống nhất ý kiến và cùng nhau kể tóm tắt về chiến thắng Bạch Đằng năm 1288.

– Bước 3: GV gọi một số nhóm HS kể tóm tắt chiến thắng Bạch Đằng năm 1288, lưu ý việc kết hợp sử dụng lược đồ treo tường để trình bày. Các nhóm khác nhận xét, bổ sung (nếu có).

– Bước 4: GV nhận xét phần trình bày của các nhóm GV đánh giá kĩ năng khai thác lược đồ theo bảng dưới đây:

**BẢNG KIỂM ĐÁNH GIÁ KĨ NĂNG KHAI THÁC LƯỢC ĐỒ
CHIẾN THẮNG BẠCH ĐẰNG NĂM 1288**

STT	Nhận định	Có/không
1	Xác định và chỉ chính xác đường rút của quân Nguyên.	
2	Xác định và chỉ chính xác hướng quân ta nhử địch vào trận địa.	

3	Xác định và chỉ chính xác vị trí quân ta mai phục, chặn đánh địch	
4	Xác định và chỉ chính xác vị trí quân triều đình tiếp ứng	
5	Xác định và chỉ chính xác vị trí quân ta chặn đánh và tiến công	
6	Xác định và chỉ chính xác vị trí của bãi cọc ngầm	
7	Xác định và chỉ chính xác các nội dung của lược đồ gắn với diễn biến của trận Bạch Đằng	

+ GV chốt lại nội dung để HS nắm được, cần tập trung vào sự kiện chiến thắng Bạch Đằng năm 1288 và làm rõ hai nội dung: Thứ nhất, việc bố trí trận địa bãi cọc ở Bạch Đằng thể hiện mưu lược trong kế hoạch đánh giặc của nhà Trần là biết lợi dụng địa hình hiểm yếu để bố trí trận địa bãi cọc và phục kích, kết hợp với quy luật lên xuống của thủy triều để tiêu diệt địch. Thứ hai, ý nghĩa lịch sử to lớn của chiến thắng Bạch Đằng (1288) đã kết thúc hoàn toàn cuộc kháng chiến chống quân Mông – Nguyên của quân dân Đại Việt. Sự kiện này cũng chứng tỏ tài năng quân sự xuất sắc của Trần Quốc Tuấn.

– Bước 5: GV nêu yêu cầu mở rộng: *Kể câu chuyện về một nhân vật có đóng góp trong cuộc kháng chiến chống quân xâm lược Mông – Nguyên.* Gợi ý: HS có thể kể về những nhân vật trong bài học như Yết Kiêu, Dã Tượng, Trần Quốc Toản, Trần Quốc Tuấn,...) hoặc những nhân vật khác của thời Trần mà các em đã đọc, sưu tầm được như Trần Nhật Duật, Trần Khánh Dư,...

3. Hoạt động luyện tập

a) Mục tiêu

- Củng cố lại nội dung bài học.
- Kiểm tra mức độ HS đạt được theo mục tiêu bài học.

b) Tổ chức thực hiện

- Bước 1: GV hướng dẫn HS lập bảng về một số nét chính của lịch sử Việt Nam dưới Triều Trần.
 - Bước 2: : HS thực hiện nhiệm vụ vào vở trong thời gian 10 phút.
 - Bước 3:
- + GV tổ chức cho HS trình bày bảng đã hoàn thành ngay tại lớp. Các bạn khác quan sát, lắng nghe, nhận xét và bổ sung (nếu có).
- + GV tổ chức cho HS trao đổi bảng và đánh giá, chấm điểm lẫn nhau dựa trên các tiêu chí nội dung và hình thức dưới đây.

TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ SẢN PHẨM BẢNG CỦA HỌC SINH

STT	Tiêu chí		Điểm
1	Nội dung	Nội dung thông tin đầy đủ, chính xác.	4
		Bố cục mạch lạc, lô gic.	3
2	Hình thức	Trình bày sản phẩm sạch sẽ, đẹp, dễ nhìn.	3

– Bước 4: GV nhận xét, đánh giá phần đánh giá lẫn nhau của HS, và rút kinh nghiệm (nếu có). Sau đó, GV chuẩn lại nội dung bảng:

Lĩnh vực	Nét chính	Nhân vật lịch sử tiêu biểu
Chính trị	– Thực hiện chế độ Thái Thượng hoàng. – Bộ máy nhà nước được tổ chức chặt chẽ.	Trần Nhân Tông, Trần Anh Tông, ...
Quân đội	– Được tổ chức quy củ, chặt chẽ. – Thực hiện chính sách “Ngụ binh ư nông”.	Trần Quốc Tuấn, Trần Quang Khải, Trần Nhật Duật, Trần Khánh Dư, ...
Giáo dục, khoa cử	– Ngoài Quốc Tử Giám, trường học được mở ở nhiều địa phương. – Triều đình tổ chức kì thi Thái học sinh, đặt danh hiệu “Tam khôi”.	Nguyễn Hiền, Mạc Đĩnh Chi, Chu Văn An, ...
Kháng chiến	Ba lần kháng chiến chống quân xâm lược Mông – Nguyên thắng lợi.	Trần nhân Tông, Trần Quốc Tuấn, Trần Quốc Toản, Yết Kiêu, Dã Tượng, Trần Khánh Dư, ...

4. Hoạt động vận dụng

a) Mục tiêu

HS vận dụng được các kiến thức, kĩ năng đã học để giải quyết các nhiệm vụ trong học tập và thực tiễn cuộc sống.

b) Tổ chức thực hiện

♦ *Phương pháp dạy học*: phương pháp giải quyết vấn đề.

♦ *Thời gian*: HS thực hiện ở nhà, thời gian linh hoạt.

♦ *Các bước tiến hành*:

– Bước 1: GV yêu cầu HS làm việc cá nhân ở nhà sưu tầm tranh ảnh, tư liệu viết, ... về một di tích lịch sử liên quan đến Triều Trần còn lại đến ngày nay.

Gợi ý: Khu di tích Đền Trần ở Nam Định, Quảng Ninh, Thái Bình; Khu đền thờ Trần Hưng Đạo ở Chí Linh (Hải Dương), ...

– Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ ở nhà (có thể trình bày vào vở và tạo ra một sản phẩm riêng), sau đó mang lên lớp để trao đổi với cô và các bạn vào buổi học tiếp theo.

– Bước 3: GV tổ chức cho HS chia sẻ di tích liên quan đến Triều Trần.

– Bước 4: GV nhận xét và đánh giá phần tìm hiểu thông tin của cả lớp.

Bài 11 ÔN TẬP (2 TIẾT)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

1. Kiến thức

Hệ thống và củng cố được kiến thức về thiên nhiên và con người Việt Nam, những quốc gia đầu tiên trên lãnh thổ Việt Nam (Văn Lang, Âu Lạc, Phù Nam, Chăm-pa), thời kì Bắc thuộc, Triều Lý, Triều Trần.

2. Năng lực

– Năng lực chung:

+ Năng lực tự chủ và tự học: tự lực làm những nhiệm vụ học tập được giao trên lớp và ở nhà.

+ Năng lực giao tiếp và hợp tác: hợp tác và giao tiếp với các bạn trong các nhiệm vụ học tập.

+ Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: phát hiện được vấn đề từ các nhiệm vụ học tập và tìm cách giải quyết chúng.

– Năng lực đặc thù:

+ Năng lực nhận thức khoa học Lịch sử và Địa lí: hệ thống và củng cố được kiến thức về thiên nhiên và con người Việt Nam, những quốc gia đầu tiên trên lãnh thổ Việt Nam (Văn Lang, Âu Lạc, Phù Nam, Chăm-pa), thời kì Bắc thuộc, Triều Lý, Triều Trần.

+ Năng lực tìm hiểu lịch sử và địa lí: vẽ được sơ đồ tư duy về thiên nhiên và con người Việt Nam.

+ Năng lực vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học: vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học để thực hiện bài tập lịch sử.

3. Phẩm chất

Thông qua bài học, HS phát triển được phẩm chất chăm chỉ (thường xuyên hoàn thành các nhiệm vụ học tập, đọc sách, sưu tầm thông tin mở rộng hiểu biết,...) và trách nhiệm (có trách nhiệm với các nhiệm vụ được giao trong bài học).

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- Bản đồ hành chính Việt Nam treo tường.
- Bản đồ hoặc lược đồ tự nhiên Việt Nam.
- Phiếu đánh giá sơ đồ tư duy của HS.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

1. Hoạt động khởi động

a) Mục tiêu

Gây hứng thú cho HS, kết nối kiến thức, kĩ năng đã biết vào bài học.

b) Tổ chức thực hiện

◆ *Phương pháp – kĩ thuật dạy học:* đàm thoại gợi mở – kĩ thuật tia chớp.

◆ *Thời gian:* 10 phút

◆ *Các bước tiến hành:*

– Bước 1: GV yêu cầu HS làm việc cá nhân, gấp sách vở môn Lịch sử và Địa lí lại và thực hiện nhiệm vụ: *Hãy kể tên những nội dung lịch sử và địa lí em đã được học từ đầu năm đến giờ.*

– Bước 2: HS đọc và suy nghĩ để trả lời câu hỏi bằng cách ghi ra giấy nháp.

– Bước 3: GV tổ chức cho cả lớp thảo luận như sau: gọi lần lượt từng HS kể tên các nội dung kiến thức đã được học, mỗi HS nêu một nội dung kiến thức, HS trả lời sau không được trùng câu trả lời với HS trước. GV có thể ghi câu trả lời của HS trên bảng.

– Bước 4: GV nhận xét hoạt động của cá nhân HS và trao đổi của cả lớp, sau đó GV dẫn dắt vào hoạt động củng cố.

2. Hoạt động luyện tập và vận dụng

2.1. Hoạt động 1. Hệ thống và củng cố phần kiến thức về thiên nhiên và con người Việt Nam

a) Mục tiêu

Hệ thống và củng cố được kiến thức về thiên nhiên và con người Việt Nam.

b) Tổ chức thực hiện

◆ *Phương pháp – kĩ thuật dạy học:* phương pháp sử dụng phương tiện trực quan – kĩ thuật vẽ sơ đồ tư duy.

◆ *Thời gian:* 25 phút.

◆ *Các bước tiến hành:*

– Bước 1: GV yêu cầu HS sử dụng kiến thức đã học để thực hiện yêu cầu: Vẽ sơ đồ tư duy thể hiện các nội dung sau: vị trí địa lí, phạm vi lãnh thổ và đơn vị hành chính, đặc điểm địa hình, đặc điểm khí hậu của Việt Nam.

– Bước 2: HS làm việc cá nhân và thực hiện vẽ sơ đồ vào vở hoặc ra giấy.

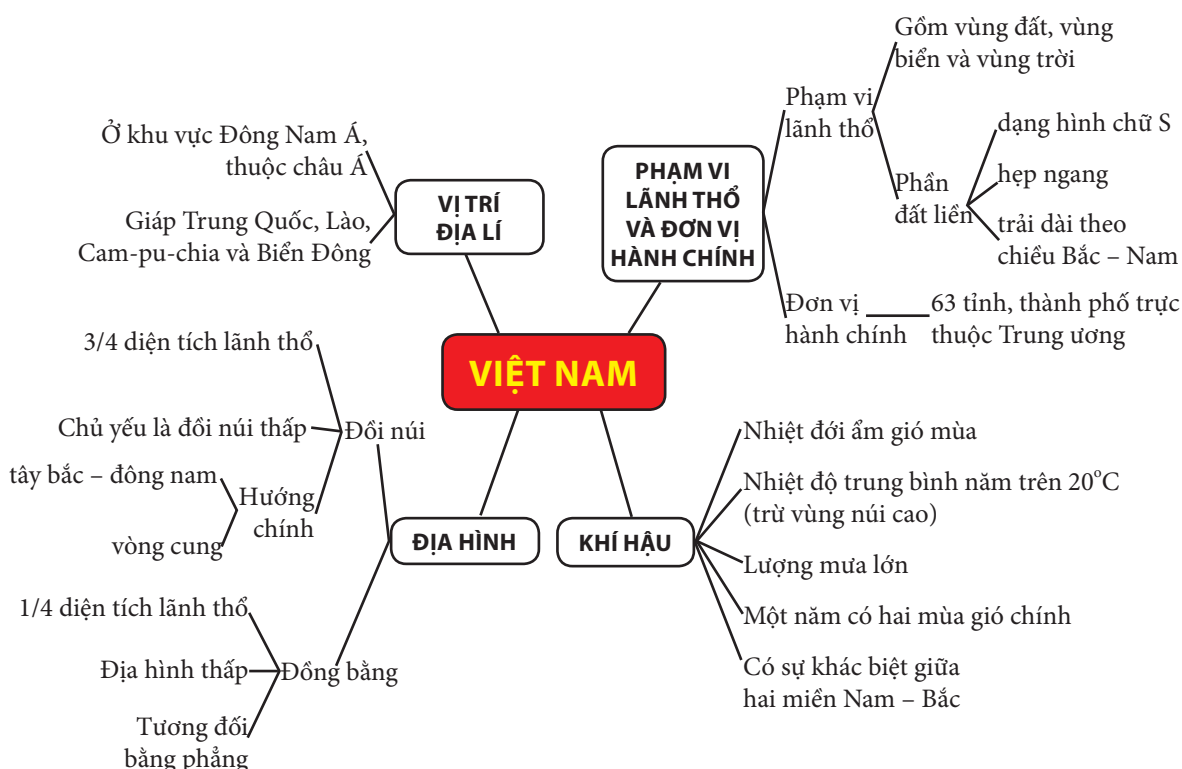
– Bước 3: GV tổ chức cho HS đánh giá sản phẩm lẫn nhau theo tiêu chí dưới đây.

PHIẾU ĐÁNH GIÁ SƠ ĐỒ TƯ DUY CỦA HỌC SINH

Tiêu chí		Mức độ 1	Mức độ 2	Mức độ 3
Hình thức	Bố cục	Trình bày thông tin mạch lạc, lô gíc.	Trình bày thông tin còn nhầm lẫn giữa các nội dung .	Không có bố cục cho sản phẩm.
		2 điểm	1 điểm	0.5 điểm
	Hình thức sản phẩm	– Vẽ đúng hình thức của sơ đồ tư duy. – Có hình ảnh minh họa. – Có màu sắc khác nhau để phân loại thông tin.	Không đạt 1 trong ba tiêu chí về hình thức sản phẩm.	Không đạt cả ba tiêu chí về hình thức sản phẩm.
		3 điểm	2 điểm	1 điểm
Nội dung 5 điểm		– Đầy đủ nội dung: vị trí địa lí, đặc điểm tự nhiên, đặc điểm dân cư. – Sắp xếp các nội dung đúng theo thứ tự đã được học.	– Còn thiếu một số nội dung. – Sắp xếp một số nội dung chưa đúng.	– Thiếu nhiều nội dung. – Sắp xếp lộn xộn, chưa đúng thứ tự.
		3 điểm	1 điểm	

– Bước 4: GV nhận xét, đánh giá về hoạt động học của cá nhân và đánh giá lẫn nhau của cả lớp và chuẩn kiến thức.

Gợi ý sơ đồ:



2.2. Hoạt động 2. Hệ thống và củng cố kiến thức về nhà nước Văn Lang – Âu Lạc, Vương quốc Chăm-pa, Vương quốc Phù Nam và thời kì Bắc thuộc.

a) Mục tiêu

Hệ thống hoá được kiến thức lịch sử từ nhà nước Văn Lang, Âu Lạc và thời kì Bắc thuộc.

b) Tổ chức thực hiện

- ◆ *Phương pháp – kĩ thuật dạy học:* phương pháp đàm thoại – kĩ thuật đặt câu hỏi.
- ◆ *Thời gian:* 20 phút (mỗi nhiệm vụ 10 phút).
- ◆ *Các bước tiến hành:*
 - Bước 1: GV yêu cầu HS sử dụng kiến thức đã học để:
 - + Hoàn thành bảng về những quốc gia đầu tiên trên lãnh thổ Việt Nam.
 - + Hoàn thành bảng về các cuộc đấu tranh tiêu biểu thời kì Bắc thuộc.
 - Bước 2: HS làm việc cá nhân và thực hiện hoàn thành bảng vào vở hoặc ra giấy.
 - Bước 3: GV tổ chức cho HS đánh giá sản phẩm lẫn nhau theo tiêu chí dưới đây.

PHIẾU ĐÁNH GIÁ TIÊU CHÍ VỀ HOẠT ĐỘNG LẬP BẢNG CỦA HỌC SINH

Tiêu chí		Mức độ 1	Mức độ 2	Mức độ 3
Hình thức	Bố cục	Trình bày thông tin mạch lạc, lô gic.	Trình bày thông tin còn nhầm lẫn giữa các nội dung.	Không có bố cục cho sản phẩm.
		2 điểm	1 điểm	0.5 điểm
	Hình thức sản phẩm	– Lập bảng theo đúng các tiêu chí: + Bảng 1 gồm tên nhà nước, địa bàn chủ yếu và hiện vật hoặc công trình tiêu biểu. + Bảng 2 gồm thời gian, tên cuộc đấu tranh tiêu biểu, ý nghĩa.	Không đạt 1 trong ba tiêu chí về hình thức sản phẩm.	Không đạt cả ba tiêu chí về hình thức sản phẩm.
		3 điểm	2 điểm	1 điểm
Nội dung 5 điểm		– Đầy đủ nội dung: + Bảng 1 gồm tên nhà nước, địa bàn chủ yếu và hiện vật hoặc công trình tiêu biểu. + Bảng 2 gồm thời gian, tên cuộc đấu tranh tiêu biểu, ý nghĩa. – Sắp xếp các nội dung đúng theo thứ tự đã được học.	– Còn thiếu một số nội dung. – Sắp xếp một số nội dung chưa đúng.	– Thiếu nhiều nội dung. – Sắp xếp lộn xộn, chưa đúng thứ tự.
		3 điểm	1 điểm	1 điểm

– Bước 4: GV nhận xét, đánh giá về hoạt động học của cá nhân và đánh giá lẫn nhau của cả lớp và chuẩn kiến thức:

Gợi ý bảng và đáp án các câu hỏi:

Bảng 1. Những quốc gia đầu tiên trên lãnh thổ Việt Nam

STT	Tên nhà nước	Địa bàn chủ yếu	Hiện vật hoặc công trình tiêu biểu
1	Văn Lang	Bắc Bộ và Bắc Trung Bộ	– Trống đồng Đông Sơn – Rìu đồng – Lưỡi cày đồng – Nồi gốm
2	Âu Lạc	Bắc Bộ và Bắc Trung Bộ	– Lưỡi nỏ và mũi tên đồng – Thành Cổ Loa
3	Phù Nam	Nam Bộ	– Bình gốm Nhon Thành (Cần Thơ) – Đồng tiền – Nồi và cà ràng – Khuyên tai bằng vàng – Tượng Phật Bình Hoà (Long An)
4	Chăm-pa	Duyên hải miền Trung	– Đền tháp Chăm-pa

Bảng 2. Các cuộc đấu tranh tiêu biểu thời kì Bắc thuộc

STT	Thời gian	Tên cuộc khởi nghĩa	Ý nghĩa
1	40 – 43	Hai Bà Trưng	Chứng tỏ tinh thần đấu tranh bất khuất của nhân dân ta, tạo tiền đề cho việc khôi phục nền độc lập, tự chủ của nước nhà sau này.
2	542	Lý Bí	Thể hiện lòng yêu nước, khẳng định sự trưởng thành về ý thức đấu tranh giành độc lập của nhân dân ta.
3	938	Chiến thắng Bạch Đằng	Chấm dứt hoàn toàn ách đô hộ của phong kiến phương Bắc, mở ra thời kì độc lập, tự chủ lâu dài cho dân tộc.

2.3. Hoạt động 3. Hệ thống và củng cố kiến thức về Triều Lý và Triều Trần

a) Mục tiêu

Hệ thống hoá kiến thức lịch sử về Triều Lý và Triều Trần.

b) Tổ chức thực hiện

♦ *Phương pháp – kĩ thuật dạy học:* phương pháp tổ chức trò chơi – kĩ thuật đặt câu hỏi.

♦ *Thời gian:* 10 phút.

♦ *Các bước tiến hành:*

– Bước 1: GV chuẩn bị hai thẻ chữ lớn là Triều Lý và Triều Trần; các thẻ chữ nhỏ hơn về các nội dung theo thứ tự 1 – 12 như trong SGK. GV yêu cầu HS sử dụng kiến thức đã học để ghép các thẻ chữ cho phù hợp với Triều Lý và Triều Trần.

– Bước 2: HS làm việc nhóm, thảo luận và chuẩn bị gắn thẻ chữ lên bảng.

– Bước 3: GV tổ chức cho HS gắn thẻ chữ lên bảng và nhận xét, đánh giá kết quả của các nhóm bạn.

– Bước 4: GV nhận xét, đánh giá về hoạt động học của các nhóm và đánh giá lẫn nhau của cả lớp sau đó chuẩn kiến thức:

+ Triều Lý: 1, 3, 6, 7, 9, 10.

+ Triều Trần: 2, 4, 5, 8, 11, 12.

Bài 12 KHỞI NGHĨA LAM SƠN VÀ TRIỀU HẬU LÊ (3 TIẾT)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

1. Kiến thức

- Sưu tầm và giới thiệu được một số tư liệu lịch sử (câu chuyện, văn bản, tranh ảnh,...) liên quan đến khởi nghĩa Lam Sơn và Triều Hậu Lê.
- Kể lại được một số nét chính về khởi nghĩa Lam Sơn thông qua các câu chuyện về một số nhân vật lịch sử (ví dụ: Lê Lợi, Nguyễn Trãi, Lê Lai, Nguyễn Chích,...).
- Kể lại được chiến thắng Chi Lăng có sử dụng tư liệu lịch sử (lược đồ, tranh ảnh, câu chuyện về ải Chi Lăng, về Liễu Thăng,...).
- Trình bày được những nét chính về lịch sử Việt Nam thời Hậu Lê thông qua các câu chuyện về một số nhân vật lịch sử (ví dụ: vua Lê Thánh Tông, Lương Thế Vinh, Ngô Sĩ Liên,...).

2. Năng lực

Bài học góp phần hình thành và phát triển các năng lực:

- Năng lực chung:
 - + Tự chủ và tự học thông qua các hoạt động học tập mang tính cá nhân, tự lực làm những nhiệm vụ học tập được giao trên lớp và ở nhà.
 - + Giao tiếp và hợp tác thông qua hoạt động cá nhân, nhóm, toàn lớp để hoàn thành nhiệm vụ học tập.
 - + Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: phát hiện được vấn đề từ các nhiệm vụ học tập và tìm cách giải quyết vấn đề.
- Năng lực đặc thù:
 - + Năng lực tìm hiểu lịch sử thông qua việc sử dụng tư liệu lịch sử để kể lại một số nét chính về khởi nghĩa Lam Sơn thông qua các câu chuyện về một số nhân vật lịch sử; kể lại được chiến thắng Chi Lăng.
 - + Năng lực nhận thức và tư duy lịch sử thông qua việc trình bày được những nét chính về lịch sử Việt Nam thời Hậu Lê thông qua các câu chuyện về một số nhân vật lịch sử.
 - + Năng lực vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học thông qua việc sưu tầm và giới thiệu được một số tư liệu lịch sử liên quan đến khởi nghĩa Lam Sơn và Triều Hậu Lê.

3. Phẩm chất

Thông qua bài học, HS phát triển được các phẩm chất:

- Yêu nước thông qua việc bày tỏ tình cảm với những anh hùng dân tộc trong cuộc khởi nghĩa Lam Sơn, những nhân vật tiêu biểu của thời Hậu Lê.
- Trách nhiệm thông qua việc giữ gìn, phát huy những di sản của Triều Hậu Lê.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- Tranh ảnh, tư liệu liên quan đến khởi nghĩa Lam Sơn và Triều Hậu Lê.
- Câu chuyện về các nhân vật lịch sử liên quan đến khởi nghĩa Lam Sơn và Triều Hậu Lê.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

1. Hoạt động khởi động

a) Mục tiêu

Kết nối những điều HS đã biết với những điều HS chưa biết, tạo tâm thế hứng khởi, kích thích sự tò mò của HS để dẫn dắt vào bài mới.

b) Tổ chức thực hiện

♦ *Phương pháp – kĩ thuật dạy học:* phương pháp sử dụng phương tiện trực quan – kĩ thuật đặt câu hỏi.

♦ *Thời gian:* 5 phút

♦ *Các bước tiến hành:*

– Bước 1: GV cho HS quan sát hình ảnh Điện Lam Kinh trong Khu di tích Lam Kinh và trả lời câu hỏi: *Công trình này được xây dựng vào triều đại nào? Chia sẻ điều em biết về triều đại đó.*

– Bước 2: HS quan sát hình ảnh và hiểu biết của bản thân để trả lời câu hỏi bằng cách ghi ra giấy nháp, sau đó trao đổi với bạn bên cạnh.

– Bước 3: GV gọi 1 – 2 HS lần lượt đưa ra câu trả lời, các HS khác lắng nghe, nhận xét và bổ sung thêm thông tin (nếu có).

– Bước 4: GV nhận xét câu trả lời của HS và chốt lại nội dung: Điện Lam Kinh là một công trình kiến trúc trong Khu di tích Lam Kinh (Thọ Xuân, Thanh Hoá) – nơi Lê Lợi dựng cờ khởi nghĩa chống quân Minh giành thắng lợi. Công trình này được xây dựng vào Triều Hậu Lê. Đây là một trong những triều đại tồn tại lâu dài nhất trong lịch sử và để lại nhiều dấu ấn đậm nét trong tiến trình lịch sử dân tộc.

Lưu ý: GV cũng có thể tổ chức khởi động theo cách sáng tạo của mình và phù hợp với đối tượng HS.

2. Hoạt động khám phá

2.1. Hoạt động 1. Tìm hiểu khái quát về khởi nghĩa Lam Sơn

2.1.1. Nhiệm vụ 1: Tìm hiểu về khởi nghĩa Lam Sơn

a) Mục tiêu

HS nêu được khái quát về khởi nghĩa Lam Sơn (thời gian bùng nổ và kết thúc, người lãnh đạo, một số sự kiện và nhân vật tiêu biểu).

b) Tổ chức thực hiện

♦ *Phương pháp – kĩ thuật dạy học:* phương pháp sử dụng phương tiện trực quan – kĩ thuật đặt câu hỏi.

♦ *Thời gian:* 15 phút.

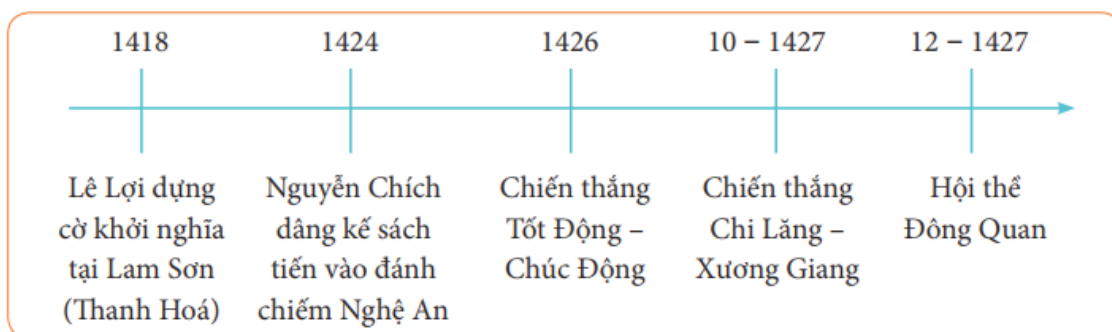
♦ *Các bước tiến hành:*

– Bước 1: GV yêu cầu HS đọc thông tin trong SGK trang 50, quan sát sơ đồ một số sự kiện chính trong khởi nghĩa Lam Sơn do GV chuẩn bị (theo gợi ý dưới đây), thảo luận cặp đôi và trả lời các câu hỏi:

+ *Khởi nghĩa Lam Sơn bùng nổ năm nào? Kết thúc vào năm nào?*

+ *Ai lãnh đạo khởi nghĩa Lam Sơn?*

+ *Kể một số sự kiện chính và một số nhân vật tiêu biểu trong cuộc khởi nghĩa Lam Sơn.*



Sơ đồ một số sự kiện chính trong khởi nghĩa Lam Sơn

– Bước 2: HS hoạt động cặp đôi theo quy trình sau: Mỗi HS sẽ dành thời gian làm việc cá nhân khoảng 3 phút, đọc thông tin, quan sát sơ đồ tìm kiếm thông tin; sau đó, hai HS trao đổi với nhau để thống nhất ý kiến trong vòng 3 phút.

– Bước 3: GV mời đại diện một số cặp đôi trả lời câu hỏi trước lớp, các HS khác nhận xét và bổ sung ý kiến (nếu có).

– Bước 4: GV nhận xét câu trả lời của các nhóm và chốt lại một số nét chính của khởi nghĩa Lam Sơn:

+ Khởi nghĩa Lam Sơn do Lê Lợi lãnh đạo, diễn ra tại Lam Sơn (Thanh Hoá).

+ Cuộc khởi nghĩa Lam kéo dài 10 năm (1418 – 1427).

+ Một số sự kiện lịch sử tiêu biểu: Chuyển hướng chiến lược vào Nghệ An (1424), Chiến thắng Tốt Động – Chúc Động (1426), Chiến thắng Chi Lăng – Xương Giang (10 – 1427), Hội thề Đông Quan (12 – 1427).

+ Nhiều nhân vật tiêu biểu gắn với khởi nghĩa Lam Sơn như: Lê Lợi, Nguyễn Trãi, Lê Lai, Trần Nguyên Hãn, Nguyễn Chích,...

2.1.2. Nhiệm vụ 2: Kể chuyện về một nhân vật trong khởi nghĩa Lam Sơn

a) Mục tiêu

– HS kể lại được câu chuyện về một số nhân vật lịch sử như (Lê Lợi, Nguyễn Trãi, Lê Lai,...) thông qua đó, HS kể được nét chính về cuộc khởi nghĩa Lam Sơn.

b) Tổ chức thực hiện

♦ *Phương pháp – kĩ thuật dạy học:* phương pháp kể chuyện – kĩ thuật đặt câu hỏi.

♦ *Thời gian:* 25 phút.

♦ *Các bước tiến hành:*

– Bước 1: GV tổ chức cho HS hoạt động cặp đôi hoặc nhóm, đọc nội dung các câu chuyện và kể lại câu chuyện về một nhân vật trong khởi nghĩa Lam Sơn.

– Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ theo quy trình như sau:

+ Chọn câu chuyện dự định kể.

+ Đọc câu chuyện và kể lại câu chuyện cho các bạn cùng cặp hoặc nhóm.

– Bước 3: GV gọi 2 – 3 cặp đôi hoặc nhóm kể chuyện. Mỗi cặp đôi hoặc nhóm kể về một nhân vật (Lê Lợi, Nguyễn Trãi, Lê Lai). Các HS khác lắng nghe và nhận xét.

– Bước 4: GV nhận xét phần kể chuyện của các cá nhân, các nhóm và chuẩn kiến thức cho HS. Ở hoạt động này, GV rèn cho HS kĩ năng kể một câu chuyện lịch sử. Vì vậy, trong quá trình HS báo cáo nhiệm vụ, GV hướng dẫn HS tư thế đứng trình bày và các biểu cảm thể nào cho hấp dẫn.

PHIẾU ĐÁNH GIÁ KỂ CHUYỆN CỦA HỌC SINH

Tiêu chí	Mức độ 1	Mức độ 2	Mức độ 3
Bố cục	Trình bày thông tin mạch lạc, lô gic.	Trình bày thông tin còn nhầm lẫn giữa các nội dung.	Không có bố cục cho sản phẩm.
	2 điểm	1 điểm	0.5 điểm
Giọng nói, Biểu cảm	– Giọng kể chuyện to, rõ ràng. – Ngữ điệu có lên giọng, xuống giọng ở những chỗ cần thiết. – Thể hiện được cảm xúc qua cử chỉ, nét mặt, điệu bộ.	Không đạt 1 trong ba tiêu chí về hình thức sản phẩm.	Không đạt cả ba tiêu chí về hình thức sản phẩm.
	3 điểm	2 điểm	1 điểm
Nội dung	– Đầy đủ nội dung. – Sắp xếp các nội dung đúng theo lô gic.	– Còn thiếu một số nội dung. – Sắp xếp một số nội dung chưa đúng lô gic.	– Thiếu nhiều nội dung. – Sắp xếp lộn xộn, chưa đúng thứ tự.
	5 điểm	3 điểm	1 điểm

2.2. Hoạt động 2. Kể chuyện chiến thắng Chi Lăng

a) Mục tiêu

HS kể lại được chiến thắng Chi Lăng có sử dụng tư liệu lịch sử.

b) Tổ chức thực hiện

♦ *Phương pháp – kĩ thuật dạy học:* phương pháp sử dụng phương tiện trực quan – kĩ thuật đặt câu hỏi.

♦ *Thời gian:* 15 phút.

♦ *Các bước tiến hành:*

- Bước 1: GV giới thiệu: Trong suốt 10 năm khởi nghĩa Lam Sơn (1418 – 1427) có rất nhiều chiến thắng lớn, khiến cho quân Minh bị thiệt hại nặng nề. Trần Chi Lăng là một trong những trận đánh tiêu biểu và quyết định của khởi nghĩa Lam Sơn. Sau đó, GV tổ chức cho HS hoạt động nhóm, thực hiện yêu cầu: Quan sát lược đồ hình 3, đọc câu chuyện *Trần Chi Lăng* và kể lại chiến thắng Chi Lăng.
- Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ theo quy trình như sau: HS làm việc cá nhân bằng cách đọc câu chuyện trong SGK, quan sát lược đồ trong thời gian 2 phút; sau đó trao đổi với bạn trong nhóm, thống nhất ý kiến và kể lại chiến thắng Chi Lăng.
- Bước 3: GV tổ chức cho các nhóm HS báo cáo kết quả, trong đó lưu ý việc kết hợp sử dụng lược đồ treo tường để trình bày. Các nhóm khác nhận xét, bổ sung (nếu có).
- Bước 4: GV nhận xét phần kể chuyện về chiến thắng Chi Lăng của các nhóm. GV đánh giá kĩ năng khai thác lược đồ để kể chuyện theo tiêu chí dưới đây.

BẢNG KIỂM ĐÁNH GIÁ KĨ NĂNG KHAI THÁC LƯỢC ĐỒ TRẬN CHI LĂNG

STT	Nhận định	Có/không
1	Xác định và chỉ chính xác hướng tiến quân của quân Minh	
2	Xác định và chỉ chính xác hướng quân ta đánh như quân Minh vào trận địa	
3	Xác định và chỉ chính xác vị trí quân ta chặn đánh quân Minh	
4	Xác định và chỉ chính xác vị trí quân ta mai phục, chặn đánh quân Minh	
5	Xác định và chỉ chính xác vị trí quân ta giành thắng lợi	
6	Xác định và chỉ chính xác vị trí của cửa ải	
7	Xác định và chỉ chính xác các nội dung của lược đồ gắn với diễn biến của trận Chi Lăng	

GV chốt lại nội dung: Chiến thắng Chi Lăng đã khiến cho mưu đồ cứu viện thành Đông Quan của quân Minh bị tan vỡ, cùng với chiến thắng Xương Giang trong năm 1427 đã khiến cho quân Minh phải chấp nhận tiến hành Hội thề Đông Quan với nghĩa quân Lam Sơn (12 – 1427) và rút quân về nước. Cuộc khởi nghĩa Lam Sơn kết thúc thắng lợi, chấm dứt ách đô hộ hai mươi năm của nhà Minh. Nước ta hoàn toàn độc lập.

2.3. Hoạt động 3. Tìm hiểu về công cuộc xây dựng đất nước dưới Triều Hậu Lê

2.3.1. Nhiệm vụ 1: Tìm hiểu nét chính về lịch sử Việt Nam Triều Hậu Lê

a) Mục tiêu

HS trình bày được những nét chính về lịch sử Việt Nam thời Hậu Lê.

b) Tổ chức thực hiện

- ♦ *Phương pháp – kĩ thuật dạy học:* phương pháp hoạt động nhóm – kĩ thuật khăn trải bàn.
- ♦ *Thời gian:* 15 phút.

♦ *Các bước tiến hành:*

– Bước 1: GV tổ chức cho HS hoạt động nhóm, yêu cầu HS đọc nội dung mục 2, thảo luận và thực hiện yêu cầu: *Nêu một số nét chính về lịch sử Việt Nam dưới Triều Hậu Lê.*

– Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ theo quy trình như sau:

+ HS làm việc cá nhân, đọc thông tin mục 2 trong SGK và ghi lại thông tin ra giấy nhớ. Sau đó, HS trao đổi với các bạn trong nhóm và thống nhất ý kiến.

+ HS có thể thể hiện kết quả dưới dạng sơ đồ tư duy hoặc thảo luận theo kĩ thuật khăn trải bàn để trình bày kết quả của mình.

– Bước 3: GV mời đại diện các nhóm báo cáo kết quả thảo luận trước lớp, các nhóm khác theo dõi, nhận xét và bổ sung ý kiến (nếu có).

– Bước 4: GV nhận xét câu trả lời của các nhóm và chuẩn kiến thức cho HS về một số nét chính của lịch sử Việt Nam dưới Triều Hậu Lê:

+ Bộ máy nhà nước được tổ chức chặt chẽ, quy củ.

+ Nhà nước chú trọng phát triển kinh tế, đặc biệt là kinh tế nông nghiệp.

+ Đất nước thịnh đạt nhất dưới thời vua Lê Thánh Tông.

+ Văn học và khoa học cũng đạt được nhiều thành tựu với các tác gia tiêu biểu như: Nguyễn Trãi, Ngô Sĩ Liên, Lương Thế Vinh,...

2.3.2. Nhiệm vụ 2: Kể chuyện về nhân vật lịch sử dưới Triều Hậu Lê

a) Mục tiêu

HS kể lại được câu chuyện về một số nhân vật lịch sử (vua Lê Thánh Tông, Lương Thế Vinh,...) từ đó HS trình bày được những nét chính về lịch sử Việt Nam thời Hậu Lê.

b) Tổ chức thực hiện

♦ *Phương pháp – kĩ thuật dạy học:* phương pháp kể chuyện – kĩ thuật đặt câu hỏi.

♦ *Thời gian:* 15 phút.

♦ *Các bước tiến hành:*

– Bước 1: GV tổ chức cho HS hoạt động cặp đôi hoặc nhóm, đọc nội dung các câu chuyện, sau đó *Chọn và kể lại câu chuyện về một nhân vật tiêu biểu dưới Triều Hậu Lê.*

– Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ theo quy trình như sau:

+ Chọn câu chuyện dự định kể.

+ Đọc câu chuyện và kể câu chuyện với bạn cùng cặp hoặc trong nhóm.

– Bước 3: GV gọi đại diện 2 – 3 nhóm HS kể chuyện. Mỗi nhóm kể về một nhân vật (vua Lê Thánh Tông, Ngô Sĩ Liên, Lương Thế Vinh,...). Các nhóm khác quan sát và nhận xét.

– Bước 4: GV cho các nhóm HS tự đánh giá, nhận xét chéo về hoạt động kể chuyện của các cá nhân, các nhóm (theo các tiêu chí dưới đây). Ở hoạt động này, GV rèn cho HS kĩ năng kể chuyện lịch sử. Vì vậy, trong quá trình HS báo cáo nhiệm vụ, GV hướng dẫn HS đứng trình bày và các biểu cảm thế nào cho hấp dẫn.

BẢNG KIỂM TỰ ĐÁNH GIÁ VÀ ĐÁNH GIÁ LẦN NHAU VỀ HOẠT ĐỘNG KỂ CHUYỆN CÁC NHÂN VẬT TIÊU BIỂU TRIỀU HẬU LÊ

STT	Nội dung	Có/không
1	Nội dung câu chuyện đúng, đầy đủ, hấp dẫn.	
2	Giọng kể chuyện rõ ràng, mạch lạc, có cảm xúc.	
3	Có sử dụng điệu bộ, cử chỉ phù hợp với câu chuyện.	

– Bước 5: Sau khi HS kể chuyện xong, GV có thể nêu thêm yêu cầu: *Em học được gì từ nhân vật lịch sử đó.*

3. Hoạt động luyện tập

a) Mục tiêu

- củng cố lại nội dung bài học.
- Kiểm tra lại mục tiêu bài học xem HS đã đạt được chưa.

b) Tổ chức thực hiện

Câu 1. GV hướng dẫn HS lập bảng về đóng góp của một số nhân vật lịch sử tiêu biểu trong khởi nghĩa Lam Sơn và Triều Hậu Lê.

– Bước 1: GV yêu cầu HS làm việc cá nhân, làm câu 1 phần Luyện tập: lập bảng theo gợi ý trong SGK về đóng góp của một số nhân vật lịch sử tiêu biểu trong khởi nghĩa Lam Sơn và Triều Hậu Lê.

– Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ vào vở trong thời gian 10 phút.

– Bước 3:

+ GV tổ chức cho HS trình bày sản phẩm đã hoàn thành ngay tại lớp. Các bạn HS khác lắng nghe, nhận xét và bổ sung (nếu có).

+ GV tổ chức cho HS trao đổi bảng và đánh giá, chấm điểm lẫn nhau dựa trên các tiêu chí nội dung và hình thức dưới đây.

TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ SẢN PHẨM BẢNG CỦA HỌC SINH

STT	Tiêu chí		Điểm
1	Nội dung	– Nội dung thông tin đầy đủ, chính xác.	4
		– Bố cục mạch lạc, lô gic.	3
2	Hình thức	– Trình bày sản phẩm sạch sẽ, đẹp, dễ nhìn.	3

– Bước 4: GV nhận xét, đánh giá phần đánh giá lẫn nhau của HS và rút kinh nghiệm (nếu có), Sau đó, GV chuẩn lại kiến thức:

Gợi ý:

STT	Nhân vật lịch sử	Đóng góp
1	Lê Lợi	Lãnh đạo cuộc khởi nghĩa Lam Sơn giành thắng lợi
2	Nguyễn Trãi	– Viết thư dụ hàng quân Minh, đặc biệt đã thay mặt Lê Lợi viết thư dụ hàng Vương Thông ở thành Đông Quan. – Là nhà thơ, nhà văn, nhà văn hoá với các tác phẩm tiêu biểu: <i>Bình Ngô đại cáo</i> , <i>Lam Sơn thực lục</i> ,...
3	Lê Lai	Đóng giả Lê Lợi, giải vây cho nghĩa quân Lam Sơn.
4	Ngô Sĩ Liên	Viết <i>Đại Việt sử kí toàn thư</i> .
5	Lương Thế Vinh	Nhà toán học nổi tiếng với tác phẩm <i>Đại thành toán pháp</i> .

Câu 2. GV hướng dẫn HS thảo luận và thực hiện nhiệm vụ: *Kể lại câu chuyện về một nhân vật liên quan đến khởi nghĩa Lam Sơn hoặc Triều Hậu Lê mà em sưu tầm được.*

GV có thể gợi ý cho HS một số câu chuyện khác về Nguyễn Trãi, Nguyễn Chích,...

– Bước 1: GV yêu cầu HS chọn và kể lại câu chuyện về một nhân vật liên quan đến khởi nghĩa Lam Sơn hoặc Triều Hậu Lê mà HS sưu tầm được.

– Bước 2: HS làm việc ở nhà có thể trước buổi học hoặc sau buổi học.

– Bước 3: GV tổ chức cho HS kể chuyện trước lớp.

– Bước 4: GV nhận xét, đánh giá về hoạt động kể chuyện của HS theo bảng đánh giá tiêu chí.

PHIẾU ĐÁNH GIÁ KỂ CHUYỆN CỦA HỌC SINH

Tiêu chí	Mức độ 1	Mức độ 2	Mức độ 3
Bố cục	Trình bày thông tin mạch lạc, lô gic.	Trình bày thông tin còn nhầm lẫn giữa các nội dung	Không có bố cục cho sản phẩm
	2 điểm	1 điểm	0.5 điểm
Giọng nói, biểu cảm	– Giọng kể chuyện to, rõ ràng. – Ngữ điệu có lên giọng, xuống giọng ở những chỗ cần thiết. – Thể hiện được cảm xúc qua cử chỉ, nét mặt, điệu bộ.	Không đạt 1 trong ba tiêu chí về hình thức sản phẩm	Không đạt cả ba tiêu chí về hình thức sản phẩm
	3 điểm	2 điểm	1 điểm
Nội dung	– Đầy đủ nội dung. – Sắp xếp các nội dung đúng theo lô gic.	– Còn thiếu một số nội dung. – Sắp xếp một số nội dung chưa đúng lô gic.	– Thiếu nhiều nội dung. – Sắp xếp lộn xộn, chưa đúng thứ tự.
	5 điểm	3 điểm	1 điểm

Gợi ý: Câu chuyện về một số nhân vật liên quan đến khởi nghĩa Lam Sơn.

- Nguyễn Trãi

Nguyễn Trãi quê ở Chí Linh (Hải Dương). Sau khi đất nước bị nhà Minh đô hộ, Nguyễn Trãi tham gia khởi nghĩa Lam Sơn. Ông đã dâng lên Lê Lợi cuốn *Bình Ngô sách* để ra kế sách đánh giặc Minh, chú trọng “đánh vào lòng người” để giành chiến thắng. Trong suốt thời gian khởi nghĩa, ông đã viết hàng chục bức thư gửi đi các thành để dụ hàng tướng lĩnh nhà Minh. Kết quả, tại nhiều thành, nghĩa quân không đánh mà địch tự đầu hàng như: Nghệ An, Tân Bình, Thuận Hoá, Tam Giang, Thị Cầu,...

Tại thành Đông Quan, với chủ trương “quyết nghị hoà để quan quân hai nước đều nghỉ”, Nguyễn Trãi đã thay mặt Lê Lợi viết bảy bức thư gửi cho Vương Thông, thậm chí sẵn sàng vào thành để trao đổi “con tin”. Cuối cùng, Vương Thông phải đầu hàng và rút quân về nước.

Sau thắng lợi, Nguyễn Trãi thay mặt Lê Lợi viết *Bình Ngô đại cáo* để tuyên bố về thắng lợi của cuộc khởi nghĩa Lam Sơn. *Bình Ngô đại cáo* được xem là bản tuyên ngôn độc lập thứ hai của dân tộc.

Nguyễn Trãi còn là một nhà văn hoá kiệt xuất. Ông để lại rất nhiều trước tác văn chương, cả bằng chữ Hán, chữ Nôm và phong phú về thể loại, bao gồm nhiều lĩnh vực như: văn học, lịch sử, địa lí, luật pháp, lễ nghi,... Ông cũng là người đặt nền móng cho văn học chữ Nôm của Việt Nam... Năm 1980, nhân kỉ niệm 600 năm ngày sinh của Nguyễn Trãi, tổ chức UNESCO đã vinh danh ông là Danh nhân văn hoá thế giới.

- Nguyễn Chích và kế hoạch chuyển hướng chiến lược vào Nghệ An

Nguyễn Chích quê ở thôn Mạc Xá, huyện Đông Sơn, tỉnh Thanh Hoá, mồ côi cha mẹ từ nhỏ, là người ít nói, hiền lành, trung thực, có chí lớn.

Khi nhà Minh đô hộ nước ta, Nguyễn Chích tổ chức khởi nghĩa, tập hợp lực lượng tại quê nhà. Ông dựa vào thế núi, sông hiểm yếu, xây thêm thành lũy, làm bãi tập quân, mở rộng lực lượng khắp vùng Nam Thanh Hoá và Bắc Nghệ An. Cuối năm 1420, Nguyễn Chích đem toàn bộ lực lượng gia nhập nghĩa quân Lam Sơn.

Năm 1424, giặc Minh bao vây căn cứ Lam Sơn, nghĩa quân lâm vào tình thế tiến thoái lưỡng nan. Nguyễn Chích đã đề nghị Lê Lợi cho “chuyển căn cứ vào Nghệ An, lấy đó làm đất đứng chân rồi sau đó đánh ra Đông Đô”. Kế hoạch của Nguyễn Chích được Lê Lợi và bộ chỉ huy chấp nhận. Việc chuyển hướng vào Nghệ An đã mở ra bước ngoặt lớn cho cuộc khởi nghĩa Lam Sơn. Nghĩa quân liên tiếp giành được nhiều thắng lợi, làm chủ cả vùng Tân Bình, Thuận Hoá; tạo tiền đề tiến quân ra Bắc, giải phóng hoàn toàn đất nước.

Trong khởi nghĩa Lam Sơn, ông đã tham gia trận bao vây dụ hàng thành Điều Điều (Gia Lâm, Hà Nội), Thị Cầu (Bắc Ninh). Ông cũng cùng Phạm Văn Xảo, Trịnh Khả đánh tan đạo viện binh của giặc do Mộc Thạnh chỉ huy ở ải Lê Hoa (Hà Giang).

Khởi nghĩa thắng lợi, ông được phong Bảo chính công thần, Nhập nội thiếu úy. Người đời sau khen ông là “người lập chí kiên quyết, thấy được sự việc lúc mới phát sinh,... công danh đầy biên quận, sự nghiệp đầy triều đình”.

• Nhà bác học Lê Quý Đôn

Vào thời Hậu Lê có một nhà bác học lớn, nhà hoạt động chính trị, quân sự tên là Lê Quý Đôn. Ông quê ở làng Diên Hà (huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình). Từ nhỏ, Lê Quý Đôn nổi tiếng thông minh, tinh nghịch.

Chuyện kể rằng, một hôm, có ông khách lạ đến đầu làng, thấy cậu bé đang tắm dưới ao, bèn hỏi thăm đường. Cậu bé trèo lên bờ, trêu chọc khách, rồi cười vang, bỏ chạy. Một lát sau, ông khách vào đúng nhà Lê Quý Đôn. Khi nghe khách kể chuyện, cha của Lê Quý Đôn giận lắm, định đánh con. Ông khách gạt đi:

- Chuyện trẻ tinh nghịch thôi mà. Cháu đi học chưa?
- Dạ, cháu đã biết làm thơ.
- Vậy cháu Đôn đâu, ta ra cho cháu một đề. Nếu làm được, ta sẽ tha lỗi cho. Đề là: Rắn đầu biếng học.

Lê Quý Đôn liền làm ngay bài thơ như sau:

*Chẳng phải liu điu vẫn giống nhà
Rắn đầu biếng học lẽ không tha
Thẹn đèn hổ lửa đau lòng mẹ
Nay thét mai găm rát cổ cha.
Ráo mép chỉ quen phường lếu láo
Lần lưng cam chịu vệt năm ba
Từ nay Châu Lỗ xin siêng học
Kẻo hổ mang danh tiếng thế gia.*

Lớn lên, Lê Quý Đôn đỗ Bảng nhãn, làm quan trong Triều Hậu Lê, sau đó được cử làm Phó sứ sang Trung Quốc và được thăng đến các chức Bồi tụng, Tham tụng trong phủ chúa Trịnh.

Tuy làm quan to, ông vẫn rất ham đọc sách, miệng đọc tay ghi. Ông còn tìm đọc nhiều cuốn sách của nước ngoài qua các bản dịch. Ông trở thành một nhà bác học uyên

thâm bậc nhất trong thế kỉ XVIII với nhiều tác phẩm về văn học, sử học, triết học, khoa học,... Học trò của ông là Tiến sĩ Bùi Huy Bích nói: “Nước ta trong vài trăm năm lại đây mới có một người như thầy”. Phan Huy Chú nhận xét: “Bình sinh rất chăm chỉ làm sách. Bàn về kinh sử thì sâu sắc rộng rãi, mà nói về điển cố thì đầy đủ rõ ràng. Cái sở trường của ông vượt hơn cả, nổi tiếng trên đời”.

4. Hoạt động vận dụng

a) Mục tiêu

HS vận dụng được kiến thức, kĩ năng đã học để giải quyết các nhiệm vụ trong học tập và thực tiễn cuộc sống.

b) Tổ chức thực hiện

◆ *Phương pháp dạy học:* phương pháp giải quyết vấn đề.

◆ *Thời gian:* HS thực hiện ở nhà, thời gian linh hoạt.

◆ *Các bước tiến hành:*

– Bước 1: GV yêu cầu HS làm việc cá nhân ở nhà, thực hiện nhiệm vụ: *Kể tên một số địa danh (di tích lịch sử, đường phố, trường học,...) liên quan đến khởi nghĩa Lam Sơn và Triều Hậu Lê.*

– Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ ở nhà (có thể trình bày vào vở và tạo ra một sản phẩm riêng), sau đó mang lên lớp trao đổi với cô và các bạn vào buổi học tiếp theo.

– Bước 3: GV gọi đại diện các nhóm HS lên chia sẻ tên địa danh (di tích lịch sử, đường phố, trường học,...) liên quan đến khởi nghĩa Lam Sơn và Triều Hậu Lê vào tiết học sau.

– Bước 4: GV nhận xét và đánh giá phần tìm hiểu thông tin của cả lớp.

Bài 13 TRIỀU NGUYỄN (3 TIẾT)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

1. Kiến thức

- Sưu tầm và giới thiệu được một số tư liệu lịch sử (câu chuyện, văn bản, tranh ảnh,...) liên quan đến Triều Nguyễn.
- Trình bày được những nét chính về lịch sử Việt Nam thời nhà Nguyễn thông qua các câu chuyện về một số nhân vật lịch sử (ví dụ: vua Gia Long, vua Minh Mệnh, Nguyễn Công Trứ, Nguyễn Trường Tộ, Hàm Nghi, Phan Đình Phùng,...).

2. Năng lực

- Năng lực chung:
 - + Tự chủ và tự học thông qua các hoạt động học tập mang tính cá nhân, tự lực làm những nhiệm vụ học tập được giao trên lớp và ở nhà.
 - + Giao tiếp và hợp tác thông qua hoạt động nhóm, cặp đôi để hoàn thành các nhiệm vụ học tập.
 - + Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: phát hiện được vấn đề từ các nhiệm vụ học tập và tìm cách giải quyết chúng.
- Năng lực đặc thù:
 - + Năng lực nhận thức và tư duy lịch sử: trình bày được những nét chính về lịch sử Việt Nam thời nhà Nguyễn thông qua các câu chuyện về một số nhân vật lịch sử.
 - + Năng lực vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học thông qua việc sưu tầm và giới thiệu được một số tư liệu lịch sử liên quan đến Triều Nguyễn.

3. Phẩm chất

Thông qua bài học, HS phát triển được các phẩm chất:

- Yêu nước thông qua việc bày tỏ tình cảm với những nhân vật tiêu biểu của Triều Nguyễn.
- Trách nhiệm thông qua việc giữ gìn, phát huy những di sản của Triều Nguyễn.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- Tranh ảnh, tư liệu liên quan đến Triều Nguyễn.
- Câu chuyện lịch sử liên quan đến các nhân vật của Triều Nguyễn như: vua Gia Long, vua Minh Mệnh, Nguyễn Công Trứ, Nguyễn Trường Tộ, Hàm Nghi, Phan Đình Phùng,...

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

1. Hoạt động khởi động

a) Mục tiêu

Kết nối những điều HS đã biết với những điều HS chưa biết, tạo tâm thế hứng khởi, kích thích sự tò mò của HS để dẫn dắt vào bài mới.

b) Tổ chức thực hiện

♦ *Phương pháp – kĩ thuật dạy học:* phương pháp đàm thoại gợi mở – kĩ thuật đặt câu hỏi.

♦ *Thời gian:* 5 phút.

♦ *Các bước tiến hành:*

– Bước 1: GV yêu cầu HS quan sát hình trong SGK và trả lời câu hỏi: *Loại hình nghệ thuật trong ảnh liên quan đến triều đại nào trong lịch sử dân tộc? Chia sẻ điều em biết về triều đại này.*

– Bước 2: HS quan sát hình ảnh và sử dụng hiểu biết của bản thân để trả lời câu hỏi bằng cách ghi ra giấy nháp, sau đó trao đổi với bạn bên cạnh.

– Bước 3: GV gọi 2 – 3 HS lần lượt đưa ra câu trả lời, các HS khác lắng nghe, nhận xét và bổ sung thêm thông tin (nếu có).

– Bước 4: GV nhận xét câu trả lời của HS, chuẩn kiến thức và dẫn dắt vào bài học: Nhã nhạc cung đình Huế là thể loại nhạc của cung đình, được biểu diễn vào các dịp lễ hội (vua đăng quang, băng hà, các lễ hội tôn nghiêm khác) trong năm của Triều Nguyễn. Nhã nhạc cung đình Huế đã được UNESCO ghi danh là Kiệt tác truyền khẩu và phi vật thể nhân loại vào năm 2003 và năm 2008 được chuyển vào danh sách Di sản văn hoá phi vật thể của nhân loại. Theo đánh giá của UNESCO “trong các thể loại nhạc cổ truyền ở Việt Nam, chỉ có Nhã nhạc đạt tới tầm vóc quốc gia”.

Bên cạnh nhã nhạc cung đình, Triều Nguyễn cũng để lại nhiều di sản văn hoá đồ sộ khác và có những đóng góp nhất định đối với lịch sử dân tộc. Vậy nội dung cụ thể về triều đại này như thế nào? Chúng ta cùng tìm hiểu trong bài học hôm nay.

Lưu ý: GV cũng có thể tổ chức khởi động theo cách sáng tạo của mình và phù hợp với đối tượng HS.

2. Hoạt động khám phá

2.1. Hoạt động 1. Tìm hiểu buổi đầu xây dựng đất nước của Triều Nguyễn

2.1.1. Nhiệm vụ 1: Tìm hiểu sự thành lập Triều Nguyễn

a) Mục tiêu

HS trình bày được sự thành lập của Triều Nguyễn (thời gian, người sáng lập, kinh đô).

b) Tổ chức thực hiện

♦ *Phương pháp – kĩ thuật dạy học:* phương pháp đàm thoại – kĩ thuật đặt câu hỏi.

♦ *Thời gian:* 7 phút.

♦ *Các bước tiến hành:*

– Bước 1: GV tổ chức cho HS hoạt động cá nhân, đọc nội dung trang 56 trong SGK và trả lời các câu hỏi:

+ *Triều Nguyễn được thành lập khi nào?*

+ *Ai là người sáng lập Triều Nguyễn? Kinh đô ở đâu?*

– Bước 2: HS hoạt động cá nhân, đọc thông tin để tìm câu trả lời.

– Bước 3: GV gọi 1 – 2 HS trả lời câu hỏi. Các HS khác quan sát, lắng nghe, nhận xét và bổ sung (nếu có).

– Bước 4: GV nhận xét câu trả lời và chốt lại nội dung: Triều Nguyễn được Nguyễn Ánh thành lập vào năm 1802, định đô ở Phú Xuân (Huế). Sau khi lên ngôi, Nguyễn Ánh lấy niên hiệu là Gia Long.

2.1.2. Nhiệm vụ 2: Tìm hiểu buổi đầu xây dựng đất nước của Triều Nguyễn

a) Mục tiêu

HS nêu được một số việc làm của Triều Nguyễn để xây dựng và củng cố đất nước.

b) Tổ chức thực hiện

♦ *Phương pháp – kĩ thuật dạy học:* phương pháp đàm thoại – kĩ thuật đặt câu hỏi.

♦ *Thời gian:* 15 phút.

♦ *Các bước tiến hành:*

– Bước 1: GV tổ chức cho HS hoạt động cặp đôi, đọc câu chuyện về vua Minh Mạng trang 57 trong SGK và trả lời câu hỏi:

+ *Nêu một số việc làm của Triều Nguyễn để củng cố và xây dựng đất nước.*

+ *Cho biết những đóng góp của vua Minh Mạng đối với đất nước.*

– Bước 2: HS hoạt động nhóm, trong đó mỗi HS sẽ tự tìm hiểu câu trả lời trước trong thời gian 2 phút, sau đó sẽ thảo luận cùng nhau để thống nhất ý kiến trong 2 phút.

– Bước 3: GV tổ chức cho cả lớp thảo luận:

GV gọi 1–2 cặp HS lần lượt trình bày các yêu cầu, các cặp đôi khác lắng nghe, nhận xét và bổ sung (nếu có).

– Bước 4: GV nhận xét, đánh giá hoạt động của các cặp đôi và cả lớp, sau đó chuẩn kiến thức:

+ Triều Nguyễn củng cố bộ máy nhà nước.

+ Ban hành bộ luật *Hoàng Việt luật lệ* nhằm bảo vệ quyền lực tối cao của hoàng đế, củng cố trật tự xã hội,...

- + Triều Nguyễn tiếp tục các hoạt động thực thi chủ quyền biển, đảo, đặc biệt là đối với quần đảo Hoàng Sa và quần đảo Trường Sa.
- + Vua Minh Mạng đã đề xuất nhiều biện pháp cải cách, trong đó quan trọng nhất là chia cả nước thành 30 tỉnh và 1 phủ; khuyến khích khai hoang ở vùng ven biển; tổ chức các kì thi để tuyển chọn nhân tài; đề cao sự nghiêm minh của pháp luật,...
- Bước 5: GV có thể nêu câu hỏi mở rộng: *Em có ấn tượng gì về vua Minh Mạng?*

2.2. Hoạt động 2. Tìm hiểu về công cuộc khai hoang dưới Triều Nguyễn

a) Mục tiêu

HS trình bày được những nét chính về công cuộc khai hoang dưới Triều Nguyễn thông qua các câu chuyện về nhân vật Nguyễn Công Trứ.

b) Tổ chức thực hiện

- ◆ *Phương pháp – kĩ thuật dạy học:* phương pháp đàm thoại, kể chuyện – kĩ thuật đặt câu hỏi.
- ◆ *Thời gian:* 12 phút.
- ◆ *Các bước tiến hành:*
 - Bước 1: GV tổ chức cho HS hoạt động nhóm, đọc nội dung mục b và trả lời các câu hỏi/Thực hiện yêu cầu:
 - + *Mục đích của công cuộc khai hoang dưới Triều Nguyễn là gì? Kết quả thế nào?*
 - + *Kể chuyện về Nguyễn Công Trứ và nêu đóng góp của ông.*
 - Bước 2: HS làm việc nhóm theo trình tự như sau: HS làm việc cá nhân, đọc thông tin và câu chuyện về Nguyễn Công Trứ, ghi thông tin ra giấy; sau đó, thảo luận với các bạn trong nhóm để thống nhất ý kiến.
 - Bước 3: GV mời đại diện các nhóm báo cáo kết quả thảo luận trước lớp, các nhóm khác theo dõi, nhận xét và bổ sung ý kiến (nếu có).
 - Bước 4: GV nhận xét phần trình bày của các nhóm và chốt lại một số nội dung chính về công cuộc khai hoang dưới Triều Nguyễn:
 - + *Mục đích của công cuộc khai hoang:* mở rộng diện tích canh tác và ổn định đời sống nhân dân.
 - + *Kết quả của công cuộc khai hoang:* diện tích canh tác được mở rộng ở vùng đồng bằng Nam Bộ và duyên hải Bắc Bộ, lập nên hai huyện Tiền Hải (Thái Bình) và Kim Sơn (Ninh Bình).
 - + *Đóng góp của Nguyễn Công Trứ:* tổ chức nhân dân khai hoang ở vùng đồng bằng Bắc Bộ, lập nên hai huyện Tiền Hải (Thái Bình) và Kim Sơn (Ninh Bình).

2.3. Hoạt động 3. Tìm hiểu về những đề nghị canh tân đất nước cuối thế kỉ XIX

a) Mục tiêu

HS trình bày được những nét chính về lịch sử Việt Nam thời nhà Nguyễn thông qua các câu chuyện về một số nhân vật lịch sử.

b) Tổ chức thực hiện

◆ *Phương pháp – kĩ thuật dạy học:* phương pháp đàm thoại, kể chuyện – kĩ thuật đặt câu hỏi.

◆ *Thời gian:* 12 phút.

◆ *Các bước tiến hành:*

– Bước 1: GV tổ chức cho HS hoạt động cá nhân, đọc thông tin mục c và thực hiện yêu cầu: *Nêu những đóng góp của Nguyễn Trường Tộ đối với lịch sử dân tộc.*

– Bước 2: HS làm việc cá nhân, đọc thông tin và câu chuyện về Nguyễn Trường Tộ, ghi thông tin ra giấy.

– Bước 3: GV mời 2 – 3 HS báo cáo kết quả thực hiện yêu cầu trước lớp, các HS khác theo dõi, nhận xét và bổ sung ý kiến (nếu có).

– Bước 4: GV nhận xét câu trả lời của HS và chốt lại nội dung: Đóng góp của Nguyễn Trường Tộ là đề trình lên Triều đình nhiều bản điều trần với mong muốn làm cho đất nước giàu mạnh. Ông đề nghị mở rộng quan hệ với nước ngoài, mở các trường dạy đóng tàu, đúc súng,... Mặc dù vậy, do nhiều yếu tố khách quan mà những đề nghị canh tân đất nước của Nguyễn Trường Tộ không được Triều Nguyễn chấp nhận.

2.4. Hoạt động 4. Tìm hiểu về phong trào Cần vương chống Pháp

a) Mục tiêu

HS trình bày được những nét chính về phong trào Cần vương thông qua câu chuyện về Phan Đình Phùng và cuộc khởi nghĩa Hương Khê.

b) Tổ chức thực hiện

◆ *Phương pháp – kĩ thuật dạy học:* phương pháp đàm thoại, kể chuyện – kĩ thuật đặt câu hỏi.

◆ *Thời gian:* 12 phút.

◆ *Các bước tiến hành:*

– Bước 1: GV tổ chức cho HS, khai thác mục 2 và thực hiện các yêu cầu: *Cho biết những nét chính về phong trào Cần vương cuối thế kỉ XIX. Kể câu chuyện về Phan Đình Phùng và cuộc khởi nghĩa Hương Khê.*

– Bước 2: HS làm việc cặp đôi theo trình tự như sau: HS làm việc cá nhân, đọc thông tin và câu chuyện về Phan Đình Phùng, ghi thông tin ra giấy; sau đó thảo luận với bạn cùng cặp để thống nhất ý kiến.

– Bước 3: GV mời đại diện cặp đôi báo cáo kết quả thảo luận trước lớp, các cặp khác theo dõi, nhận xét và bổ sung ý kiến (nếu có).

– Bước 4: GV nhận xét và chốt lại một số nội dung chính về phong trào Cần vương chống Pháp:

+ Phong trào Cần vương bùng nổ năm 1885 dưới sự lãnh đạo của vua Hàm Nghi và Tôn Thất Thuyết. Một số nhân vật tiêu biểu của phong trào như: Tôn Thất Thuyết, Nguyễn Thiện Thuật, Phan Đình Phùng,...

+ Kể chuyện về Phan Đình Phùng theo nội dung trong SGK, nhấn mạnh: Phan Đình Phùng là thủ lĩnh của cuộc khởi nghĩa Hương Khê – cuộc khởi nghĩa tiêu biểu nhất trong phong trào Cần vương.

3. Hoạt động luyện tập

a) Mục tiêu

- củng cố lại nội dung bài học.
- Kiểm tra lại mục tiêu bài học xem HS đã đạt được chưa.

b) Tổ chức thực hiện

- ♦ *Phương pháp – kĩ thuật dạy học*: phương pháp đàm thoại – kĩ thuật sơ đồ tư duy.
- ♦ *Thời gian*: 10 phút.
- ♦ *Các bước tiến hành*:

Câu 1. GV hướng dẫn HS vẽ sơ đồ tư duy những nét chính về lịch sử Việt Nam dưới Triều Nguyễn.

- Bước 1: GV yêu cầu HS làm việc nhóm để thực hiện yêu cầu. GV đưa ra các tiêu chí đánh giá cho nhiệm vụ để HS định hướng cách trình bày phù hợp. *Gợi ý*: Sơ đồ tư duy cần thể hiện được một số nội dung: Đóng đô ở Phú Xuân (Huế), cải cách hành chính chia cả nước thành 30 tỉnh và 1 phủ; ban hành bộ *Hoàng Việt luật lệ*, bảo vệ chủ quyền đối với quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa; tổ chức công cuộc khai hoang ở vùng ven biển; những đề nghị canh tân đất nước; lãnh đạo phong trào Cần Vương chống Pháp, tiêu biểu nhất là khởi nghĩa Hương Khê,...
- Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ vào vở hoặc ra giấy.
- Bước 3: GV tổ chức cho các nhóm trao đổi sơ đồ và đánh giá, nhận xét chéo dựa trên các tiêu chí nội dung và hình thức dưới đây.

TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ SẢN PHẨM SƠ ĐỒ TƯ DUY CỦA HỌC SINH

STT	Tiêu chí		Điểm
1	Nội dung	– Nội dung thông tin đầy đủ, chính xác.	3
		– Bố cục mạch lạc, lô gic.	2
2	Hình thức	– Trình bày sản phẩm sạch sẽ, dễ nhìn.	3
		– Có sử dụng màu sắc, hình ảnh để minh họa cho thông tin.	2

- Bước 4: GV nhận xét, đánh giá phần nhận xét của HS và rút kinh nghiệm (nếu có). Sau đó, GV chuẩn kiến thức.

Câu 2. GV hướng dẫn HS kể lại câu chuyện về một nhân vật lịch sử dưới thời nhà Nguyễn mà em sưu tầm được. Câu chuyện đó giúp em biết được thông tin gì về lịch sử Việt Nam thời nhà Nguyễn?

- ♦ *Phương pháp – kĩ thuật dạy học*: phương pháp đàm thoại gợi mở kết hợp với phương pháp kể chuyện – kĩ thuật đặt câu hỏi.
- ♦ *Thời gian*: 15 phút.

♦ *Các bước tiến hành:*

- Bước 1: GV yêu cầu HS sử dụng kiến thức đã học và thực hiện các nhiệm vụ:
+ *Kể lại câu chuyện về một nhân vật lịch sử dưới thời nhà Nguyễn mà em sưu tầm được.*
+ *Câu chuyện đó giúp em biết được thông tin gì về lịch sử Việt Nam thời nhà Nguyễn?*
- Bước 2: HS làm việc cá nhân lựa chọn và chuẩn bị nội dung về nhân vật lịch sử thời Nguyễn mà HS sưu tầm được.
- Bước 3: GV tổ chức cho HS kể chuyện trước lớp. Các HS khác nhận xét, đánh giá.
- Bước 4: GV nhận xét, đánh giá về hoạt động kể chuyện của HS theo bảng đánh giá tiêu chí.

PHIẾU ĐÁNH GIÁ KỂ CHUYỆN CỦA HỌC SINH

Tiêu chí	Mức độ 1	Mức độ 2	Mức độ 3
Bố cục	Trình bày thông tin mạch lạc, lô gíc.	Trình bày thông tin còn nhầm lẫn giữa các nội dung.	Không có bố cục cho sản phẩm.
	2 điểm	1 điểm	0.5 điểm
Giọng nói, Biểu cảm	– Giọng kể chuyện to, rõ ràng. – Ngữ điệu có lên giọng, xuống giọng ở những chỗ cần thiết. – Thể hiện được cảm xúc qua cử chỉ, nét mặt, điệu bộ.	Không đạt 1 trong ba tiêu chí về hình thức sản phẩm.	Không đạt cả ba tiêu chí về hình thức sản phẩm.
	3 điểm	2 điểm	1 điểm
Nội dung	– Đầy đủ nội dung. – Sắp xếp các nội dung đúng theo lô gíc.	– Còn thiếu một số nội dung. – Sắp xếp một số nội dung chưa đúng lô gíc.	– Thiếu nhiều nội dung. – Sắp xếp lộn xộn, chưa đúng thứ tự.
	5 điểm	3 điểm	1 điểm

4. Hoạt động vận dụng

a) Mục tiêu

HS vận dụng được kiến thức, kĩ năng đã học để giải quyết các nhiệm vụ trong học tập và thực tiễn cuộc sống.

b) Tổ chức thực hiện

♦ *Phương pháp dạy học:* phương pháp giải quyết vấn đề.

♦ *Thời gian:* HS làm việc tại nhà, thời gian linh hoạt.

♦ *Các bước tiến hành:*

- Bước 1: GV yêu cầu HS làm việc cá nhân ở nhà, thực hiện nhiệm vụ: *Sưu tầm và giới thiệu về một di sản văn hoá của Triều Nguyễn.*
- Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ ở nhà (có thể trình bày vào vở và tạo ra một sản phẩm riêng), sau đó mang lên lớp để trao đổi với cô và các bạn vào buổi học tiếp theo.

– Bước 3: GV tổ chức cho HS báo cáo sản phẩm vào tiết học sau hoặc thu lại bài tập để chấm điểm ĐGTX.

– Bước 4: GV nhận xét và đánh giá phần tìm hiểu thông tin của cả lớp.

Gợi ý:

- **Cố đô Huế**

Quần thể di tích Cố đô Huế nằm dọc hai bên bờ sông Hương thuộc thành phố Huế và vùng phụ cận thuộc tỉnh Thừa Thiên Huế. Thành phố Huế là trung tâm văn hoá, chính trị, kinh tế của tỉnh, là cố đô của nước Việt Nam dưới Triều Nguyễn từ năm 1802 đến năm 1945.

Cố đô Huế là hệ thống kiến trúc biểu thị cho quyền uy của chế độ trung ương tập quyền Triều Nguyễn gồm ba toà thành: Kinh thành, Hoàng thành, Tử Cấm thành, lồng vào nhau được bố trí đăng đối trên một trục dọc xuyên suốt từ mặt Nam ra mặt Bắc. Hệ thống thành quách ở đây là một mẫu mực của sự kết hợp hài hoà giữa tinh hoa kiến trúc Đông và Tây, được đặt trong một khung cảnh thiên nhiên với nhiều yếu tố biểu tượng sẵn có tự nhiên đến mức người ta mặc nhiên xem đó là những bộ phận của Kinh thành Huế như: là núi Ngự Bình, dòng Hương Giang, cồn Giã Viên, cồn Bộc Thanh,... Hoàng thành giới hạn bởi một vòng tường thành gần vuông với mỗi chiều khoảng 600 m có 4 cổng ra vào mà độc đáo nhất thường được lấy làm biểu tượng của Cố đô. Xuyên suốt cả ba toà thành, con đường Thần đạo chạy từ bờ sông Hương mang trên mình những công trình kiến trúc quan yếu nhất của Kinh thành Huế như: Nghinh Lương Đình, Phu Văn Lâu, Kỳ Đài, Ngọ Môn, điện Thái Hoà, điện Cần Chánh, điện Cần Thành,... Hai bên đường Thần đạo là hàng trăm công trình kiến trúc lớn nhỏ bố trí cân đối.

Quần thể di tích Cố đô Huế trở thành di sản văn hoá đầu tiên của Việt Nam được UNESCO ghi tên vào danh mục Di sản thế giới năm 1993.

- **Nhã nhạc cung đình Huế**

Nhã nhạc cung đình Huế là thể loại nhạc của cung đình thời phong kiến, được biểu diễn vào các dịp lễ hội (vua đăng quang, băng hà, các lễ hội tôn nghiêm khác) trong năm của các triều đại nhà Nguyễn. Nhã nhạc cung đình Huế được UNESCO ghi nhận là Kiệt tác truyền khẩu và phi vật thể nhân loại vào năm 2003, năm 2008 được chuyển vào danh sách Di sản văn hoá phi vật thể của nhân loại.

Ngày nay, Nhã nhạc cung đình Huế với các hình thức như dàn nhạc, ca chương, bài bản, vũ khúc được diễn xướng trong nhiều dịp như: Phe-xti-van Huế, lễ hội Phật giáo, lễ hội dân gian, âm nhạc thánh phòng,... Nhã nhạc còn được trình diễn trong các nghi thức ngoại giao, biểu diễn phục vụ khách du lịch và dân địa phương trong các dịp đại lễ và tết cổ truyền. Chính vì thế, Nhã nhạc ngày nay vẫn có điều kiện và không gian diễn tấu phong phú. Giá trị nghệ thuật vẫn được giữ gìn, trường tồn và tiếp tục phát huy.

Bài 14 CÁCH MẠNG THÁNG TÁM NĂM 1945 (2 TIẾT)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

1. Kiến thức

- Sưu tầm một số tư liệu (câu chuyện, văn bản, tranh ảnh,...) kể lại được thắng lợi ở một số địa phương lớn: Hà Nội, Huế, Sài Gòn,... trong Cách mạng tháng Tám năm 1945.
- Kể lại được một số câu chuyện về Hồ Chí Minh khi hoạt động ở Pác Bó, Tân Trào, khi viết và đọc *Tuyên ngôn Độc lập*, chuyện về Kim Đồng, Võ Nguyên Giáp.

2. Năng lực

- Năng lực chung:
 - + Tự chủ và tự học thông qua các hoạt động học tập mang tính cá nhân, tự lực làm những nhiệm vụ học tập được giao trên lớp và ở nhà.
 - + Giao tiếp và hợp tác thông qua hoạt động nhóm, hợp tác và giao tiếp với các bạn trong các nhiệm vụ học tập.
- Năng lực đặc thù:
 - + Năng lực nhận thức lịch sử thông qua việc kể lại được thắng lợi ở một số địa phương lớn trong Cách mạng tháng Tám năm 1945; kể lại được một số câu chuyện về Hồ Chí Minh khi hoạt động ở Pác Bó, Tân Trào, khi viết và đọc *Tuyên ngôn Độc lập*, chuyện về Kim Đồng, Võ Nguyên Giáp.
 - + Năng lực tìm hiểu lịch sử thông qua việc sưu tầm một số tư liệu (câu chuyện, văn bản, tranh ảnh,...) để tìm hiểu về kể lại được thắng lợi ở một số địa phương lớn trong Cách mạng tháng Tám năm 1945.

3. Phẩm chất

Thông qua bài học, HS phát triển được các phẩm chất:

- Yêu nước, tự hào về truyền thống lịch sử hào hùng của dân tộc.
- Lòng biết ơn Chủ tịch Hồ Chí Minh và các nhân vật lịch sử tiêu biểu trong cuộc đấu tranh vì nền độc lập, tự do của Tổ quốc.
- Trách nhiệm thông qua việc biết trân trọng và giữ gìn những thành quả của Cách mạng tháng Tám năm 1945.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- Tranh ảnh, lược đồ, phim tài liệu,... về Cách mạng tháng Tám năm 1945.
- Tư liệu về Hồ Chí Minh khi hoạt động ở Pác Bó, Tân Trào, khi về Hà Nội viết và đọc *Tuyên ngôn Độc lập*; tư liệu về Kim Đồng, về Võ Nguyên Giáp,...

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

1. Hoạt động khởi động

a) Mục tiêu

Kết nối những điều HS đã biết với những điều HS chưa biết, tạo tâm thế hứng khởi, kích thích sự tò mò của HS để dẫn dắt vào bài mới.

b) Tổ chức thực hiện

♦ *Phương pháp – kĩ thuật dạy học:* phương pháp trực quan, đàm thoại gợi mở – kĩ thuật đặt câu hỏi.

♦ *Thời gian:* 5 phút.

♦ *Các bước tiến hành:*

* Phương án 1:

– Bước 1: GV yêu cầu HS quan sát hình 1 trong SGK và chia sẻ những hiểu biết về địa danh được giới thiệu trong hình, cũng như hoạt động của Chủ tịch Hồ Chí Minh trong thời gian ở Pác Bó (Cao Bằng).

– Bước 2: HS quan sát hình ảnh và sử dụng hiểu biết của bản thân để trả lời câu hỏi trong SGK bằng cách ghi ra giấy nháp, sau đó trao đổi với bạn bên cạnh trong thời gian 3 phút.

– Bước 3: GV gọi 2 – 3 HS lần lượt đưa ra câu trả lời, các HS khác lắng nghe, nhận xét và bổ sung thêm thông tin (nếu có).

– Bước 4: GV nhận xét câu trả lời của HS và dẫn dắt vào bài học mới.

* Phương án 2 :

– Bước 1: GV cho cả lớp nghe một đoạn trong bài hát “*Mười chín tháng Tám*” của nhạc sĩ Xuân Oanh và trả lời câu hỏi: *Nội dung bài hát nói về sự kiện nào của dân tộc?*

“Toàn dân Việt Nam đứng đều lên góp sức một ngày. Thề đem xương máu quyết lòng chiến đấu cho tương lai.

...

Mười chín tháng Tám, chớ quên là ngày khởi nghĩa. Hạnh phúc sáng tỏ, non sông Việt Nam”.

– Bước 2: HS nghe bài hát và sử dụng hiểu biết của bản thân để trả lời câu hỏi.

– Bước 3: GV gọi 2 – 3 HS lần lượt đưa ra câu trả lời, các HS khác lắng nghe, nhận xét và bổ sung thông tin (nếu có).

– Bước 4: GV nhận xét câu trả lời của HS và dẫn dắt vào bài học mới.

2. Hoạt động khám phá

2.1. Hoạt động 1. Tìm hiểu một số thắng lợi tiêu biểu trong Cách mạng tháng Tám năm 1945

a) Mục tiêu

HS kể lại được thắng lợi ở một số địa phương lớn: Hà Nội, Huế, Sài Gòn,... trong Cách mạng tháng Tám năm 1945.

b) Tổ chức thực hiện

♦ *Phương pháp – kĩ thuật dạy học:* phương pháp đàm thoại gợi mở – kĩ thuật đặt câu hỏi.

♦ *Thời gian:* 20 phút

♦ *Các bước tiến hành:*

– Bước 1: GV dẫn dắt: Sau khi Nhật đầu hàng quân Đồng minh, Đảng và Bác Hồ đã kêu gọi toàn dân đứng lên Tổng khởi nghĩa, giành chính quyền trong cả nước. GV tổ chức cho HS hoạt động theo cặp đôi hoặc nhóm, đọc thông tin mục 1 trong SGK và thực hiện yêu cầu:

+ *Kể tên một số thắng lợi tiêu biểu trong Cách mạng tháng Tám năm 1945.*

+ *Kể lại một sự kiện diễn ra trong Cách mạng tháng Tám ở Hà Nội, Huế hoặc Sài Gòn.*

– Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ theo quy trình như sau: HS làm việc cá nhân, đọc thông tin trong SGK, ghi lại thông tin ra giấy trong thời gian 3 phút; sau đó HS trao đổi với bạn cùng cặp hoặc nhóm để thống nhất ý kiến.

– Bước 3:

+ GV gọi 1 – 2 cặp đôi hoặc nhóm kể tên một số thắng lợi tiêu biểu trong Cách mạng tháng Tám năm 1945.

+ GV gọi 3 cặp đôi hoặc nhóm kể lại một sự kiện trong Cách mạng tháng Tám ở Hà Nội, Huế hoặc Sài Gòn.

– Bước 4: GV nhận xét, đánh giá các cặp và việc thảo luận của cả lớp và chốt lại nội dung: Cách mạng tháng Tám đã giành thắng lợi ở nhiều địa phương trong cả nước, trong đó đặc biệt là ở những thành phố lớn như Hà Nội, Huế, Sài Gòn.

– Bước 5: GV đặt câu hỏi nâng cao nhận thức cho HS: *Thắng lợi ở Hà Nội, Huế, Sài Gòn đã có tác dụng gì đối với cuộc Tổng khởi nghĩa trong cả nước?*

+ HS suy nghĩ và trả lời theo hiểu biết. GV chốt lại ý: Tổng khởi nghĩa giành thắng lợi ở Hà Nội, Huế, Sài Gòn đã có tác dụng cổ vũ nhân dân các địa phương khác đứng lên giành chính quyền, và chỉ trong vòng nửa tháng các địa phương trong cả nước đã giành được chính quyền về tay nhân dân. Cách mạng thắng lợi, đất nước ta thoát khỏi ách đô hộ của thực dân Pháp, trở thành một nước độc lập, tự do.

2.2. Hoạt động 2. Kể chuyện về một số nhân vật lịch sử

a) Mục tiêu

HS kể lại được một số câu chuyện về Hồ Chí Minh, Võ Nguyên Giáp, anh Kim Đồng.

b) Tổ chức thực hiện

♦ *Phương pháp – kĩ thuật dạy học:* phương pháp kể chuyện – kĩ thuật đặt câu hỏi.

♦ *Thời gian:* 25 phút.

♦ *Các bước tiến hành:*

– Bước 1: GV dẫn dắt: Cách mạng tháng Tám 1945 giành thắng lợi hoàn toàn trên phạm vi cả nước là nhờ có sự đóng góp của rất nhiều nhân vật tiêu biểu như: Bác Hồ, Đại tướng Võ Nguyên Giáp, anh Kim Đồng. Bây giờ chúng ta sẽ cùng kể cho nhau nghe về những nhân vật này và đóng góp của họ vào thắng lợi của Cách mạng tháng Tám 1945 nhé.

GV tổ chức lớp thành 3 nhóm, đọc và kể lại câu chuyện liên quan đến Bác Hồ, Đại tướng Võ Nguyên Giáp, Kim Đồng và trả lời các câu hỏi:

+ *Câu chuyện đó cho em biết gì về Cách mạng tháng Tám?*

+ *Đóng góp của nhân vật trong câu chuyện em kể cho Cách mạng tháng Tám là gì?*

– Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ theo quy trình như sau:

+ Chọn câu chuyện dự định kể.

+ Đọc câu chuyện và kể lại câu chuyện cho các bạn trong lớp.

+ Thảo luận để trả lời câu hỏi liên quan đến câu chuyện.

– Bước 3: GV tổ chức cho các nhóm báo cáo nhiệm vụ. Các nhóm HS khác quan sát và nhận xét. *Lưu ý:* Với nhóm kể chuyện về Bác Hồ, GV có thể cho HS xem 1 đoạn video về quang cảnh ngày 2 – 9 – 1945 tại quảng trường Ba Đình (Hà Nội) và dựa vào nội dung câu chuyện “Bác Hồ với bản Tuyên ngôn Độc lập” trong SGK đọc diễn cảm hoặc kể lại câu chuyện theo cách hiểu của mình.

PHIẾU ĐÁNH GIÁ KỂ CHUYỆN CỦA HỌC SINH

Tiêu chí	Mức độ 1	Mức độ 2	Mức độ 3
Bố cục	Trình bày thông tin mạch lạc, lô gic.	Trình bày thông tin còn nhầm lẫn giữa các nội dung.	Không có bố cục cho sản phẩm.
	2 điểm	1 điểm	0.5 điểm
Giọng nói, Biểu cảm	– Giọng kể chuyện to, rõ ràng. – Ngữ điệu có lên giọng, xuống giọng ở những chỗ cần thiết. – Thể hiện được cảm xúc qua cử chỉ, nét mặt, điệu bộ.	Không đạt 1 trong ba tiêu chí về hình thức sản phẩm.	Không đạt cả ba tiêu chí về hình thức sản phẩm.
	3 điểm	2 điểm	1 điểm

Nội dung	– Đầy đủ nội dung. – Sắp xếp các nội dung đúng theo lô gic.	– Còn thiếu một số nội dung. – Sắp xếp một số nội dung chưa đúng lô gic.	– Thiếu nhiều nội dung. – Sắp xếp lộn xộn, chưa đúng thứ tự.
	5 điểm	3 điểm	1 điểm

– Bước 4: GV nhận xét phần làm việc của cá nhân, nhóm và chuẩn kiến thức cho HS.

3. Hoạt động luyện tập

a) Mục tiêu

- củng cố lại nội dung bài học.
- Kiểm tra lại mục tiêu bài học xem HS đã đạt được chưa.

b) Tổ chức thực hiện

Câu 1.

- Bước 1: GV yêu cầu HS sử dụng kiến thức đã học để: *Lập bảng niên biểu hoặc trục thời gian về những thắng lợi tiêu biểu trong Cách mạng tháng Tám năm 1945.*
- Bước 2: HS làm việc cá nhân và thực hiện nhiệm vụ vào vở.
- Bước 3: GV tổ chức cho HS trao đổi bảng hoặc trục thời gian đã hoàn thành:
- + HS đánh giá chéo lẫn nhau nhiệm vụ 1 dựa trên những nội dung kiến thức đã được học trước đó theo tiêu chí sau:

PHIẾU ĐÁNH GIÁ BẢNG/ĐƯỜNG THỜI GIAN CỦA HỌC SINH

Tiêu chí		Mức độ 1	Mức độ 2	Mức độ 3
Hình thức	Bố cục	Đúng cấu trúc của bảng hoặc đường thời gian.	Trình bày thông tin còn nhầm lẫn giữa các nội dung	Không có bố cục cho sản phẩm
		2 điểm	1 điểm	0.5 điểm
	Hình thức sản phẩm	Lập bảng/đường thời gian theo đúng các tiêu chí: Thời gian, tên địa điểm/sự kiện.	Không đạt 1 trong hai tiêu chí về hình thức sản phẩm.	Không đạt cả ba tiêu chí về hình thức sản phẩm.
		3 điểm	2 điểm	1 điểm
Nội dung 5 điểm		Đúng, đầy đủ nội dung theo tiến trình thời gian: gồm thời gian, sự kiện.	– Còn thiếu một số nội dung. – Sắp xếp một số nội dung chưa đúng.	– Thiếu nhiều nội dung. – Sắp xếp lộn xộn, chưa đúng thứ tự.
		3 điểm	1 điểm	1 điểm

- Bước 4: GV nhận xét, đánh giá về hoạt động học của cá nhân; tự đánh giá, đánh giá chéo và chuẩn kiến thức:

Câu 2. GV gợi ý cho HS thông qua sách, báo, internet, sưu tầm thông tin và kể tên, hát hoặc giới thiệu một số bài hát hoặc truyện,... về Kim Đồng (Gợi ý: bài hát *Kim Đồng* – nhạc và lời của nhạc sĩ Phong Nhã; truyện *Kim Đồng* – tác giả Tô Hoài; tem *Kim Đồng đi liên lạc* – hoạ sĩ Nguyễn Hiệp; những câu thơ về Kim Đồng:

<i>Anh Kim Đồng</i>	<i>Lúc trèo đèo</i>
<i>Làm liên lạc</i>	<i>Khó bao nhiêu</i>
<i>Mang thư mật</i>	<i>Cũng làm nổi</i>
<i>Rất tài tình</i>	<i>Dù no đói</i>
<i>Đi một mình</i>	<i>Vẫn gắng công</i>
<i>Trong rừng tối</i>	<i>Anh Kim Đồng</i>
<i>Khi lợi tuổi</i>	<i>Thật dũng cảm.</i>

– GV yêu cầu HS sưu tầm tư liệu để biết được ngày thành lập Đội Thiếu niên Tiền phong. (Gợi ý: Ngày 15 – 5 – 1941, Hội Nhi đồng cứu quốc được thành lập, anh Nông Văn Dền (tức Kim Đồng) là Đội trưởng đầu tiên. Sau này, ngày 15 – 5 hằng được chọn là ngày thành lập Đội).

4. Hoạt động vận dụng

a) Mục tiêu

HS vận dụng được kiến thức, kĩ năng đã học để giải quyết các nhiệm vụ trong học tập và thực tiễn cuộc sống.

b) Tổ chức thực hiện

– GV hướng dẫn HS tìm hiểu thông qua sách, báo và các phương tiện thông tin đại chúng khác để biết được: Ngày 22 – 12 hằng năm được chọn là ngày thành lập Quân đội Nhân dân Việt Nam. Đây chính là ngày thành lập Đội Việt Nam Tuyên truyền Giải phóng quân (22 – 12 – 1944) – tổ chức tiền thân của Quân đội Nhân dân Việt Nam được giới thiệu trong bài học.

– GV có thể cho HS tìm hiểu để biết về các hoạt động thường được tổ chức trong dịp 22 – 12 hằng năm tại trường của mình.

– GV cũng có thể gợi ý cho HS đóng vai là hướng dẫn viên du lịch, giới thiệu các di tích lịch sử có liên quan đến sự chuẩn bị cho Cách mạng tháng Tám và những di tích lịch sử có liên quan trực tiếp trong những ngày Tổng khởi nghĩa tháng Tám năm 1945 ở địa phương.

Bài 15 CHIẾN DỊCH ĐIỆN BIÊN PHỦ (2 TIẾT)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

1. Kiến thức

- Kể lại được diễn biến chính của chiến dịch Điện Biên Phủ năm 1954 có sử dụng tư liệu lịch sử (lược đồ, tranh ảnh và các câu chuyện về kéo pháo ở Điện Biên Phủ, chuyện bắt sống tướng Đờ Ca-xtơ-ri,...).
- Sưu tầm và kể lại được chuyện về một số anh hùng trong chiến dịch Điện Biên Phủ năm 1954 như: Phan Đình Giót, Tô Vĩnh Diện, Bế Văn Đàn, Trần Can,...

2. Năng lực

- Năng lực chung:
 - + Tự chủ và tự học thông qua các hoạt động học tập mang tính cá nhân, tự lực làm những nhiệm vụ học tập được giao trên lớp và ở nhà.
 - + Giao tiếp và hợp tác thông qua hoạt động nhóm, hợp tác và giao tiếp với các bạn trong các nhiệm vụ học tập.
 - + Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: sưu tầm và kể lại được câu chuyện về một số anh hùng trong chiến dịch Điện Biên Phủ năm 1954; phát hiện được vấn đề từ các nhiệm vụ học tập và tìm cách giải quyết chúng.
- Năng lực đặc thù:
 - + Năng lực nhận thức lịch sử thông qua việc kể lại được diễn biến chính của chiến dịch Điện Biên Phủ, chuyện về một số anh hùng trong chiến dịch Điện Biên Phủ năm 1954.
 - + Năng lực tìm hiểu lịch sử thông qua việc sử dụng tư liệu lịch sử (lược đồ, tranh ảnh và các câu chuyện,...) để tìm hiểu về chiến dịch Điện Biên Phủ năm 1954.

3. Phẩm chất

- Yêu nước thông qua việc thể hiện sự trân trọng và tự hào về những chiến thắng mà cha ông ta đã đạt được trong chiến dịch Điện Biên Phủ.
- Trách nhiệm: có ý thức trách nhiệm bảo tồn và phát huy các giá trị của di tích lịch sử,...

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- Tranh ảnh, lược đồ, phim tài liệu và các tư liệu khác về chiến dịch Điện Biên Phủ 1954.
- Tư liệu về các câu chuyện, về những tấm gương anh hùng trong chiến dịch Điện Biên Phủ 1954.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

1. Hoạt động khởi động

a) Mục tiêu

Kết nối những điều HS đã biết với những điều HS chưa biết, tạo tâm thế hứng khởi, kích thích sự tò mò của HS để dẫn dắt vào bài mới.

b) Tổ chức thực hiện

♦ *Phương pháp – kĩ thuật dạy học:* phương pháp đàm thoại gợi mở – kĩ thuật đặt câu hỏi.

♦ *Thời gian:* 5 phút.

♦ *Các bước tiến hành:*

– Bước 1: GV yêu cầu HS dựa vào kiến thức của bản thân, suy nghĩ và trả lời câu hỏi: Hai câu thơ: “*Chín năm làm một Điện Biên/Nên vành hoa đỏ, nên thiên sử vàng!*” nói đến sự kiện lịch sử nào? *Hãy chia sẻ những điều em biết về sự kiện đó.*

– Bước 2: HS sử dụng hiểu biết của bản thân để trả lời câu hỏi trong SGK, sau đó trao đổi với bạn bên cạnh.

– Bước 3: GV gọi 2 – 3 HS lên trả lời, các HS khác lắng nghe, nhận xét và bổ sung ý kiến (nếu có).

– Bước 4: GV nhận xét câu trả lời của HS, đồng thời sử dụng những câu trả lời của HS để dẫn dắt vào bài học.

Lưu ý: GV cũng có thể tổ chức khởi động theo cách sáng tạo của mình và phù hợp với đối tượng HS.

2. Hoạt động khám phá

2.1. Hoạt động 1. Tìm hiểu diễn biến chính của chiến dịch Điện Biên Phủ năm 1954

a) Mục tiêu

HS sử dụng tư liệu lịch sử, khai thác lược đồ,... kể lại diễn biến chính của chiến dịch Điện Biên Phủ năm 1954.

b) Tổ chức thực hiện

♦ *Phương pháp – kĩ thuật dạy học:* phương pháp làm việc nhóm – kĩ thuật đặt câu hỏi.

♦ *Thời gian:* 20 phút.

♦ *Các bước tiến hành:*

– Bước 1: GV chia lớp thành 4 nhóm đọc thông tin ở Hình 2. *Sơ đồ diễn biến chính của chiến dịch Điện Biên Phủ*, kết hợp khai thác lược đồ hình 1 để thực hiện các yêu cầu:

+ Nhóm 1, 2: *Nêu diễn biến chính của chiến dịch Điện Biên Phủ.*

+ Nhóm 3, 4: *Kể lại một câu chuyện về chiến dịch Điện Biên Phủ.*

GV có thể cho HS xem video bộ đội ta kéo pháo vào trận địa và nêu nhận xét về tinh thần dũng cảm, quyết tâm của bộ đội trong chiến dịch. (Video có âm thanh, tiếng hò của bộ đội,... để tạo không khí hào hùng cho sự kiện và bài học).

– Bước 2: HS thảo luận thực hiện yêu cầu.

– Bước 3: GV tổ chức cho các nhóm HS báo cáo kết quả thực hiện yêu cầu. Nội dung báo cáo chia thành 2 phần:

+ Phần 1: GV gọi nhóm 1 nêu diễn biến chính về chiến dịch Điện Biên Phủ. Nhóm 2 lắng nghe, nhận xét và bổ sung (nếu có).

+ Phần 2: GV gọi nhóm 3 kể chuyện liên quan đến chiến dịch Điện Biên Phủ, nhóm 4 nhận xét, bổ sung.

Lưu ý:

Sau khi HS kể câu chuyện *Kéo pháo ở Điện Biên Phủ*, GV có thể giới thiệu kĩ hơn về anh hùng Tô Vĩnh Diện: Tô Vĩnh Diện là Khẩu đội trưởng Khẩu đội Pháo cao xạ, có nhiệm vụ phải kéo pháo ra khỏi trận địa, nhằm thực hiện phương châm “chắc thắng” cho chiến dịch. Điều khiển khẩu pháo xuống dốc với độ dốc 60 – 70⁰; dây tời để ghì pháo lại được làm bằng dây rừng bện lại nên dễ bị đứt; trên không, máy bay của địch liên tiếp trút bom đạn xuống,... Khi dây tời ghì pháo bị trúng đạn của địch đứt, pháo lao nhanh xuống dốc, có nguy cơ rơi xuống vực sâu. Tô Vĩnh Diện đã dũng cảm lao xuống, lấy thân mình chèn vào bánh xe pháo, nhờ vậy pháo lao nghiêng, dựa vào sườn núi mà không bị rơi xuống vực. Tuy nhiên, Tô Vĩnh Diện đã anh dũng hi sinh.

Với *Chuyện bắt sống tướng Đờ Ca-xtơ-ri*, GV có thể cho HS quan sát hình 4 để khắc hoạ cho HS rõ hơn sự toàn thắng trong chiến dịch Điện Biên Phủ của bộ đội ta.

– Bước 4: GV nhận xét đánh giá kết quả thực hiện yêu cầu và việc kể chuyện của các nhóm HS, chuẩn kiến thức cho HS.

– Bước 5: GV mở rộng: Sau 56 ngày đêm chiến đấu dũng cảm, mưu trí, sáng tạo, quân và dân ta đã đập tan toàn bộ tập đoàn cứ điểm Điện Biên Phủ, tiêu diệt và bắt sống 16 200 tên địch, bắn rơi 62 máy bay, thu 64 ô tô và toàn bộ vũ khí, đạn dược, quân trang quân dụng của địch. Chiến dịch Điện Biên Phủ đã thắng lợi hoàn toàn, kết thúc cuộc kháng chiến chống Pháp (1945 – 1954).

2.2. Hoạt động 2. Chuyện kể về những tấm gương anh hùng trong chiến dịch Điện Biên Phủ

a) Mục tiêu

HS sưu tầm và kể lại được chuyện về một số anh hùng trong chiến dịch Điện Biên Phủ năm 1954 như: Phan Đình Giót, Tô Vĩnh Diện, Trần Can,...

b) Tổ chức thực hiện

♦ *Phương pháp – kĩ thuật dạy học*: phương pháp kể chuyện lịch sử – kĩ thuật đặt câu hỏi.

♦ *Thời gian*: 25 phút.

♦ *Các bước tiến hành*:

– Bước 1: GV dẫn dắt: Để góp phần làm nên chiến thắng Điện Biên Phủ “lùng lẩy năm châu, chấn động địa cầu”, đã có nhiều tấm gương chiến đấu anh dũng của bộ đội ta, tiêu biểu như: Bế Văn Đàn, Tô Vĩnh Diện, Phan Đình Giót, Trần Can,...

Sau đó, GV tổ chức cho HS đọc nội dung hai câu chuyện trong SGK, kết hợp xem video về sự kiện liên quan (nếu có) và trả lời được các câu hỏi.

+ *Câu chuyện nói về nhân vật lịch sử nào?*

+ *Nội dung chính của câu chuyện là gì?*

+ *Em học được gì từ nhân vật lịch sử được giới thiệu trong câu chuyện?*

– Bước 2: GV tổ chức cho HS làm việc nhóm, theo quy trình sau:

+ Chọn nhân vật mình dự định kể.

+ HS làm việc cá nhân, đọc câu chuyện và ghi các thông tin chính trong câu chuyện ra giấy trong 3 phút.

+ HS thảo luận nhóm, chia sẻ câu trả lời của mỗi người, sau đó thống nhất nội dung để trình bày.

– Bước 3: GV gọi đại diện các nhóm kể lại câu của chuyện nhóm mình. Các nhóm khác nhận xét, đánh giá lẫn nhau theo tiêu chí sau:

BẢNG KIỂM TỰ ĐÁNH GIÁ VÀ ĐÁNH GIÁ LẪN NHAU VỀ KỂ CHUYỆN CÁC NHÂN VẬT TIÊU BIỂU TRONG CHIẾN DỊCH ĐIỆN BIÊN PHỦ

STT	Nội dung	Có/không
1	Nội dung câu chuyện đúng, đầy đủ, hấp dẫn.	
2	Giọng kể chuyện rõ ràng, mạch lạc, có cảm xúc.	
3	Có sử dụng điệu bộ, cử chỉ phù hợp với câu chuyện.	

– Bước 4: GV nhận xét phần kể chuyện của các nhóm và tổng kết nhiệm vụ tự đánh giá và đánh giá lẫn nhau của HS. Sau đó, GV nhấn mạnh lại một số ý.

+ Câu chuyện về Phan Đình Giót: nói về sự hi sinh anh dũng của Phan Đình Giót ở cứ điểm Him Lam trong trận đánh thuộc đợt tấn công thứ nhất của bộ đội ta tại Điện Biên Phủ. Tấm gương anh hùng Phan Đình Giót có ý nghĩa nêu gương cho các chiến sĩ trên toàn mặt trận quyết tâm tiêu diệt địch tại Điện Biên Phủ.

+ Câu chuyện về Bế Văn Đàn, nhấn mạnh đến việc anh là người dân tộc Tày đã tham gia chiến dịch từ trước khi mở màn chiến dịch Điện Biên Phủ và đã dũng cảm lấy thân mình làm giá súng, tạo điều kiện cho đồng đội tiêu diệt quân thù.

– Bước 5: GV mở rộng: Để giành được chiến thắng Điện Biên Phủ năm 1954, cả dân tộc đã phải hi sinh, mất mát rất to lớn. Những câu chuyện trong bài học mới chỉ giới thiệu một số tấm gương tiêu biểu, ngoài ra còn rất nhiều câu chuyện, tấm gương anh hùng khác, góp phần làm nên chiến thắng, các em có thể về nhà tìm hiểu thêm.

3. Hoạt động luyện tập

a) Mục tiêu

- củng cố lại nội dung bài học.
- Kiểm tra xem HS đã đạt được mục tiêu bài học chưa.

b) Tổ chức thực hiện

– Bước 1: GV yêu cầu HS làm việc cá nhân và thực hiện các nhiệm vụ:

+ *Kể lại một câu chuyện về chiến dịch Điện Biên Phủ.*

+ *Nêu cảm nghĩ của em về những tấm gương anh hùng trong chiến dịch Điện Biên Phủ.*

– Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ cá nhân trong thời gian khoảng 3 phút.

– Bước 3: GV tổ chức cho HS kể chuyện.

+ GV gọi 2 – 3 HS kể lại câu chuyện về chiến dịch Điện Biên Phủ, các bạn khác lắng nghe, nhận xét và bổ sung (nếu có).

+ GV gọi 1 – 2 HS chia sẻ cảm nghĩ về những tấm gương anh hùng trong chiến dịch Điện Biên Phủ.

– Bước 4: GV nhận xét, đánh giá kỹ năng kể chuyện và tổng kết nhiệm vụ tự đánh giá và đánh giá lẫn nhau của HS.

PHIẾU ĐÁNH GIÁ KỂ CHUYỆN CỦA HỌC SINH

Tiêu chí	Mức độ 1	Mức độ 2	Mức độ 3
Bố cục	Trình bày thông tin mạch lạc, lô gic.	Trình bày thông tin còn nhầm lẫn giữa các nội dung.	Không có bố cục cho sản phẩm.
	2 điểm	1 điểm	0.5 điểm

Giọng nói, Biểu cảm	– Giọng kể chuyện to, rõ ràng. – Ngữ điệu có lên giọng, xuống giọng ở những chỗ cần thiết. – Thể hiện được cảm xúc qua cử chỉ, nét mặt, điệu bộ.	Không đạt 1 trong ba tiêu chí về hình thức sản phẩm.	Không đạt cả ba tiêu chí về hình thức sản phẩm.
	3 điểm	2 điểm	1 điểm
Nội dung	– Đầy đủ nội dung. – Sắp xếp các nội dung đúng theo lô gic.	– Còn thiếu một số nội dung. – Sắp xếp một số nội dung chưa đúng lô gic.	– Thiếu nhiều nội dung. – Sắp xếp lộn xộn, chưa đúng thứ tự.
	5 điểm	3 điểm	1 điểm

Lưu ý: HS có thể nêu cảm nghĩ về những tấm gương anh hùng trong chiến dịch Điện Biên Phủ theo cách của mình (viết một đoạn văn ngắn nêu cảm nghĩ hoặc vẽ tranh về một nhân vật lịch sử,...).

4. Hoạt động vận dụng

a) Mục tiêu

HS vận dụng được kiến thức, kỹ năng đã học để giải quyết các nhiệm vụ trong học tập và thực tiễn cuộc sống.

b) Tổ chức thực hiện

◆ *Phương pháp dạy học:* phương pháp giải quyết vấn đề.

◆ *Thời gian:* HS làm việc tại nhà, thời gian linh hoạt.

◆ *Các bước tiến hành:*

– Bước 1: GV yêu cầu HS làm việc cá nhân ở nhà, thực hiện nhiệm vụ phần vận dụng: sưu tầm bài thơ, bài hát, các câu chuyện khác về Điện Biên Phủ hoặc giới thiệu về một di tích lịch sử có liên quan đến chiến dịch Điện Biên Phủ (Đồi A1, Hầm chỉ huy của quân Pháp tại Điện Biên Phủ,...) hoặc những hình ảnh, tư liệu khác về chiến dịch Điện Biên Phủ năm 1954.

– Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ ở nhà (có thể trình bày vào vở và tạo ra một sản phẩm riêng), sau đó mang lên lớp để trao đổi với cô và các bạn vào buổi học tiếp theo.

– Bước 3: GV tổ chức cho HS chia sẻ kết quả thực hiện nhiệm vụ.

– Bước 4: GV nhận xét và đánh giá về kết quả làm việc ở nhà của HS.

Bài 16 CHIẾN DỊCH HỒ CHÍ MINH NĂM 1975 (2 TIẾT)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

1. Kiến thức

- Kể lại được diễn biến chính của Chiến dịch Hồ Chí Minh năm 1975, có sử dụng lược đồ, tư liệu lịch sử (tranh, ảnh, câu chuyện,...).
- Kể lại được một số câu chuyện về Chiến dịch Hồ Chí Minh năm 1975.

2. Năng lực

- Năng lực chung:
 - + Tự chủ và tự học thông qua các hoạt động học tập mang tính cá nhân, tự làm những nhiệm vụ học tập được giao trên lớp và ở nhà.
 - + Giao tiếp và hợp tác thông qua hoạt động nhóm với các bạn để hoàn thành các nhiệm vụ học tập.
 - + Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: phát hiện được vấn đề từ các nhiệm vụ học tập và tìm cách giải quyết chúng.
- Năng lực đặc thù:
 - + Năng lực nhận thức lịch sử thông qua việc kể lại được diễn biến chính và một số câu chuyện về Chiến dịch Hồ Chí Minh năm 1975.
 - + Năng lực tìm hiểu lịch sử thông qua việc sử dụng lược đồ, tư liệu lịch sử (tranh ảnh, câu chuyện,...) để tìm hiểu về Chiến dịch Hồ Chí Minh năm 1975.

3. Phẩm chất

- Yêu nước thông qua việc trân trọng và tự hào về những chiến thắng mà ông cha đã đạt được trong Chiến dịch Hồ Chí Minh lịch sử.
- Trách nhiệm thể hiện ở ý thức trách nhiệm bảo tồn và phát huy các giá trị của di tích lịch sử mà cha ông để lại.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- Tranh ảnh, lược đồ, phim tài liệu và các tư liệu khác về Chiến dịch Hồ Chí Minh năm 1975.
- Tư liệu liên quan đến các câu chuyện góp phần làm nên thắng lợi trong Chiến dịch Hồ Chí Minh.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

1. Hoạt động khởi động

a) Mục tiêu

Kết nối những điều HS đã biết với những điều HS chưa biết, tạo tâm thế hứng khởi, kích thích sự tò mò của HS để dẫn dắt vào bài mới.

b) Tổ chức thực hiện

♦ Phương pháp – kĩ thuật dạy học: phương pháp sử dụng phương tiện trực quan – kĩ thuật đặt câu hỏi.

♦ Thời gian: 5 phút.

♦ Các bước tiến hành:

– Bước 1: GV cho cả lớp hát bài hát “Như có Bác trong ngày vui đại thắng” của nhạc sĩ Phạm Tuyên và đặt câu hỏi: *Em hãy cho biết “ngày vui đại thắng” của dân tộc được đề cập đến trong bài hát là ngày nào?*

– Bước 2: HS hát và sử dụng hiểu biết của bản thân để trả lời câu hỏi.

– Bước 3: GV gọi 2 – 3 HS lần lượt đưa ra câu trả lời, các HS khác lắng nghe, nhận xét và bổ sung thêm thông tin (nếu có).

– Bước 4: GV nhận xét câu trả lời của HS, sử dụng hiểu biết của HS về sự kiện lịch sử này để dẫn dắt vào bài học.

2. Hoạt động khám phá

2.1. Hoạt động 1. Tìm hiểu diễn biến chính của Chiến dịch Hồ Chí Minh

a) Mục tiêu

HS kể lại được diễn biến chính của Chiến dịch Hồ Chí Minh năm 1975, có sử dụng lược đồ, tư liệu lịch sử (tranh ảnh, câu chuyện,...).

b) Tổ chức thực hiện

♦ Phương pháp – kĩ thuật dạy học: phương pháp làm việc nhóm – kĩ thuật đặt câu hỏi.

♦ Thời gian: 20 phút.

♦ Các bước tiến hành:

– Bước 1: GV giới thiệu cho HS các sự kiện diễn ra trước khi Quân Giải phóng mở Chiến dịch Hồ Chí Minh như trong SGK, đó là các chiến dịch ở Tây Nguyên, Huế – Đà Nẵng. Sau đó, GV yêu cầu HS đọc thông tin và quan sát các hình 1, 2, thảo luận nhóm để thực hiện các yêu cầu:

+ Hoàn thành phiếu học tập về diễn biến chính của Chiến dịch Hồ Chí Minh (theo gợi ý dưới đây).

PHIẾU HỌC TẬP

Thời gian	Sự kiện
Ngày 26 – 4 – 1975	
Ngày 28 – 4 – 1975	
Ngày 30 – 4 – 1975	

+ Dựa vào phiếu học tập đã hoàn thành, kết hợp sử dụng lược đồ hình 2, hãy kể lại diễn biến chính của Chiến dịch Hồ Chí Minh.

– Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ theo quy trình như sau: HS làm việc cá nhân bằng cách đọc thông tin trong SGK, quan sát lược đồ trong thời gian 2 phút; sau đó trao đổi với bạn trong nhóm, thống nhất ý kiến và cùng nhau hoàn thành phiếu học tập.

– Bước 3: GV tổ chức cho các nhóm HS báo cáo kết quả Phiếu học tập. Các nhóm khác nhận xét, bổ sung (nếu có).

– Bước 4: GV nhận xét đánh giá Phiếu học tập của các nhóm và việc kể lại chiến dịch Hồ Chí Minh của các nhóm HS, chuẩn kiến thức cho HS. GV nhấn mạnh: Để tiến vào được trung tâm thành phố Sài Gòn, các cánh Quân Giải phóng phải vượt qua tuyến phòng thủ vòng ngoài mà quân đội Sài Gòn đã rất ngoan cố chống trả. Với tinh thần “quyết chiến, quyết thắng”, “thần tốc, táo bạo, bất ngờ”,... chiều 26 – 4 – 1975, Chiến dịch Hồ Chí Minh bắt đầu. Năm cánh Quân Giải phóng Mặt trận Dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam đồng loạt vượt qua các tuyến phòng thủ vòng ngoài, đánh chiếm nhiều mục tiêu quan trọng rồi tiến vào trung tâm Sài Gòn.

GV giải thích thêm, yêu cầu HS nhớ được ba mốc thời gian chính là: ngày 26 – 5 – 1975, mở màn Chiến dịch Hồ Chí Minh; ngày 28 – 4 – 1975, quân ta tấn công sân bay Tân Sơn Nhất; ngày 30 – 4 – 1975, chiến dịch Hồ Chí Minh toàn thắng.

2.2. Hoạt động 2. Kể chuyện lịch sử về Chiến dịch Hồ Chí Minh

a) Mục tiêu

HS kể lại được một số câu chuyện về Chiến dịch Hồ Chí Minh năm 1975.

b) Tổ chức thực hiện

- ♦ *Phương pháp – kĩ thuật dạy học*: phương pháp kể chuyện lịch sử – kĩ thuật đặt câu hỏi.
- ♦ *Thời gian*: 25 phút.

♦ *Các bước tiến hành:*

– Bước 1: GV dẫn dắt: Có nhiều câu chuyện lịch sử về Chiến dịch Hồ Chí Minh năm 1975 như: chuyện về phi đội Quyết thắng, chuyện về thời khắc cuối cùng của chính quyền Sài Gòn,... Sau đó, GV tổ chức cho HS đọc nội dung từng câu chuyện trong SGK, kết hợp xem video về sự kiện liên quan (nếu có) và thực hiện yêu cầu:

+ *Câu chuyện đó nói về sự kiện hoặc nhân vật lịch sử nào?*

+ *Câu chuyện hoặc nhân vật đó có liên quan gì đến thắng lợi của Chiến dịch Hồ Chí Minh.*

+ *Kể lại nội dung câu chuyện.*

+ *Nêu suy nghĩ của em về các nhân vật hoặc sự kiện lịch sử được giới thiệu.*

– Bước 2: GV tổ chức cho HS làm việc nhóm, theo quy trình sau:

+ Chọn nhân vật mình dự định kể chuyện.

+ HS làm việc cá nhân, đọc câu chuyện và ghi các thông tin chính trong câu chuyện ra giấy trong 3 phút.

+ HS làm việc theo nhóm, chia sẻ câu trả lời của mỗi người, sau đó cả nhóm thống nhất nội dung sẽ trình bày.

– Bước 3: GV gọi các nhóm HS kể lại câu chuyện nhóm lựa chọn và chuẩn bị. Các nhóm khác nhận xét, bổ sung (nếu có).

– Bước 4: GV nhận xét hoạt động kể chuyện của các nhóm và tổng kết nhiệm vụ tự đánh giá và đánh giá lẫn nhau của HS.

Lưu ý:

+ Với câu chuyện về Phi đội Quyết thắng tấn công sân bay Tân Sơn Nhất chiều 28 – 4 – 1975 và trở về an toàn. GV cần nhấn mạnh sự mưu trí, sáng tạo trong cách học chuyển loại lái máy bay, tinh thần dũng cảm của các phi công khi lái máy bay A-37 của địch tấn công vào chính sân bay Tân Sơn Nhất của chúng. GV nhấn mạnh: Trận đánh sân bay Tân Sơn Nhất của Phi đội Quyết Thắng là một trong những dấu ấn khó quên của lực lượng Không quân Việt Nam. Trận đánh không chỉ có ý nghĩa trong hiệp đồng tác chiến của Quân đội nhân dân Việt Nam mà còn khẳng định sự mưu trí, sáng tạo, dũng cảm của lực lượng Không quân trong những ngày quyết định thắng lợi của Chiến dịch Hồ Chí Minh, giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước.

+ Với câu chuyện Dương Văn Minh trên đường đến Đài phát thanh Sài Gòn trưa 30 – 4 – 1975, GV cần giúp HS hiểu rõ: trong giờ phút cuối cùng, chính quyền Sài Gòn không còn con đường nào khác buộc phải đầu hàng không điều kiện, đánh dấu thắng lợi của Chiến dịch Hồ Chí Minh của quân dân ta.

Về sự kiện Dương Văn Minh bị dẫn giải dẫn đến Đài phát thanh Sài Gòn để đọc lời tuyên bố đầu hàng, GV có thể giải thích cho HS rõ hơn: Do quân ta tiến công nhanh, đông áp đảo, từ mọi hướng khiến cho các lực lượng của chính quyền và quân đội Sài Gòn vô cùng hoảng sợ, bỏ chạy nên không thể kết nối được liên lạc giữa Đài phát thanh Sài Gòn và Dinh Độc Lập. Vì vậy, Quân Giải phóng buộc phải dẫn giải Dương Văn Minh ra Đài phát thanh để đọc lời tuyên bố đầu hàng.

3. Hoạt động luyện tập

a) Mục tiêu

- củng cố lại nội dung bài học.
- Kiểm tra lại mục tiêu bài học xem HS đã đạt được chưa.

b) Tổ chức thực hiện

♦ *Phương pháp – kĩ thuật dạy học:* phương pháp đàm thoại – kĩ thuật đặt câu hỏi

♦ *Thời gian:* 10 phút.

♦ *Các bước tiến hành:*

- Bước 1: GV yêu cầu HS làm việc cá nhân và thực hiện các nhiệm vụ:
 - + Hoàn thiện trực thời gian về một số sự kiện lịch sử trong Chiến dịch Hồ Chí Minh năm 1975.
 - + Viết một đoạn văn (khoảng 5 câu) nêu cảm nghĩ của em về một câu chuyện lịch sử trong bài học.
- Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ cá nhân bằng việc viết các nội dung vào vở hoặc ra giấy.
- Bước 3: GV tổ chức cho HS đánh giá chéo kết quả thực hiện nhiệm vụ.
- Bước 4: GV nhận xét và đánh giá kĩ năng vẽ trực thời gian, viết đoạn văn nêu cảm nghĩ và tổng kết nhiệm vụ tự đánh giá và đánh giá chéo của HS.

Gợi ý:

Câu 1. Dựa vào kiến thức đã học HS điền vào trực thời gian các sự kiện:

- + Ngày 26 – 4 – 1975: Mở màn chiến dịch Hồ Chí Minh
- + Ngày 28 – 4 – 1975: Tấn công sân bay Tân Sơn Nhất
- + Ngày 30 – 4 – 1975: Chính quyền Sài Gòn sụp đổ, Chiến dịch Hồ Chí Minh toàn thắng.

Câu 2. HS viết khoảng 5 dòng nêu cảm nghĩ thể hiện lòng biết ơn, khâm phục các thế hệ cha anh đã anh dũng, sáng tạo trong chiến đấu vì nền độc lập, thống nhất của Tổ quốc.

BẢNG KIỂM ĐÁNH GIÁ ĐOẠN VĂN BÀY TỎ SUY NGHĨ CỦA HS VỀ MỘT CÂU CHUYỆN TRONG BÀI HỌC

STT	Tiêu chí đánh giá	Có/không
1	HS xác định được tên và nội dung câu chuyện mình muốn viết.	
2	HS đưa ra được ít nhất 2 nội dung em cảm thấy ấn tượng về câu chuyện đó.	
3	Đoạn văn có cấu trúc rõ ràng gồm mở đoạn, thân đoạn và kết đoạn.	
4	Các câu văn có đầy đủ chủ ngữ, vị ngữ.	
5	Đoạn văn đã sử dụng các từ nối để liên kết các thành phần của câu và đoạn văn.	
6	HS mắc ít hơn 2 lỗi ngữ pháp và chính tả trong đoạn văn	

4. Hoạt động vận dụng

a) Mục tiêu

HS vận dụng được kiến thức, kĩ năng đã học để giải quyết nhiệm vụ trong học tập và thực tiễn cuộc sống.

b) Tổ chức thực hiện

◆ *Phương pháp dạy học:* phương pháp giải quyết vấn đề.

◆ *Thời gian:* HS thực hiện ở nhà, thời gian linh hoạt.

◆ *Các bước tiến hành:*

- Bước 1: GV yêu cầu HS làm việc cá nhân ở nhà, thực hiện nhiệm vụ: *Sưu tầm thêm tranh ảnh, tư liệu lịch sử liên quan đến Chiến dịch Hồ Chí Minh năm 1975 và chia sẻ với bạn của mình.*
- Bước 2: HS trình bày vào vở và tạo ra một sản phẩm riêng, sau đó mang lên lớp để trao đổi với cô và các bạn vào buổi học tiếp theo.
- Bước 3: GV gọi đại diện 2 – 3 HS lên chia sẻ tranh ảnh, tư liệu lịch sử sưu tầm được về Chiến dịch Hồ Chí Minh năm 1975.
- Bước 4: GV nhận xét và đánh giá phần tìm hiểu thông tin của cả lớp.

Bài 17 ĐẤT NƯỚC ĐỔI MỚI (2 TIẾT)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

1. Kiến thức

- Mô tả được một số hiện vật của thời bao cấp và thời kì Đổi mới ở Việt Nam trên cơ sở tư liệu (tranh ảnh, hiện vật,...) sưu tầm được.
- Sưu tầm và kể lại được một số câu chuyện về thời bao cấp trên đất nước ta.
- Nêu được một số thành tựu về kinh tế – xã hội của đất nước trong thời kì Đổi mới qua các tư liệu lịch sử (tranh ảnh, câu chuyện,...).

2. Năng lực

- Năng lực chung:
 - + Tự chủ và tự học thông qua các hoạt động học tập mang tính cá nhân, tự lực làm những nhiệm vụ học tập được giao trên lớp và ở nhà.
 - + Giao tiếp và hợp tác thông qua hoạt động nhóm với các bạn để hoàn thành các nhiệm vụ học tập.
 - + Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: phát hiện được vấn đề từ các nhiệm vụ học tập và tìm cách giải quyết chúng.
- Năng lực đặc thù:
 - + Năng lực nhận thức và tư duy lịch sử thông qua việc mô tả được một số hiện vật của thời bao cấp và thời kì Đổi mới ở Việt Nam; kể lại được một số câu chuyện về thời bao cấp ở Việt Nam.
 - + Năng lực tìm hiểu lịch sử thông qua việc sử dụng tư liệu lịch sử (tranh ảnh, câu chuyện,...) để tìm hiểu về một số thành tựu về kinh tế – xã hội của đất nước Việt Nam trong thời kì Đổi mới.
 - + Năng lực vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học để sưu tầm hiện vật thời bao cấp và thời kì Đổi mới ở Việt Nam.

3. Phẩm chất

Thông qua bài học, HS hình thành và phát triển các phẩm chất:

- Yêu nước: có ý thức trân trọng, tự hào về những thành tựu của công cuộc Đổi mới.
- Trách nhiệm: xác định trách nhiệm để góp phần vào công cuộc Đổi mới trong những lĩnh vực cụ thể.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- Tranh ảnh, phim tài liệu, hiện vật lịch sử trước và sau Đổi mới.
- Tư liệu liên quan đến các câu chuyện về thời kì bao cấp và thời kì Đổi mới.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

1. Hoạt động khởi động

a) Mục tiêu

Kết nối những điều HS đã biết với những điều HS chưa biết, tạo tâm thế hứng khởi, kích thích sự tò mò của HS để dẫn dắt vào bài mới.

b) Tổ chức thực hiện

♦ *Phương pháp – kĩ thuật dạy học:* phương pháp sử dụng phương tiện trực quan – kĩ thuật đặt câu hỏi.

♦ *Thời gian:* 7 phút.

♦ *Các bước tiến hành:*

• Phương án 1:

– Bước 1: GV yêu cầu HS dựa vào kiến thức của bản thân, kết hợp quan sát các hình 1, 2 trong SGK trang 79 và chia sẻ hiểu biết về hai hình ảnh này.

Gợi ý: Quan sát hàng hoá xem ở ảnh nào nhiều hơn, phong phú hơn? Cách mua hàng: tự chọn hàng hoá hay xếp hàng chờ được mua hàng hoá? Cách ăn mặc của người bán hàng, người mua hàng (Hình 1), có cần người bán hàng đứng khu vực như Hình 2 không? vì sao?...

– Bước 2: HS quan sát hình ảnh và sử dụng hiểu biết của bản thân để chia sẻ về hai hình ảnh.

– Bước 3: GV gọi 2 – 3 HS lần lượt chia sẻ hiểu biết của mình, các HS khác lắng nghe, nhận xét và bổ sung thêm thông tin (nếu có).

– Bước 4: GV nhận xét câu trả lời của HS, giúp HS nhận ra sự khác nhau giữa Hình 1 và Hình 2, dẫn dắt HS vào bài mới. Vì sao có sự khác nhau đó, bài học hôm nay sẽ giúp các em hiểu được vì sao đất nước tiến hành công cuộc Đổi mới.

• Phương án 2:

Bước 1: GV có thể giới thiệu bằng lời và cho HS nghe bài hát: “Ông bà anh” của nhạc sĩ Lê Thiện Hiếu (tham khảo theo link: <https://www.chords.vip/vi/song/ong-ba-anh/VRPyCuxj.html>). Sau đó đặt câu hỏi: *Thông qua bài hát, hãy cho biết thời kì trước ông bà, bố, mẹ các em có cuộc sống như thế nào? Thời kì đó có gì khác với ngày nay?*

– Bước 2: HS lắng nghe bài hát, ghi nhanh ra giấy nháp thông tin trả lời.

– Bước 3, 4: GV thực hiện tương tự như ở phương án 1.

2. Hoạt động khám phá

2.1. Hoạt động 1. Tìm hiểu đất nước trước thời kì Đổi mới

a) Mục tiêu

HS mô tả được một số hiện vật thời của thời bao cấp và thời kì Đổi mới ở Việt Nam trên cơ sở tư liệu (tranh ảnh, hiện vật,...) sưu tầm được.

b) Tổ chức thực hiện

- ◆ *Phương pháp – kĩ thuật dạy học:* phương pháp đàm thoại gợi mở – kĩ thuật đặt câu hỏi.
- ◆ *Thời gian:* 10 phút.
- ◆ *Các bước tiến hành:*

– Bước 1: GV dẫn dắt: Đất nước trước thời kì Đổi mới là thời kì bao cấp, diễn ra trên phạm vi cả nước từ sau khi đất nước thống nhất đến khi Đổi mới (1976 – 1986). Trong thời kì này, Nhà nước nắm quyền phân phối hầu hết các loại hàng hoá, hạn chế trao đổi bằng tiền mặt. Hàng hoá được cung cấp cho những người làm việc trong các cơ quan nhà nước, các nhà máy, xí nghiệp,... chủ yếu qua chế độ tem, phiếu. Lương thực, thực phẩm được phân phối theo đầu người, thông qua tem, phiếu, sổ, bìa, trong đó quan trọng nhất là sổ lương thực.

GV tổ chức cho HS quan sát một số hiện vật thời bao cấp và thực hiện yêu cầu: *Mô tả một số hiện vật thời bao cấp.*

- Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ theo quy trình như sau: HS làm việc cá nhân quan sát và đọc thông tin liên quan đến hiện vật, ghi lại thông tin ra giấy; sau đó trao đổi với bạn cùng cặp, thống nhất ý kiến.
- Bước 3: GV gọi một số cặp đôi mô tả về hiện vật thời bao cấp, các cặp khác quan sát và nhận xét.
- Bước 4: GV nhận xét, đánh giá kết quả làm việc của cả lớp và chuẩn kĩ năng và kiến thức cho HS.

2.2. Hoạt động 2. Kể chuyện về thời bao cấp ở Việt Nam

a) Mục tiêu

HS sưu tầm và kể lại được một số câu chuyện về thời bao cấp trên đất nước ta.

b) Tổ chức thực hiện

- ◆ *Phương pháp – kĩ thuật dạy học:* phương pháp kể chuyện, đàm thoại gợi mở – kĩ thuật đặt câu hỏi.
- ◆ *Thời gian:* 10 phút.
- ◆ *Các bước tiến hành:*

– Bước 1: GV có thể tổ chức HS hoạt động theo nhóm, mỗi nhóm chuẩn bị nội dung một câu chuyện về thời bao cấp theo chủ đề mà GV gợi ý và tư liệu sưu tầm được. Ví dụ các chủ đề: *Xem truyền hình thời bao cấp, Sổ gạo thời bao cấp, Tem phiếu thời bao cấp, Xếp hàng mua lương thực/thực phẩm thời bao cấp, Trường học thời bao cấp, Câu chuyện cảm động thời bao cấp,...*

- Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ, thảo luận, cùng nhau kể chuyện trong nhóm HS. Để thực hiện được hoạt động này, trên cơ sở câu chuyện về thời bao cấp được giới thiệu trong SGK, GV cần sưu tầm thêm một số câu chuyện với tranh ảnh, hiện vật kèm theo,... (tùy vào điều kiện, tình hình thực tế có thể yêu cầu HS sưu tầm thêm một số câu chuyện với hình ảnh, hiện vật từ trước) gắn với các chủ đề cụ thể.
- Bước 3: Đại diện các nhóm HS sẽ kể lại câu chuyện mà nhóm đã chuẩn bị, các nhóm khác lắng nghe.
- Bước 4: GV kể cho HS nghe một câu chuyện về thời bao cấp và nhấn mạnh về thông điệp thông qua câu chuyện đó cho HS.

2.3. Hoạt động 3. Tìm hiểu đất nước thời Đổi mới

a) Mục tiêu

HS nêu được một số thành tựu tiêu biểu của thời kì Đổi mới ở Việt Nam, mô tả được một hiện vật hoặc công trình thời của thời kì Đổi mới ở Việt Nam.

b) Tổ chức thực hiện

♦ *Phương pháp – kĩ thuật dạy học:* phương pháp đàm thoại gợi mở, kể chuyện – kĩ thuật đặt câu hỏi.

♦ *Thời gian:* 15 phút.

♦ *Các bước tiến hành:*

– Bước 1: GV tổ chức cho HS làm việc nhóm, đọc thông tin, quan sát các hình từ 6 đến 9, thảo luận và thực hiện các yêu cầu:

+ *Nêu một số thành tựu về kinh tế – xã hội của đất nước thời kì Đổi mới.*

+ *Mô tả một hiện vật hoặc một công trình cụ thể của thời kì Đổi mới ở nước ta hiện nay.*

– Bước 2: HS làm việc theo nhóm, theo quy trình sau:

+ HS làm việc cá nhân, đọc thông tin và quan sát các hình ảnh để trả lời câu hỏi bằng cách ghi ra giấy trong 4 phút.

+ HS làm việc theo nhóm, chia sẻ câu trả lời của mỗi người, sau đó thống nhất nội dung trình bày của nhóm.

– Bước 3: GV gọi đại diện 1 – 2 nhóm HS nêu thành tựu kinh tế – xã hội của đất nước thời kì Đổi mới. Sau đó, mô tả một hiện vật hoặc công trình cụ thể của đất nước thời kì này.

– Bước 4: GV nhận xét phần làm việc của cá nhân, các nhóm và chuẩn kiến thức: Từ năm 1986 đất nước ta bước vào thời kì Đổi mới và đạt được nhiều thành tựu:

+ Kinh tế ngày càng phát triển, hàng hoá dồi dào. Nhiều sản phẩm không những cung cấp đủ nhu cầu trong nước mà còn được xuất khẩu như: gạo, nông sản, thủy sản,...

Từ chỗ thiếu lương thực, Việt Nam đã vươn lên trở thành một trong những nước xuất khẩu gạo hàng đầu thế giới.

+ Xã hội: đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân ngày càng được cải thiện. Vị thế và uy tín của Việt Nam được nâng cao trên trường quốc tế.

3. Hoạt động luyện tập

a) Mục tiêu

- củng cố lại nội dung bài học.
- Kiểm tra lại mục tiêu bài học xem HS đã đạt được chưa.

b) Tổ chức thực hiện

- ♦ *Phương pháp – kĩ thuật dạy học:* phương pháp đàm thoại – kĩ thuật đặt câu hỏi.
- ♦ *Thời gian:* 10 phút.
- ♦ *Các bước tiến hành:*
 - Bước 1: GV yêu cầu HS hoàn thành bảng làm việc cá nhân hoặc nhóm và thực hiện các nhiệm vụ:
 - + **Câu 1.** GV hướng dẫn HS thống kê một số thành tựu về kinh tế, văn hoá, xã hội thời kì Đổi mới. *Gợi ý:* GV đặt các câu hỏi gợi mở để HS nhớ được các thành tựu trong bài: Kinh tế nông nghiệp như thế nào? Hàng hoá ra sao? Về văn hoá tinh thần của nhân dân ta như thế nào (phong tục tập quán, lễ hội có được khuyến khích hay không; Các công trình văn hoá, các di sản văn hoá được bảo vệ như thế nào? Việt Nam làm bạn với những quốc gia nào trên thế giới (mà HS biết)...
 - + **Câu 2.** GV có thể phân công hai nhóm HS chuẩn bị từ trước hai góc triển lãm nhỏ về những hiện vật/tranh ảnh mà các nhóm sưu tầm về hai thời kì: bao cấp và Đổi mới để giới thiệu với khách tham quan (thầy cô giáo và các bạn) về các hiện vật đó.
 - Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ, sau đó trao đổi với bạn bên cạnh của mình.
 - Bước 3: GV tổ chức cho HS trình bày sản phẩm đã hoàn thành.
 - Bước 4: GV nhận xét và đánh giá kĩ năng lập bảng và tổng kết nhiệm vụ.

4. Hoạt động vận dụng

a) Mục tiêu

HS vận dụng được các kiến thức, kĩ năng đã học vào để giải quyết các nhiệm vụ trong học tập và trong thực tiễn cuộc sống.

b) Tổ chức thực hiện

- ♦ *Phương pháp dạy học:* phương pháp giải quyết vấn đề.

♦ *Thời gian:* HS thực hiện ở nhà, thời gian linh hoạt.

♦ *Các bước tiến hành:*

– Bước 1: GV yêu cầu HS sử dụng kiến thức đã học để viết một đoạn văn thể hiện suy nghĩ của mình về một thành tựu đất nước thời Đổi mới (khen, chê,...).

– Bước 2: HS làm việc cá nhân và thực hiện nhiệm vụ vào vở.

– Bước 3: GV cho HS đánh giá chéo lẫn nhau nhiệm vụ 1 dựa trên những nội dung kiến thức đã được học trước đó. GV tổ chức cho HS tự đánh giá sản phẩm của mình dựa trên bảng kiểm tự đánh giá; sau đó gọi 1 – 2 HS chia sẻ lại đoạn văn của mình, các bạn HS khác lắng nghe, nhận xét.

– Bước 4: GV nhận xét, đánh giá về hoạt động học của cá nhân; tự đánh giá.

**BẢNG KIỂM TỰ ĐÁNH GIÁ ĐOẠN VĂN BÀY TỎ SUY NGHĨ
VỀ THÀNH TỰU ĐẤT NƯỚC THỜI ĐỔI MỚI**

STT	Tiêu chí đánh giá	Có/không
1	Em đã xác định được những thành tựu cơ bản của công cuộc Đổi mới.	
2	Em đã đưa ra được ít nhất 2 thành tựu về công cuộc Đổi mới.	
3	Đoạn văn em viết có cấu trúc rõ ràng gồm mở đoạn, thân đoạn và kết đoạn.	
4	Các câu văn của em có đầy đủ chủ ngữ, vị ngữ.	
5	Đoạn văn em đã sử dụng các từ nối để liên kết các thành phần của câu và đoạn văn.	
6	Em mắc ít hơn 2 lỗi ngữ pháp và chính tả trong đoạn văn	

CHỦ ĐỀ 4. CÁC NƯỚC LÁNG GIỀNG

Bài 18 NƯỚC CỘNG HOÀ NHÂN DÂN TRUNG HOA (2 TIẾT)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

1. Kiến thức

- Xác định được vị trí địa lí của Trung Quốc trên bản đồ hoặc lược đồ.
- Nêu được một số đặc điểm cơ bản về tự nhiên và dân cư của Trung Quốc.
- Sưu tầm được một số tư liệu (tranh ảnh, câu chuyện lịch sử,...), tìm hiểu và mô tả được một số công trình tiêu biểu của Trung Quốc: Vạn Lý Trường Thành và Cố cung Bắc Kinh.
- Sưu tầm và kể lại một số câu chuyện về Vạn Lý Trường Thành, kiến trúc sư Nguyễn An và Cố cung Bắc Kinh,...

2. Năng lực

- Về năng lực chung:
 - + Năng lực tự chủ và tự học: tự lực làm những nhiệm vụ học tập được giao trên lớp và ở nhà.
 - + Năng lực giao tiếp và hợp tác: hợp tác và giao tiếp với các bạn trong các nhiệm vụ học tập.
 - + Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: phát hiện được vấn đề từ các nhiệm vụ học tập và tìm cách giải quyết chúng.
- Về năng lực đặc thù:
 - + Năng lực nhận thức khoa học Lịch sử và Địa lí thông qua việc xác định được vị trí địa lí của Trung Quốc; nêu được đặc điểm tự nhiên và dân cư của Trung Quốc; mô tả, giới thiệu về một số công trình tiêu biểu của Trung Quốc, về kiến trúc sư Nguyễn An,...
 - + Năng lực tìm hiểu Lịch sử và Địa lí thông qua việc khai thác được lược đồ, hình ảnh và thông tin để tìm hiểu về vị trí địa lí, đặc điểm tự nhiên và dân cư Trung Quốc; sưu tầm được tư liệu, khai thác thông tin để tìm hiểu về một số công trình tiêu biểu và câu chuyện về kiến trúc sư Nguyễn An,...
 - + Năng lực vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học: sưu tầm tư liệu, trình bày sản phẩm và kể lại được với thầy cô và bạn bè các câu chuyện về công trình tiêu biểu của Trung Quốc.

3. Phẩm chất

Thông qua bài học, HS phát triển được phẩm chất chăm chỉ (thường xuyên hoàn thành các nhiệm vụ học tập, ham học hỏi, đọc sách mở rộng hiểu biết) và trách nhiệm

(có trách nhiệm với các nhiệm vụ, vai trò được giao trong bài học), nhân ái (tôn trọng những giá trị văn hoá của Trung Quốc); yêu nước (tự hào về những đóng góp của người Việt Nam với công trình mang tính biểu tượng của Trung Quốc (Cổ cung Bắc Kinh)).

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- Lược đồ Trung Quốc trong châu Á.
- Lược đồ tự nhiên Trung Quốc.
- Một số hình ảnh, video về tự nhiên và dân cư Trung Quốc.
- Một số tranh ảnh, tư liệu về Vạn Lý Trường Thành và Cổ cung Bắc Kinh.
- Một số câu chuyện lịch sử liên quan đến bài học.
- Máy tính, máy chiếu (nếu có).
- Phiếu học tập tìm hiểu về đặc điểm tự nhiên của Trung Quốc.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

1. Hoạt động khởi động

a) Mục tiêu

Gây hứng thú cho HS, kết nối kiến thức, kĩ năng đã biết vào bài học.

b) Tổ chức thực hiện

♦ *Phương pháp – kĩ thuật dạy học*: phương pháp sử dụng phương tiện trực quan – kĩ thuật đặt câu hỏi.

♦ *Thời gian*: 7 phút.

♦ *Các bước tiến hành*:

– Bước 1: GV yêu cầu HS dựa vào kiến thức của bản thân và quan sát hình 1 trang 76 trong SGK để thực hiện các nhiệm vụ dưới đây:

+ Cho biết đây là con vật đặc trưng của đất nước nào.

+ Hãy chia sẻ hiểu biết của em về đất nước đó.

– Bước 2: HS quan sát hình ảnh và sử dụng hiểu biết của bản thân để thực hiện nhiệm vụ bằng cách ghi ra giấy nháp, sau đó trao đổi với bạn bên cạnh.

– Bước 3: GV gọi 2 – 3 HS lần lượt đưa ra câu trả lời, các HS khác lắng nghe, nhận xét và bổ sung thêm thông tin (nếu có).

– Bước 4: GV nhận xét câu trả lời của HS, chuẩn kiến thức: *Gấu trúc là động vật quý hiếm, chỉ có ở Trung Quốc, đây được xem là bảo vật quốc gia của đất nước này.*

GV sử dụng những hiểu biết của HS để dẫn dắt vào bài học.

2. Hoạt động khám phá

2.1. Hoạt động 1. Tìm hiểu về vị trí địa lí của Trung Quốc

a) Mục tiêu

Xác định được vị trí địa lí của Trung Quốc trên bản đồ hoặc lược đồ.

b) Tổ chức thực hiện

♦ *Phương pháp – kĩ thuật dạy học – phương tiện dạy học:* sử dụng phương tiện trực quan – kĩ thuật đặt câu hỏi – lược đồ treo tường Trung Quốc trong châu Á.

♦ *Thời gian:* 10 phút.

♦ *Các bước tiến hành:*

– Bước 1: GV yêu cầu HS đọc thông tin trong mục kết hợp quan sát hình 2. Lược đồ Trung Quốc trong châu Á trang 77, làm việc cá nhân và thực hiện nhiệm vụ sau: *Em hãy xác định vị trí địa lí của Trung Quốc trên lược đồ.*

– Bước 2: HS hoạt động cá nhân và làm việc với lược đồ trong SGK, sau đó trao đổi với bạn bên cạnh.

– Bước 3: GV tổ chức thảo luận cả lớp: GV gọi 1 – 2 HS xác định vị trí địa lí của Trung Quốc trên lược đồ treo tường, các HS khác quan sát, nhận xét và bổ sung (nếu có).

– Bước 4: GV nhận xét, đánh giá về hoạt động học của cả lớp và chuẩn kiến thức:

+ Nước Cộng hoà Nhân dân Trung Hoa có diện tích khoảng 9,6 triệu km², rộng thứ tư trên thế giới (sau Liên bang Nga, Ca-na-đa và Hoa Kỳ).

+ Phía đông và đông nam phần đất liền Trung Quốc giáp một số biển của Thái Bình Dương (biển Hoàng Hải, biển Hoa Đông, Biển Đông).

+ Phía bắc, tây, nam có đường biên giới tiếp giáp với nhiều nước khác (Triều Tiên, Liên bang Nga, Mông Cổ, Ca-dắc-xtan, Cư-rơ-gư-xtan, Tát-gi-ki-xtan, Áp-ga-ni-xtan, Pa-ki-xtan, Ấn Độ, Nê-pan, Bu-tan, Mi-an-ma, Lào, Việt Nam).

2.2. Hoạt động 2. Tìm hiểu về đặc điểm tự nhiên của Trung Quốc

a) Mục tiêu

Nêu được một số đặc điểm cơ bản về tự nhiên của Trung Quốc.

b) Tổ chức thực hiện

♦ *Phương pháp – kĩ thuật dạy học:* phương pháp hoạt động nhóm kết hợp với phương pháp sử dụng phương tiện trực quan – kĩ thuật khăn trải bàn.

♦ *Thời gian:* 30 phút.

♦ *Các bước tiến hành:*

– Bước 1: Đầu tiên, GV hướng dẫn HS xác định ranh giới miền Đông và miền Tây của Trung Quốc trên lược đồ hình 3: ranh giới giữa hai miền là kinh tuyến 105°Đ. HS có thể dùng bút chì để kẻ ranh giới đó trên lược đồ.

Sau đó, GV chia lớp thành các nhóm (4 – 6 HS mỗi nhóm), yêu cầu HS đọc thông tin mục 2. Đặc điểm tự nhiên, làm việc theo nhóm để thực hiện nhiệm vụ trong phiếu học tập dưới đây:

PHIẾU HỌC TẬP TÌM HIỂU MỘT SỐ ĐẶC ĐIỂM TỰ NHIÊN CỦA TRUNG QUỐC		
Nhiệm vụ: Khai thác lược đồ hình 3. Lược đồ tự nhiên Trung Quốc trang 78, đọc thông tin mục 2; làm việc theo nhóm và hoàn thành bảng thông tin dưới đây:		
Đặc điểm	Miền Đông	Miền Tây
Địa hình		
Khí hậu		
Đất		
Sông		

– Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ theo quy trình như sau:

+ HS làm việc cá nhân bằng cách đọc thông tin trong SGK mục 2 và khai thác lược đồ 3, ghi lại thông tin ra giấy.

+ Sau đó, HS trao đổi với các bạn trong nhóm và thống nhất ý kiến trên phiếu học tập.

– Bước 3: GV tổ chức cho các nhóm trình bày kết quả: GV gọi 1 – 2 nhóm HS trình bày kết quả, lưu ý việc kết hợp sử dụng lược đồ treo tường để trình bày. Các nhóm HS khác lắng nghe, nhận xét và bổ sung (nếu có).

– Bước 4: GV nhận xét, đánh giá phần làm việc nhóm và thảo luận của cả lớp, sau đó chuẩn kĩ năng và kiến thức cho HS:

Đặc điểm	Miền Đông	Miền Tây
Địa hình	Chủ yếu là núi thấp và nhiều đồng bằng châu thổ rộng lớn.	Gồm các dãy núi cao, sơn nguyên đồ sộ xen lẫn các bồn địa.
Khí hậu	Thay đổi theo chiều bắc – nam, từ ôn đới sang cận nhiệt.	Khí hậu khắc nghiệt, mưa ít nên hình thành những vùng hoang mạc và bán hoang mạc.
Đất	Hai loại chính là đất phe-ra-lít và đất phù sa.	Đất đai cằn cỗi.
Sông	Có nhiều sông lớn cung cấp nước cho sinh hoạt và sản xuất nhưng cũng thường gây ra lũ lụt cho vùng đồng bằng.	Là nơi bắt nguồn của nhiều con sông chảy vào Đông Nam Á và miền Đông Trung Quốc.

– Bước 5: Mở rộng kiến thức: GV tổ chức cho HS quan sát một số hình ảnh hoặc video về thiên nhiên Trung Quốc để nhấn mạnh đến sự đa dạng và khác biệt của tự nhiên Trung Quốc giữa miền Đông và miền Tây.

2.3. Hoạt động 3. Tìm hiểu về đặc điểm dân cư của Trung Quốc

a) Mục tiêu

Nêu được một số đặc điểm cơ bản về dân cư của Trung Quốc.

b) Tổ chức thực hiện

♦ *Phương pháp – kĩ thuật dạy học:* phương pháp đàm thoại gợi mở – kĩ thuật tia chớp

♦ *Thời gian:* 7 phút

♦ *Các bước tiến hành:*

– Bước 1: GV yêu cầu HS làm việc cá nhân, khai thác thông tin mục 3 trang 78, 79 và thực hiện nhiệm vụ sau: *Em hãy nêu một số đặc điểm dân cư của Trung Quốc (gợi ý: số dân, thành phần dân tộc, mật độ dân số, phân bố dân cư,...).*

– Bước 2: GV tổ chức cho HS làm việc cá nhân: Mỗi HS sẽ khai thác thông tin trước, sau đó có thể trao đổi với bạn cùng bàn để thống nhất ý kiến.

– Bước 3: GV tổ chức cho lớp thảo luận như sau: GV gọi các HS nhanh tay, mỗi HS sẽ đưa ra 1 đặc điểm dân số mà các em khai thác được, các HS khác không được nêu trùng đặc điểm với HS trước. Các HS còn lại quan sát và nhận xét bổ sung (nếu có).

– Bước 4: GV nhận xét phần làm việc của HS và chuẩn lại kiến thức:

+ Trung Quốc có số dân hơn 1,4 tỉ người (năm 2021), là một trong những nước đông dân nhất thế giới.

+ Trung Quốc có 56 dân tộc, trong đó hơn 90% là dân tộc Hán.

+ Trung Quốc có mật độ dân số là 146 người/km² (năm 2021). Dân cư phân bố không đều, tập trung chủ yếu ở miền Đông và thưa thớt ở miền Tây.

– Bước 5 (mở rộng kiến thức): GV tổ chức cho HS khai thác lược đồ 3 và kết hợp kiến thức mục 2 để lí giải tại sao dân cư Trung Quốc tập trung ở miền Đông và thưa thớt ở miền Tây.

2.4. Hoạt động 4. Tìm hiểu về một số công trình tiêu biểu của Trung Quốc

a) Mục tiêu

– HS kể được tên một số công trình tiêu biểu của Trung Quốc và mô tả được một công trình ấn tượng.

– HS lựa chọn và kể câu chuyện có liên quan đến một trong hai công trình kiến trúc tiêu biểu: Vạn Lý Trường thành hoặc Cố cung Bắc Kinh.

b) Tổ chức thực hiện

Nhiệm vụ 1: Tìm hiểu về một số công trình tiêu biểu

♦ *Phương pháp – kĩ thuật dạy học:* phương pháp quan sát; thảo luận nhóm – kĩ thuật đặt câu hỏi.

♦ *Thời gian:* 10 phút.

♦ *Các bước tiến hành:*

– Bước 1: GV yêu cầu HS quan sát hình kết hợp đọc thông tin, làm việc cá nhân để thực hiện yêu cầu: *Kể tên một số công trình tiêu biểu của Trung Quốc. Mô tả một công trình mà em ấn tượng.*

– Bước 2: HS đọc thông tin, quan sát hình ảnh để thực hiện yêu cầu bằng cách ghi ra giấy nháp tên một số công trình tiêu biểu, sau đó lựa chọn công trình mà mình ấn tượng để mô tả.

– Bước 3: GV gọi 2 – 3 HS trình bày, các HS khác lắng nghe, nhận xét và bổ sung thêm thông tin (nếu có).

– Bước 4: GV nhận xét câu trả lời của HS, chốt lại nội dung: Trung Quốc là quốc gia có lịch sử, văn hoá lâu đời với nhiều công trình kiến trúc đồ sộ như: Vạn Lý Trường Thành, lăng mộ Tần Thủy Hoàng, Cố cung Bắc Kinh,...

Nhiệm vụ 2: Kể chuyện về Vạn Lý Trường Thành và Cố cung Bắc Kinh

– Bước 1: GV hướng dẫn HS đọc câu chuyện *Tiếng khóc của nàng Mạnh Khương* và mục *Em có biết*, kết hợp với tranh ảnh, tư liệu sưu tầm được, kể với bạn trong nhóm câu chuyện có liên quan đến Vạn Lý Trường Thành hoặc Cố cung Bắc Kinh.

– Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ theo quy trình như sau:

+ Chọn công trình và câu chuyện liên quan.

+ Đọc câu chuyện và thống nhất nội dung trình bày.

– Bước 3: GV gọi 2 nhóm HS kể chuyện. Mỗi nhóm kể câu chuyện về một công trình. Các nhóm khác lắng nghe và nhận xét.

– Bước 4: GV nhận xét phần kể chuyện của các nhóm và chuẩn kiến thức cho HS. Ở hoạt động này, GV rèn cho HS kĩ năng kể chuyện lịch sử. Vì vậy, trong quá trình HS báo cáo nhiệm vụ, GV hướng dẫn HS tư thế đứng trình bày và các biểu cảm thể nào cho hấp dẫn. GV có thể cung cấp thêm một số tranh ảnh để HS thấy sự hùng vĩ của Vạn Lý Trường thành, Cố cung Bắc Kinh.

PHIẾU ĐÁNH GIÁ KỂ CHUYỆN CỦA HỌC SINH

Tiêu chí	Mức độ 1	Mức độ 2	Mức độ 3
Bố cục	Trình bày thông tin mạch lạc, lô gic.	Trình bày thông tin còn nhầm lẫn giữa các nội dung.	Không có bố cục cho sản phẩm.
	2 điểm	1 điểm	0.5 điểm
Giọng nói, Biểu cảm	– Giọng kể chuyện to, rõ ràng. – Ngữ điệu có lên giọng, xuống giọng ở những chỗ cần thiết. – Thể hiện được cảm xúc qua cử chỉ, nét mặt, điệu bộ.	Không đạt 1 trong ba tiêu chí về hình thức sản phẩm.	Không đạt cả ba tiêu chí về hình thức sản phẩm.
	3 điểm	2 điểm	1 điểm

Nội dung	– Đầy đủ nội dung. – Sắp xếp các nội dung đúng theo lô gíc.	– Còn thiếu một số nội dung. – Sắp xếp một số nội dung chưa đúng lô gíc.	– Thiếu nhiều nội dung. – Sắp xếp lộn xộn, chưa đúng thứ tự.
	5 điểm	3 điểm	1 điểm

3. Hoạt động luyện tập

a) Mục tiêu

Củng cố lại nội dung bài học.

b) Tổ chức thực hiện

Nhiệm vụ 1: Hệ thống kiến thức và luyện tập nội dung Địa lí

♦ *Phương pháp – kĩ thuật dạy học:* phương pháp đàm thoại gợi mở – kĩ thuật đặt câu hỏi.

♦ *Thời gian:* 7 phút.

♦ *Các bước tiến hành:*

– Bước 1: GV yêu cầu HS làm việc cá nhân và thực hiện nhiệm vụ: *So sánh đặc điểm địa hình và khí hậu của miền Đông với miền Tây Trung Quốc bằng cách hoàn thành bảng theo gợi ý sau vào vở.*

Đặc điểm	Miền Đông	Miền Tây
Địa hình		
Khí hậu		

– Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ vào vở.

– Bước 3: GV tổ chức cho các HS chấm chéo lẫn nhau, đánh giá dựa trên phần kiến thức GV đã chuẩn ở mục 2.

– Bước 4: GV nhận xét và đánh giá hoạt động của cá nhân và đánh giá lẫn nhau.

Nhiệm vụ 2: Hệ thống kiến thức và luyện tập nội dung Lịch sử

♦ *Phương pháp – kĩ thuật dạy học:* phương pháp hỏi – đáp, kĩ thuật đặt câu hỏi.

♦ *Thời gian:* 10 phút.

♦ *Các bước tiến hành:*

– Bước 1: GV hướng dẫn HS giới thiệu về một số công trình kiến trúc tiêu biểu của Trung Quốc.

Lưu ý: HS cần giới thiệu được các nội dung sau: Tên công trình, thời gian, địa điểm xây dựng, nét đặc sắc của công trình, câu chuyện liên quan (nếu có),... GV khuyến khích HS sử dụng tranh ảnh và có thể giới thiệu những công trình ngoài SGK. HS có thể giới thiệu các câu chuyện liên quan đến công trình ngoài câu chuyện trong SGK đã sưu tầm được hoặc đã xem phim.

- Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ vào vở.
- Bước 3: GV tổ chức cho HS trao đổi sản phẩm và đánh giá, chấm điểm lẫn nhau dựa trên các tiêu chí nội dung và hình thức dưới đây.

TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ SẢN PHẨM CỦA HỌC SINH

STT	Tiêu chí		Điểm
1	Nội dung	Nội dung thông tin đầy đủ, chính xác.	4
		Bố cục mạch lạc, lô gic.	3
2	Hình thức	Trình bày sản phẩm sạch sẽ, đẹp, dễ nhìn.	3

- Bước 4: GV nhận xét, đánh giá phần đánh giá lẫn nhau của HS.

4. Hoạt động vận dụng

a) Mục tiêu

HS vận dụng được kiến thức, kĩ năng đã học để giải quyết các nhiệm vụ trong học tập và thực tiễn cuộc sống.

b) Tổ chức thực hiện

◆ *Phương pháp dạy học:* phương pháp giải quyết vấn đề.

◆ *Thời gian:* HS thực hiện ở nhà, thời gian linh hoạt.

◆ *Các bước tiến hành:*

- Bước 1: GV giao nhiệm vụ cho HS về nhà tìm hiểu và kể tên một số công trình nổi tiếng khác của Trung Quốc.
- Bước 2: HS làm việc ở nhà, sưu tầm qua sách, báo, internet, xem phim hoặc hỏi người thân về một số công trình nổi tiếng khác của Trung Quốc.
- Bước 3: GV gọi 2 – 3 HS kể tên các công trình khác của Trung Quốc đã chuẩn bị ở nhà. Các bạn khác lắng nghe, nhận xét, bổ sung (nếu có)
- Bước 4: GV nhận xét, đánh giá về kết quả thực hiện nhiệm vụ của HS.

Bài 19 NƯỚC CỘNG HOÀ DÂN CHỦ NHÂN DÂN LÀO (2 TIẾT)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

1. Kiến thức

- Xác định được vị trí địa lí của nước Lào trên bản đồ hoặc lược đồ.
- Nêu được một số đặc điểm cơ bản về tự nhiên và dân cư của nước Lào.
- Sưu tầm được một số tư liệu (tranh ảnh, câu chuyện lịch sử,...), tìm hiểu và mô tả được một số công trình tiêu biểu của Lào: Thạt Luồng, Cánh đồng Chum; Cố đô Luông Pha-băng.

2. Năng lực

- Về năng lực chung:
 - + Năng lực tự chủ và tự học: tự lực làm những nhiệm vụ học tập được giao trên lớp và ở nhà.
 - + Năng lực giao tiếp và hợp tác: hợp tác và giao tiếp với các bạn trong các nhiệm vụ học tập.
 - + Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: phát hiện được vấn đề từ các nhiệm vụ học tập và tìm cách giải quyết chúng.
- Về năng lực đặc thù:
 - + Năng lực nhận thức khoa học Lịch sử và Địa lí: xác định được vị trí địa lí của nước Lào; nêu được đặc điểm tự nhiên và dân cư của Lào; tìm hiểu và mô tả được một số công trình tiêu biểu của Lào: Thạt Luồng, Cánh đồng Chum; Cố đô Luông Pha-băng.
 - + Năng lực tìm hiểu Lịch sử và Địa lí: khai thác được lược đồ, hình ảnh và thông tin để tìm hiểu về vị trí địa lí, đặc điểm tự nhiên và dân cư Lào; sưu tầm được tư liệu, khai thác thông tin để tìm hiểu về một số công trình tiêu biểu.
 - + Năng lực vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học: sưu tầm tư liệu, trình bày sản phẩm và kể lại được với thầy cô và bạn các câu chuyện về một số công trình tiêu biểu của Lào.

3. Phẩm chất

Thông qua bài học, HS phát triển được phẩm chất chăm chỉ (thường xuyên hoàn thành các nhiệm vụ học tập, ham học hỏi, đọc sách mở rộng hiểu biết) và trách nhiệm (có trách nhiệm với các nhiệm vụ, vai trò được giao trong bài học), nhân ái (tôn trọng những giá trị văn hoá của Lào).

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- Lược đồ hành chính Đông Nam Á hoặc châu Á treo tường (nếu có).
- Lược đồ tự nhiên Lào treo tường.

- Hình ảnh, video về tự nhiên và dân cư của Lào.
- Tranh ảnh, tư liệu về một số công trình tiêu biểu của Lào: Thạt Luồng, Cánh đồng Chum; Cố đô Luông Pha-băng.
- Một số câu chuyện lịch sử, tư liệu liên quan đến bài học.
- Máy tính, máy chiếu (nếu có).

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

1. Hoạt động khởi động

a) Mục tiêu

Gây hứng thú cho HS, kết nối kiến thức, kĩ năng đã biết vào bài học.

b) Tổ chức thực hiện

- ♦ *Phương pháp – kĩ thuật dạy học*: phương pháp đàm thoại gợi mở – kĩ thuật đặt câu hỏi.
- ♦ *Thời gian*: 7 phút.
- ♦ *Các bước tiến hành*:
 - Bước 1: GV yêu cầu HS làm việc cá nhân, đọc, suy nghĩ về bốn câu thơ Bác Hồ đã viết về tình hữu nghị giữa hai nước Việt Nam và Lào để thực hiện nhiệm vụ: Hãy chia sẻ những hiểu biết của em về đất nước Lào.

*“Thương nhau mấy núi cũng trèo
Mấy sông cũng lội, mấy đèo cũng qua
Việt – Lào, hai nước chúng ta
Tình sâu hơn nước Hồng Hà, Cửu Long”.*

- Bước 2: HS đọc và suy nghĩ để trả lời câu hỏi trong SGK bằng cách ghi ra giấy nháp, sau đó trao đổi với bạn bên cạnh.
- Bước 3: GV gọi 2 – 3 HS lần lượt đưa ra câu trả lời, các HS khác lắng nghe, nhận xét và bổ sung thêm thông tin (nếu có).
- Bước 4: GV nhận xét hoạt động của cá nhân HS và trao đổi của cả lớp. GV sử dụng những hiểu biết của HS về sự kiện này để dẫn dắt vào bài học.

2. Hoạt động khám phá

2.1. Hoạt động 1. Tìm hiểu về vị trí địa lí của nước Lào

a) Mục tiêu

Xác định được vị trí địa lí của nước Lào trên bản đồ hoặc lược đồ.

b) Tổ chức thực hiện

- ♦ *Phương pháp – kĩ thuật dạy học – phương tiện dạy học*: phương pháp sử dụng phương tiện trực quan – kĩ thuật đặt câu hỏi – lược đồ hành chính Đông Nam Á hoặc châu Á.

♦ *Thời gian:* 7 phút.

♦ *Các bước tiến hành:*

– Bước 1: GV yêu cầu HS đọc thông tin trong mục kết hợp quan sát hình 1. Lược đồ tự nhiên Lào trang 83, làm việc cá nhân và thực hiện nhiệm vụ sau: *Em hãy xác định vị trí địa lí của Lào trên lược đồ.*

– Bước 2: HS hoạt động cá nhân và làm việc với lược đồ trong SGK, sau đó trao đổi với bạn bên cạnh.

– Bước 3: GV tổ chức thảo luận cả lớp: GV gọi 1 – 2 HS xác định vị trí địa lí của Lào trên lược đồ hành chính Đông Nam Á (hoặc châu Á) treo tường, các HS khác quan sát, nhận xét và bổ sung (nếu có).

– Bước 4: GV nhận xét, đánh giá về hoạt động học của cả lớp và chuẩn kiến thức:

+ Nước Cộng hoà Dân chủ Nhân dân Lào tiếp giáp với các quốc gia: Trung Quốc và Mi-an-ma ở phía bắc, Thái Lan ở phía tây, Cam-pu-chia ở phía nam và Việt Nam ở phía đông.

+ Lào là quốc gia duy nhất ở khu vực Đông Nam Á không giáp biển.

2.2. Hoạt động 2. Tìm hiểu về đặc điểm tự nhiên và dân cư của Lào

2.2.1. Nhiệm vụ 1: Tìm hiểu về đặc điểm tự nhiên của Lào

a) Mục tiêu

Nêu được một số đặc điểm cơ bản về tự nhiên của Lào.

b) Tổ chức thực hiện

♦ *Phương pháp – kĩ thuật dạy học:* phương pháp sử dụng phương tiện trực quan – kĩ thuật đặt câu hỏi.

♦ *Thời gian:* 15 phút.

♦ *Các bước tiến hành:*

– Bước 1: GV yêu cầu HS hoạt động theo cặp đôi, đọc thông tin mục 2 phần đặc điểm tự nhiên và quan sát hình 1. Lược đồ tự nhiên Lào trang 83 và nêu đặc điểm tự nhiên của nước Lào theo bảng thông tin dưới đây:

Thành phần	Đặc điểm
Địa hình	
Khí hậu	
Sông	
Khoáng sản	

– Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ theo quy trình như sau:

+ HS làm việc cá nhân bằng cách đọc thông tin trong SGK mục 2 và khai thác lược đồ 1, ghi lại thông tin ra giấy.

- + Sau đó, HS trao đổi với các bạn trong cặp và thống nhất ý kiến.
- Bước 3: GV tổ chức cho các cặp trình bày kết quả: GV gọi 1–2 cặp trình bày kết quả, trong đó lưu ý việc kết hợp sử dụng lược đồ treo tường để trình bày. Các cặp HS khác lắng nghe, nhận xét và bổ sung (nếu có).
- Bước 4: GV nhận xét, đánh giá phần làm việc theo cặp và thảo luận của cả lớp, sau đó chuẩn kĩ năng và kiến thức cho HS:

Thành phần	Đặc điểm
Địa hình	Chủ yếu là núi và cao nguyên
Khí hậu	Nhiệt đới gió mùa
Sông	Sông lớn nhất chảy qua là sông Mê Công
Khoáng sản	Có nhiều loại, nổi bật là vàng, đồng, bạc, đá vôi,...

- Bước 5: Mở rộng kiến thức: GV tổ chức cho HS quan sát một số hình ảnh hoặc video về thiên nhiên của nước Lào để HS có cái nhìn trực quan hơn.

2.2.2. Nhiệm vụ 2: Tìm hiểu về đặc điểm dân cư của Lào

a) Mục tiêu

Nêu được một số đặc điểm cơ bản về dân cư của Lào.

b) Tổ chức thực hiện

- ◆ *Phương pháp – kĩ thuật dạy học:* phương pháp đàm thoại gợi mở – kĩ thuật tia chớp.
- ◆ *Thời gian:* 7 phút.
- ◆ *Các bước tiến hành:*

– Bước 1: GV yêu cầu HS làm việc cá nhân, khai thác thông tin mục 2 và thực hiện nhiệm vụ: *Em hãy nêu một số đặc điểm dân cư của Lào (gợi ý: số dân, thành phần dân tộc, phân bố dân cư...).*

– Bước 2: GV tổ chức cho HS làm việc cá nhân: Mỗi HS sẽ khai thác thông tin trước, sau đó có thể trao đổi với bạn cùng bàn để thống nhất ý kiến.

– Bước 3: GV tổ chức cho lớp thảo luận như sau: GV gọi các HS nhanh tay, mỗi HS sẽ đưa ra 1 đặc điểm dân số mà các em khai thác được, các HS sau nêu đặc điểm không được trùng với HS trước. Các HS khác quan sát và nhận xét kết quả của các HS tham gia, bổ sung (nếu có).

– Bước 4: GV nhận xét phần làm việc của HS và chuẩn hoá kiến thức:

+ Lào có số dân khoảng 7,5 triệu người (năm 2021).

+ Phần lớn dân cư là dân tộc Lào, sống chủ yếu ở vùng đồng bằng. Các dân tộc khác như Khơ-me, Mông,... có số lượng ít và sống chủ yếu ở vùng đồi núi.

– Bước 5 (mở rộng kiến thức): GV cho HS xem các hình ảnh hoặc video về các dân tộc ở Lào để HS hiểu hơn về dân cư và văn hóa của Lào.

2.3. Hoạt động 3. Tìm hiểu về một số công trình tiêu biểu của Lào

a) Mục tiêu

HS kể được tên một số công trình tiêu biểu của Lào và mô tả được một công trình yêu thích.

b) Tổ chức thực hiện

♦ *Phương pháp – kĩ thuật dạy học*: phương pháp quan sát, hoạt động nhóm; kĩ thuật động não.

♦ *Thời gian*: 15 phút.

♦ *Các bước tiến hành*:

– Bước 1. GV tổ chức cho HS hoạt động cặp đôi hoặc nhóm, đọc thông tin và quan sát các hình từ 2 đến 4, thảo luận để thực hiện yêu cầu: *Kể tên một số công trình tiêu biểu của Lào. Mô tả một công trình mà em ấn tượng.*

– Bước 2:

+ HS làm việc cá nhân kể được tên một số công trình tiêu biểu.

+ Thảo luận để chọn công trình dự định mô tả.

+ Đọc thông tin về công trình dự định mô tả, thống nhất nội dung và cử đại diện trình bày (nếu được yêu cầu).

– Bước 3: GV mời đại diện 2 – 3 cặp đôi mỗi nhóm kể tên các công trình và mô tả một công trình, các bạn khác lắng nghe và bổ sung (nếu có).

– Bước 4: GV cho HS tự đánh giá và đánh giá lẫn nhau về hoạt động mô tả. Sau đó, GV đánh giá và chuẩn kiến thức (kết hợp chiếu hình ảnh): Lào là đất nước có nền văn hoá lâu đời với nhiều công trình tiêu biểu còn được bảo tồn đến ngày nay như: Cánh đồng Chum, cố đô Luông-pha-băng, Thạt Luổng,... Các công trình này thể hiện sự sáng tạo của nhân dân Lào, được UNESCO ghi danh là Di sản thế giới.

3. Hoạt động luyện tập

a) Mục tiêu

Hệ thống lại kiến thức và luyện tập.

b) Tổ chức thực hiện

Nhiệm vụ 1: Hệ thống kiến thức và luyện tập nội dung Địa lí

♦ *Phương pháp – kĩ thuật dạy học – phương tiện dạy học*: phương pháp sử dụng phương tiện trực quan – kĩ thuật đặt câu hỏi – lược đồ tự nhiên Lào treo tường.

♦ *Thời gian*: 4 phút.

♦ *Các bước tiến hành*:

– Bước 1: GV yêu cầu HS làm việc cá nhân và thực hiện nhiệm vụ: *Quan sát hình 1, em hãy kể tên và xác định trên lược đồ một số cao nguyên, sông của Lào.*

- Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ.
- Bước 3: GV gọi 2 – 3 HS kể tên và xác định một số cao nguyên, sông của Lào trên lược đồ treo tường; các HS sử dụng bảng kiểm để quan sát, tự đánh giá kĩ năng khai thác thông tin bằng lược đồ của bản thân và các bạn trong lớp.
- Bước 4: GV nhận xét và đánh giá hoạt động luyện tập, tự đánh giá và đánh giá lẫn nhau kĩ năng khai thác thông tin trên lược đồ của HS.

BẢNG KIỂM TỰ ĐÁNH GIÁ VÀ ĐÁNH GIÁ KĨ NĂNG KHAI THÁC LƯỢC ĐỒ TỰ NHIÊN CỦA LÀO

STT	Nhận định	Có/không
1	Xác định và chỉ chính xác vị trí của cao nguyên Hủa Phan trên lược đồ	
2	Xác định và chỉ chính xác vị trí của cao nguyên Xiêng Khoảng trên lược đồ	
3	Xác định và chỉ chính xác vị trí của cao nguyên Tà Ôi trên lược đồ	
4	Xác định và chỉ chính xác vị trí của cao nguyên Bô-lô-ven trên lược đồ	
5	Xác định và chỉ chính xác vị trí của sông Nậm U trên lược đồ	
6	Xác định và chỉ chính xác vị trí của sông Mê Công trên lược đồ	
7	Xác định và chỉ chính xác vị trí của sông Nậm Thơm trên lược đồ	
8	Xác định và chỉ chính xác vị trí của sông Sê Băng Hiêng trên lược đồ	
9	Xác định và chỉ chính xác vị trí của sông Sê Đôn trên lược đồ	

Nhiệm vụ 2: Hệ thống kiến thức và luyện tập nội dung Lịch sử

- ♦ *Phương pháp – kĩ thuật dạy học:* phương pháp đàm thoại – kĩ thuật đặt câu hỏi.
- ♦ *Thời gian:* 10 phút.
- ♦ *Các bước tiến hành:*
 - Bước 1: GV yêu cầu HS làm việc cá nhân, lập bảng về một số công trình kiến trúc tiêu biểu của Lào.
 - Bước 2: HS lập và hoàn thành bảng theo gợi ý trong SGK vào vở.
 - Bước 3:
 - + GV tổ chức cho HS trình bày sản phẩm đã hoàn thành ngay tại lớp. Các bạn HS khác lắng nghe, nhận xét và bổ sung (nếu có).
 - + GV tổ chức cho HS trao đổi bảng và đánh giá, chấm điểm lẫn nhau dựa trên các tiêu chí nội dung và hình thức dưới đây.

TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ SẢN PHẨM BẢNG CỦA HỌC SINH

STT	Tiêu chí		Điểm
1	Nội dung	Nội dung thông tin đầy đủ, chính xác.	4
		Bố cục mạch lạc, lô gíc.	3
2	Hình thức	Trình bày sản phẩm sạch sẽ, đẹp, dễ nhìn.	3

– Bước 4: GV nhận xét, đánh giá phần đánh giá lẫn nhau của HS, và rút kinh nghiệm (nếu có).

Gợi ý sản phẩm:

Tên công trình	Nét đặc sắc
Cánh đồng Chum	Là di tích khảo cổ học; lưu giữ khoảng 2 000 chiếc chum lớn, nhỏ nằm rải rác như một bàn cờ.
Cổ đô Luông-pha-băng	Là kinh đô của vương quốc Lan Xang từ thế kỉ XIV đến thế kỉ XVI. Hiện nay lưu giữ nhiều làng cổ và hệ thống cung điện, chùa, tháp nguy nga.
Tháp Luồng	Tháp có hình nậm rượi đặt trên đế hình hoa sen, đáy vuông. Tháp trung tâm cao 45 m được dát vàng, đỉnh tháp có hình quả bầu, xung quanh là những tháp nhỏ.

4. Hoạt động vận dụng

a) Mục tiêu

HS vận dụng được kiến thức, kĩ năng đã học để giải quyết các nhiệm vụ trong học tập và thực tiễn cuộc sống.

b) Tổ chức thực hiện

♦ *Phương pháp – kĩ thuật dạy học:* phương pháp giải quyết vấn đề.

♦ *Thời gian:* HS thực hiện ở nhà, thời gian linh hoạt.

♦ *Các bước tiến hành:*

– Bước 1: GV yêu cầu HS làm việc cá nhân ở nhà, thực hiện nhiệm vụ: *Sưu tầm qua sách báo, internet về một số công trình kiến trúc khác của Lào và giới thiệu với người thân công trình mình ấn tượng.*

Lưu ý: HS cần nêu được tên công trình, thời gian xây dựng, nét nổi bật của công trình.

Gợi ý:

Tên công trình	Thời gian	Điểm
Bảo tàng quốc gia Lào	Năm 1925	– Xây dựng theo phong cách của người Pháp. – Nơi lưu giữ 8 000 hiện vật gồm cổ sinh vật, khảo cổ học, lịch sử và dân tộc học.
Công viên tượng Phật	Năm 1958	Là một quần thể với hơn 200 bức tượng Phật, các vị thần Hin-đu và tượng của một số linh vật, ... tất cả đều được đúc bằng xi măng.

Bài 20 **VƯƠNG QUỐC CAM-PU-CHIA (2 TIẾT)**

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

1. Kiến thức

- Xác định được vị trí địa lí của Cam-pu-chia trên bản đồ hoặc lược đồ.
- Nêu được một số đặc điểm cơ bản về tự nhiên và dân cư của nước Cam-pu-chia.
- Sưu tầm được một số tư liệu (tranh ảnh, câu chuyện lịch sử,...), tìm hiểu và mô tả được một số công trình tiêu biểu của Cam-pu-chia: Ăng-co Vát, Ăng-co Thom, Tượng đài các chiến sĩ tình nguyện Việt Nam,...

2. Năng lực

- Về năng lực chung:
 - + Năng lực tự chủ và tự học: tự lực làm những nhiệm vụ học tập được giao trên lớp và ở nhà.
 - + Năng lực giao tiếp và hợp tác: hợp tác và giao tiếp với các bạn trong các nhiệm vụ học tập.
 - + Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: phát hiện được vấn đề từ các nhiệm vụ học tập và tìm cách giải quyết chúng.
- Về năng lực đặc thù:
 - + Năng lực nhận thức khoa học Lịch sử và Địa lí: thông qua việc xác định vị trí địa lí của Cam-pu-chia trên bản đồ hoặc lược đồ, nêu một số đặc điểm cơ bản về tự nhiên và dân cư của Cam-pu-chia; tìm hiểu và mô tả được một số công trình tiêu biểu của Cam-pu-chia.
 - + Năng lực tìm hiểu Lịch sử và Địa lí: khai thác lược đồ, hình ảnh và thông tin để tìm hiểu về vị trí địa lí, đặc điểm tự nhiên và dân cư Cam-pu-chia; sưu tầm được tư liệu, khai thác thông tin để tìm hiểu về một số công trình tiêu biểu.
 - + Năng lực vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học: sưu tầm tư liệu, trình bày sản phẩm và kể lại được với thầy cô và bạn các câu chuyện về công trình tiêu biểu của Cam-pu-chia.

3. Phẩm chất

Thông qua bài học, HS phát triển được phẩm chất chăm chỉ (thường xuyên hoàn thành các nhiệm vụ học tập, ham học hỏi, đọc sách mở rộng hiểu biết) và trách nhiệm (có trách nhiệm với các nhiệm vụ, vai trò được giao trong bài học), nhân ái (tôn trọng những giá trị văn hoá của Cam-pu-chia).

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- Lược đồ hành chính Đông Nam Á hoặc châu Á treo tường (nếu có).
- Lược đồ tự nhiên Cam-pu-chia treo tường.
- Hình ảnh, video về tự nhiên và dân cư của Cam-pu-chia.
- Tranh ảnh, tư liệu về một số công trình tiêu biểu của Cam-pu-chia: Ăng-co Vát, Ăng-co Thom, Tượng đài các chiến sĩ tình nguyện Việt Nam.
- Một số câu chuyện lịch sử, tư liệu liên quan đến bài học.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

1. Hoạt động khởi động

a) Mục tiêu

Gây hứng thú cho HS, kết nối kiến thức, kĩ năng đã biết vào bài học.

b) Tổ chức thực hiện

♦ *Phương pháp – kĩ thuật dạy học*: phương pháp sử dụng phương tiện trực quan – kĩ đặt câu hỏi.

♦ *Thời gian*: 7 phút.

♦ *Các bước tiến hành*:

- Bước 1: GV yêu cầu HS làm việc cá nhân, quan sát hình 1 trang 86 và trả lời câu hỏi sau: *Công trình kiến trúc nào được thể hiện trên Quốc kì Vương quốc Cam-pu-chia?*
- Bước 2: HS quan sát, suy nghĩ và viết câu trả lời ra giấy nháp, sau đó trao đổi với bạn bên cạnh.
- Bước 3: GV gọi 2 – 3 HS lần lượt đưa ra câu trả lời, các HS khác lắng nghe, nhận xét và bổ sung thêm thông tin (nếu có).
- Bước 4: GV nhận xét hoạt động của cá nhân HS và trao đổi của cả lớp. Sau đó, GV chuẩn kiến thức và dẫn dắt vào bài học mới: *Ăng-co Vát là quần thể đền đài tại Cam-pu-chia, thu hút du khách hàng đầu nước này. Công trình là đỉnh cao của phong cách kiến trúc Khơ-me, trở thành biểu tượng của đất nước và xuất hiện trên Quốc kỳ Cam-pu-chia.*

2. Hoạt động khám phá

2.1. Hoạt động 1. Tìm hiểu về vị trí địa lí của nước Cam-pu-chia

a) Mục tiêu

Xác định được vị trí địa lí của nước Cam-pu-chia trên bản đồ hoặc lược đồ.

b) Tổ chức thực hiện

♦ *Phương pháp – kĩ thuật dạy học – phương tiện dạy học*: sử dụng phương tiện trực quan – kĩ thuật đặt câu hỏi – lược đồ hành chính Đông Nam Á hoặc châu Á treo tường.

♦ *Thời gian:* 7 phút.

♦ *Các bước tiến hành:*

– Bước 1: GV yêu cầu HS đọc thông tin trong mục kết hợp quan sát hình 2. Lược đồ tự nhiên Cam-pu-chia trang 87, làm việc cá nhân và thực hiện nhiệm vụ: *Em hãy xác định vị trí địa lí của Cam-pu-chia trên lược đồ.*

– Bước 2: HS làm việc cá nhân và làm việc với lược đồ trong SGK, sau đó sẽ trao đổi với bạn bên cạnh.

– Bước 3: GV tổ chức thảo luận cả lớp: GV gọi 1 – 2 HS xác định vị trí địa lí của Cam-pu-chia trên lược đồ hành chính Đông Nam Á (hoặc châu Á) treo tường, các HS khác quan sát, nhận xét và bổ sung (nếu có).

– Bước 4: GV nhận xét, đánh giá về hoạt động học của cả lớp và chuẩn kiến thức: Cam-pu-chia tiếp giáp với Lào và Thái Lan ở phía bắc, Việt Nam ở phía đông và vịnh Thái Lan ở phía tây nam.

2.2. Hoạt động 2. Tìm hiểu về đặc điểm tự nhiên và dân cư của Cam-pu-chia

2.2.1. Nhiệm vụ 1: Tìm hiểu về đặc điểm tự nhiên của Cam-pu-chia

a) Mục tiêu

Nêu được một số đặc điểm cơ bản về tự nhiên của Cam-pu-chia.

b) Tổ chức thực hiện

♦ *Phương pháp – kĩ thuật dạy học – phương tiện dạy học:* phương pháp sử dụng phương tiện trực quan – kĩ thuật đặt câu hỏi – lược đồ tự nhiên Cam-pu-chia treo tường.

♦ *Thời gian:* 15 phút.

♦ *Các bước tiến hành:*

– Bước 1: GV yêu cầu HS hoạt động theo cặp đôi, đọc thông tin mục 2 và quan sát hình 2, nêu đặc điểm tự nhiên của nước Cam-pu-chia theo bảng thông tin dưới đây:

Thành phần	Đặc điểm
Địa hình	
Khí hậu	
Sông, hồ	

– Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ theo quy trình như sau:

+ HS làm việc cá nhân bằng cách đọc thông tin trong SGK mục 2 và khai thác lược đồ 2, ghi lại thông tin ra giấy.

+ Sau đó, HS trao đổi với các bạn trong cặp và thống nhất ý kiến.

– Bước 3: GV tổ chức cho các cặp trình bày kết quả: GV gọi 1 – 2 cặp trình bày kết quả, trong đó lưu ý việc kết hợp sử dụng lược đồ treo tường để trình bày. Các cặp HS khác lắng nghe, nhận xét và bổ sung (nếu có).

– Bước 4: GV nhận xét, đánh giá phần làm việc theo cặp và thảo luận của cả lớp sau đó

chuẩn kĩ năng và kiến thức cho HS:

Thành phần	Đặc điểm
Địa hình	Chủ yếu là đồng bằng
Khí hậu	Cận xích đạo, với một mùa mưa và một mùa khô rõ rệt
Sông, hồ	– Sông Mê Công là sông lớn nhất, cung cấp lượng nước dồi dào cho – Hồ Tôn-lê Sáp của Cam-pu-chia là hồ nước ngọt lớn nhất Đông Nam Á

– Bước 5: Mở rộng kiến thức: GV tổ chức cho HS đọc mục em có biết trang 86 về hồ Tôn-lê Sáp và quan sát một số hình ảnh hoặc video về thiên nhiên của Cam-pu-chia để có cái nhìn trực quan hơn.

2.2.2. Nhiệm vụ 2: Tìm hiểu về đặc điểm dân cư của Cam-pu-chia

a) Mục tiêu

Nêu được một số đặc điểm cơ bản về dân cư của Cam-pu-chia.

b) Tổ chức thực hiện

- ◆ *Phương pháp – kĩ thuật dạy học:* phương pháp đàm thoại gợi mở – kĩ thuật tia chớp
- ◆ *Thời gian:* 5 phút.
- ◆ *Các bước tiến hành:*

– Bước 1: GV yêu cầu HS làm việc cá nhân, khai thác thông tin mục 2 và thực hiện nhiệm vụ sau: Em hãy nêu một số đặc điểm dân cư của Cam-pu-chia (gợi ý: số dân, thành phần dân tộc, phân bố dân cư...).

– Bước 2: GV tổ chức cho HS làm việc cá nhân: Mỗi HS sẽ khai thác thông tin trước, sau đó trao đổi với bạn cùng bàn để thống nhất ý kiến.

– Bước 3: GV tổ chức cho lớp thảo luận như sau: GV gọi các HS nhanh tay, mỗi HS sẽ đưa ra 1 đặc điểm dân cư mà các em khai thác được, các HS khác nêu đặc điểm không được trùng với HS nêu trước. Các HS khác quan sát và nhận xét kết quả của các HS tham gia, bổ sung (nếu có).

– Bước 4: GV nhận xét phần làm việc của HS và chuẩn lại kiến thức:

+ Cam-pu-chia có số dân khoảng 15,7 triệu người (năm 2021).

+ Dân tộc chủ yếu ở Cam-pu-chia là người Khơ-me.

+ Phần lớn dân cư sống ở nông thôn.

– Bước 5 (mở rộng kiến thức): GV cho HS xem các hình ảnh hoặc video về các dân tộc ở Cam-pu-chia để HS hiểu hơn về dân cư và văn hoá của Cam-pu-chia.

2.3. Hoạt động 3. Tìm hiểu về một số công trình tiêu biểu của Cam-pu-chia

a) Mục tiêu

HS kể được tên một số công trình tiêu biểu của Cam-pu-chia và mô tả được một công trình ấn tượng.

b) Tổ chức thực hiện

- ◆ *Phương pháp – kĩ thuật dạy học*: phương pháp hoạt động nhóm – kĩ thuật đặt câu hỏi.
- ◆ *Thời gian*: 15 phút.
- ◆ *Các bước tiến hành*:
 - Bước 1: GV yêu cầu HS đọc thông tin và quan sát các hình từ 3 đến 5, thảo luận nhóm để thực hiện yêu cầu: *Kể tên một số công trình tiêu biểu của Cam-pu-chia. Mô tả một công trình mà em ấn tượng.*
 - Bước 2:
 - + HS làm việc cá nhân để kể tên một số công trình tiêu biểu.
 - + Chọn công trình dự định mô tả.
 - + Đọc thông tin và mô tả về công trình đó với các bạn trong nhóm.
 - Bước 3: GV mời đại diện 2 – 3 nhóm kể tên các công trình và mô tả một công trình ấn tượng, các bạn khác lắng nghe và bổ sung (nếu có).
 - Bước 4: GV cho các nhóm HS tự đánh giá và đánh giá lẫn nhau về hoạt động mô tả. Sau đó, GV nhận xét và chuẩn kiến thức (kết hợp chiếu hình ảnh): Cam-pu-chia có nền văn hoá đặc sắc với những công trình kiến trúc độc đáo như: Ăng-co Vát, Ăng-co Thom, chùa Bạc, Tượng đài hữu nghị Việt Nam – Cam-pu-chia,... GV có thể trình chiếu cho HS xem hình ảnh về quần thể Ăng-co, đền Bay-on, tượng đài hữu nghị và giới thiệu nét đặc sắc về công trình này để HS hiểu được giá trị của các công trình nói chung, cần nhấn mạnh về sự kì vĩ, ý nghĩa của các công trình.

3. Hoạt động luyện tập

a) Mục tiêu

Hệ thống lại kiến thức và luyện tập.

b) Tổ chức thực hiện

Nhiệm vụ 1: Hệ thống kiến thức và luyện tập nội dung Địa lí

- ◆ *Phương pháp – kĩ thuật dạy học*: phương pháp sử dụng phương tiện trực quan – kĩ thuật đặt câu hỏi.
- ◆ *Thời gian*: 5 phút.
- ◆ *Các bước tiến hành*:
 - Bước 1: GV yêu cầu HS làm việc cá nhân và thực hiện nhiệm vụ: *Dựa vào lược đồ tự nhiên Cam-pu-chia trang 87, em hãy kể tên:*
 - + Các quốc gia tiếp giáp với Cam-pu-chia.
 - + Một số dãy núi, sông và hồ lớn ở Cam-pu-chia.
 - Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ trên lược đồ.
 - Bước 3: GV gọi 2 – 3 HS trả lời các câu hỏi bằng cách làm việc với lược đồ tự nhiên của Cam-pu-chia treo tường; các HS khác quan sát, nhận xét và bổ sung (nếu có).
 - Bước 4: GV nhận xét và đánh giá hoạt động luyện tập, và chuẩn lại kiến thức.

+ Các quốc gia tiếp giáp với Cam-pu-chia: Lào, Thái Lan, Việt Nam.

+ Một số dãy núi, sông và hồ lớn ở Cam-pu-chia: dãy Các-đa-môn, dãy Đăng Rếch, sông Mê Công, sông Sê San, sông Srê Pôk, hồ Tôn-lê Sáp,...

Nhiệm vụ 2: Hệ thống kiến thức và luyện tập nội dung Lịch sử

♦ *Phương pháp – kĩ thuật dạy học:* phương pháp – kĩ thuật đặt câu hỏi.

♦ *Thời gian:* 7 phút.

♦ *Các bước tiến hành:*

– Bước 1: GV yêu cầu HS làm việc cá nhân giới thiệu về một số công trình kiến trúc tiêu biểu của Cam-pu-chia.

Lưu ý: Phần trình bày của HS cần nêu được: Tên công trình, thời gian xây dựng, điểm nổi bật của công trình.

– Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ vào vở.

– Bước 3:

+ GV tổ chức cho HS trình bày sản phẩm đã hoàn thành ngay tại lớp. Các bạn HS khác lắng nghe, nhận xét và bổ sung (nếu có).

+ GV tổ chức cho HS trao sản phẩm, đánh giá, chấm điểm lẫn nhau.

– Bước 4: GV nhận xét phần đánh giá lẫn nhau của HS, và rút kinh nghiệm (nếu có).

Tên công trình	Thời gian	Nét đặc sắc
Ăng-co Vát	Đầu thế kỉ XII	– Khu đền chính gồm ba tầng với những ngọn tháp lớn, kết nối với nhau bởi những dãy hành lang dài, xung quanh là hào nước. – Trung tâm ngôi đền là tổ hợp năm ngọn tháp, tháp ở giữa cao tới 65 m và bốn tháp ở bốn góc. Toàn bộ công trình được xây bằng đá. Những khối đá được đục gọt vuông vức và xếp chồng khít lên nhau mà không cần bất cứ chất kết dính nào. Ăng-co Vát trở thành biểu tượng của đất nước Cam-pu-chia.
Ăng-co Thom	Từ thế kỉ XII	Là kinh đô cuối cùng của đế quốc Khơ-me (Khmer), thuộc thành phố Xiêm Riệp ngày nay. Khu thành có hình vuông với diện tích gần 9 km², được bao quanh bởi bốn bức tường đá ong cao tới 9 m và năm cửa ra vào. Dọc hai bên đường dẫn vào thành là các tượng thần bằng đá.
Tượng đài hữu nghị Việt Nam – Cam-pu-chia	Năm 1970	Điểm nổi bật nhất của tượng đài là khối đá tạc hình hai người chiến sĩ Cam-pu-chia và Việt Nam đứng bảo vệ một người phụ nữ bế con nhỏ trên tay. Phần chóp của tượng đài được mạ đồng màu vàng nổi bật giữa bầu trời.

4. Hoạt động vận dụng

a) Mục tiêu

HS vận dụng kiến thức đã học để thực hiện việc tìm hiểu và mở rộng kiến thức.

b) Tổ chức thực hiện

- ◆ *Phương pháp – kĩ thuật dạy học:* phương pháp giải quyết vấn đề.
- ◆ *Thời gian:* HS thực hiện ở nhà, thời gian linh hoạt.
- ◆ *Các bước tiến hành:*

Nhiệm vụ 1:

– Bước 1: GV nêu yêu cầu: *Hãy cho biết tên các công trình kiến trúc của Cam-pu-chia mà em muốn đến thăm? Vì sao em lại có lựa chọn đó?*

GV hướng dẫn HS nêu được tên công trình mình muốn đến thăm và giải thích được lí do mình lựa chọn công trình đó.

– Bước 2: HS suy nghĩ, thực hiện nhiệm vụ ở nhà (có thể trả lời vào vở), sau đó mang lên lớp để trao đổi với cô và các bạn vào buổi học tiếp theo.

– Bước 3: GV tổ chức cho HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ.

– Bước 4: GV nhận xét và đánh giá kết quả làm việc của cả lớp.

Nhiệm vụ 2:

– Bước 1: GV giao nhiệm vụ cho HS về nhà *Sưu tầm tranh, ảnh, tư liệu viết về một số công trình tiêu biểu khác của Cam-pu-chia và chia sẻ với bạn.*

– Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ ở nhà (có thể trình bày vào vở và tạo ra một sản phẩm riêng), sau đó mang lên lớp để trao đổi với cô và các bạn vào buổi học tiếp theo.

– Bước 3: GV tổ chức HS lên chia sẻ về công trình tiêu biểu của Cam-pu-chia mà HS đã sưu tầm được.

– Bước 4: GV nhận xét và đánh giá phần tìm hiểu thông tin của cả lớp.

Bài 21 HIỆP HỘI CÁC QUỐC GIA ĐÔNG NAM Á (2 TIẾT)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

1. Kiến thức

- Xác định được vị trí địa lí của khu vực Đông Nam Á và các nước trong khu vực Đông Nam Á trên bản đồ hoặc lược đồ.
- Nêu được sự ra đời của Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á (ASEAN).
- Nêu được ý nghĩa của việc Việt Nam gia nhập Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á (ASEAN).

2. Năng lực

- Về năng lực chung:
 - + Năng lực tự chủ và tự học: tự lực làm những nhiệm vụ học tập được giao trên lớp và ở nhà.
 - + Năng lực giao tiếp và hợp tác: hợp tác và giao tiếp với các bạn trong các nhiệm vụ học tập.
 - + Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: phát hiện được vấn đề từ các nhiệm vụ học tập và tìm cách giải quyết chúng.
- Về năng lực đặc thù:
 - + Năng lực nhận thức khoa học Địa lí: xác định được vị trí địa lí của khu vực Đông Nam Á và các nước trong khu vực Đông Nam Á; nêu được sự ra đời của ASEAN và nêu được ý nghĩa của việc Việt Nam gia nhập ASEAN.
 - + Năng lực tìm hiểu Địa lí: khai thác lược đồ, hình ảnh và thông tin để tìm hiểu về khu vực Đông Nam Á và ASEAN.
 - + Năng lực vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học: vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học về ASEAN để tìm hiểu về quốc kì của các quốc gia thành viên.

3. Phẩm chất

Thông qua bài học, HS phát triển được phẩm chất chăm chỉ (thường xuyên hoàn thành các nhiệm vụ học tập, ham học hỏi, đọc sách mở rộng hiểu biết) và trách nhiệm (có trách nhiệm với các nhiệm vụ, vai trò được giao trong bài học).

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- Lược đồ các nước thành viên ASEAN treo tường.

- Hình ảnh, video thể hiện sự ra đời của ASEAN và ý nghĩa của việc Việt Nam gia nhập ASEAN.
- Bảng kiểm tự đánh giá và đánh giá lẫn nhau về kỹ năng đọc lược đồ.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

1. Hoạt động khởi động

a) Mục tiêu

- Gây hứng thú cho HS.
- Kết nối vào bài học.

b) Tổ chức thực hiện

♦ *Phương pháp – kỹ thuật dạy học:* phương pháp sử dụng phương tiện trực quan – kỹ thuật đặt câu hỏi.

♦ *Thời gian:* 7 phút.

♦ *Các bước tiến hành:*

– Bước 1: GV yêu cầu HS dựa vào kiến thức của bản thân, quan sát hình ảnh 1 trang 90 và trả lời các câu hỏi dưới đây trong thời gian 3 phút:

+ Cho biết các quốc gia ở khu vực nào tham gia sự kiện này?

+ Chia sẻ hiểu biết của em về sự kiện này.

– Bước 2: HS quan sát hình ảnh và sử dụng hiểu biết của bản thân để trả lời câu hỏi trong SGK bằng cách ghi ra giấy nháp, sau đó trao đổi với bạn bên cạnh trong thời gian 3 phút.

– Bước 3: GV gọi 2 – 3 HS lần lượt đưa ra câu trả lời, các HS khác lắng nghe, nhận xét và bổ sung thêm thông tin (nếu có).

– Bước 4: GV nhận xét câu trả lời của HS, chuẩn kiến thức:

SEA Games 31 là một sự kiện văn hoá – thể thao lớn của khu vực Đông Nam Á, tổ chức thường niên 2 năm một lần. Năm 2021, sự kiện này được tổ chức tại Việt Nam và có sự tham gia của 11 quốc gia ở khu vực này.

GV sử dụng những hiểu biết của HS về sự kiện này để dẫn dắt vào bài học.

2. Hoạt động khám phá

2.1. Hoạt động 1. Tìm hiểu về vị trí địa lý của khu vực Đông Nam Á

a) Mục tiêu

Xác định được vị trí địa lý của khu vực Đông Nam Á và các nước trong khu vực Đông Nam Á trên bản đồ hoặc lược đồ.

b) Tổ chức thực hiện

♦ *Phương pháp – kĩ thuật dạy học – phương tiện dạy học:* sử dụng phương tiện trực quan – kĩ thuật đặt câu hỏi – lược đồ treo tường các quốc gia trong khu vực Đông Nam Á.

♦ *Thời gian:* 15 phút.

♦ *Các bước tiến hành:*

– Bước 1: GV yêu cầu HS đọc thông tin trong mục kết hợp quan sát hình 2. Lược đồ các quốc gia trong khu vực Đông Nam Á trang 91, làm việc cá nhân và trả lời các câu hỏi sau trong thời gian 4 phút:

+ Xác định vị trí địa lí của khu vực Đông Nam Á trên lược đồ.

+ Kể tên các quốc gia trong khu vực Đông Nam Á.

– Bước 2: HS làm việc cá nhân và làm việc với lược đồ trong SGK trong thời gian 2 phút, sau đó sẽ trao đổi với bạn bên cạnh.

– Bước 3: GV tổ chức thảo luận cả lớp:

+ GV gọi 1 – 2 HS xác định vị trí địa lí của khu vực Đông Nam Á trên lược đồ treo tường, các HS khác quan sát, nhận xét và bổ sung (nếu có).

+ GV gọi lần lượt các HS, mỗi HS phải kể tên một quốc gia trong khu vực Đông Nam Á, những HS khác lắng nghe và nhận xét.

– Bước 4: GV nhận xét, đánh giá về hoạt động học của cả lớp và chuẩn kiến thức:

+ Khu vực Đông Nam Á nằm ở phía đông nam châu Á.

+ Tiếp giáp với Thái Bình Dương và Ấn Độ Dương.

+ Đông Nam Á có 11 quốc gia là Việt Nam, Thái Lan, Lào, Cam-pu-chia, Mi-an-ma, Xin-ga-po, In-đô-nê-xi-a, Ma-lai-xi-a, Bru-nây, Phi-líp-pin, và Ti-mo Lét-xtê (Đông Ti-mo); gồm hai bộ phận: Đông Nam Á lục địa và Đông Nam Á hải đảo.

– Bước 5 (mở rộng), GV mở rộng về ý nghĩa của vị trí địa lí với sự phát triển kinh tế – xã hội của khu vực Đông Nam Á: *Đông Nam Á là khu vực có vị trí địa lí mang tính chiến lược ở châu Á và trên thế giới. Đông Nam Á nằm trên điểm kết nối của một trong hai tuyến đường hàng hải nhộn nhịp nhất thế giới và nơi giao thoa của hai nền văn minh lớn (Trung Hoa và Ấn Độ). Tất cả đặc điểm trên tạo thuận lợi cho các quốc gia trong khu vực Đông Nam Á tiếp cận và giao lưu, hợp tác và buôn bán với những nền kinh tế phát triển trên thế giới.*

2.2. Hoạt động 2. Tìm hiểu về Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á (ASEAN)

2.2.1. Nhiệm vụ 1: Tìm hiểu về sự ra đời của ASEAN

a) Mục tiêu

Nêu được sự ra đời của Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á (ASEAN).

b) Tổ chức thực hiện

♦ *Phương pháp – kĩ thuật dạy học:* phương pháp thảo luận – kĩ thuật suy nghĩ – chia sẻ cặp đôi – chia sẻ cả lớp (think – pair – share).

♦ *Thời gian:* 15 phút.

♦ *Các bước tiến hành:*

– Bước 1: GV yêu cầu HS đọc thông tin mục 2.a) Sự ra đời của ASEAN, làm việc theo cặp để trả lời các câu hỏi sau trong thời gian 4 phút:

+ Nêu sự ra đời của ASEAN.

+ Kể tên các quốc gia gia nhập ASEAN từ năm 1967 cho đến nay.

– Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ theo quy trình như sau: HS làm việc cá nhân bằng cách đọc thông tin trong SGK mục 2.a), ghi lại thông tin ra giấy trong thời gian 3 phút; sau đó HS trao đổi với bạn cùng cặp và thống nhất ý kiến.

– Bước 3: GV tổ chức cho các cặp chia sẻ và cả lớp thảo luận: GV gọi 1 – 2 cặp HS nêu sự ra đời của ASEAN và các quốc gia gia nhập ASEAN từ năm 1967 cho đến nay, các cặp HS khác quan sát và nhận xét.

– Bước 4: GV nhận xét, đánh giá các cặp và việc thảo luận của cả lớp, sau đó chuẩn kĩ năng và kiến thức cho HS:

+ Ngày 8/8/1967 tại Băng Cốc (Thái Lan), 5 nước: Thái Lan, In-đô-nê-xi-a, Ma-lai-xi-a, Phi-líp-pin và Xin-ga-po đã kí tuyên bố về việc thành lập “Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á”, viết tắt là ASEAN.

+ Mục tiêu chung của ASEAN là đoàn kết và hợp tác để giữ gìn hòa bình, an ninh, ổn định khu vực và cùng nhau phát triển kinh tế xã hội.

+ Sau năm 1967, ASEAN lần lượt kết nạp thêm các quốc gia: Bru-nây, Việt Nam, Lào, Mi-an-ma và Cam-pu-chia.

+ Tính đến năm 2022, đã có 10 quốc gia trong khu vực Đông Nam Á là thành viên của ASEAN.

– Bước 5: Mở rộng kiến thức: GV tổ chức cho HS quan sát hình 3. Cờ của ASEAN, đọc thông tin về lá cờ ở mục Em có biết? trang 92 và yêu cầu HS xác định mục tiêu chung của ASEAN. Đồng thời, GV có thể bổ sung thông tin cho HS về quá trình gia nhập ASEAN của Ti-mo Lét-xtê.

Tháng 11 – 2022, tại Hội nghị cấp cao ASEAN lần thứ 40, 41 ở Cam-pu-chia, tuyên bố về việc Ti-mo Lét-xtê xin gia nhập ASEAN được thông qua. Theo đó, ASEAN nhất trí về nguyên tắc việc kết nạp Ti-mo Lét-xtê là thành viên thứ 11; trao quy chế quan sát viên và cho phép nước này tham gia tất cả các hội nghị của ASEAN.

2.2.2. Nhiệm vụ 2: Tìm hiểu về Việt Nam trong ASEAN

a) Mục tiêu

Nêu được ý nghĩa của việc Việt Nam gia nhập Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á (ASEAN).

b) Tổ chức thực hiện

♦ *Phương pháp – kĩ thuật dạy học:* phương pháp làm việc nhóm – kĩ thuật khăn trải bàn.

♦ *Thời gian:* 15 phút.

♦ *Các bước tiến hành:*

– Bước 1: GV chia nhóm (4 – 6 HS mỗi nhóm), yêu cầu các nhóm làm việc trong thời gian 8 phút, đọc thông tin và quan sát hình 4 để thực hiện nhiệm vụ: Hãy nêu ý nghĩa của việc Việt Nam gia nhập ASEAN.

– Bước 2: GV tổ chức cho HS làm việc nhóm, theo các giai đoạn sau:

+ HS làm việc cá nhân, đọc thông tin và quan sát các hình ảnh để trả lời câu hỏi bằng cách ghi ra giấy trong 4 phút.

+ HS làm việc theo nhóm, chia sẻ câu trả lời của mỗi người, sau đó HS thống nhất câu trả lời của cả nhóm trong thời gian 4 phút.

– Bước 4: GV gọi 1 – 2 nhóm HS trình bày ý nghĩa của việc Việt Nam gia nhập ASEAN, các nhóm HS khác nhận xét, bổ sung.

– Bước 5: GV nhận xét phần làm việc của cá nhân và các nhóm, sau đó chuẩn kiến thức: Việc Việt Nam gia nhập ASEAN có nhiều ý nghĩa quan trọng:

+ Là sự kiện đánh dấu quá trình hội nhập khu vực của Việt Nam và tiến trình hợp tác, liên kết của cả khu vực.

+ Tạo cho Việt Nam nhiều cơ hội để phát triển kinh tế nhờ mở rộng thị trường tiêu thụ và thu hút vốn đầu tư nước ngoài; mở rộng giao lưu văn hóa; tạo cơ hội việc làm và nâng cao năng lực của người lao động.

+ Nâng cao vị thế của nước trong ASEAN và trên thế giới.

– Bước 6 (mở rộng kiến thức): GV tổ chức cho HS khai thác thông tin mục Em có biết? trang 92 để thấy rõ vai trò của Việt Nam trong ASEAN.

3. Hoạt động luyện tập

a) Mục tiêu

– củng cố kiến thức về các quốc gia Đông Nam Á.

– Rèn luyện kĩ năng sử dụng lược đồ.

b) Tổ chức thực hiện

♦ *Phương pháp – kĩ thuật dạy học:* phương pháp sử dụng phương tiện trực quan – kĩ thuật đặt câu hỏi – kĩ thuật trình bày 1 phút.

♦ *Thời gian:* 10 phút.

♦ *Các bước tiến hành:*

– Bước 1: GV yêu cầu HS làm việc cá nhân và thực hiện các nhiệm vụ:

+ Hãy khái quát các kiến thức đã học trong vòng 1 phút.

+ Dựa vào lược đồ các quốc gia trong khu vực Đông Nam Á, hãy xác định các quốc gia thành viên của ASEAN trên lược đồ, trong thời gian 3 phút.

– Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ bằng cách khai thác lược đồ hình 2 trang 91, xác định vị trí các quốc gia bằng thước kẻ, sau đó trao đổi với bạn bên cạnh.

– Bước 3: GV tổ chức cho HS thảo luận:

+ GV gọi 1 – 2 HS tổng kết bài học trong vòng 1 phút, các bạn HS khác lắng nghe, nhận xét và bổ sung (nếu có).

+ GV gọi 1 HS lên bảng xác định trên lược đồ, tổ chức cho HS trong lớp đánh giá và tự đánh giá kĩ năng đọc bản đồ theo bảng kiểm. HS đọc từng nội dung trong bảng kiểm, xác định mình và bạn mình có đạt được kĩ năng đó hay không.

BẢNG KIỂM TỰ ĐÁNH GIÁ VÀ ĐÁNH GIÁ LẪN NHAU VỀ XÁC ĐỊNH CÁC QUỐC GIA THÀNH VIÊN CỦA ASEAN TRÊN LƯỢC ĐỒ

STT	Nội dung	Có/không
1	Xác định và chỉ chính xác vào lãnh thổ của Việt Nam trên lược đồ (có thể xác định bằng cách chỉ vào một vị trí ở giữa của quốc gia (hoặc thủ đô) hoặc di thước theo biên giới lãnh thổ của quốc gia)	
2	Xác định và chỉ chính xác vào lãnh thổ của Thái Lan trên lược đồ	
3	Xác định và chỉ chính xác vào lãnh thổ của Lào trên lược đồ	
4	Xác định và chỉ chính xác vào lãnh thổ của Cam-pu-chia trên lược đồ	
5	Xác định và chỉ chính xác vào lãnh thổ của Mi-an-ma trên lược đồ	
6	Xác định và chỉ chính xác vào lãnh thổ của Ma-lai-xi-a trên lược đồ	
7	Xác định và chỉ chính xác vào lãnh thổ của Xin-ga-po trên lược đồ	
8	Xác định và chỉ chính xác vào lãnh thổ của Phi-lip-pin trên lược đồ	
9	Xác định và chỉ chính xác vào lãnh thổ của Bru-nây trên lược đồ	
10	Xác định và chỉ chính xác vào lãnh thổ của In-đô-nê-xi-a trên lược đồ	

- Bước 4: GV nhận xét, đánh giá kĩ năng đọc lược đồ; tổng kết nhiệm vụ tự đánh giá và đánh giá lẫn nhau của HS.

4. Hoạt động vận dụng

a) Mục tiêu

Vận dụng kiến thức đã học để thực hiện việc tìm hiểu và mở rộng kiến thức.

b) Tổ chức thực hiện

- ◆ *Phương pháp – kĩ thuật dạy học:* phương pháp sử dụng phương tiện trực quan – kĩ thuật đặt câu hỏi.
- ◆ *Thời gian:* HS làm việc tại nhà, thời gian linh hoạt.
- ◆ *Các bước tiến hành:*
 - Bước 1: GV yêu cầu HS làm việc cá nhân ở nhà, thực hiện nhiệm vụ phần vận dụng: Suy tầm và chia sẻ về hình ảnh quốc kì của một số quốc gia thành viên ASEAN.
 - Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ ở nhà (có thể trình bày vào vở và tạo ra một sản phẩm riêng), sau đó mang lên lớp để trao đổi với GV và các bạn vào buổi học tiếp theo.
 - Bước 3: GV tổ chức chia nhóm các bạn HS theo nhóm quốc gia HS chọn tìm hiểu ở nhà, sau đó gọi đại diện các nhóm HS lên chia sẻ hình ảnh quốc kì của các quốc gia thành viên ASEAN.
 - Bước 4: GV nhận xét và đánh giá phần tìm hiểu thông tin của cả lớp.

CHỦ ĐỀ 5. TÌM HIỂU THẾ GIỚI

Bài 22 CÁC CHÂU LỤC VÀ ĐẠI DƯƠNG TRÊN THẾ GIỚI (5 TIẾT)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

1. Kiến thức

- Xác định được vị trí địa lí của các châu lục, một số dãy núi, cao nguyên, đồng bằng lớn trên thế giới trên bản đồ, lược đồ hoặc quả Địa Cầu.
- Nêu và so sánh được một số đặc điểm tự nhiên (địa hình, khí hậu, sông ngòi, thiên nhiên,...) của các châu lục.
- Kể được tên và xác định được vị trí địa lí của các đại dương trên bản đồ hoặc quả địa cầu.
- Sử dụng bảng số liệu và lược đồ hoặc bản đồ, so sánh được diện tích, độ sâu của các đại dương

2. Năng lực

- Về năng lực chung:
 - + Năng lực tự chủ và tự học: tự lực làm những nhiệm vụ học tập được giao trên lớp và ở nhà.
 - + Năng lực giao tiếp và hợp tác: hợp tác và giao tiếp với các bạn trong các nhiệm vụ học tập.
 - + Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: phát hiện được vấn đề từ các nhiệm vụ học tập và tìm cách giải quyết chúng.
- Về năng lực đặc thù:
 - + Năng lực nhận thức khoa học Địa lí: xác định được vị trí địa lí của các châu lục và của các đại dương, một số dãy núi, cao nguyên, đồng bằng lớn trên thế giới; nêu được một số đặc điểm tự nhiên của các châu lục.
 - + Năng lực tìm hiểu Địa lí: khai thác lược đồ, quả Địa Cầu để tìm hiểu về các châu lục và đại dương trên thế giới; sử dụng được bảng số liệu và lược đồ để so sánh một số đặc điểm tự nhiên của các châu lục và so sánh được diện tích, độ sâu của các đại dương.
 - + Năng lực vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học: vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học về các châu lục để xác định được châu lục mà HS yêu thích và muốn khám phá nhất.

3. Phẩm chất

Thông qua bài học, HS phát triển được phẩm chất chăm chỉ (thường xuyên hoàn thành các nhiệm vụ học tập, ham học hỏi, đọc sách mở rộng hiểu biết) và trách nhiệm (có trách nhiệm với các nhiệm vụ, vai trò được giao trong bài học; có trách nhiệm bảo vệ môi trường thiên nhiên và môi trường biển).

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- Lược đồ các châu lục và đại dương trên thế giới treo tường.
- Lược đồ tự nhiên thế giới treo tường.
- Quả Địa cầu tự nhiên.
- Phiếu tiêu chí đánh giá sản phẩm học tập tìm hiểu đặc điểm tự nhiên các châu lục trên thế giới.
- Bảng kiểm để HS tự đánh giá và đánh giá lẫn nhau về kĩ năng hợp tác nhóm.
- Hình ảnh về thiên nhiên, sinh vật ở các châu lục trên thế giới.
- Hình ảnh về môi trường ô nhiễm ở trên biển ảnh hưởng đến các sinh vật.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

1. Hoạt động khởi động

a) Mục tiêu

- Gây hứng thú cho HS.
- Kết nối vào bài học.

b) Tổ chức thực hiện

♦ *Phương pháp – kĩ thuật dạy học:* phương pháp đàm thoại gợi mở/đặt và giải quyết vấn đề – kĩ thuật đặt câu hỏi.

♦ *Thời gian:* 7 phút.

♦ *Các bước tiến hành:*

– Bước 1: GV yêu cầu HS dựa vào kiến thức của bản thân và trả lời câu hỏi dưới đây trong thời gian 2 phút (Lưu ý: GV có thể lựa chọn một trong hai phương án để mở đầu bài học):

Phương án 1: Thế giới có nhiều châu lục và đại dương. Hãy kể tên một số châu lục và đại dương mà em biết.

Phương án 2: Thành ngữ Việt Nam “Năm châu bốn biển” dùng để nói đến sự rộng lớn của thế giới, trong đó có cụm từ “năm châu” để nói về năm châu lục và “bốn biển” là bốn đại dương. Theo em, câu thành ngữ trên có đúng với thực tế hiện nay về các châu lục và đại dương trên thế giới không?

- Bước 2: HS sử dụng hiểu biết của bản thân thực hiện nhiệm vụ trong 1 phút, sau đó trao đổi với bạn cùng bàn 1 phút.
- Bước 3: GV gọi 2 – 3 HS lần lượt đưa ra câu trả lời, các HS khác lắng nghe, nhận xét và bổ sung thêm thông tin (nếu có).
- Bước 4: GV nhận xét câu trả lời của HS, dựa vào những hiểu biết của HS để dẫn dắt vào bài học.

2. Hoạt động khám phá

2.1. Hoạt động 1. Tìm hiểu về các châu lục trên thế giới

2.1.1. Nhiệm vụ 1: Tìm hiểu khái quát chung

a) Mục tiêu

Xác định được vị trí địa lí của các châu lục trên thế giới trên bản đồ, lược đồ hoặc quả Địa Cầu.

b) Tổ chức thực hiện

♦ *Phương pháp – kĩ thuật dạy học – phương tiện dạy học*: đàm thoại gợi mở, đặt và giải quyết vấn đề– kĩ thuật đặt câu hỏi – lược đồ các châu lục và đại dương trên thế giới treo tường hoặc quả Địa Cầu.

♦ *Thời gian*: 7 phút.

♦ *Các bước tiến hành*:

– Bước 1: GV yêu cầu HS đọc thông tin trong mục kết hợp quan sát hình 1 và bảng 2 trang 93, 94, sau đó trả lời các câu hỏi sau trong thời gian 3 phút:

+ Kể tên và xác định vị trí địa lí của các châu lục trên lược đồ.

+ So sánh diện tích của các châu lục trên thế giới.

– Bước 2: HS làm việc cá nhân và làm việc với lược đồ, bảng số liệu trong thời gian 2 phút, sau đó trao đổi với bạn bên cạnh.

– Bước 3: GV tổ chức thảo luận cả lớp:

+ GV gọi 1 – 2 HS kể tên và xác định vị trí địa lí của các châu lục trên lược đồ treo tường, các HS khác quan sát, nhận xét và bổ sung (nếu có).

+ GV gọi 1 HS so sánh diện tích của các châu lục trên thế giới, những HS khác lắng nghe và nhận xét.

– Bước 4: GV nhận xét, đánh giá về hoạt động học của cả lớp và chuẩn kiến thức:

+ Các châu lục trên thế giới là châu Á, châu Âu, châu Phi, châu Mỹ, châu Đại Dương và châu Nam Cực.

+ Các châu lục có diện tích khác biệt, trong đó châu Á có diện tích lớn nhất, tiếp sau đó là châu Mỹ, châu Phi, châu Nam Cực, châu Âu. Diện tích của châu Đại Dương là nhỏ nhất.

2.1.2. Nhiệm vụ 2: Tìm hiểu đặc điểm tự nhiên của các châu lục trên thế giới

a) Mục tiêu

- Xác định được vị trí địa lí của một số dãy núi, cao nguyên, đồng bằng lớn trên thế giới trên bản đồ, lược đồ hoặc quả Địa Cầu.
- Nêu và so sánh được một số đặc điểm tự nhiên (địa hình, khí hậu, sông ngòi, thiên nhiên,...) của các châu lục.

b) Tổ chức thực hiện

◆ *Phương pháp – kĩ thuật dạy học:* phương pháp làm việc nhóm kết hợp phương pháp sử dụng phương tiện trực quan – kĩ thuật phòng tranh – lược đồ tự nhiên thế giới treo tường hoặc quả Địa cầu tự nhiên.

◆ *Thời gian:* 120 phút.

◆ *Các bước tiến hành:*

– Bước 1: GV chia nhóm (4 – 6 HS mỗi nhóm) và yêu cầu HS thực hiện nhiệm vụ: Đọc thông tin, sử dụng lược đồ hoặc quả Địa Cầu tự nhiên và quan sát các hình từ 2 đến 10 để trả lời các câu hỏi dưới đây và trình bày kết quả hoạt động nhóm cho câu hỏi 2 bằng một trong các sản phẩm như sơ đồ tư duy, bảng thông tin,... trong thời gian 40 phút.

+ Kể tên và xác định vị trí của một số dãy núi, cao nguyên, đồng bằng lớn của thế giới trên lược đồ hoặc quả Địa Cầu.

+ Nêu một số đặc điểm tự nhiên nổi bật của các châu lục.

– Bước 2: GV hướng dẫn các nhóm HS thực hiện nhiệm vụ:

+ Các thành viên cùng quan sát lược đồ hoặc quả Địa Cầu tự nhiên và kể tên một số dãy núi, cao nguyên, đồng bằng lớn của thế giới, sau đó mỗi thành viên trong nhóm sẽ lần lượt sử dụng lược đồ hoặc quả Địa Cầu để xác định vị trí của chúng trên đó.

+ Phân chia nhiệm vụ để tìm hiểu đặc điểm tự nhiên của mỗi châu lục, sau đó chia sẻ với nhau và thống nhất ý kiến. Các nhóm HS lựa chọn sản phẩm trình bày. GV đưa ra tiêu chí đánh giá sản phẩm để định hướng cho các nhóm trình bày hợp lí.

– Bước 3: GV tổ chức cho các nhóm thảo luận cả lớp:

+ GV gọi 1 – 2 HS đại diện của một nhóm lên kể tên và xác định vị trí của một số dãy núi, cao nguyên, đồng bằng lớn của thế giới trên lược đồ hoặc quả Địa Cầu; các HS khác quan sát, lắng nghe, nhận xét và bổ sung (nếu có).

+ GV có thể tổ chức cho HS thực hiện nhiệm vụ 2 theo kĩ thuật phòng tranh: GV cho các nhóm HS trưng bày sản phẩm tại những vị trí nhất định trong lớp học, sau đó GV sẽ yêu cầu các nhóm phân công nhiệm vụ cho các thành viên: Phần trình bày sẽ chia thành các phiên, mỗi phiên trình bày là 3 phút, trong đó mỗi nhóm có 1 HS ở lại vị trí sản phẩm nhóm có nhiệm vụ thuyết trình sản phẩm, các thành viên còn lại đi đến sản phẩm của các nhóm khác để đánh giá phần thuyết trình và sản phẩm của các nhóm khác. Hết một phiên trình bày 3 phút, các nhóm đổi lại vai trò cho nhau. GV tổ chức sao cho bạn HS nào cũng được thuyết trình sản phẩm và đánh giá sản phẩm, và mỗi bạn HS phải đi đánh giá được hết sản phẩm của các nhóm.

Lưu ý: HS khi đi đánh giá sản phẩm của nhóm khác sẽ tập trung đánh giá 2 tiêu chí là hình thức của sản phẩm và phần thuyết trình của nhóm bạn.

+ GV tổ chức cho các nhóm tổng kết điểm cho phần đánh giá sản phẩm lẫn nhau; mỗi thành viên trong nhóm đánh giá lẫn nhau về thái độ và việc thực hiện nhiệm vụ trong nhóm. Điểm đánh giá của mỗi nhóm sẽ là điểm trung bình đánh giá của mỗi thành viên trong nhóm cho nhóm đó.

PHIẾU ĐÁNH GIÁ SẢN PHẨM HỌC TẬP CỦA CÁC NHÓM HỌC SINH

Tiêu chí		Mức độ 1	Mức độ 2	Mức độ 3
Hình thức	Bố cục	Trình bày thông tin mạch lạc, lô gic	Trình bày thông tin còn nhầm lẫn giữa các nội dung	Không có bố cục cho sản phẩm
		2 điểm	1 điểm	0.5 điểm
	Hình thức sản phẩm	– Lựa chọn hình thức hợp lí với nội dung – Có hình ảnh minh họa – Có màu sắc khác nhau để phân loại thông tin	Không đạt 1 trong ba tiêu chí về hình thức sản phẩm	Không đạt cả ba tiêu chí về hình thức sản phẩm
		3 điểm	2 điểm	1 điểm
Trình bày sản phẩm nhóm	Lời nói, cử chỉ	– Ngôn ngữ diễn đạt dễ hiểu, phát âm rõ ràng – Tốc độ trình bày vừa phải, hợp lí – Phong thái tự tin	Không đạt một trong ba tiêu chí bên	Không đạt từ hai trong ba tiêu chí bên
		3 điểm	2 điểm	1 điểm
	Tương tác với người khác	Giao tiếp bằng mắt và trả lời được câu hỏi của người nghe	Không đạt một tiêu chí trong hai tiêu chí bên	Không đạt tiêu chí nào
		1 điểm	0.5 điểm	0 điểm
	Thời gian trình bày	Phân bố thời gian giữa các nội dung hợp lí và trình bày đúng thời gian quy định	Không đạt một trong hai tiêu chí bên	Không đạt tiêu chí nào
		1 điểm	0.5 điểm	0 điểm

BẢNG KIỂM CHO HỌC SINH ĐÁNH GIÁ VÀ TỰ ĐÁNH GIÁ LẦN NHAU VỀ HOẠT ĐỘNG NHÓM

Các tiêu chí	Có/Không
1. Nhận nhiệm vụ Mọi thành viên trong nhóm sẵn sàng nhận nhiệm vụ	
2. Tham gia xây dựng phương án thảo luận và lập kế hoạch nhóm – Mọi thành viên đều bày tỏ ý kiến, tham gia xây dựng phương án thảo luận và kế hoạch hoạt động của nhóm; – Mọi thành viên biết lắng nghe, tôn trọng, xem xét các ý kiến, quan điểm của nhau.	

3. Thực hiện nhiệm vụ và hỗ trợ, giúp đỡ các thành viên khác – Mọi thành viên cố gắng, nỗ lực hoàn thành nhiệm vụ bản thân; – Thành viên hỗ trợ nhau trong thảo luận, hoàn thành nhiệm vụ.	
4. Tôn trọng quyết định chung Mọi thành viên đều tôn trọng quyết định chung của cả nhóm	
5. Kết quả làm việc Có kết quả thảo luận và có đủ sản phẩm theo yêu cầu của GV	
6. Trách nhiệm với kết quả làm việc chung Mọi thành viên có ý thức trách nhiệm về kết quả chung của nhóm	

– Bước 4: GV nhận xét, đánh giá nội dung và hoạt động của các nhóm, sau đó GV chuẩn lại kiến thức (nếu các nhóm đều làm tốt và chuẩn xác, GV chỉ cần nêu lại những điểm cần lưu ý về mỗi châu lục).

Châu lục	Địa hình	Khí hậu	Sông và hồ	Thiên nhiên
Châu Á	Đa dạng, gồm: – Núi, cao nguyên: chiếm 3/4 diện tích châu lục – Các đồng bằng châu thổ rộng lớn	Có đủ các đới khí hậu: xích đạo, nhiệt đới, ôn đới, hàn đới	– Có nhiều hệ thống sông lớn: Hoàng Hà, Trường Giang, Ấn – Hằng, Mê Công,... – Có các hồ lớn: Ca-xpi, Bai-can, A-ran,...	Phân hóa rất đa dạng
Châu Âu	– Đồng bằng chiếm 2/3 diện tích lãnh thổ và kéo dài từ tây sang đông – Đồi núi chiếm 1/3 diện tích lãnh thổ, hệ thống núi cao tập trung ở phía nam	Chủ yếu có khí hậu ôn đới	– Có khá nhiều sông, chủ yếu là sông nhỏ – Một số sông lớn là Đa-nuýp, Von-ga,...	Thay đổi theo mùa và vị trí gần hay xa biển
Châu Phi	– Khá cao, độ cao trung bình 750 m – Chủ yếu có các sơn nguyên xen với bồn địa thấp	Khô, nóng bậc nhất thế giới	– Mạng lưới sông ngòi thưa thớt và phân bố không đều. – Một số sông lớn như sông Nin, sông Công-gô,... – Có nhiều hồ lớn như: Vích-to-ri-a, Tan-ga-ni-ca,...	– Có nhiều hoang mạc rộng lớn, rất khô hạn – Xa van cũng là cảnh quan phổ biến
Châu Mỹ	Chia thành ba khu vực rõ rệt: – Phía tây là các dãy núi cao, – Ở giữa là các đồng bằng – Phía đông là các dãy núi, cao nguyên thấp	Phân hóa theo chiều bắc – nam, đông – tây và theo độ cao	Hệ thống sông, hồ khá dày – Một số sông lớn là Mi-xi-xi-pi, A-ma-dôn,... – Một số hồ lớn là hồ Thượng, hồ Gấu Lớn,...	Rất đa dạng

Châu Đại Dương	Lục địa Ô-xtrây-li-a bao gồm vùng núi phía đông, vùng đồng bằng, bồn địa ở trung tâm và vùng cao nguyên phía tây	– Phần lục địa khô hạn – Các đảo và quần đảo: nóng ẩm	Kém phát triển	– Lục địa: + Phần lớn diện tích là hoang mạc và xa van + Tài nguyên sinh vật độc đáo – Các đảo và quần đảo: rừng rậm và rừng dừa bao phủ
Châu Nam Cực	Là cao nguyên cao, được bao phủ một lớp băng dày	Lạnh và khô nhất trên Trái Đất	Kém phát triển	Thực vật rất nghèo nàn, động vật chỉ có một số loài chịu lạnh như chim cánh cụt, hải cẩu,...

– Bước 5: Mở rộng: GV tổ chức cho HS khai thác thông tin ở mục Em có biết? và hình ảnh để mở rộng thêm kiến thức về các châu lục.

2.2. Hoạt động 2. Tìm hiểu về các đại dương trên thế giới

a) Mục tiêu

- Kể được tên và xác định được vị trí địa lí của các đại dương trên bản đồ hoặc quả Địa Cầu.
- Sử dụng bảng số liệu và lược đồ hoặc bản đồ, so sánh được diện tích, độ sâu của các đại dương

b) Tổ chức thực hiện

♦ *Phương pháp – kĩ thuật dạy học – phương tiện dạy học:* phương pháp đàm thoại gợi mở và phương pháp sử dụng phương tiện trực quan – kĩ thuật đặt câu hỏi – lược đồ các châu lục và đại dương trên thế giới treo tường.

♦ *Thời gian:* 15 phút.

♦ *Các bước tiến hành:*

– Bước 1: GV yêu cầu HS đọc thông tin mục 2, quan sát hình 1 và bảng 2, làm việc theo cặp để thực hiện các nhiệm vụ sau trong thời gian 4 phút:

+ Kể tên và xác định vị trí địa lí của các đại dương trên lược đồ.

+ So sánh diện tích, độ sâu của các đại dương trên thế giới.

– Bước 2: HS hoạt động theo cặp bằng cách như sau: mỗi HS sẽ dành thời gian làm việc cá nhân để trả lời các câu hỏi, sau đó trao đổi với nhau để thống nhất ý kiến.

– Bước 3: GV tổ chức cho cả lớp thảo luận:

+ GV gọi 1 – 2 cặp HS lên kể tên và xác định vị trí địa lí của các đại dương trên lược đồ treo tường các châu lục và đại dương trên thế giới, các cặp HS khác quan sát và nhận xét.

- + GV gọi 1 – 2 cặp HS so sánh diện tích, độ sâu của các đại dương trên thế giới; các cặp HS khác quan sát, nhận xét và bổ sung (nếu có).
- Bước 4: GV nhận xét hoạt động cặp, thảo luận của cả lớp, sau đó chuẩn lại kiến thức:
 - + Có năm đại dương trên thế giới: Thái Bình Dương, Đại Tây Dương, Ấn Độ Dương, Bắc Băng Dương và Nam Đại Dương.
 - + Các đại dương thế giới bao phủ hơn 70% diện tích bề mặt và chiếm hơn 96% lượng nước trên Trái Đất.
 - + Các đại dương có sự khác nhau về diện tích, độ sâu, cụ thể:
 - Thái Bình Dương có diện tích và độ sâu trung bình lớn nhất
 - Bắc Băng Dương có diện tích và độ sâu trung bình nhỏ nhất
- Bước 5: Mở rộng kiến thức: GV cho HS tìm hiểu mục Em có biết? tìm hiểu về vấn đề các đại dương đang phải đối mặt, từ đó có ý thức và hành động cụ thể để bảo vệ môi trường biển.

3. Hoạt động luyện tập

a) Mục tiêu

Hệ thống lại kiến thức và luyện tập.

b) Tổ chức thực hiện

- ◆ *Phương pháp – kĩ thuật dạy học*: phương pháp đàm thoại gợi mở – kĩ thuật đặt câu hỏi.
- ◆ *Thời gian*: 10 phút.
- ◆ *Các bước tiến hành*:
 - Bước 1: GV yêu cầu HS làm việc cá nhân và thực hiện các nhiệm vụ:
 - + Hãy khái quát các kiến thức đã học trong vòng 2 phút.
 - + Hãy trả lời các câu hỏi sau:
 - Châu lục, đại dương nào có diện tích lớn nhất trên thế giới?*
 - Châu lục, đại dương nào có diện tích nhỏ nhất trên thế giới?*
 - Châu lục nào lạnh và khô nhất thế giới?*
 - Hoang mạc Xa-ha-ra nằm ở châu lục nào?*
 - Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ bằng cách: viết ra giấy nháp những kiến thức mà bản thân tiếp thu được trong bài học và sau đó trả lời các câu hỏi của GV.
 - Bước 3: GV tổ chức cho HS thảo luận:
 - + GV gọi 1 – 2 HS tổng kết bài học trong vòng 2 phút, các bạn HS khác lắng nghe, nhận xét và bổ sung (nếu có).

- + GV gọi lần lượt các bạn HS trả lời các câu hỏi, các HS khác quan sát, nhận xét và bổ sung (nếu có).
- Bước 4: GV nhận xét, đánh giá và chuẩn hoá kiến thức:
 - + Châu Á và Thái Bình Dương có diện tích lớn nhất.
 - + Châu Đại Dương và Bắc Băng Dương có diện tích nhỏ nhất.
 - + Châu Nam Cực lạnh và khô nhất thế giới.
 - + Hoang mạc Xa-ha-ra nằm ở châu Phi.

4. Hoạt động vận dụng

a) Mục tiêu

Vận dụng kiến thức đã học để thực hiện việc tìm hiểu và mở rộng kiến thức.

b) Tổ chức thực hiện

- ◆ *Phương pháp – kĩ thuật dạy học*: phương pháp đàm thoại gợi mở – kĩ thuật đặt câu hỏi.
- ◆ *Thời gian*: HS thực hiện ở nhà, thời gian linh hoạt.
- ◆ *Các bước tiến hành*:
 - Bước 1: GV yêu cầu HS làm việc cá nhân, trả lời câu hỏi: *Trong các châu lục đã học, em muốn được đặt chân đến khám phá châu lục nào? Vì sao em có lựa chọn đó?* trong thời gian 5 phút.
 - Bước 2: HS suy nghĩ và ghi các lí do của mình vào vở.
 - Bước 3: GV tổ chức cho các bạn HS chia sẻ về lựa chọn của mình vào đầu giờ học sau, các bạn khác lắng nghe và nhận xét.
 - Bước 4: GV nhận xét và đánh giá về câu trả lời của các bạn HS, chuẩn lại kiến thức (nếu HS đưa ra lý giải sai).

Bài 23 DÂN SỐ VÀ CÁC CHỦNG TỘC CHÍNH TRÊN THẾ GIỚI (2 TIẾT)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

1. Kiến thức

- Sử dụng bảng số liệu dân số thế giới, so sánh được dân số giữa các châu lục trên thế giới.
- Kể được tên và mô tả được những nét chính về ngoại hình của các chủng tộc trên thế giới.
- Sử dụng lược đồ và trình bày được sự phân bố của các chủng tộc trên thế giới.
- Biết ứng xử phù hợp thể hiện sự tôn trọng sự khác biệt chủng tộc.

2. Năng lực

- Về năng lực chung:
 - + Năng lực tự chủ và tự học: tự lực làm những nhiệm vụ học tập được giao trên lớp và ở nhà.
 - + Năng lực giao tiếp và hợp tác: hợp tác và giao tiếp với các bạn trong các nhiệm vụ học tập.
 - + Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: phát hiện được vấn đề từ các nhiệm vụ học tập và tìm cách giải quyết chúng.
- Về năng lực đặc thù:
 - + Năng lực nhận thức khoa học Địa lí: Nêu và mô tả được những nét chính về ngoại hình của các chủng tộc trên thế giới, trình bày được sự phân bố của các chủng tộc.
 - + Năng lực tìm hiểu Địa lí: Khai thác bảng số liệu để so sánh được dân số giữa các châu lục; sử dụng lược đồ để trình bày sự phân bố của các chủng tộc trên thế giới
 - + Năng lực vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học: Vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học về dân số và các chủng tộc trên thế giới để có những ứng xử, hành động phù hợp thể hiện sự tôn trọng sự khác biệt chủng tộc.

3. Phẩm chất

Thông qua bài học, HS phát triển được phẩm chất nhân ái (yêu quý mọi người và tôn trọng sự khác biệt; chăm chỉ (thường xuyên hoàn thành các nhiệm vụ học tập, ham học hỏi, đọc sách mở rộng hiểu biết) và trách nhiệm (có trách nhiệm với các nhiệm vụ, vai trò được giao trong bài học).

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- Lược đồ treo tường phân bố các chủng tộc chính trên thế giới.

- Phiếu học tập tìm hiểu về đặc điểm ngoại hình của các chủng tộc.
- Hình ảnh về các chủng tộc và những hình ảnh, câu chuyện về những hành động tốt đẹp về sự tôn trọng sự khác biệt của các chủng tộc.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

1. Hoạt động khởi động

a) Mục tiêu

Gây hứng thú cho HS, kết nối vào bài học.

b) Tổ chức thực hiện

- ♦ *Phương pháp – kĩ thuật dạy học:* phương pháp đàm thoại gợi mở – kĩ thuật đặt câu hỏi.
- ♦ *Thời gian:* 5 phút.
- ♦ *Các bước tiến hành:*
 - Bước 1: GV yêu cầu HS dựa vào kiến thức của bản thân, suy nghĩ và trả lời câu hỏi: Trong bài hát “Thiếu nhi thế giới liên hoan”, nhạc sĩ Lưu Hữu Phước có viết: “Vàng, đen, trắng, nước da không chia tấm lòng”. Theo em, câu hát trên thể hiện ý nghĩa gì? trong thời gian 2 phút.
 - Bước 2: HS sử dụng hiểu biết của bản thân để trả lời câu hỏi trong SGK, sau đó trao đổi với bạn bên cạnh.
 - Bước 3: GV gọi 2 – 3 HS lên trả lời, các HS khác lắng nghe, nhận xét và bổ sung thêm ý kiến.
 - Bước 4: GV nhận xét câu trả lời của HS, đồng thời, GV sử dụng những câu trả lời của HS để dẫn dắt vào bài học.

2. Hoạt động khám phá

2.1. Hoạt động 1. Tìm hiểu về dân số thế giới

a) Mục tiêu

Sử dụng bảng số liệu dân số thế giới, so sánh được dân số giữa các châu lục trên thế giới.

b) Tổ chức thực hiện

- ♦ *Phương pháp – kĩ thuật dạy học:* phương pháp sử dụng phương tiện trực quan – kĩ thuật đặt câu hỏi.
- ♦ *Thời gian:* 10 phút.
- ♦ *Các bước tiến hành:*
 - Bước 1: GV yêu cầu HS đọc thông tin trong mục 1 kết hợp bảng số dân các châu lục năm 2021 trang 98 trong SGK, làm việc theo cặp và thực hiện các nhiệm vụ sau trong thời gian 4 phút:

- + Cho biết châu lục có số dân nhiều nhất và châu lục có số dân ít nhất.
- + Nêu nhận xét về số dân của các châu lục trên thế giới.
- Bước 2: HS làm việc theo cặp, trong đó mỗi HS sẽ tự tìm hiểu câu trả lời trước trong thời gian 2 phút, sau đó sẽ thảo luận cùng nhau để thống nhất ý kiến trong 2 phút.
- Bước 3: GV tổ chức cho HS thảo luận cả lớp:
- + GV gọi 1 cặp HS trả lời câu hỏi châu lục có số dân nhiều nhất và châu lục có số dân ít nhất, các HS khác lắng nghe, nhận xét.
- + GV gọi 1 – 2 cặp HS nêu nhận xét về số dân của các châu lục trên thế giới, các cặp đôi khác lắng nghe, nhận xét và bổ sung (nếu có).
- Bước 4: GV nhận xét, đánh giá hoạt động của các cặp đôi và cả lớp, và chuẩn kiến thức:
- + Năm 2021, số dân thế giới đạt gần 8 tỉ người nhưng có sự khác nhau giữa các châu lục và các quốc gia.
- Châu Á là châu lục đông dân nhất và chiếm hơn 50% số dân toàn thế giới
- Châu Đại Dương là châu lục có dân số ít nhất trên thế giới
- + Số dân thế giới ngày càng tăng.

2.2. Hoạt động 2. Tìm hiểu về các chủng tộc trên thế giới

2.2.1. Nhiệm vụ 1: Tìm hiểu về đặc điểm ngoại hình của các chủng tộc

a) Mục tiêu

Kể được tên và mô tả được những nét chính về ngoại hình của các chủng tộc trên thế giới.

b) Tổ chức thực hiện

♦ *Phương pháp – kĩ thuật dạy học:* phương pháp làm việc nhóm – kĩ thuật khăn trải bàn.

♦ *Thời gian:* 30 phút.

♦ *Các bước tiến hành:*

– Bước 1: GV chia lớp thành các nhóm (mỗi nhóm 4 – 6 HS) và giao nhiệm vụ cho các nhóm: đọc thông tin mục 2.a), quan sát hình 1 trang 99, làm việc theo nhóm trong thời gian 15 phút để hoàn thành các nhiệm vụ dưới đây:

+ Kể tên các chủng tộc chính trên thế giới.

+ Hoàn thành bảng thông tin về đặc điểm ngoại hình của các chủng tộc chính trên thế giới:

Chủng tộc	Môn-gô-lô-it	Nê-grô-it	Ơ-rô-pê-ô-it	Ô-xtra-lô-it
Màu da				
Tóc				
Mắt				
Mũi				

– Bước 2: HS hoạt động theo nhóm bằng cách như sau: mỗi HS sẽ dành thời gian làm việc cá nhân trong 5 phút để nghiên cứu SGK và trả lời các câu hỏi, sau đó trao đổi với nhóm để thống nhất ý kiến vào bảng thông tin trong thời gian 10 phút.

– Bước 3: GV tổ chức cho cả lớp thảo luận:

+ GV gọi 1 – 2 HS kể tên các chủng tộc chính trên thế giới, các HS khác lắng nghe, nhận xét và bổ sung (nếu có).

+ GV gọi 1 nhóm trình bày về đặc điểm màu da, tóc, mắt, mũi của các chủng tộc trên thế giới, đồng thời GV tổ chức cho các nhóm khác quan sát và tiến hành nhận xét bảng thông tin lẫn nhau.

– GV nhận xét hoạt động nhóm và thảo luận của cả lớp, sau đó chuẩn lại kiến thức:

+ Có 4 chủng tộc chính trên thế giới: Môn-gô-lô-it, Nê-grô-it, Ơ-rô-pê-ô-it và Ô-xtra-lô-it.

+ Các chủng tộc có đặc điểm ngoại hình (màu da, tóc, mắt, mũi...) khác nhau rõ nét.

Chủng tộc	Môn-gô-lô-it	Nê-grô-it	Ơ-rô-pê-ô-it	Ô-xtra-lô-it
Màu da	Vàng	Đen hoặc nâu	Trắng	Nâu
Tóc	Màu đen và thẳng	Màu đen và xoăn	Màu nâu, vàng và gợn sóng	Màu đen và gợn sóng
Mắt	Nhỏ, màu nâu đen	Tóc và màu đen	To và màu nâu, xanh	Màu đen
Mũi	Thấp và cánh mũi rộng	Thấp và cánh mũi rộng	Cao và sống mũi thẳng	Cánh mũi rộng và sống mũi gầy

2.2.2. Nhiệm vụ 2: Tìm hiểu về sự phân bố của các chủng tộc

a) Mục tiêu

– Sử dụng lược đồ và trình bày được sự phân bố của các chủng tộc trên thế giới.

– Biết ứng xử phù hợp thể hiện sự tôn trọng sự khác biệt chủng tộc.

b) Tổ chức thực hiện

♦ *Phương pháp – kĩ thuật dạy học – phương tiện dạy học:* phương pháp sử dụng phương tiện trực quan – kĩ thuật đặt câu hỏi – lược đồ phân bố các chủng tộc chính trên thế giới treo tường.

♦ *Thời gian:* 15 phút.

♦ *Các bước tiến hành:*

- Bước 1: GV yêu cầu HS đọc thông tin mục 2.b), quan sát hình 2 trang 100, làm việc cá nhân để trả lời các câu hỏi sau: Trình bày sự phân bố của các chủng tộc chính trên thế giới.
- Bước 2: HS hoạt động cá nhân, quan sát hình 2 và đọc thông tin để tìm kiếm câu trả lời.
- Bước 3: GV tổ chức cho cả lớp thảo luận: GV gọi 1 – 2 HS lên bảng trình bày sự phân bố của các chủng tộc chính với lược đồ treo tường; các HS khác quan sát, lắng nghe, nhận xét và bổ sung (nếu có).
- Bước 4: GV nhận xét, đánh giá, sau đó chuẩn lại kiến thức:
 - + Chủng tộc Môn-gô-lô-it phân bố chủ yếu ở châu Á và châu Mỹ.
 - + Chủng tộc Nê-grô-it phân bố chủ yếu ở châu Phi.
 - + Chủng tộc Ô-rô-pê-ô-it phân bố chủ yếu ở châu Âu, châu Mỹ và châu Đại Dương.
 - + Chủng tộc Ô-xtra-lô-it phân bố chủ yếu ở châu Đại Dương.
- Bước 5: Mở rộng: GV tổ chức cho HS đọc mục Em có biết? trang 100 và đoạn thông tin cuối trong SGK mục 2b, GV nhấn mạnh đến việc *các chủng tộc trên thế giới đã có sự di chuyển và chung sống cùng nhau. Đặc biệt, các chủng tộc sinh ra trên thế giới đều có quyền như nhau và hoàn toàn bình đẳng, do vậy mỗi người cần có ứng xử phù hợp để tôn trọng sự khác biệt.*

3. Hoạt động luyện tập

a) Mục tiêu

Hệ thống lại kiến thức và luyện tập.

b) Tổ chức thực hiện

- ♦ *Phương pháp – kĩ thuật dạy học:* phương pháp đàm thoại gợi mở – kĩ thuật vẽ sơ đồ tư duy.
- ♦ *Thời gian:* 25 phút.
- ♦ *Các bước tiến hành:*
 - Bước 1: GV yêu cầu làm việc cá nhân, thực hiện nhiệm vụ ở phần luyện tập trang 100 trong SGK:
 - + Dựa vào bảng số dân thế giới và các châu lục năm 2021, hãy sắp xếp số dân các châu lục trên thế giới theo thứ tự từ nhỏ đến lớn.
 - + Hãy vẽ sơ đồ về đặc điểm ngoại hình và sự phân bố của bốn chủng tộc trên thế giới. GV đưa ra các tiêu chí đánh giá cho nhiệm vụ số 2 để HS định hướng cách trình bày phù hợp.
 - Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ vào vở ghi hoặc ra giấy (với nhiệm vụ số 2) trong thời gian 20 phút.

- Bước 3: GV tổ chức cho HS thảo luận cả lớp:
- + GV gọi 1–2 HS sắp xếp số dân các châu lục trên thế giới theo thứ tự từ nhỏ đến lớn, các bạn HS khác lắng nghe, nhận xét và bổ sung (nếu có).
- + GV tổ chức cho HS trao đổi sơ đồ và đánh giá, chấm điểm lẫn nhau dựa trên các tiêu chí nội dung và hình thức dưới đây.

TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ SẢN PHẨM SƠ ĐỒ TƯ DUY CỦA HỌC SINH

STT	Tiêu chí		Điểm
1	Nội dung	– Nội dung thông tin đầy đủ, chính xác	3
		– Bố cục mạch lạc, lô gíc	2
2	Hình thức	– Trình bày sản phẩm sạch sẽ, dễ nhìn	3
		– Có sử dụng màu sắc, hình ảnh để minh họa cho thông tin	2

- Bước 4: GV nhận xét, đánh giá phần đánh giá lẫn nhau của HS, và rút kinh nghiệm (nếu có). Sau đó, GV chuẩn kiến thức.

4. Hoạt động vận dụng

a) Mục tiêu

Vận dụng kiến thức đã học để thực hiện việc tìm hiểu và mở rộng kiến thức

b) Tổ chức thực hiện

- ◆ *Phương pháp dạy học:* phương pháp giải quyết vấn đề.
- ◆ *Thời gian:* HS thực hiện ở nhà, thời gian linh hoạt.
- ◆ *Các bước tiến hành:*
 - Bước 1: GV yêu cầu HS làm việc cá nhân ở nhà, thực hiện nhiệm vụ: *Hãy viết một đoạn văn (5 – 7 câu) thể hiện suy nghĩ của em về việc tôn trọng sự khác biệt chủng tộc.*
 - Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ ở nhà (có thể trình bày vào vở và tạo ra một sản phẩm riêng), sau đó mang lên lớp để trao đổi với GV và các bạn vào buổi học tiếp theo.
 - Bước 3: GV tổ chức cho HS trao đổi đoạn văn, nhận xét và đánh giá lẫn nhau. Sau đó, GV chọn 2 – 3 đoạn văn được bạn đánh giá tốt để chia sẻ với cả lớp, từ đó yêu cầu HS rút ra thông điệp về việc tôn trọng sự khác biệt chủng tộc.
 - Bước 4: GV nhận xét và đánh giá hoạt động vận dụng của cả lớp, đồng thời nhấn mạnh về việc cần biết yêu thương với những người có đặc điểm ngoại hình khác với mình.

Bài 24 VĂN MINH AI CẬP

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

1. Về kiến thức

- Xác định được vị trí địa lí của nước Ai Cập hiện nay trên bản đồ hoặc lược đồ.
- Sưu tầm một số tư liệu (tranh ảnh, câu chuyện lịch sử,...), tìm hiểu và mô tả được một số thành tựu tiêu biểu của văn minh Ai Cập: kim tự tháp, đồng hồ mặt trời,...
- Sưu tầm và kể lại được một số câu chuyện về kim tự tháp và pha-ra-ông,...

2. Về kiến thức

- Năng lực chung:
 - + Tự chủ và tự học thông qua các hoạt động học tập mang tính cá nhân, tự lực làm những nhiệm vụ học tập được giao trên lớp và ở nhà.
 - + Giao tiếp và hợp tác thông qua hoạt động nhóm để hoàn thành các nhiệm vụ học tập.
 - + Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo thông qua việc sưu tầm tư liệu để mô tả được một số thành tựu của Ai Cập.
- Năng lực đặc thù:
 - + Năng lực nhận thức khoa học Lịch sử và Địa lí thông qua việc xác định vị trí địa lí của Ai Cập hiện nay trên lược đồ hoặc bản đồ; mô tả được một số thành tựu tiêu biểu của văn minh Ai Cập: kim tự tháp, đồng hồ mặt trời,...; kể lại được một số câu chuyện về kim tự tháp và pha-ra-ông,...
 - + Năng lực vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học thông qua sưu tầm được một số câu chuyện về kim tự tháp và pha-ra-ông,...

3. Phẩm chất

- Trân trọng những giá trị văn hoá của Ai Cập nói riêng và nhân loại nói chung.
- Có ý thức tuyên truyền, giới thiệu những giá trị văn hoá nhân loại.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- Bản đồ hoặc lược đồ Ai Cập ngày nay.
- Video, tranh ảnh về một số thành tựu của văn minh Ai Cập cổ đại và một số câu chuyện lịch sử có liên quan đến kim tự tháp và các pha-ra-ông.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

1. Hoạt động khởi động

a) Mục tiêu

Kết nối những điều HS đã biết với những điều HS chưa biết, tạo tâm thế hứng khởi, kích thích sự tò mò của HS để dẫn dắt vào bài mới.

b) Tổ chức thực hiện

♦ *Phương pháp – kĩ thuật dạy học:* phương pháp sử dụng phương tiện trực quan – kĩ thuật đặt câu hỏi.

♦ *Thời gian:* 5 phút.

♦ *Các bước tiến hành:*

– Bước 1: GV yêu cầu HS quan sát hình 1 trong SGK và giới thiệu: Đây là Kim tự tháp và tượng Nhân sư ở Ghi-da – thành tựu tiêu biểu của văn minh Ai Cập cổ đại. Sau đó đặt câu hỏi: *Em biết thành tựu nào khác của nền văn minh này? Chia sẻ với bạn những điều em biết về thành tựu đó.*

– Bước 2: HS đọc và suy nghĩ để trả lời câu hỏi bằng cách ghi ra giấy nháp, sau đó trao đổi với bạn bên cạnh.

– Bước 3: GV gọi 2 – 3 HS lần lượt đưa ra câu trả lời, các HS khác lắng nghe, nhận xét và bổ sung thêm thông tin (nếu có).

– Bước 4: GV nhận xét hoạt động của cá nhân HS và trao đổi của cả lớp, sau đó chuẩn kiến thức và dẫn dắt vào bài học mới.

2. Hoạt động Khám phá

2.1. Hoạt động 1. Tìm hiểu về vị trí địa lí và một số thành tựu tiêu biểu

a) Mục tiêu

– HS xác định được vị trí địa lí của Ai Cập hiện nay.

– Kể tên và mô tả được một số thành tựu tiêu biểu của văn minh Ai Cập.

b) Tổ chức thực hiện

2.1.1. Nhiệm vụ 1: Tìm hiểu về vị trí địa lí của Ai Cập

♦ *Phương pháp – kĩ thuật dạy học:* phương pháp quan sát; sử dụng phương tiện trực quan – kĩ thuật động não, đặt câu hỏi.

♦ *Thời gian:* 10 phút.

♦ *Các bước tiến hành:*

– Bước 1. GV yêu cầu HS đọc thông tin trong mục, kết hợp quan sát lược đồ hình 2, làm việc nhóm và thực hiện nhiệm vụ: *Xác định vị trí địa lí của nước Ai Cập hiện nay.*

– Bước 2: HS làm việc theo nhóm theo quy trình sau:

+ HS làm việc cá nhân bằng cách đọc thông tin, quan sát lược đồ hình 2, ghi lại thông tin ra giấy nhớ.

+ HS trao đổi với các bạn trong nhóm và thống nhất ý kiến.

– Bước 3: GV tổ chức thảo luận cả lớp: GV treo bản đồ Ai Cập hiện nay lên bảng, mời đại diện một số nhóm lên chỉ vị trí của Ai Cập ngày nay. Các nhóm khác theo dõi, đánh giá và bổ sung (nếu có).

– Bước 4: GV nhận xét, đánh giá về hoạt động thảo luận của cả lớp. Sau đó, GV xác định lại trên lược đồ vị trí Ai Cập hiện nay: nằm ở vùng Đông Bắc châu Phi, nơi có dòng sông Nin chảy qua; tiếp giáp với Địa Trung Hải, Biển Đỏ, Xu-đăng và Li-bi, nhấn mạnh vai trò của sông Nin đối với văn minh Ai Cập.

2.1.2. Nhiệm vụ 2: Tìm hiểu về một số thành tựu tiêu biểu

♦ *Phương pháp – kĩ thuật dạy học:* phương pháp quan sát – kĩ thuật động não, đặt câu hỏi.

♦ *Thời gian:* 15 phút.

♦ *Các bước tiến hành:*

– Bước 1: GV yêu cầu HS quan sát hình 1, kết hợp đọc thông tin, thảo luận nhóm yêu cầu: *Kể tên và mô tả một số thành tựu tiêu biểu của văn minh Ai Cập.*

– Bước 2: HS làm việc nhóm: Mỗi HS sẽ khai thác thông tin trước, sau đó trao đổi với bạn cùng nhóm để thống nhất ý kiến.

– Bước 3:

+ GV mời đại diện một số nhóm kể tên một số thành tựu tiêu biểu và mô tả thành tựu mà các em lựa chọn. Các bạn khác lắng nghe, góp ý và bổ sung.

+ GV khuyến khích HS kể và mô tả những thành tựu khác mà các em sưu tầm, tìm hiểu được.

– Bước 4: GV nhận xét phần trình bày của các nhóm, có thể trình chiếu hình ảnh kim tự tháp, mô tả cụ thể để HS hình dung được quy mô của công trình kiến trúc vĩ đại này. Tương tự, GV cũng có thể mô tả cách thức người Ai Cập phát minh ra đồng hồ mặt trời bằng và phân tích ý nghĩa của phát minh để HS ghi nhớ kiến thức vừa học.

GV cũng có thể giới thiệu thêm một số thành tựu tiêu biểu khác của văn minh Ai Cập như: tượng nhân sư, chữ viết, giấy pa-pi-rút, thiên văn học, y học,... để mở rộng kiến thức về văn minh Ai Cập cho HS.

2.2. Hoạt động 2. Kể chuyện về kim tự tháp và pha-ra-ông

a) Mục tiêu

HS biết sưu tầm thêm tư liệu và kể lại được câu chuyện về kim tự tháp và pha-ra-ông; nêu được cảm nghĩ của bản thân về câu chuyện đã kể.

b) Tổ chức thực hiện

♦ *Phương pháp – kĩ thuật dạy học:* phương pháp kể chuyện – kĩ thuật đặt câu hỏi.

♦ *Thời gian:* 15 phút.

♦ *Các bước tiến hành:*

– Bước 1: GV hướng dẫn HS đọc câu chuyện “Xây dựng kim tự tháp Kê-ốp” và “Nữ hoàng Cờ-lê-ô-pát”, sau đó thảo luận nhóm để thực hiện nhiệm vụ: *Kể lại với bạn trong nhóm và nêu cảm nghĩ của mình về câu chuyện đó.*

– Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ theo quy trình như sau:

+ Chọn câu chuyện dự định kể.

+ Đọc câu chuyện và viết ra giấy những nội dung sẽ trình bày.

+ Thống nhất ý kiến và cử đại diện trình bày.

– Bước 3: GV gọi đại diện 2 nhóm HS kể chuyện. Mỗi nhóm kể về một câu chuyện, sau đó nêu cảm nghĩ về câu chuyện.

– Bước 4: GV cho các nhóm HS tự đánh giá, nhận xét chéo về hoạt động kể chuyện của các cá nhân, các nhóm. Ở hoạt động này, GV rèn cho HS kĩ năng kể chuyện lịch sử. Vì vậy, trong quá trình HS báo cáo nhiệm vụ, GV hướng dẫn HS đứng trình bày và các biểu cảm thể nào cho hấp dẫn.

BẢNG KIỂM TỰ ĐÁNH GIÁ VÀ ĐÁNH GIÁ LẦN NHAU

STT	Nội dung	Có/không
1	Nội dung câu chuyện đúng, đầy đủ, hấp dẫn.	
2	Giọng kể chuyện rõ ràng, mạch lạc, có cảm xúc.	
3	Có sử dụng điệu bộ, cử chỉ phù hợp với câu chuyện.	

+ GV nhận xét phần mô tả của HS, sử dụng tranh ảnh trong SGK (có thể sưu tầm thêm) được chiếu trên màn hình hoặc gắn lên bảng. Sau đó, GV chốt lại nội dung: Sự tồn tại của kim tự tháp và các pha-ra-ông thể hiện sự sáng tạo và tài năng của người Ai Cập cổ đại.

3. Hoạt động luyện tập

a) Mục tiêu

– Củng cố lại nội dung bài học.

– Kiểm tra mức độ HS đạt được mục tiêu bài học.

b) Tổ chức thực hiện

Nhiệm vụ 1:

♦ *Phương pháp – kĩ thuật dạy học:* phương pháp đàm thoại – kĩ thuật đặt câu hỏi.

♦ *Thời gian:* 10 phút.

♦ *Các bước tiến hành:*

– Bước 1: GV yêu cầu HS thảo luận và thực hiện nhiệm vụ 1: *Mô tả một thành tựu văn minh khác của Ai Cập theo tự liệu mà em sưu tầm được.*

Gợi ý: Thành tựu về chữ viết, toán học, kĩ thuật ướp xác,...

– Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ vào vở thời gian 10 phút.

– Bước 3:

+ GV tổ chức cho HS trình bày sản phẩm đã hoàn thành ngay tại lớp, mời một số nhóm đã hoàn thành lên giới thiệu trước lớp thành tựu đã sưu tầm được. Tùy theo khả năng, điều kiện và thông tin HS sưu tầm được, các em có thể xây dựng nội dung mô tả (ở mức độ đơn giản) về thành tựu đó.

+ GV cho các nhóm HS tự đánh giá, nhận xét chéo về phần trình bày.

– Bước 4: GV nhận xét, đánh giá phần tìm hiểu thông tin của cả lớp.

Nhiệm vụ 2:

♦ *Phương pháp – kĩ thuật dạy học:* phương pháp đàm thoại – kĩ thuật đặt câu hỏi.

♦ *Thời gian:* 10 phút.

♦ *Các bước tiến hành:*

– Bước 1: GV yêu cầu HS làm việc cá nhân thực hiện nhiệm vụ: *Em ấn tượng với thành tựu văn minh nào của Ai Cập cổ đại? Vì sao?*

– Bước 2:

+ HS lựa chọn thành tựu mình ấn tượng.

+ HS suy nghĩ, lí giải được lí do mình ấn tượng với thành tựu.

– Bước 3: GV gọi bất kì 2 – 3 HS bất kì lên chia sẻ trước lớp.

– Bước 4: GV nhận xét và đánh giá phần trình bày của HS.

4. Hoạt động vận dụng

a) Mục tiêu

HS vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học để giải quyết nhiệm vụ trong học tập và thực tế cuộc sống.

b) Tổ chức thực hiện

♦ *Phương pháp dạy học:* phương pháp giải quyết vấn đề.

♦ *Thời gian:* HS thực hiện ở nhà, thời gian linh hoạt.

♦ *Các bước tiến hành:*

– Bước 1: GV yêu cầu HS làm việc cá nhân ở nhà, thực hiện nhiệm vụ: *Tìm hiểu qua sách, báo, internet,... kể tên một số thành tựu văn minh Ai Cập vẫn được bảo tồn đến ngày nay.*

– Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ ở nhà (có thể trình bày vào vở và tạo ra một sản phẩm riêng), sau đó mang lên lớp trao đổi với cô và các bạn vào buổi học tiếp theo.

GV hướng dẫn HS để được một số thành tựu của Ai Cập vẫn được bảo tồn đến nay như: Giấy pa-pi-rút, kĩ thuật ướp xác,...

– Bước 3: GV tổ chức cho HS chia sẻ kết quả thực hiện nhiệm vụ ở nhà.

– Bước 4: GV nhận xét và đánh giá phần tìm hiểu thông tin của cả lớp.

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

1. Kiến thức

- Xác định được vị trí địa lí của nước Hy Lạp hiện nay trên bản đồ hoặc lược đồ.
- Sưu tầm một số tư liệu (tranh ảnh, câu chuyện lịch sử,...), tìm hiểu và mô tả được một số thành tựu tiêu biểu về kiến trúc, điêu khắc,... của văn minh Hy Lạp.
- Sưu tầm và kể lại được một số câu chuyện về lịch sử Ô-lim-píc, về các vị thần của Hy Lạp.

2. Năng lực

- Năng lực chung:
 - + Tự chủ và tự học thông qua các hoạt động học tập mang tính cá nhân, tự lực làm những nhiệm vụ học tập được giao trên lớp và ở nhà.
 - + Giao tiếp và hợp tác thông qua hoạt động nhóm với các bạn để hoàn thành các nhiệm vụ học tập.
- Năng lực đặc thù:
 - + Năng lực nhận thức khoa học Lịch sử và Địa lí thông qua việc xác định vị trí địa lí của Hy Lạp hiện nay trên bản đồ hoặc lược đồ; tìm hiểu và mô tả được một số thành tựu tiêu biểu về kiến trúc, điêu khắc,... của văn minh Hy Lạp; kể lại được một số câu chuyện về lịch sử Ô-lim-píc, về các vị thần của Hy Lạp.
 - + Năng lực vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học thông qua việc sưu tầm được một số câu chuyện về lịch sử Ô-lim-píc, về các vị thần của Hy Lạp.

3. Phẩm chất

Thông qua bài học, HS biết trân trọng những giá trị văn hoá của Hy Lạp nói riêng và nhân loại nói chung. Từ đó, HS có ý thức tuyên truyền, giới thiệu những giá trị văn hoá nhân loại.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- Bản đồ hoặc lược đồ Hy Lạp ngày nay.
- Video, tranh ảnh về một số thành tựu của văn minh Hy Lạp cổ đại và một số câu chuyện về lịch sử Ô-lim-píc, về các vị thần của Hy Lạp.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

1. Hoạt động khởi động

a) Mục tiêu

Kết nối những điều HS đã biết với những điều HS chưa biết, tạo tâm thế hứng khởi, kích thích sự tò mò của HS để dẫn dắt vào bài mới.

b) Tổ chức thực hiện

◆ *Phương pháp – kĩ thuật dạy học:* phương pháp đàm thoại – kĩ thuật đặt câu hỏi

◆ *Thời gian:* 5 phút.

◆ *Các bước tiến hành:*

+ Bước 1: GV yêu cầu HS quan sát hình 1 trang 105 SGK và giới thiệu: Đây là biểu tượng của Thế vận hội Ô-lim-píc (Olympic). Sau đó, GV đặt câu hỏi yêu cầu: *Theo em, sự kiện thể thao lớn nhất hành tinh này được khởi nguồn từ nền văn minh cổ đại nào? Hãy chia sẻ những điều em biết về nền văn minh đó.*

– Bước 2: HS làm việc cá nhân, suy nghĩ để trả lời bằng cách ghi ra giấy nháp, sau đó trao đổi với bạn bên cạnh.

– Bước 3: GV gọi 2 – 3 HS lần lượt đưa ra câu trả lời, các HS khác lắng nghe, nhận xét và bổ sung thông tin (nếu có).

– Bước 4: GV nhận xét hoạt động của cá nhân HS và trao đổi của cả lớp, sau đó chốt lại nội dung: Thế vận hội Ô-lim-píc là sự kiện thể thao lớn nhất hành tinh được khởi nguồn từ nền văn minh Hy Lạp cổ đại. Nền văn minh này đã có nhiều thành tựu quan trọng đóng góp lớn cho nhân loại trên nhiều lĩnh vực. Vậy những thành tựu đó là gì, chúng ta cùng tìm hiểu bài học hôm nay nhé.

2. Khám phá

2.1. Hoạt động 1. Tìm hiểu về vị trí địa lí và một số thành tựu tiêu biểu

2.1.1. Nhiệm vụ 1: Tìm hiểu về vị trí địa lí

a) Mục tiêu

HS xác định được vị trí địa lí của Hy Lạp hiện nay trên bản đồ hoặc lược đồ.

b) Tổ chức thực hiện

◆ *Phương pháp – kĩ thuật dạy học:* phương pháp sử dụng phương tiện trực quan – kĩ thuật đặt câu hỏi.

◆ *Thời gian:* 10 phút.

◆ *Các bước tiến hành:*

– Bước 1: GV yêu cầu HS đọc thông tin trong mục kết hợp quan sát hình 2 trang 106, làm việc cá nhân và thực hiện yêu cầu: *Xác định vị trí địa lí của nước Hy Lạp hiện nay.*

– Bước 2: HS làm việc cá nhân và làm việc với lược đồ trong SGK, sau đó trao đổi với bạn bên cạnh.

– Bước 3: GV tổ chức thảo luận cả lớp: GV treo lược đồ Hy Lạp ngày nay lên bảng, mời đại diện một số nhóm lên xác định vị trí địa lí của Hy Lạp trên lược đồ, các HS khác quan sát, nhận xét và bổ sung (nếu có).

– Bước 4: GV nhận xét, đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ của cả lớp và xác định lại trên lược đồ vị trí của Hy Lạp hiện nay và chốt lại nội dung: Hy Lạp ngày nay nằm ở phía nam châu Âu, phía bắc tiếp giáp An-ba-ni (Albania), Bắc Ma-xê-đô-ni-a (Macedonia) và Bun-ga-ri (Bulgaria); phía đông và nam giáp Thổ Nhĩ Kỳ và biển Ê-giê (Aegea); phía tây giáp biển I-ô-ni (Ionia).

2.1.2. Nhiệm vụ 2: Tìm hiểu về một số thành tựu của văn minh Hy Lạp

a) Mục tiêu

HS kể tên và mô tả được một số thành tựu tiêu biểu của văn minh Hy Lạp cổ đại.

b) Tổ chức thực hiện

♦ *Phương pháp – kĩ thuật dạy học:* phương pháp động não – kĩ thuật đặt câu hỏi.

♦ *Thời gian:* 10 phút.

♦ *Các bước tiến hành:*

– Bước 1:

+ GV giới thiệu cho HS: Văn minh Hy Lạp cổ đại có những đóng góp lớn cho nhân loại trên nhiều lĩnh vực như: chữ viết, văn học, khoa học, kĩ thuật và các thành tựu về kiến trúc, điêu khắc,...

+ GV tổ chức cho HS hoạt động nhóm, đọc thông tin trong mục và thực hiện yêu cầu: *Kể tên và mô tả một số thành tựu tiêu biểu của văn minh Hy Lạp cổ đại.*

– Bước 2: HS làm việc nhóm theo quy trình sau:

+ Mỗi nhóm chọn một thành tựu dự định mô tả.

+ Thảo luận những nội dung mô tả.

+ Thống nhất nội dung mô tả và cử đại diện trình bày.

– Bước 3:

+ GV mời đại diện các nhóm kể tên một số thành tựu tiêu biểu và mô tả một thành tựu. Các bạn khác lắng nghe, góp ý và bổ sung (nếu có).

+ Khi HS trình bày, GV có thể chiếu hoặc gắn lên bảng hình ảnh về thành tựu đó.

– Bước 4: GV nhận xét phần trình bày của các nhóm. GV có thể giới thiệu thêm một số thành tựu tiêu biểu khác của văn minh Hy Lạp như: chữ viết, văn học, khoa học, kĩ thuật và kiến trúc, điêu khắc,... để mở rộng kiến thức về văn minh Hy Lạp cho HS.

2.2. Hoạt động 2. Kể chuyện về các vị thần và lịch sử Ô-lim-píc

a) Mục tiêu

HS kể lại được câu chuyện về các vị thần và lịch sử Ô-lim-píc; nêu được cảm nghĩ của bản thân về câu chuyện đã kể.

b) Tổ chức thực hiện

◆ *Phương pháp – kĩ thuật dạy học:* phương pháp kể chuyện – kĩ thuật đặt câu hỏi.

◆ *Thời gian:* 15 phút.

◆ *Các bước tiến hành:*

– Bước 1: GV tổ chức cho HS hoạt động cặp đôi hoặc nhóm, đọc nội dung các câu chuyện *A-tê-na – nữ thần trí tuệ và tài năng và lịch sử Ô-lim-píc* để thực hiện yêu cầu: *Kể lại câu chuyện mà em ấn tượng? Vì sao?*

– Bước 2: HS làm việc theo nhóm theo quy trình sau:

+ HS làm việc cá nhân, đọc lại các câu chuyện.

+ Lựa chọn câu chuyện để kể.

– Bước 3: GV tổ chức cho các cặp đôi hoặc nhóm kể lại câu chuyện trước lớp. Các HS khác theo dõi, nhận xét và bổ sung ý kiến (nếu có). GV nên tách thành 2 nội dung để HS báo cáo:

+ Nội dung 1: Kể lại câu chuyện HS ấn tượng.

+ Nội dung 2: Giải thích lí do mình ấn tượng với câu chuyện đó.

– Bước 4: GV nhận xét phần kể chuyện và phần giải thích của HS. Sau đó, GV sử dụng tranh ảnh liên quan đến câu chuyện chốt lại nội dung.

3. Hoạt động luyện tập

a) Mục tiêu

– Củng cố lại nội dung bài học.

– Kiểm tra mức độ HS đạt được theo mục tiêu bài học.

b) Tổ chức thực hiện

◆ *Phương pháp – kĩ thuật dạy học:* phương pháp đàm thoại – kĩ thuật vẽ sơ đồ tư duy.

◆ *Thời gian:* 7 phút.

◆ *Các bước tiến hành:*

Câu 1.

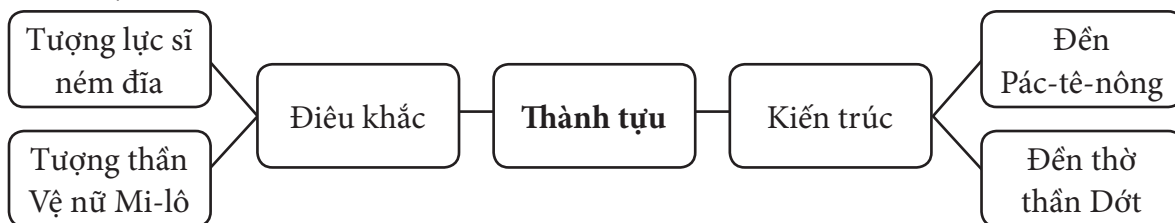
– Bước 1. GV hướng dẫn HS vẽ sơ đồ tư duy vào vở, làm việc cá nhân thực hiện yêu cầu.

– Bước 2: HS vẽ sơ đồ theo gợi ý SGK vào vở.

– Bước 3: GV tổ chức cho HS trình bày sản phẩm đã hoàn thành ngay tại lớp. Các bạn HS khác lắng nghe, nhận xét và bổ sung (nếu có).

– Bước 4: GV nhận xét, đánh giá sản phẩm của HS. Sau đó, GV hoàn thiện sơ đồ tư duy trên bảng và yêu cầu HS đối chiếu với sản phẩm của mình, tự đánh giá.

Gợi ý sơ đồ hoàn thành:



Câu 2.

Bước 1: GV yêu cầu HS thảo luận cặp đôi hoặc nhóm: *Em ấn tượng nhất với thành tựu nào của văn minh Hy Lạp cổ đại? Vì sao?*

– Bước 2:

+ HS thảo luận, lựa chọn thành tựu mình ấn tượng.

+ Giải thích lí do mình ấn tượng với thành tựu đó.

– Bước 3: GV tổ chức cho HS giới thiệu với bạn trong nhóm thành tựu văn minh ấn tượng và giải thích lí do bản thân ấn tượng với thành tựu đó.

– Bước 4: GV nhận xét và đánh giá kết quả thực hiện yêu cầu của HS.

4. Hoạt động vận dụng

a) Mục tiêu

HS vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học để giải quyết nhiệm vụ trong học tập và trong thực tế cuộc sống.

b) Tổ chức thực hiện

◆ *Phương pháp dạy học:* phương pháp giải quyết vấn đề.

◆ *Thời gian:* HS thực hiện ở nhà, thời gian linh hoạt.

◆ *Các bước tiến hành:*

– Bước 1: GV yêu cầu HS làm việc cá nhân ở nhà, chọn và thực hiện một trong hai nhiệm vụ phần vận dụng:

+ **Nhiệm vụ 1.** Sưu tầm tư liệu và giới thiệu về một thành tựu của văn minh Hy Lạp cổ đại còn được bảo tồn đến ngày nay.

+ **Nhiệm vụ 2.** Hãy tìm hiểu một thành tựu thuộc các lĩnh vực khác (Lịch sử, Toán học,...) của người Hy Lạp cổ đại và chia sẻ với bạn, người thân.

– Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ ở nhà (có thể trình bày vào vở và tạo ra một sản phẩm riêng), sau đó mang lên lớp để trao đổi với cô và các bạn vào buổi học tiếp theo.

– Bước 3: GV tổ chức cho HS trao đổi sản phẩm đã hoàn thành, nhận xét và đánh giá lẫn nhau. Sau đó, GV chọn 2 – 3 thành tựu được các bạn đánh giá tốt để chia sẻ với cả lớp.

CHỦ ĐỀ 6. CHUNG TAY XÂY DỰNG THẾ GIỚI

Bài 26 XÂY DỰNG THẾ GIỚI XANH – SẠCH – ĐẸP (2 TIẾT)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

1. Kiến thức

- Nêu được một số vai trò của thiên nhiên đối với cuộc sống con người.
- Sử dụng kiến thức lịch sử, địa lí kết hợp với một số tư liệu (tranh ảnh, câu chuyện,...), liệt kê và trình bày được một số vấn đề môi trường (ví dụ: thiên tai, biến đổi khí hậu, suy giảm tài nguyên thiên nhiên, ô nhiễm môi trường,...).
- Đề xuất được ở mức độ đơn giản một số biện pháp để xây dựng thế giới xanh – sạch – đẹp.
- Thể hiện được sự quan tâm đến vấn đề môi trường trên thế giới qua hình thức vẽ tranh, viết thư,...

2. Năng lực

- Về năng lực chung: Bài học góp phần phát triển cho HS các năng lực:
 - + Năng lực tự chủ và tự học: tự lực làm những nhiệm vụ học tập được giao trên lớp và ở nhà.
 - + Năng lực giao tiếp và hợp tác: hợp tác và giao tiếp với các bạn trong các nhiệm vụ học tập.
 - + Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: phát hiện được vấn đề từ các nhiệm vụ học tập và tìm cách giải quyết chúng.
- Về năng lực đặc thù:
 - + Năng lực nhận thức khoa học Địa lí: nêu được vai trò của thiên nhiên đối với cuộc sống con người, liệt kê và trình bày được một số vấn đề môi trường.
 - + Năng lực tìm hiểu Địa lí: sử dụng kiến thức lịch sử, địa lí kết hợp với một số tư liệu (tranh ảnh, câu chuyện,...), liệt kê và trình bày được một số vấn đề môi trường.
 - + Năng lực vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học: vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học về một số vấn đề môi trường để đề xuất được ở mức độ đơn giản một số biện pháp để xây dựng thế giới xanh – sạch – đẹp và thể hiện được sự quan tâm đến vấn đề môi trường trên thế giới qua hình thức vẽ tranh, viết thư,...

3. Phẩm chất

Thông qua bài học, HS phát triển được phẩm chất chăm chỉ (thường xuyên hoàn thành các nhiệm vụ học tập, ham học hỏi, đọc sách mở rộng hiểu biết) và trách nhiệm (có trách nhiệm với việc bảo vệ thiên nhiên, môi trường sống xung quanh).

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- Hình ảnh hoặc video về vai trò của thiên nhiên với cuộc sống của con người, tác động và biểu hiện của một số vấn đề môi trường.
- Phiếu học tập tìm hiểu về một số vấn đề môi trường trên thế giới.
- Những câu chuyện, sự kiện liên quan đến các vấn đề môi trường.
- Bảng tiêu chí đánh giá sản phẩm học tập phần luyện tập và vận dụng.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

1. Hoạt động khởi động

a) Mục tiêu

Gây hứng thú cho HS, kết nối những điều học sinh đã biết vào bài học.

b) Tổ chức thực hiện

- ♦ *Phương pháp – kĩ thuật dạy học:* phương pháp đàm thoại gợi mở – kĩ thuật đặt câu hỏi.
- ♦ *Thời gian:* 5 phút.
- ♦ *Các bước tiến hành:*
 - Bước 1: GV yêu cầu HS dựa vào kiến thức của bản thân và trả lời câu hỏi: *Quan sát hình 1 trang 109 SGK và dựa vào hiểu biết của bản thân, hãy cho biết nếu Trái Đất tiếp tục nóng lên, điều gì sẽ xảy ra với các đối tượng trong ảnh?* trong thời gian 2 phút.
 - Bước 2: HS sử dụng hiểu biết của bản thân để trả lời câu hỏi trong SGK, sau đó trao đổi với bạn bên cạnh.
 - Bước 3: GV gọi 2 – 3 HS lên trả lời, các HS khác lắng nghe, nhận xét và bổ sung thêm ý kiến.
 - Bước 4: GV nhận xét câu trả lời của HS, đồng thời, GV sử dụng những câu trả lời của HS để dẫn dắt vào bài học.

2. Hoạt động khám phá

2.1. Hoạt động 1. Tìm hiểu về vai trò của thiên nhiên đối với cuộc sống con người

a) Mục tiêu

Nêu được một số vai trò của thiên nhiên đối với cuộc sống con người.

b) Tổ chức thực hiện

- ♦ *Phương pháp – kĩ thuật dạy học:* phương pháp đàm thoại gợi mở – kĩ thuật đặt câu hỏi.
- ♦ *Thời gian:* 7 phút.

♦ *Các bước tiến hành:*

– Bước 1: GV yêu cầu HS đọc thông tin trong mục 1 kết hợp hiểu biết của bản thân, làm việc cá nhân để trả lời các câu hỏi sau trong thời gian 3 phút:

+ Nêu vai trò của thiên nhiên đối với cuộc sống của con người.

+ Lấy ví dụ minh họa về một trong các vai trò của thiên nhiên.

– Bước 2: HS làm việc cá nhân, đọc thông tin để trả lời các câu hỏi.

– Bước 3: GV tổ chức cho HS thảo luận cả lớp:

+ GV gọi 1 – 2 HS nêu vai trò của thiên nhiên đối với cuộc sống của con người, các HS khác lắng nghe, nhận xét và bổ sung (nếu có).

+ GV gọi 1 – 2 HS lấy ví dụ minh họa về một trong các vai trò của thiên nhiên đối với cuộc sống của con người, các HS khác lắng nghe, nhận xét và bổ sung (nếu có).

– Bước 4: GV nhận xét, đánh giá hoạt động học của cả lớp, và chuẩn kiến thức:

+ Thiên nhiên là không gian sinh sống (VD: con người xây dựng nhà cửa để sinh sống trên bề mặt Trái Đất).

+ Thiên nhiên cung cấp nguồn tài nguyên cần thiết cho hoạt động sản xuất và sinh hoạt của con người (VD: con người khai thác các tài nguyên thiên nhiên như khoáng sản làm nguyên liệu để sản xuất kinh tế, tài nguyên sinh vật để làm thức ăn và sản xuất,...).

+ Thiên nhiên là nơi chứa đựng các chất thải do con người tạo ra (VD: Các rác thải từ sinh hoạt và sản xuất được lưu giữ ở các bãi rác,...).

2.2. Hoạt động 2. Tìm hiểu về một số vấn đề môi trường trên thế giới

a) Mục tiêu

Sử dụng kiến thức lịch sử, địa lí kết hợp với một số tư liệu (tranh ảnh, câu chuyện,...), liệt kê và trình bày được một số vấn đề môi trường (ví dụ: thiên tai, biến đổi khí hậu, suy giảm tài nguyên thiên nhiên, ô nhiễm môi trường,...).

b) Tổ chức thực hiện

♦ *Phương pháp – kĩ thuật dạy học:* phương pháp làm việc nhóm – kĩ thuật khăn trải bàn.

♦ *Thời gian:* 30 phút.

♦ *Các bước tiến hành:*

– Bước 1: GV chia HS thành các nhóm (mỗi nhóm 4 – 6 HS mỗi nhóm) và yêu cầu các nhóm hoàn thành phiếu học tập sau trong thời gian 15 phút.

PHIẾU HỌC TẬP TÌM HIỂU VỀ MỘT SỐ VẤN ĐỀ MÔI TRƯỜNG TRÊN THẾ GIỚI

Nhiệm vụ: Đọc thông tin mục 2, quan sát các hình từ 2 đến 5 trang 101, 102, làm việc theo nhóm trong thời gian 15 để hoàn thành phiếu học tập dưới đây:

+ Một số vấn đề môi trường con người đang phải đối mặt là:

.....
.....

+ Cho các thông tin sau: *sự nóng lên toàn cầu và mực nước biển dâng; gia tăng các loại dịch bệnh; diện tích rừng tự nhiên giảm; gây thiệt hại về người và tài sản; số lượng cá thể, loài sinh vật giảm; làm suy giảm sức khỏe của con người; ảnh hưởng tới sinh hoạt và hoạt động sản xuất của con người; gây thiệt hại về kinh tế, môi trường; môi trường đất, nước, không khí,... một số nơi bị biến đổi theo chiều hướng xấu; làm mất môi trường sống của nhiều loài sinh vật; tài nguyên khoáng sản dần cạn kiệt; suy giảm đa dạng sinh học; các loại thiên tai như bão, lũ, động đất, sóng thần, núi lửa, hạn hán,... xuất hiện ngày càng nhiều; làm suy giảm sức khỏe của con người.*

Hãy ghép các thông tin trên về biểu hiện và tác động tương ứng với từng vấn đề môi trường.

Thiên tai, biến đổi khí hậu, sự suy giảm tài nguyên thiên nhiên, ô nhiễm môi trường.

– Bước 2: HS hoạt động theo nhóm bằng cách như sau: mỗi HS sẽ dành thời gian làm việc cá nhân để trả lời các câu hỏi trong thời gian 5 phút, sau đó trao đổi với nhóm để thống nhất ý kiến trong thời gian 10 phút.

– Bước 3: GV tổ chức cho cả lớp thảo luận:

+ GV gọi 1 nhóm HS kể tên một số vấn đề môi trường con người đang phải đối mặt, các nhóm HS khác lắng nghe, nhận xét và bổ sung (nếu có).

+ GV lần lượt gọi các nhóm ghép nối thông tin về biểu hiện và tác động với vấn đề môi trường tương ứng, các HS không trình bày sẽ lắng nghe, nhận xét và bổ sung (nếu có).

– Bước 4: GV nhận xét hoạt động của các nhóm và thảo luận của cả lớp, sau đó chuẩn kiến thức.

Vấn đề môi trường	Biểu hiện	Tác động
Thiên tai	Các loại thiên tai như bão, lũ, động đất, sóng thần, núi lửa, hạn hán,... xuất hiện ngày càng nhiều	Gây thiệt hại về người và tài sản, đồng thời ảnh hưởng tới sinh hoạt và hoạt động sản xuất của con người
Biến đổi khí hậu	Sự nóng lên toàn cầu và mực nước biển dâng	Làm suy giảm sức khỏe của con người và gây thiệt hại về kinh tế, môi trường
Suy giảm tài nguyên thiên nhiên	Diện tích rừng tự nhiên và số lượng cá thể, loài sinh vật giảm; tài nguyên khoáng sản dần cạn kiệt;...	Làm mất môi trường sống của nhiều loài sinh vật, suy giảm đa dạng sinh học và gây khó khăn cho sinh hoạt và sản xuất
Ô nhiễm môi trường	Môi trường đất, nước, không khí,... một số nơi bị biến đổi theo chiều hướng xấu	Gia tăng các loại dịch bệnh và làm suy giảm sức khỏe của con người

– Bước 5: Mở rộng: GV tổ chức cho HS phân tích các hình ảnh ở mục 2 và nêu suy nghĩ của HS về những sự kiện diễn ra trong những bức ảnh đó. GV nhấn mạnh đến các biểu hiện và tác động của các vấn đề môi trường đến cuộc sống con người.

2.3. Hoạt động 3. Tìm hiểu về biện pháp xây dựng thế giới xanh – sạch – đẹp

a) Mục tiêu

Đề xuất được ở mức độ đơn giản một số biện pháp để xây dựng thế giới xanh – sạch – đẹp.

b) Tổ chức thực hiện

♦ *Phương pháp – kĩ thuật dạy học:* phương pháp sử dụng phương tiện trực quan – kĩ thuật đặt câu hỏi.

♦ *Thời gian:* 10 phút.

♦ *Các bước tiến hành:*

– Bước 1: GV yêu cầu HS đọc thông tin mục 3, làm việc cá nhân để trả lời các câu hỏi sau trong thời gian 3 phút: *Hãy đề xuất một số biện pháp để xây dựng thế giới xanh – sạch – đẹp.*

– Bước 2: HS hoạt động cá nhân, đọc thông tin để tìm kiếm câu trả lời

– Bước 3: GV tổ chức cho cả lớp thảo luận: GV gọi 1 – 2 HS trình bày các biện pháp để xây dựng thế giới xanh – sạch – đẹp; các HS khác quan sát, lắng nghe, nhận xét và bổ sung (nếu có).

– Bước 4: GV nhận xét, đánh giá, sau đó chuẩn kiến thức:

+ Giáo dục ý thức bảo vệ môi trường.

+ Trồng rừng và bảo vệ rừng.

+ Khai thác và sử dụng tài nguyên tiết kiệm, hiệu quả.

+ Giữ gìn và bảo vệ môi trường sống.

+ Lựa chọn và thực hiện lối sống xanh.

– Bước 5: Mở rộng: GV yêu cầu HS nêu những hành động mà một HS có thể làm để xây dựng thế giới xanh – sạch – đẹp. Từ đó, GV nhấn mạnh: Tuổi nhỏ làm việc nhỏ, tùy theo sức của mình vẫn có ý nghĩa quan trọng với việc bảo vệ môi trường của nhân loại.

3. Hoạt động luyện tập

a) Mục tiêu

Hệ thống lại kiến thức và luyện tập.

b) Tổ chức thực hiện

♦ *Phương pháp – kĩ thuật dạy học:* phương pháp đàm thoại gợi mở – kĩ thuật vẽ sơ đồ tư duy.

♦ *Thời gian:* 20 phút.

♦ *Các bước tiến hành:*

- Bước 1: GV yêu cầu làm việc cá nhân, thực hiện nhiệm vụ: *Hãy vẽ sơ đồ về một vấn đề môi trường trên thế giới* trong thời gian 20 phút.
- Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ vào vở hoặc ra giấy.
- Bước 3: GV tổ chức cho HS trao đổi sơ đồ và đánh giá, chấm điểm lẫn nhau dựa trên các tiêu chí dưới đây về hình thức và nội dung.

TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ SẢN PHẨM SƠ ĐỒ TƯ DUY CỦA HỌC SINH

STT	Tiêu chí		Điểm
1	Nội dung	– Nội dung thông tin đầy đủ, chính xác	3
		– Bố cục mạch lạc, lô gic	2
2	Hình thức	– Trình bày sản phẩm sạch sẽ, dễ nhìn	3
		– Có sử dụng màu sắc, hình ảnh để minh họa cho thông tin	2

- Bước 4: GV nhận xét, đánh giá phần đánh giá lẫn nhau của HS và rút kinh nghiệm (nếu có). Sau đó, GV nhắc lại những nội dung trọng tâm của bài.

4. Hoạt động vận dụng

a) Mục tiêu

Vận dụng kiến thức đã học để thực hiện việc tìm hiểu và mở rộng kiến thức.

b) Tổ chức thực hiện

♦ *Phương pháp dạy học:* phương pháp giải quyết vấn đề.

♦ *Thời gian:* HS thực hiện ở nhà, thời gian linh hoạt.

♦ *Các bước tiến hành:*

- Bước 1: GV yêu cầu HS làm việc cá nhân, thực hiện nhiệm vụ: *Thông qua hình thức vẽ tranh hoặc viết thư, hãy mô tả lại một hoạt động bảo vệ môi trường mà em đã tham gia.*
- Bước 2: HS lựa chọn hình thức thể hiện và thực hiện nhiệm vụ ở nhà và sau đó mng sản phẩm đến lớp vào tiết sau.
- Bước 3: GV tổ chức cho các bạn HS chia sẻ về bức tranh hoặc bức thư, đồng thời cho các bạn HS nhận xét và đánh giá lẫn nhau theo các tiêu chí dưới đây.

TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ SẢN PHẨM HỌC TẬP CỦA HỌC SINH

STT	Tiêu chí		Điểm
1	Nội dung	– Đúng chủ đề về một số hoạt động môi trường mà HS đã tham gia	2
		– Mô tả bằng những hành động cụ thể	3
		– Cấu trúc sản phẩm rõ ràng, mạch lạc	1
2	Hình thức	– Trình bày sản phẩm sạch sẽ, dễ nhìn	3
		– Có sự sáng tạo trong hình thức thể hiện	1

- Bước 4: GV nhận xét và đánh giá về sản phẩm của HS và việc đánh giá lẫn nhau của các bạn HS.

Bài 27 XÂY DỰNG THẾ GIỚI HOÀ BÌNH (2 TIẾT)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

1. Kiến thức

- Sử dụng một số tư liệu (tranh ảnh, một số câu chuyện về Liên hợp quốc, truyền thuyết về chim bồ câu và cành ô liu, phong trào Chữ thập đỏ, Thế vận hội Ô-lim-píc,...), trình bày được mong ước và cố gắng của nhân loại trong việc xây dựng một thế giới hoà bình.
- Đề xuất được (ở mức độ đơn giản) một số biện pháp để xây dựng thế giới hoà bình.
- Thể hiện được một thế giới trong tương lai qua hình thức vẽ tranh, viết thư, kể chuyện,...

2. Năng lực

- Năng lực chung:
 - + Tự chủ và tự học thông qua các hoạt động học tập mang tính cá nhân, tự lực làm những nhiệm vụ học tập được giao trên lớp và ở nhà.
 - + Giao tiếp và hợp tác thông qua hoạt động nhóm với các bạn để hoàn thành trong các nhiệm vụ học tập.
 - + Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo thông qua việc thể hiện được một thế giới trong tương lai bằng hình thức vẽ tranh, viết thư, kể chuyện,...
- Năng lực đặc thù:
 - + Năng lực nhận thức và tư duy lịch sử thông qua việc trình bày được mong ước và cố gắng của nhân loại trong việc xây dựng một thế giới hoà bình.
 - + Năng lực vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học thông qua việc đề xuất được (ở mức độ đơn giản) một số biện pháp để xây dựng thế giới hoà bình.

3. Phẩm chất

Thông qua bài học, HS hình thành trách nhiệm bảo vệ và xây dựng một thế giới hoà bình. HS biết đồng cảm, chia sẻ với các bạn ở những vùng còn chiến tranh.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- Tranh ảnh, tư liệu liên quan về Liên hợp quốc, truyền thuyết về chim bồ câu và cành ô liu, phong trào Chữ thập đỏ, Thế vận hội Ô-lim-píc,...
- Tranh ảnh về các hoạt động hưởng ứng phong trào “Vì hoà bình thế giới”.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

1. Hoạt động khởi động

a) Mục tiêu

Kết nối những điều HS đã biết với những điều HS chưa biết, tạo tâm thế hứng khởi, kích thích sự tò mò của HS để dẫn dắt vào bài mới.

b) Tổ chức thực hiện

♦ *Phương pháp – kĩ thuật dạy học:* phương pháp sử dụng phương tiện trực quan – kĩ thuật đặt câu hỏi.

♦ *Thời gian:* 5 phút.

♦ *Các bước tiến hành:*

• Phương án 1:

– Bước 1: GV yêu cầu HS làm việc cá nhân, quan sát hình 1 trang 112 SGK và mô tả những điều em thấy trong bức tranh. Theo em, thông điệp của bức tranh là gì?

– Bước 2: HS quan sát, suy nghĩ để trả lời câu hỏi bằng cách ghi ra giấy nháp, sau đó trao đổi với bạn bên cạnh.

– Bước 3: GV gọi 2 – 3 HS lần lượt đưa ra câu trả lời, các HS khác lắng nghe, nhận xét và bổ sung thêm thông tin (nếu có).

– Bước 4: GV nhận xét hoạt động của cá nhân HS và trao đổi của cả lớp, sau đó chuẩn kiến thức và dẫn dắt vào bài học mới: Thế giới có năm châu bốn biển, dù khác màu da, khác châu lục nhưng toàn nhân loại đều mong ước chung sống trong một thế giới hoà bình. Hôm nay chúng mình cùng tìm hiểu nhân loại đã cùng chung tay xây dựng thế giới hoà bình như thế nào? Chúng mình cần làm gì để gìn giữ thế giới hoà bình nhé.

• Phương án 2:

– Bước 1: GV có thể cho HS cùng hát bài *Trái đất này là của chúng mình* và trả lời câu hỏi: *Nội dung bài hát nói về điều gì? Hình ảnh nào trong bài hát khiến em ấn tượng.*

– Bước 2: HS cùng nhau hát và tìm ra các dữ liệu để trả lời câu hỏi.

– Bước 3: GV gọi 2 – 3 HS lần lượt đưa ra câu trả lời, các HS khác lắng nghe, nhận xét và bổ sung thêm thông tin (nếu có).

– Bước 4: GV nhận xét hoạt động của cá nhân HS và trao đổi của cả lớp, sau đó chuẩn kiến thức và dẫn dắt vào bài học mới

Lưu ý: GV cũng có thể tổ chức khởi động theo cách sáng tạo của mình và phù hợp với đối tượng HS.

2. Hoạt động Khám phá

2.1. Hoạt động 1. Tìm hiểu về những hành động xây dựng thế giới hoà bình của nhân loại

a) Mục tiêu

HS trình bày được mong ước và cố gắng của nhân loại trong việc xây dựng một thế giới hoà bình.

b) Tổ chức thực hiện

♦ *Phương pháp – kĩ thuật dạy học:* phương pháp đàm thoại gợi mở – kĩ thuật đặt câu hỏi.

♦ *Thời gian:* 25 phút.

♦ *Các bước tiến hành:*

– Bước 1: GV tổ chức cho HS hoạt động nhóm, đọc nội dung mục 1 và thực hiện các nhiệm vụ: *Kể lại truyền thuyết về chim bồ câu và cành ô liu. Nêu mong ước của nhân loại qua Thế vận hội Ô-lim-píc và tổ chức Liên hợp quốc.*

– Bước 2: HS làm việc theo nhóm theo quy trình sau:

+ HS làm việc cá nhân bằng cách đọc lại *Truyền thuyết chim bồ câu và cành ô liu, Thế vận hội Ô-lim-píc và tổ chức Liên hợp quốc*. HS ghi lại thông tin ra giấy nhớ.

+ Sau đó, HS trao đổi với các bạn trong cặp và thống nhất ý kiến.

– Bước 3: GV tổ chức cho các nhóm trình bày kết quả trước lớp. Các nhóm khác theo dõi, nhận xét và bổ sung ý kiến (nếu có). GV nên tách thành 2 nội dung để HS báo cáo:

+ Nội dung 1: Kể chuyện truyền thuyết chim bồ câu và cành ô-liu.

+ Nội dung 2: Nêu mong ước của nhân loại qua Thế vận hội Ô-lim-píc và tổ chức Liên hợp quốc.

– Bước 4: GV nhận xét câu trả lời của các nhóm và chốt lại nội dung: Chim bồ câu và cành ô liu là biểu tượng cho khát vọng về hoà bình của nhân loại. Nhân loại thể hiện mong ước về hoà bình thông qua Thế vận hội Ô-lim-píc và tổ chức Liên hợp quốc.

+ Thế vận hội Ô-lim-píc là cuộc tranh tài thể thao giữa các quốc gia trên toàn thế giới, thể hiện sự liên kết, đoàn kết thống nhất và bình đẳng giữa các châu lục.

+ Liên hợp quốc là tổ chức được thành lập sau Chiến tranh thế giới thứ hai nhằm bảo vệ hoà bình và ngăn chặn các cuộc chiến tranh thế giới mới.

2.2. Hoạt động 2. Tìm hiểu một số biện pháp xây dựng thế giới hoà bình

a) Mục tiêu

HS đề xuất được ở mức độ đơn giản một số biện pháp để xây dựng thế giới hoà bình.

b) Tổ chức thực hiện

♦ *Phương pháp – kĩ thuật dạy học:* phương pháp đàm thoại gợi mở – kĩ thuật khăn trải bàn.

♦ *Thời gian:* 15 phút.

♦ *Các bước tiến hành:*

– Bước 1: GV tổ chức cho HS hoạt động nhóm, đọc nội dung mục 2, thảo luận và nêu một số biện pháp để xây dựng thế giới hoà bình. GV cũng có thể cho HS vẽ sơ đồ tư duy về các biện pháp để xây dựng thế giới hoà bình.

– Bước 2: GV tổ chức cho HS làm việc nhóm: Mỗi HS sẽ khai thác thông tin trước, sau đó có thể trao đổi với bạn cùng bàn để thống nhất ý kiến.

– Bước 3: GV tổ chức cho các nhóm HS báo cáo kết quả thảo luận trước lớp, các nhóm khác theo dõi, nhận xét và bổ sung ý kiến (nếu có). GV có thể cho HS liên hệ: *Là một HS, các em cần làm gì để góp phần xây dựng thế giới hoà bình?*

– Bước 4: GV nhận xét câu trả lời của các nhóm và chuẩn kiến thức về một số biện pháp để xây dựng thế giới hoà bình:

+ Thành lập các tổ chức đấu tranh vì hoà bình: Hội đồng Hoà bình thế giới, Toà án Công lí quốc tế,...

+ Tổ chức các hoạt động vì hoà bình: đi bộ, mít tinh, viết thư,...

+ HS có thể thực hiện một số biện pháp để xây dựng thế giới hoà bình, như: tìm hiểu và tích cực tham gia các hoạt động vì hoà bình; tuyên truyền ý thức bảo vệ hoà bình; xây dựng mối quan hệ đoàn kết, hữu nghị, nhân ái; không kì thị, phân biệt chủng tộc, màu da,...

3. Hoạt động luyện tập

a) Mục tiêu

– Củng cố lại nội dung bài học.

– Kiểm tra lại mục tiêu bài học xem HS đã đạt được chưa.

b) Tổ chức thực hiện

♦ *Phương pháp – kĩ thuật dạy học:* phương pháp động não – kĩ thuật đặt câu hỏi.

♦ *Thời gian:* 10 phút.

♦ *Các bước tiến hành:*

Câu 1. Hoàn thành bảng về ý nghĩa của các tổ chức, phong trào vì hoà bình thế giới.

– Bước 1: GV yêu cầu HS làm việc cá nhân, làm câu 1 phần Luyện tập.

– Bước 2: HS hoàn thành bảng theo gợi ý trong SGK vào vở.

- Bước 3: GV tổ chức cho HS trình bày bảng đã hoàn thành ngay tại lớp. Các HS khác lắng nghe, nhận xét và bổ sung (nếu có).
- Bước 4: GV nhận xét, đánh giá phần đánh giá lẫn nhau của HS và rút kinh nghiệm (nếu có).

BẢNG KIỂM TỰ ĐÁNH GIÁ VÀ ĐÁNH GIÁ LẦN NHAU VỀ BẢNG THỐNG KÊ

STT	Nội dung	Có/không
1	Hình thức bảng sạch sẽ, đúng nội dung.	
2	Đúng, đủ tên các tổ chức, phong trào.	
3	Nội dung trình bày đúng, đầy đủ về mục đích/ý nghĩa của các tổ chức, phong trào đó.	

Sau đó, GV chuẩn kiến thức:

STT	Tên tổ chức/phong trào	Mục đích/ý nghĩa
1	Liên hợp quốc	Giữ gìn, bảo vệ nền hoà bình và an ninh thế giới.
2	Thế vận hội Ô-lim-píc	Là cuộc tranh tài thể thao giữa các quốc gia trên toàn thế giới, nhằm củng cố sự đoàn kết, thống nhất, bình đẳng giữa các châu lục.
3	Phong trào Chữ thập đỏ	Tăng cường sự hiểu biết lẫn nhau, sự hợp tác, hữu nghị, hoà bình giữa các dân tộc trên thế giới.

Câu 2.

- Bước 1: GV yêu cầu HS làm việc cá nhân ở nhà: Vẽ một bức tranh với chủ đề “Em yêu hoà bình”.
- Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ ở nhà (có thể trình bày vào vở và tạo ra một sản phẩm riêng), sau đó mang lên lớp để trao đổi với cô và các bạn vào buổi học tiếp theo.
- Bước 3: GV tổ chức cho HS trưng bày tranh vẽ ở lớp, nhận xét và đánh giá lẫn nhau. Từ đó yêu cầu HS rút ra thông điệp cần cùng nhau chung tay xây dựng lớp học đoàn kết, trường học thân thiện để xây dựng thế giới hoà bình.
- Bước 4: GV nhận xét và đánh giá kết quả làm việc của cả lớp, đồng thời nhấn mạnh về việc cần biết chia sẻ, hoà thuận với các bạn trong lớp học.

4. Hoạt động vận dụng

a) Mục tiêu

HS vận dụng được kiến thức, kĩ năng đã học để giải quyết nhiệm vụ trong học tập và thực tiễn cuộc sống.

b) Tổ chức thực hiện

♦ *Phương pháp dạy học:* phương pháp giải quyết vấn đề.

♦ *Thời gian:* HS thực hiện ở nhà, thời gian linh hoạt.

♦ *Các bước tiến hành:*

– Bước 1: GV yêu cầu HS làm việc cá nhân ở nhà, chọn và thực hiện một trong hai nhiệm vụ phần vận dụng:

Câu 1. Hãy kể một hoạt động em đã tham gia (hoặc em biết) để góp phần xây dựng nền hoà bình thế giới.

Câu 2. Viết một bức thư (khoảng 10 câu) gửi cho bạn trong đó có đề xuất một số biện pháp để góp phần bảo vệ nền hoà bình thế giới.

– Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ ở nhà (có thể trình bày vào vở và tạo ra một sản phẩm riêng), sau đó mang lên lớp để trao đổi với cô và các bạn vào buổi học tiếp theo.

– Bước 3: GV tổ chức cho HS báo cáo kết quả:

+ HS kể tên hoạt động đã tham gia.

+ HS trao đổi bức thư đã hoàn thành, nhận xét và đánh giá lẫn nhau. Sau đó, GV chọn 2 – 3 bức thư được bạn đánh giá tốt để chia sẻ với cả lớp, từ đó yêu cầu HS rút ra thông điệp cần cùng nhau chung tay xây dựng lớp học đoàn kết, trường học thân thiện để xây dựng thế giới hoà bình.

– Bước 4: GV nhận xét và đánh giá phần vận dụng của cả lớp, đồng thời nhấn mạnh về việc cần biết chia sẻ, hoà thuận với các bạn trong lớp học.

Bài 28 ÔN TẬP (2 TIẾT)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

1. Kiến thức

Hệ thống và củng cố được kiến thức về khởi nghĩa Lam Sơn, Triều Hậu Lê, Triều Nguyễn, Cách mạng tháng Tám năm 1945, chiến dịch Điện Biên Phủ năm 1954, Chiến dịch Hồ Chí Minh năm 1975, công cuộc Đổi mới, các nước láng giềng (Trung Quốc, Lào, Cam-pu-chia, Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á), các châu lục và đại dương trên thế giới, dân số và các chủng tộc chính, văn minh Ai Cập, văn minh Hy Lạp, chung tay xây dựng thế giới xanh – sạch – đẹp và thế giới hoà bình.

2. Năng lực

– Năng lực chung:

+ Năng lực tự chủ và tự học: tự lực làm những nhiệm vụ học tập được giao trên lớp và ở nhà.

+ Năng lực giao tiếp và hợp tác với các bạn để thực hiện các nhiệm vụ học tập.

+ Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: phát hiện được vấn đề từ các nhiệm vụ học tập và tìm cách giải quyết chúng.

– Năng lực đặc thù:

+ Năng lực nhận thức khoa học Lịch sử và Địa lí: hệ thống và củng cố được kiến thức về khởi nghĩa Lam Sơn, Triều Hậu Lê, Triều Nguyễn, Cách mạng tháng Tám năm 1945, chiến dịch Điện Biên Phủ năm 1954, Chiến dịch Hồ Chí Minh năm 1975, công cuộc Đổi mới, các nước láng giềng (Trung Quốc, Lào, Cam-pu-chia, Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á), các châu lục và đại dương trên thế giới, dân số và các chủng tộc chính, văn minh Ai Cập, văn minh Hy Lạp, chung tay xây dựng thế giới xanh – sạch – đẹp và thế giới hoà bình.

+ Năng lực tìm hiểu Lịch sử và Địa lí: sưu tầm được tài liệu, viết bài giới thiệu và kể lại cho thầy cô và các bạn về nhân vật lịch sử, sự kiện lịch sử, một thành lịch của một nền văn minh của thế giới hay đặc điểm tự nhiên một châu lục, quốc gia.

+ Năng lực vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học: vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học để thực hiện bài tập lịch sử và địa lí.

3. Phẩm chất

Thông qua bài học, HS phát triển được phẩm chất chăm chỉ (thường xuyên hoàn thành các nhiệm vụ học tập, ham học hỏi, đọc sách mở rộng hiểu biết) và trách nhiệm

(có trách nhiệm với các nhiệm vụ, vai trò được giao trong bài học, trách nhiệm với việc bảo vệ môi trường) và nhân ái (tôn trọng sự khác biệt về văn hóa và thành tựu của nền văn minh nhân loại).

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- Lược đồ hành chính châu Á.
- Lược đồ tự nhiên của Trung Quốc, Lào, Cam-pu-chia.
- Lược đồ các châu lục và đại dương trên thế giới.
- Quả Địa Cầu tự nhiên hoặc lược đồ tự nhiên thế giới.
- Bảng kiểm đánh giá đoạn văn mô tả đặc điểm tự nhiên của châu lục mà em yêu thích nhất.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

1. Hoạt động khởi động

a) Mục tiêu

Gây hứng thú cho HS, gợi nhớ kiến thức, kĩ năng đã học.

b) Tổ chức thực hiện

- ♦ *Phương pháp – kĩ thuật dạy học*: phương pháp đàm thoại gợi mở – kĩ thuật tia chớp.
- ♦ *Thời gian*: 10 phút
- ♦ *Các bước tiến hành*:
 - Bước 1: GV yêu cầu HS làm việc cá nhân, gấp sách vở môn Lịch sử và Địa lí 5 lại và trả lời câu hỏi: *Em hãy kể tên những nội dung Lịch sử và Địa lí em đã được ở các chủ đề 3, 4, 5, 6.*
 - Bước 2: HS nhớ lại kiến thức đã học để thực hiện yêu cầu.
 - Bước 3: GV tổ chức cho cả lớp thảo luận như sau: gọi lần lượt từng HS kể tên các nội dung kiến thức đã được học, mỗi HS nêu một nội dung kiến thức đã học, HS trả lời sau không được trả lời trùng câu trả lời với HS trước. GV có thể ghi câu trả lời của HS trên bảng.
 - Bước 4: GV nhận xét hoạt động của cá nhân HS và trao đổi của cả lớp để dẫn dắt vào hoạt động củng cố.

2. Hoạt động luyện tập và vận dụng

2.1. Hoạt động 1. Hệ thống và củng cố phần kiến thức lịch sử Việt Nam từ khởi nghĩa Lam Sơn đến công cuộc Đổi mới

a) Mục tiêu

Hệ thống và củng cố kiến thức về khởi nghĩa Lam Sơn, Triều Hậu Lê, Triều Nguyễn, Cách mạng tháng Tám 1945, chiến dịch Điện Biên Phủ năm 1954, Chiến dịch Hồ Chí Minh năm 1975, Công cuộc Đổi mới.

b) Tổ chức thực hiện

♦ *Phương pháp – kĩ thuật dạy học:* Phương pháp đàm thoại gợi mở kết hợp với phương pháp sử dụng phương tiện trực quan – kĩ thuật đặt câu hỏi.

♦ *Thời gian:* 20 phút.

♦ *Các bước tiến hành:*

– Bước 1: GV yêu cầu HS sử dụng kiến thức đã học để hoàn thành các nhiệm vụ sau:

+ Hoàn thành bảng về một số nét chính về lịch sử Việt Nam dưới Triều Hậu Lê và Triều Nguyễn.

+ Vẽ trục thời gian thể hiện một số sự kiện tiêu biểu của lịch sử Việt Nam từ năm 1945 đến nay.

+ Lựa chọn thông tin cho phù hợp với Triều Hậu Lê và Triều Nguyễn sau đó ghi kết quả vào vở hoặc vào giấy.

– Bước 2: HS làm việc cá nhân và thực hiện các nhiệm vụ vào vở hoặc giấy nháp.

– Bước 3: GV tổ chức cho HS thảo luận như sau:

+ GV cho HS đánh giá chéo lẫn nhau nhiệm vụ 1 dựa trên những nội dung kiến thức đã được học trước đó.

+ GV tổ chức cho HS tự đánh giá sản phẩm của mình dựa trên bảng kiểm tự đánh giá; sau đó gọi 1 – 2 HS chia sẻ lại bảng hoặc trục thời gian của mình, các bạn HS khác lắng nghe, nhận xét.

– Bước 4: GV nhận xét, đánh giá về hoạt động học của cá nhân; tự đánh giá và đánh giá lẫn nhau của cả lớp và chuẩn kiến thức.

Gợi ý sản phẩm:

+ Bảng một số nét chính về lịch sử Triều Hậu Lê và Triều Nguyễn.

STT	Triều đại	Một số nét chính về lịch sử
1	Triều Hậu Lê	– Thành lập năm 1428. – Người sáng lập: Lê Lợi. – Kinh đô: Đông Kinh (Thăng Long). – Tổ chức bộ máy nhà nước quy củ, chặt chẽ; sản xuất nông nghiệp phát triển, đời sống nhân dân ổn định. – Vẽ <i>Hồng Đức bản đồ</i>. – Ban hành <i>Quốc triều hình luật</i>. – Lập bia đá ở Văn Miếu – Quốc Tử Giám để vinh danh những người đỗ đạt. – Văn học và khoa học đạt nhiều thành tựu với các tác gia tiêu biểu như Nguyễn Trãi, Ngô Sĩ Liên, Lương Thế Vinh,...

2	Triều Nguyễn	– Thành lập năm 1802. – Người sáng lập: Nguyễn Ánh. – Kinh đô: Phú Xuân (Huế). – Ban hành <i>Hoàng Việt luật lệ</i>. – Vua Minh Mạng cải cách hành chính chia cả nước thành 30 tỉnh và 1 phủ. – Thực thi chủ quyền biển, đảo, đặc biệt là đối với quần đảo Hoàng Sa và quần đảo Trường Sa. – Tổ chức công cuộc khai hoang ở vùng ben biển đồng bằng Bắc Bộ và đồng bằng Nam Bộ, lập nên hai huyện Kim Sơn (Ninh Bình) và Tiền Hải (Thái Bình). Nhân vật tiêu biểu gắn bó với công cuộc khai hoang là Nguyễn Công Trứ, Nguyễn Tri Phương. – Vua Hàm Nghi và Tôn Thất Thuyết lãnh đạo phong trào Cần vương, trong đó tiêu biểu nhất là cuộc khởi nghĩa Hương Khê do Phan Đình Phùng lãnh đạo.
---	--------------	--

+ Trục thời gian được hoàn thành với các mốc thời gian, sự kiện cụ thể như sau:

Năm 1945: Cách mạng tháng Tám

Năm 1954: Chiến dịch Điện Biên Phủ

Năm 1975: Chiến dịch Hồ Chí Minh

Năm 1986: Đất nước Đổi mới

+ Các thông tin liên quan đến Triều Hậu Lê và Triều Nguyễn như sau:

Triều Hậu Lê: 1, 4, 5, 9, 10, 12, 13.

Triều Nguyễn: 2, 3, 6, 7, 8, 11, 14, 15, 16.

2.2. Hoạt động 2. Kể chuyện về nhân vật lịch sử hoặc sự kiện lịch sử

a) Mục tiêu

Hệ thống và củng cố kiến thức về một số nhân vật và sự kiện lịch sử tiêu biểu trong tiến trình lịch sử Việt Nam.

b) Tổ chức thực hiện

♦ *Phương pháp – kĩ thuật dạy học*: phương pháp đàm thoại gợi mở kết hợp với phương pháp kể chuyện – kĩ thuật đặt câu hỏi.

♦ *Thời gian*: 15 phút.

♦ *Các bước tiến hành*:

– Bước 1: GV yêu cầu HS sử dụng kiến thức đã học để kể lại một câu chuyện lịch sử hoặc một sự kiện lịch sử của Triều Hậu Lê hoặc Triều Nguyễn.

+ GV hướng dẫn HS kể lại câu chuyện về một nhân vật theo gợi ý sau: tiểu sử nhân vật (tên, quê quán, năm sinh,...), công lao/đóng góp của nhân vật.

+ GV hướng dẫn HS kể lại câu chuyện về một sự kiện theo gợi ý: tên sự kiện, thời gian diễn ra, diễn biến chính.

– Bước 2: HS làm việc cá nhân lựa chọn và chuẩn bị nội dung về nhân vật hoặc sự kiện lịch sử.

- Bước 3: GV tổ chức cho HS kể chuyện trước lớp, GV có thể chọn ít nhất một HS kể về nhân vật lịch sử, một HS kể về sự kiện lịch sử.
- Bước 4: GV nhận xét, đánh giá về hoạt động kể chuyện của HS theo bảng đánh giá tiêu chí.

PHIẾU ĐÁNH GIÁ KỂ CHUYỆN CỦA HỌC SINH

Tiêu chí	Mức độ 1	Mức độ 2	Mức độ 3
Bố cục	Trình bày thông tin mạch lạc, lô gic.	Trình bày thông tin còn nhầm lẫn giữa các nội dung.	Không có bố cục cho sản phẩm.
	2 điểm	1 điểm	0.5 điểm
Giọng nói, Biểu cảm	– Giọng kể chuyện to, rõ ràng. – Ngữ điệu có lên giọng, xuống giọng ở những chỗ cần thiết. – Thể hiện được cảm xúc qua cử chỉ, nét mặt, điệu bộ.	Không đạt 1 trong ba tiêu chí về hình thức sản phẩm.	Không đạt cả ba tiêu chí về hình thức sản phẩm.
	3 điểm	2 điểm	1 điểm
Nội dung	– Đầy đủ nội dung. – Sắp xếp các nội dung đúng theo lô gic.	– Còn thiếu một số nội dung. – Sắp xếp một số nội dung chưa đúng lô gic.	– Thiếu nhiều nội dung – Sắp xếp lộn xộn, chưa đúng thứ tự.
	5 điểm	3 điểm	1 điểm

2.3. Hoạt động 3. Hệ thống và củng cố phần kiến thức về lịch sử và địa lí thế giới

a) Mục tiêu

Hệ thống và củng cố kiến thức về các nước láng giềng (Trung Quốc, Lào, Cam-pu-chia, Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á), các châu lục và đại dương trên thế giới, dân số và các chủng tộc; cùng chung tay xây dựng thế giới.

b) Tổ chức thực hiện

♦ *Phương pháp – kĩ thuật dạy học*: phương pháp đàm thoại gợi mở kết hợp với phương pháp sử dụng phương tiện trực quan – kĩ thuật đặt câu hỏi.

♦ *Thời gian*: 30 phút.

♦ *Các bước tiến hành*:

- Bước 1: GV yêu cầu HS sử dụng kiến thức đã học để hoàn thành các nhiệm vụ sau:
 - + Hoàn thành bảng (theo gợi ý trang 117 SGK) về các nước láng giềng của Việt Nam.
 - + Viết một đoạn văn mô tả về đặc điểm tự nhiên cả một châu lục mà em yêu thích nhất.
 GV gợi ý một số yếu tố tự nhiên HS có thể nêu lên trong đoạn văn như địa hình, khí hậu, sông, hồ,...
- Bước 2: HS làm việc cá nhân và thực hiện các nhiệm vụ vào vở.

– Bước 3: GV tổ chức cho HS thảo luận như sau:

+ GV cho HS đánh giá chéo lẫn nhau nhiệm vụ 1 dựa trên những nội dung kiến thức đã được học trước đó.

+ GV tổ chức cho HS tự đánh giá sản phẩm của mình dựa trên bảng kiểm tự đánh giá; sau đó gọi 1 – 2 HS chia sẻ lại đoạn văn của mình, các bạn HS khác lắng nghe, nhận xét.

**BẢNG KIỂM TỰ ĐÁNH GIÁ ĐOẠN VĂN GIỚI THIỆU
ĐẶC ĐIỂM TỰ NHIÊN CỦA MỘT CHÂU LỤC MA HỌC SINH YÊU THÍCH**

STT	Tiêu chí đánh giá	Có/không
1	Em đã xác định được châu lục mà em yêu thích	
2	Em đã đưa ra được ít nhất 2 đặc điểm tự nhiên về châu lục đó	
3	Em đã nêu được chính xác về đặc điểm tự nhiên em lựa chọn miêu tả về châu lục đó	
4	Đoạn văn em viết có cấu trúc rõ ràng gồm mở đoạn, thân đoạn và kết đoạn	
5	Các câu văn của em có đầy đủ chủ ngữ, vị ngữ	
6	Đoạn văn em đã sử dụng các từ nối để liên kết các thành phần của câu và đoạn văn	
7	Em mắc ít hơn 2 lỗi ngữ pháp và chính tả trong đoạn văn	

– Bước 4: GV nhận xét, đánh giá về hoạt động học của cá nhân; tự đánh giá và đánh giá lẫn nhau của cả lớp và chuẩn kiến thức:

Bảng thông tin về các nước láng giềng của Việt Nam:

Đặc điểm	Trung Quốc	Lào	Cam-pu-chia
Địa hình	Miền Đông có địa hình chủ yếu là núi thấp và nhiều đồng bằng châu thổ rộng lớn Miền Tây gồm các dãy núi cao, sơn nguyên đồ sộ xen lẫn các bồn địa	Chủ yếu là núi và cao nguyên	Chủ yếu là đồng bằng
Khí hậu	Miền Đông có khí hậu thay đổi theo chiều bắc – nam, từ ôn đới sang cận nhiệt. Miền Tây có khí hậu khắc nghiệt, mưa ít.	Khí hậu nhiệt đới gió mùa	Khí hậu cận xích đạo
Số dân (năm 2021)	Hơn 1,4 tỉ người	Khoảng 7,5 triệu người	Khoảng 15,7 triệu người
Công trình kiến trúc tiêu biểu	Vạn Lý Trường Thành – Cố cung Bắc Kinh	Cánh đồng Chum Luông Pha-băng Thạt Luổng	Ăng-co Vát Ăng-co Thom Đền Bay-on

*Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam xin trân trọng cảm ơn
các tác giả có tác phẩm, tư liệu được sử dụng, trích dẫn trong cuốn sách này.*

Chịu trách nhiệm xuất bản:

Chủ tịch Hội đồng thành viên kiêm Tổng Giám đốc NGUYỄN TIẾN THANH

Chịu trách nhiệm nội dung:

Tổng biên tập PHẠM VINH THÁI

Biên tập nội dung: TRẦN ĐÌNH PHIÊN – NGUYỄN THỊ HOÀI THU

Thiết kế sách: NGUYỄN HỒNG SƠN

Trình bày bìa: ĐINH THANH LIÊM

Sửa bản in:

Chế bản: CÔNG TY CP DỊCH VỤ XUẤT BẢN GIÁO DỤC HÀ NỘI

Bản quyền thuộc Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam

*Tất cả các phần của nội dung cuốn sách này đều không được sao chép, lưu trữ,
chuyển thể dưới bất kì hình thức nào khi chưa có sự cho phép bằng văn bản
của Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam.*

KẾ HOẠCH BÀI DẠY MÔN LỊCH SỬ VÀ ĐỊA LÍ LỚP 5

Mã số:

In cuốn (QĐ), khổ 19 x 26,5cm.

In tại Công ty cổ phần in

Số ĐKXB:/CXBIPH/...../GD

Số QĐXB: / QĐ-GD ngày ... tháng ... năm

In xong và nộp lưu chiểu tháng năm

Mã số ISBN: 978-604-